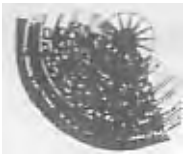




VĂN HOÁ VIỆT NAM

số bảy mươi lăm o mùa đông 2016

- 1 o MỤC LỤC
- 2 o THƯ TOÀ SOẠN * VHVN
- 4 o SỔ TAY VĂN HỌC: o XƯA EM GẤP MIẾNG THỊT GÀ
o NHẢNH LIỄU RỪ KIỀM CƯỜNG TRƯỚC GIÓ * GS Đoàn Xuân Thu
- 16 o CHẾ THẮNG PHU NHÂN XẢ THÂN CỨU VUA
VÀ CỨU QUÂN (*khảo luận*) * GS Tạ Quốc Tuấn
- 30 o NHỮNG ĐOÀN KHÚC THIÊN THI o TÌNH CŨNG
VỀ THEO NẮNG CUỐI HÈ (*thơ*) * Kiều Mộng Hà
- 32 o QUÊ NGƯỜI NHÌN LẠI
THỜI THƠ ẤU (*quê hương trong trí nhớ*) * Huy Lực Bùi Tiên Khôi
- 45 o NGỌN NÉN LUNG LINH (*truyện*) * Nguyễn Nhung
- 56 o QUÊ HƯƠNG MÌNH ĐẬU MẮT HỒI TRĂNG ƠI
TRĂNG ƠI o NƯỚC NÀO CŨNG CHẢY XUÔI ... (*thơ*) * Trần Văn Lê
- 58 o MƯA TỪ ĐẤT MƯA LÊ (*cảm bút*) * Ngọc Ánh
- 61 o HOÀNG HẠC LÂU VỚI CỤ NGUYỄN DU và CỤ PHAN
THANH GIẢN o HOÀNG HẠC LÂU VỚI CÁC THI SĨ
VIỆT NAM (*chuyện văn chương*) * Đỗ Chiêu Đức
- 71 o BIÊN TRỜI LAI LẮNG (*truyện*) * GS Nguyễn Văn Sâm
- 86 o TÌM HIỂU CÁC DI BẢN NGÀY NAY CỦA ANH NGŨ
TIÊU CHUẨN (*ngiên cứu*) * Tiến sĩ Đàm Trung Pháp
- 94 o MÓN QUÀ GIÁNG SINH (*quanh cuộc sống chúng ta*) * Trần Bang Thạch
- 101 o THÂM TÌNH VẾT ĐẬM (*thơ*) * Thy Lan Thảo
- 102 o TIẾNG THU (*thơ*) * Mailoc
- 103 o CHUẨN BỊ HẬU SỰ CHO CÁC LÃO NHƠN
(*quanh cuộc sống chúng ta*) * Nguyễn Hữu Chi
- 116 o TÌM MÀU THỜI GIAN (*cảm bút*) * Dương Ấu Oanh
- 121 o CHUYỆN NÀNG VASHTI (*truyện phóng tác*) * Trần Hồng Văn
- 131 o ĐÈN MÙ U (*thơ*) * Huyền Vân Thanh
- 133 o NHÂN QUẢ BÁO ỨNG - kỳ 2 - (*văn học chữ Nôm*) * Nguyễn Văn Sâm
- 140 o ÂM HƯƠNG MÙA THU... (*chuyện văn chương*) * Tùng Nguyên
- 151 o CẢM NHẬN VỀ BỨC TRANH "ĐI VÀO CUỘC CHIẾN"
CỦA HOẠ SĨ JULIA HÀ TRẦN (*nghệ thuật*) * Thương Nguyễn
- 157 o THUẬN THỐI, CON ĐƯỜNG KỶ NIỆM (*truyện*) * Nguyễn Thị Gấm
- 162 o CHÚA NHẬT NÀY TRĂM NHỚ
ÁI KHANH KHÔNG? (*truyện*) * Diễm Phượng
- 170 o PHẬT NÓI KINH DI ĐÀ * GS Lê Văn Đặng
- 180 o DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN ỦNG HỘ TẠP CHÍ * VHVN
- 181 - 184 o GIỚI THIỆU CƠ SỞ ỦNG HỘ TẠP CHÍ VHVN... * VHVN



THƯ TOÀ SOẠN

Tạp chí Văn Hoá Việt Nam số 75 mùa Đông 2016 đến tay bạn đọc là kết quả cuộc bầu cử Tổng Hoa Kỳ ngày 8 tháng 11-2016 đã kết thúc. **Ứng cử viên Donald Trump của đảng Cộng Hoà** sau khi đánh bại ứng cử viên Hillary Clinton của đảng Dân Chủ với tỷ lệ phiếu cử tri đoàn 290 - 228, đã **chánh thức Đắc cử Tổng Thống thứ 45 của Hoa Kỳ trong nhiệm kỳ 4 năm**, sẽ làm lễ tuyên thệ nhậm chức ngày 20 tháng 01-2017. Được biết, dù phiếu phổ thông của Bà Hillary Clinton đạt đến 60,274.974 và Ông Trump 59,937.338 phiếu, nhưng chung cuộc Đảng Cộng Hoà đã thắng áp đảo Đảng Dân Chủ ở những chiếc ghế sinh hoạt chính trị Hoa Kỳ: Hạ Viện (239 - 192, cần 218 ghế để chiến đa số); Thượng Viện (51 - 48, cần 50 ghế để chiến đa số); Thống đốc Tiểu bang (33 - 15)... Theo Reuter, Đảng Cộng Hoà chánh thức giành quyền kiểm soát ở cả Thượng Viện và Hạ Viện. Tân Tổng thống Donald Trump sẽ làm gì với lời cam kết **"lập một chính phủ mới, của dân, do dân, vì dân"**, mà ông giải thích **"Đây là một hợp đồng giữa Donald Trump và các cử tri Mỹ và điều này sẽ khởi sự với việc buộc chính quyền trở nên tử tế và có trách nhiệm"** và ông khẳng định **"đây là cam kết của tôi đối với quý vị"**, khi phát biểu lịch trình làm việc 100 ngày đầu của Tổng Thống Trump nếu ông đắc cử, tại buổi tập trung đông đảo cử tri ở thành phố Gettysburg tiểu bang Pennsylvania hôm thứ bảy 22 tháng 10-2016. Cuối cùng thì mẫu chốt cơ bản cho thấy **"chính những chính sách của ông Obama trong hai nhiệm kỳ qua là thứ vũ khí quan trọng mà ông Donald Trump đã sử dụng để lôi kéo, vận động người dân ở các tiểu bang quan trọng rời bỏ đảng Dân Chủ, bỏ phiếu cho mình và giành thắng lợi ngoài dự đoán"** như một bình luận viên chính trị đã phát biểu. Trong khi có câu hỏi của nhiều cử tri không lời đáp **"Hai sự kiện diễn ra mười ngày trước khi bỏ phiếu phải chăng ảnh hưởng đến cuộc tranh cử lịch sử này?"**. Với bốn phận và quyền lợi của một công dân Hoa Kỳ, dù ai ủng hộ hay không ủng hộ khi sử dụng lá phiếu cử tri của mình, **chung cuộc, chúng ta hãy chấp nhận kết quả bầu cử, củng cố niềm tin và tình yêu đối với đất nước, hướng về tương lai tươi đẹp luôn ở phía trước**. Cuộc chạy đua vào Toà Bạch Ốc của hai ứng cử viên có lúc đến "nảy lửa" và "không bắt tay nhau", nhưng ngay khi biết kết quả, và mình thua cuộc, Bà Hillary Clinton đã gọi điện thoại Chúc Mừng người thắng cuộc Donald Trump; đồng thời cảm ơn những người đã từng ủng hộ bà. Bà đã nói: **"Tôi cảm ơn rất nhiều tất cả các bạn. Tôi cũng yêu tất cả các bạn. Đem qua tôi đã chúc mừng Donald Trump và đề nghị làm việc cùng ông ấy vì lợi ích của đất nước. Tôi hy**

vọng rằng ông ấy sẽ là một tổng thống thành công của tất cả người Mỹ". Chỉ có ở đất nước Tự Do Hoa Kỳ này mới thấy được những hình ảnh và tinh thần vì quốc gia dân tộc cao đẹp như vậy. Tất cả đều vì quyền lợi tối thượng của nước Mỹ, của người dân Mỹ mà thôi.

Những tháng mùa Đông có nhiều ngày Lễ Hội nhất: Columbus Day, Halloween, Veterans Day, Thanksgiving Day, Christmas... và đón ngày đầu năm. Trong đó có ngày Thanksgiving - ngày Lễ Tạ Ôn - một trong những ngày lễ quan trọng mà người dân Hoa Kỳ hành xử một cách thiêng liêng, cũng như người dân Đông phương - trong đó có dân tộc Việt Nam chúng ta có một nguồn gốc văn hiến lâu đời, đã có những câu thành ngữ, tục ngữ - ca dao nhằm nhắc nhở lòng biết ơn đó. Làm sao chúng ta quên được câu **"ăn trái nhớ kẻ trồng cây", "uống nước nhớ nguồn"**?. Trong kho tàng văn hoá dân tộc, chúng ta còn không biết bao nhiêu tác phẩm văn chương tuyệt tác, những lời hay ý đẹp mà tiền nhân qua kinh nghiệm sống đã truyền lại, mang tính giáo dục và tôn trọng đạo lý làm người mà mỗi chúng ta, ít nhất trong cuộc đời này đều có dịp học qua và biết đến không ít thì nhiều. Ngày Lễ Tạ Ôn trên đất nước Hoa Kỳ cũng đậm màu sắc đạo lý như thế, chúng ta dễ dàng cảm thông và chia sẻ cái đạo lý thâm sâu hầu như thấm nhuần trong trái tim mình. Dịp này, chúng tôi xin lặp lại những dòng sau cuối của thư Toà Soạn những mùa Đông năm trước để nhắc nhở chính mình: **"Hãy nhớ Tạ Ôn Người. Đó là "Cám ơn sự sống. Cám ơn cho những nụ cười. Cám ơn cho sự tin cậy lẫn nhau. Cám ơn cho những giọt nước mắt. Cám ơn vì được chia sẻ. Cám ơn về sự yên ổn trong gia đình. Cám ơn cho hạnh phúc. Cám ơn cho sức khoẻ. Cám ơn cho niềm tin. Cám ơn cho mỗi tình thân".** Bởi vì **"đã đến lúc nên tự nhắc nhở rằng mình đã nhận được những điều cao cả và nói lời cám ơn, tự đáy lòng, vì nó thật đáng yêu, đáng quý và phải cám ơn người"**. Cho nên những dòng cuối thư toà soạn, chúng tôi muốn dành để nói lời **cám ơn đến tất cả các Văn Thi Hữu trong BBT và toàn thể cộng tác viên; cám ơn các cơ sở ủng hộ quảng cáo thường xuyên, các vị mạnh thường quân và bạn đọc xa gần ủng hộ dài hạn... để tạp chí Văn Hoá Việt Nam còn có mặt bước sang năm thứ mười chín như hôm nay.** Chúng tôi cũng dành phút **tưởng niệm và thương nhớ đến các văn thi hữu đã vĩnh viễn rời xa khỏi cuộc sống này** mà chúng tôi trang trọng ghi nhận trên bìa 2 mỗi kỳ của tạp chí.

Tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM số 76 phát hành mùa Xuân 2017 nhất định sẽ có mặt vào cuối tháng Ba 2017. Bài viết cho số Bảy Mười Sáu sẽ kết thúc nhận vào đầu tháng Hai 2017. Mời quý vị cộng tác bài vở, đón đọc và giới thiệu nhiều người cùng đọc và ủng hộ tạp chí của chúng ta.

Tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM

SỞ TAY VĂN HỌC



ĐOÀN XUÂN THU

(Melbourne - VIC - Australia)

I

"XƯA EM GẤP MIẾNG THỊT GÀ!"

Thưa bà con! Giống như người Tàu ở Hong Kong, ở Macau, người Tàu ở miền Nam Việt Nam mình, nhứt là ở Chợ Lớn, đa số nói tiếng Quảng Đông (Cantonese), kể đến mới tới tiếng Triều Châu; chứ không nói tiếng Quan Thoại, (Mandarin), tiếng Phổ Thông, trừ ra những ai có đi học trường Tàu mới biết.

Dân Sài Gòn thường chê những người ưa nói Thánh nói Tướng; nói Trời nói Đất; nói không đâu vào đâu là: "*Đồ nói Quảng nói Triều!*"

Bà con người Việt rặt ri mình vốn tánh xởi lởi, không xét nét nhỏ mọn, chi li: ai là người Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam hay Khách Gia (người Họ) gì hết ráo. Mà gọi chung là: Các Chú, Chệt hoặc Ba Tàu.

(Đất lành chim đậu mà! Đến đây thì ở lại đây... Bao giờ bén rễ xanh cây... hết về...)

Đàn ông thì mình gọi là Chú Ba; đàn bà thì mình gọi là Thiêm Xâm. Chú Thiêm hết ráo coi như ai cũng bà con hết trơn hết trọi hè!

Thưa sau này lưu lạc tới những nước nói tiếng Anh, câu chào hỏi đầu tiên là về thời tiết như *Good morning! Good afternoon! Good evening!*

Úc (vua làm biếng) chỉ *Gday* (Good day) khởi cần sáng trưa chiều gì cho nó mắc công!

Người Việt mình thì chú trọng về sức khỏe về tinh thần cũng như về vật chất nên gặp nhau thì: “*Độ rày có phở hông?*”

Phở này cũng nhiều nghĩa, phở là có đau bệnh gì không? Mà phở cũng có nghĩa là làm ăn có đồng vô đồng ra đều đều hay không?

Riêng người Tàu (đâu cũng vậy): “*Ăn cơm chưa?*”

Có thể suốt từ thời lập quốc tới giờ, người Tàu bị nạn đói cơm rách áo hoành hành nên bị ám ảnh triền miên về cái ăn hay chẳng?

Và chắc cũng chính vì vậy mà người Tàu luôn đề cái thú ẩm thực đứng hàng đầu, “số dzách” Nên mới có câu: “*Thực tại Quảng Châu, Y tại Hàng Châu, Thú tại Tô Châu, Tử tại Liễu Châu*” (*Cơm ngon ăn tại Quảng Châu, Áo đẹp may vải Hàng Châu, Vợ xinh đẹp cưới ở Tô Châu, Hòm chết chôn không bao giờ mục ở Liễu Châu*).

Quảng Châu chính là thủ phủ của tỉnh Quảng Đông đó!

Như vậy người Quảng (Đông) là trùm về ăn uống. Vô Chợ Lớn ghé một tiệm ăn là: “*Hầm bà lằng ký tó?*” (Tất cả hết bao nhiêu?) (broken Cantonese!), là phổ ky nó biết mình xạo... Dốt mà bày đặt nói tiếng của ngộ nhe! He he!

Ồi nhớ xưa! Tía của người viết có lần trúng xổ số kiến thiết quốc gia (giúp đồng bào ta xây cửa xây nhà)... bèn dắt lóc nhóc một đám vợ cùng con đi ăn cơm Tàu trong Chợ Lớn.

Gọi là ăn cơm thố (chung cách thủy gạo trong thố). Canh hàng chục loại khác nhau, chỉ khác rau cải, heo gà nhưng có cùng chung một loại nước súp cho nó tiện, gọn bần hê!

Sau này, qua Úc, biết bao lần đi ăn đám cưới, trong thực đơn bao giờ cũng có món cơm chiên Dương Châu cũng từ Quảng Đông.

Khởi thủy đây chỉ là đồ dư thừa của bữa tiệc hôm trước được gom vô, chiên lại.

Cơm là cơm nguội, thêm lạp xưởng, trứng chiên, đậu Hòa lan, hành lá... còn dư được xắt lát rồi trộn với cơm mà chiên lên!

Bà con người Việt mình cũng có cái tánh tằn tiện như người Quảng đó thôi. Sau đám cưới, đám giỗ quây gì đó, thịt thà còn sót

lại đổ hết vô một nồi gọi là xà bần... để dành ăn dần... cho tới Tết Congo... mới hết!

Thưa mới đây tui đọc báo thấy bài về Elizabeth Phu, cố vấn cho Tổng Thống Mỹ về an ninh Đông Á đã thắp tùng Barack Obama trở lại đất Sài Gòn mà 36 năm trước đã từng là một thuyền nhân mới lên 3 tuổi...

Phu mà có báo viết là Phú nên người viết tò mò muốn tìm hiểu thêm. Thì ra là Phù, viết tiếng Mỹ nên bị văng mất cái dấu huyền thành Phu! Máy tay nhà báo bá xí ba tú thêm vô dấu sắc thành Phú!

Họ Phù gốc Đường Sơn trong lục địa Trung Quốc, rồi ra đảo Hải Nam, sống cũng không nổi nên phải tha phương cầu thực qua nước Việt của mình và các nước khác trong vùng Đông Nam Á!

Họ Phù coi tên lót rất quan trọng; vì cho biết người ấy thuộc đời thứ mấy, vai lớn nhỏ, có tôn ti trật tự đảng hoàng trong giòng họ.

Tên lót hiện thời là Phù Khí hay Phù Thọ là đời thứ 32. Phù Chí hay Phù Quốc là đời thứ 33. Tức cả ngàn năm nữa mới tới đời thứ 66 là hết.

Sau đó nếu chưa tận thế thì bà con họ Phù họp lại tại bản thổ là Đường Sơn để làm thơ, đặt tiếp... Cái chuyện đó còn lâu mà!

Nhưng lý thú hơn là, người Hải Nam, họ Phù, có món com lừng danh trên chốn giang hồ từ Hải Nam tới Hong Kong, Ma Cau, Việt Nam, Thái Lan, Mã Lai cho tới tận Singapore (coi món com này là quốc bảo). Đó là com gà Hải Nam.

Dân Hải Nam thì mừng Hai và Mươi Sáu âm lịch thường cúng gà, cúng bà La Sơn Thánh Mẫu. Không có thịt gà là không thành yến tiệc!

Com gà là phải có gà. Mà gà Văn Xương mới được, thả trên đồi cho ăn hạt cây, sâu bọ và củi dứa! Sau 4 tháng thì bắt về nuôi trong chuồng thêm 2 tháng nữa để vỗ béo bằng bã đậu phộng, gạo và khoai nấu lẫn với nhau. Gà ú nu nhưng ít mỡ, ít cholesterol.

Gạo tám thơm vo sạch đổ vào nồi, sau đó cho thêm một ít mỡ gà, tỏi phi thơm vào khuấy đảo cho đều, rồi đổ nước luộc gà vào nấu, khi nấu chín hạt com săn chắc, bóng dầu, chớ không có nở tồ ẻo, thơm phức...

Nước chấm được pha chế với nãm đông cô, tỏi băm nhuyễn, gừng cà nhuyễn, gia vị thêm tiêu, ớt đường, dấm, các vị mặn, ngọt, chua tùy ý thích mà nêm nếm!

Dưa chua ăn dặm thêm cho đỡ ngán gồm su hào, đu đủ và dưa cải...

Cơm gà Hải Nam theo đầu bếp họ Phù cũng tha phương cầu thực! (Bán cơm để có cơm mà ăn!). Đến mỗi nơi đổi một chút cho hợp với khẩu vị của người địa phương!

Đến Sài Gòn, vào Chợ Lớn, Cơm gà Siu Siu Hải Nam cũng danh trấn giang hồ trên đường Nguyễn Duy Dương (tức Thiên hộ Dương, một đầu lĩnh nghĩa quân kháng Pháp ở Đồng Tháp Mười) gần Chợ An Đông.

Những đĩa thịt gà vàng óng, những đĩa cơm gà nóng bốc khói, một đĩa đùi gà thêm vài ba cái phao câu và một đĩa gồm gan, mê, lòng, mười quả trứng non bé bé xinh xinh màu vàng ngậy!

Thực khách (hơi có tiền một chút) uống lave đầu con cạp hay bia 33 là cha thiên hạ rồi!

Nghề chặt thịt, ông chủ tiệm kiêm đầu bếp tiệm cơm đã quen tay, coi giống như là ông đang múa võ; còn hay hơn là Vương Vũ hay Khương Đại Vệ, Địch Long, Trần Tinh hay Sơn Điền Bảo Chiêu múa mã tấu Tàu hay kiếm Nhựt trong phim kiếm hiệp Hong Kong thuở ấy.

Con gà bóng mỡ nằm giữa trên thớt. Một nhát dao chặt cái búp trên bụng, phân hai. Rồi phập phập! Hai cái đùi gà văng ra. Bốn đầu ngón tay trái chặn cái đùi gà! Rồi Phập! Phập! Bốn ngón tay lùi tới đầu con dao phập sát tới đó. Phập! Phập! Phập! Xong!

Xúc bằng yếm dao những miếng gà đều đặn, sắp hàng gọn ghẽ lên một chiếc đĩa trắng, rắc một ít hành lá lên trên cùng với những chén cơm gà nóng vàng ngậy, bốc khói, thêm hai thứ nước chấm: một chén xì dầu có những lát ớt đỏ và một chén gừng băm trộn dấm.

(Nghề chặt thịt siêu đến nỗi có thằng nhỏ bị tật nói lắp, tức cà lăm, đến: “*Bán... cho tui... ui... một đĩa cơm gà... à...!*”)

Phập phập. Thằng nhỏ chưa dứt câu là mấy cái đùi gà đã xếp hàng ngay ngắn như lính sắp hàng chờ duyệt binh trên đĩa cơm còn bốc khói “*Xong rồi Tưng! Hà cái lầy rình về cho Tía mày nhậu đi!*”

Thưa bà con! Ông bà mình thường nói nhứt nghệ tinh nhứt thân vinh! Bất cứ nghề nào mà giỏi là giàu có mấy hời. Nhất là nghề ẩm thực. Chỉ cần vốn ít, ngày nào cũng xoay xong một vòng hết ráo. Sáng mua, bán tới chiều. Tối gom tiền lại, gấp 2, 3... hời sáng!

Nên xin đừng nghĩ kiểu xưa là: “*Sĩ, Nông, Công, Thương*”. Anh thương mãi bao giờ cũng đứng chót mà trật bàn đạp...

Người Tàu tha hương giờ đi khắp thế giới nhiều đến nỗi bà con mình thường nói: “*Đâu có khói là nơi đó có người Tàu!*” Khói là từ bếp của một tiệm ăn nào đó của họ, vươn lên trời xanh mời gọi khách đường xa trong một buổi chiều đói bụng quá ta!

Ghé một tiệm cơm gà Hải Nam trên dọc đường gió bụi, ăn một mình. Gọi đĩa cơm, kèm theo một chai bia! Ăn xong, no bụng rồi mới xực nhớ là em yêu ở nhà phải ăn cơm với nước mắm kho quẹt quanh năm suốt tháng mà cảm thấy lương tâm mình cắn rứt! Nỡ lòng nào: Hột muối chia hai, mà cục đường anh lúm hết vậy cà?

Làm ăn chí thú, nên dầu chiến tranh ì ì như vậy mà ông chủ tiệm cơm gà Hải Nam Siu Siu này phát lên thấy rõ.

Từ một cái quán nhỏ tí teo như trái dưa leo giờ ông hết nghèo, chơi trèo, mua một hơi 3 căn nhà sát nhau trong một dãy phố đường Nguyễn Duy Dương thành một nhà hàng bán cơm gà Hải Nam thật lớn.

Khá rồi nhưng vẫn không phụ nghĩa tình xưa, cái quán cơm Siu Siu thuê đầu hẻm, bàn ghé phải bày ở hàng hiên, vẫn còn nơi mà những khách quen từng lui tới biết chỗ để tìm về kỷ niệm, dặt em yêu hay má bày trẻ cùng sắp nhỏ đi ăn thuê ấy.

Theo như người biết chuyện, nhà văn Nguyễn Tường Thiết (con trai út của nhà văn Nhất Linh) vốn là hàng xóm sát vách với tiệm cơm Siu Siu, bùi ngùi kể lại! Cho đến khi CS vào chiếm Sài Gòn, Chợ Lớn. Đánh tư sản mại bản hai, ba đợt. Những quán cơm gà của một đời cần lao, tay làm hàm nhai bỗng bay vào tay bọn cướp.

Tháng Sáu, năm 1978, ông chủ quán cơm gà Hải Nam Siu Siu và toàn gia đình vợ con đành dứt ruột bỏ tất cả để ra đi.

Ra khơi, tàu chìm. Gần trăm người trên tàu không một ai còn sống; chỉ sót một mình ông Siu Siu, bám vào một tấm ván theo sóng biển bập bênh trôi, tấp vào bãi biển Bến Tre.

Ông Siu Siu sau đó nghĩ quần riết rồi... thành người mất trí. Không còn vợ con; không còn nhà cửa; không còn quán cơm Siu Siu ngày cũ.

Xưa ông bán cơm để làm người ta ăn no. Giờ cay nghiệt thay ông lại đói!

Phải ngửa tay xin từ gói xôi, gói bắp của những người qua đường để sống lây lất trước hàng hiên của chính căn nhà mình năm cũ.

Mất Sài Gòn là ông Siu Siu mất hết; là chết!

Quán cơm gà Hải Nam Siu Siu gần Chợ An Đông ngày xưa đã không còn nữa nhưng trong kỷ niệm của người Sài Gòn, của người viết đây, vẫn còn sống riết, bám chặt vào tâm tưởng!

Nhớ ngày nào đôi ta còn rất trẻ, mới quen nhau, anh dắt em yêu ra quán cơm Siu Siu (ngày cũ). Em yêu khẽ khàng vén nhè nhè tay áo dài, gấp miếng thịt gà vàng ươm từ trên đĩa, chấm miếng nước mắm gừng bỏ vào chén cho anh.

(Dẫu bây giờ sau biết bao năm mặn nồng hương lửa, giờ em chỉ gấp cho em. Còn anh? Anh đành gấp cho anh vậy!).

Nhưng kỷ niệm thời mới yêu nhau tràn về như sóng làm anh độ lượng mà tha thứ cho cái tật bỏ bê tình cũ của em yêu! “Xưa em gấp miếng thịt gà. Gừng cay muối mặn tình già cũng (hồng quên!)” Hu hu!

II

NHÀNH LIỄU RŨ KIÊN CƯỜNG TRƯỚC GIÓ



Thưa thành phố San Francisco, hồi xưa bà con mình hay gọi là Cựu Kim Sơn, là một trung tâm văn hóa và tài chính hàng đầu về phía Bắc của tiểu bang California, Hoa Kỳ.

San Francisco (tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là "Thánh Phanxicô")

Con sốt đi tìm vàng ở California vào năm 1849, đã biến nó thành thành phố lớn nhất trên miền Tây Duyên hải Hoa Kỳ vào thời điểm đó.

Năm 1906, ba phần tư thành phố bị động đất tàn phá và đám cháy rất lớn đã bùng lên, thiêu rụi hơn 28 ngàn tòa nhà, khiến hơn 225 ngàn người trong 400 ngàn cư dân không nơi trú ẩn.

Ngày nay, San Francisco rộng tới 121 cây số vuông, là thành phố đông dân thứ tư tại tiểu bang California, sau Los Angeles, San Diego và San Jose, đứng thứ 14 trong các thành phố đông dân nhất tại Hoa Kỳ với hơn 825.863 người.

Mật độ dân số 6.803 người chen chúc trên một cây số vuông, chỉ sau Thành phố New York.

San Francisco mùa hè mát mẻ, đôi khi có sương mù, đôi lúc trùng điệp, kiến trúc đa dạng, nhiều danh lam thắng cảnh trong đó có cầu Golden Gate, xe chạy bằng dây cáp, nhà tù xưa trên đảo Alcatraz và khu Phố Tàu.

Và cũng tại cái Chinatown này một tờ báo địa phương vừa đi một bài viết rất cảm động của một nữ phóng viên viết về một phụ nữ Việt Nam đã lớn tuổi!

Làm chúng ta nhớ tới bài hát: 'San Francisco!'

"If you're going to San Francisco/Be sure to wear some flowers in your hair/You're gonna meet some gentle people there!"

(Nếu đến San Francisco, hãy nhớ cài hoa trên tóc; vì bạn sẽ gặp những người rất đáng yêu ở đó!)

Thưa! Trong mục "The regulars" (Những chuyện bình thường), nhà báo có kèm theo một đoạn video tên là *Suu the Street Sweeper*. Suu là viết theo tiếng Mỹ, không bỏ dấu. Còn có bỏ dấu thì là Sưu. Sưu là một người phụ nữ Việt Nam, tên đầy đủ là Ngô Thị Sưu. Tên Sưu vì bà sanh năm Kỷ Sưu, 1949, năm nay 67 tuổi.

Video *Sưu*, người quét đường của báo *Francisco Chronicle*

vào ngày mùng Một, tháng Tám vừa qua, đã được tới 2.6 triệu lượt người xem và được chia sẻ tới 27 ngàn lần, lan truyền trên mạng xã hội Facebook.

Bà Sừ khiêm tốn: *"Mọi người bảo tôi giống ngôi sao điện ảnh. Không đâu, tôi không phải là ngôi sao điện ảnh, chỉ là phim ảnh quét dọn đường phố mà thôi."*

Đó là một cận ảnh của một người phụ nữ Việt Nam chịu nhiều bi kịch trong cuộc đời, từ cuộc chiến tranh Việt Nam cho đến lúc định cư tại đất nước Hoa Kỳ, nhưng vẫn chịu thương, chịu khó, vẫn đứng vững như một nhành liễu rũ kiên cường trước gió!

Chồng bà vốn làm việc cho Tòa Đại sứ Mỹ và đã quay trở lại Hoa Kỳ vào năm 1970, bỏ lại người vợ Việt Nam, một đứa con trai và đứa con gái chưa kịp chào đời.

Năm 1985, một mình dắt hai đứa con đến Mỹ! Bà đã không đi thêm bước nữa, mà ở vậy nuôi con ăn học.

Chỉ sau ba tháng học tiếng Anh, rồi suốt hơn 23 năm trời rông rã làm việc cho các nhà hàng để nuôi con, để gửi tiền về Việt Nam nuôi một mẹ già đã 97 tuổi.

Bà Sừ nói ít tiếng Mỹ, từ vựng rất đơn giản, rõ ràng và dễ hiểu! (Mỹ nó gọi là 'broken English', nghĩa là nói tiếng Anh không lưu loát!)

Chân dung của Bà Sừ phác họa trong đoạn video cho thấy: Đó không những là một người phụ quét đường bình thường và cần mẫn mà cũng còn là một bà ngoại dững cảm, tự mình nuôi dạy ba đứa cháu sau khi người con gái đã qua đời ở tuổi mới 33.

Lấy di ảnh của con gái trên bàn thờ xuống, dùng chiếc khăn lau khung kiếng rồi rom róm nước mắt, bà Sừ kể lại:

"Chồng nó giết nó chết khi nó chỉ mới 33 tuổi rồi phải đi tù gần tới 40 năm!"

Lần theo bi kịch này thì sáng ngày 22, tháng Tư, năm 2003, tại thành phố Garland, tiểu bang Texas, con gái của bà ra xe để đi làm thì người chồng cũ, vừa mới vừa ly dị xong vài tuần trước, sau 16 năm chung sống và có 3 con, đã rình rập rồi dùng búa đập chết khi cô ấy ngồi vào tay lái.

"Tôi không biết tại sao nó lại muốn giết con tôi?! Con gái tôi không phải là người gây nên chuyện. Chẳng qua chồng cũ của"

nó muốn cưới một đứa khác ở Hà Nội! Vậy là con tôi nó muốn thôi; không sống chung nữa!

Nhưng thằng chồng cũ của con gái tôi đã rình rập và đe dọa nó. Con tôi đã khóc vì rất sợ; không biết mình phải làm gì bây giờ? Rồi cuối cùng nó bị giết chết một cách rất dã man!

Ba nó hồi xưa làm việc cho Tòa Đại sứ Mỹ vào năm 1970, rồi được chuyển về lại Hoa Kỳ trước khi con gái tôi chào đời 4 tháng.

Khi đã lập gia đình và có con, con gái tôi đã cố tìm cho được cha ruột để báo cho ông ấy biết là đã có mấy đứa cháu ngoại vào 3 năm trước khi nó bị giết.

Đứa em gái cùng cha khác mẹ với nó đã dự định gặp nhau vào tháng Sáu năm 2003. Giờ đã trễ!"

Sau bị kịch đó, ba đứa cháu còn thơ dại. Mẹ bị giết, cha phải đi tù. Một gia đình tan vỡ vì nỗi cuồng ghen!

Về đâu? May mắn thay còn bà Ngoại. Vì tục ngữ cũng có câu: "Nhất mẹ nhì cha, thứ ba bà ngoại".

Bà Sứ đã bay xuống Dallas rước đám cháu ngoại của mình về San Francisco để nuôi dưỡng.

Sau 23 năm phụ việc cho nhà hàng, cảm thấy ông chủ không tôn trọng mình đúng mực, bà Sứ nghỉ làm! Rồi thay vì đến nhà hàng khác để tiếp tục làm bồi bàn thì bà lại đến hội đồng thành phố San Francisco xin việc.

"Tôi cần tiền nuôi đám cháu mồ côi của tôi. Làm ơn cho tôi một công việc làm, bất cứ việc gì! Tôi có thể chùi rửa cầu tiêu cũng được!"

"Có chắc là bà muốn công việc làm vệ sinh, quét rác trên đường phố hay không? Có thể một, hai, tuần?"

"Vậy là họ muốn tôi ngay!"

"Là một người mẹ rồi bây giờ là một người bà đơn thân thực rất khó khăn nhưng tôi can đảm! Trời Phật phù hộ nên tôi có thể làm được điều đó."

"Đám cháu tôi rất ngoan hiền. Chúng đi học, đi làm, rồi về nhà ngay. Không quậy phá. Không gây gì rắc rối. Tôi thương yêu chúng lắm.

Tôi không bao giờ bỏ cháu tôi... Không bao giờ!"

Trong một căn chung cư ở tầng sáu có nuôi một con chó nhỏ tên Ellie, bà ngồi ngó ra ngoài cửa sổ, thấy người bộ hành nhỏ như kiến đi tới đi lui.

Một ngày bắt đầu bằng nấu bữa ăn sáng trên một cái bếp ga cho mình và ba đứa cháu, bà mặc chiếc áo bảo hộ màu vàng của công nhân vệ sinh, xách túi ra khỏi nhà, lên xe bus rồi xe lửa để bắt đầu vào ca làm việc lúc 11 giờ sáng.

Sở Công Chánh của thành phố San Francisco gồm 1200 nhân viên, có nhiệm vụ chăm sóc, duy tu, bảo dưỡng, giữ vệ sinh cho đường phố.

Bà Sừ quét rác, bắt đầu từ giao lộ của đường số Chín và dọc đường Irving St. trong Chinatown.

Công việc khá vất vả! Đây một thùng đựng rác có bánh xe, với cái chổi và đồ hút rác đi quét, nhặt rác, nhặt tàn thuốc. Đôi khi còn làm thêm những việc ngoài bổn phận của mình như nhổ sạch cỏ dại mọc trên lối đi.

Năm năm trời như vậy ai cũng đều biết mặt. "Người ta rất tử tế và tôn trọng tôi. Tôi rất vui!"

Mấy đứa trẻ âu yếm gọi tôi là bà Ngoại! Có những người tôi không quen biết nhưng vẫn giúp đỡ tôi. Nhiều người yêu mến đến gặp tôi, và ôm tôi, rồi chụp ảnh cùng.

Dù đây chỉ là quê hương thứ hai của tôi; nhưng tôi yêu nước Mỹ, tôi yêu người Mỹ! Vì họ đã quan tâm đến cuộc sống của gia đình tôi; cũng như hàng triệu người Việt Nam khác. Nước Mỹ thật tốt, thật tử tâm. Khi tôi chết, tôi sẽ gửi năm xương tàn của một người phải ly hương tại nước Mỹ này đây!"

Ở tuổi 67, bà Sừ cho hay mình vẫn sẽ tiếp tục làm việc cho đến khi nào không còn đủ sức khỏe nữa mới thôi!

Bà Sừ là một công nhân quét rác dọc lề đường, một con người rất bình thường nhưng lại rất phi thường. Tiếng chổi của bà vang xa hơn cái lề đường Irving St. của thành phố San Francisco, làm lay động đến lòng người ở khắp mọi nơi.

Người xem đoạn video này đã tôn trọng và hết lời khâm phục, ngưỡng mộ tinh thần lao động chăm chỉ bất chấp tuổi già của một người phụ nữ bình thường nhưng vô cùng dũng cảm, một người bà tuyệt vời không những cho đám cháu của chính bà mà cho cả cộng đồng của chúng ta.

Rồi có bà mẹ Mỹ còn rất trẻ, nói: *"Đưa con trai lên sáu tuổi của tôi rất sung sướng được nói chuyện khi gặp bà quét rác trên đường phố. Bà là một viên ngọc quý! Là tinh hoa thâm lặng của xứ sở này đây!"*

Một người Mỹ tốt bụng, từ tâm, muốn lập ra quỹ hiến tặng để bà ấy có tiền đi nghỉ lễ ở quê hương mình. Thì người khác lại cho rằng nước Mỹ chính là quê hương của bà ấy rồi!

Có người nói: *"Thật là tuyệt khi nghe bà ấy là người Việt. Mấy đứa cháu thật vô cùng may mắn! Xin cảm ơn lòng độ lượng của người gây quỹ. Tuy nhiên những người Việt Nam, nhất là người cao tuổi, họ không thích nhận tiền 'bố thí' của người khác đâu!"*

Báo chí thường tường thuật về những con người kiệt xuất, phi thường nhưng câu chuyện của bà Sửu trong cái bình thường lại chứa tất cả những cái phi thường rất nhiều ở quanh ta mà đôi khi ta lại chẳng nhận ra.

Ba đứa cháu hiếu thảo của bà Sửu

Chúng ta vô tình thân nhiên bước vội qua mau những con người tuyệt vời như thế này trên đường phố cho đến khi tình cờ nhìn sâu được vào nỗi đau riêng của họ, sự vất vả của người mẹ, một mình lo cho con, rồi một người bà, cũng một mình, lo cho cháu mà không một chút than van!



Ba đứa cháu hiếu thảo của bà Sửu

"Đám cháu ngoại tôi nói: "Ngoại không cần làm việc nữa!
Tụi con sẽ lo cho Ngoại!"

"Không! Ngoại vẫn còn khỏe lắm. Ngoại muốn đi làm.
Không muốn ở nhà đâu. Chán lắm! Không có việc gì làm chỉ xem
truyền hình tối ngày sẽ làm Ngoại phát điên lên mất! Ngoại muốn
đi ra ngoài vận động, gặp người này người nọ và nghe thiên hạ
nói. Vui lắm!"


Thưa, một người phụ nữ Việt Nam, một hành liểu rữ vì bi
kịch của đời riêng nhưng vẫn kiên cường trước gió.

Tình yêu gia đình bao la nhưng thâm lặng đó đã đóng góp
cho nước Mỹ này biết là bao!

ĐOÀN XUÂN THU

melbourne

Sở tay VĂN HỌC kỳ này xin được dừng nơi đây. VĂN
HOÁ VIỆT NAM kính xin quý anh chị Nhà Văn - Nhà Thơ - Nhà
hoạt động Văn Hoá - Giáo Dục... mọi người một tay về xây dựng
ngôi nhà VĂN HOÁ VIỆT NAM để mỗi ngày thêm khởi sắc.
Mong lắm thay.



FARMERS
INSURANCE

FARMERS[®]

NGUYỄN VĂN TÂM *Agent*

13480 Veterans Memorial # C. - Houston - TX 77014
(Trong khu chợ Hong Kong 3)

Tel.: (281) 397-8122 - Fax: (281) 397-8749
nguyen2@farmersagent.com

BẢO HIỂM:

Đảm nhận tất cả các dịch vụ về Bảo Hiểm
XE HƠI - NHÀ - LỤT
NHÂN THỌ - THƯƠNG MẠI - SỨC KHỎE

DEFENSIVE DRIVING:

* Lớp Chủ Nhật từ 9:00am - 3:00pm
- Học xóa giấy phạt
- Bớt bảo hiểm xe cho 3 năm

DỊCH VỤ:

* Xin trợ cấp an sinh xã hội:
- Medicaid - Food Stamp
- Chip Children Health Insurance Program
- SSI và SSA (trợ cấp tiền già, bệnh tật, tiền hưu)

* Dịch: Khai Sanh - Hôn Thú - Bằng Cấp

* Thị thực chữ ký

* Vay tiền (Mortgage)



TẠ QUỐC TUẤN

CHẾ - THẮNG PHU NHÂN XẢ THÂN CỨU VUA CỨU QUÂN

Trong thời nhà Trần (1225-1400) có một vị quý phi có tài nhìn xa trông rộng, đã dâng lên vua nhiều kế sách trị nước an dân và cuối cùng lại còn xả thân cứu vua cứu quân nữa. Đó là bà Nguyễn Thị Bích Chu 阮氏碧珠 (nhiều người quen đọc là Bích Châu), phong hiệu Chế Thắng Phu nhân, ái phi của vua Trần Duệ Tông (tại vị năm 1372-1377).

Bà Nguyễn Thị Bích Chu (kh. 1356-1377), tự Bích Lưu, quê xã Bảo Lộc, thuộc huyện [Hải Hậu](#), tỉnh [Nam Định](#). Theo một vài tài liệu, phụ thân bà là một đại thần, “*Nguyễn tướng công*”, và mẫu thân họ Phạm (các tài liệu không chép tên hai ông bà).

Bà nhan sắc diễm lệ, sớm nổi tiếng thông tuệ, có óc nhận xét rất tinh vi, xuất sắc, lại giỏi văn chương thi phú, thạo âm luật.

Năm Quý sửu (1373), vua Trần Duệ Tông tuyển bà làm cung phi. Bà thường đàn ca, ngâm vịnh, mua vui cho vua, nên được vua rất thương yêu, gọi là “*Nguyễn Cơ Bích Chu*”, sau lại phong làm phi và thường gọi bà là “*ái phi Bích Lưu*”, “*ái phi Bích Chu*”.

Tương truyền, một hôm, nhân tiết Trung Thu, bà bày tiệc nhỏ trên gác tía, chung quanh treo đèn lồng đủ màu rất đẹp, để vua cùng các quan triều thần thưởng trăng. Vua tỏ vẻ hài lòng, hết ngắm trăng lại ngắm đèn, bỗng cao hứng ra câu đối:

秋天畫閣掛銀燈, 月中丹桂.

*Thu thiên họa các quả ngân đăng, nguyệt trung đan quế.
(Trời thu gác họa treo đèn bạc, trong trăng quế đỏ.)*

Các quan dự tiệc đều buông đũa suy nghĩ. Họ đang mãi miết tìm về đôi, thì bà đã cất tiếng xin đôi:

春色莊苔開寶鏡, 水底芙蓉.

Xuân sắc trang đài khai bảo kính, thủy đế phù dung.

(Sắc xuân đài trang mở gương báu, đáy nước phù dung.)

Vua đặc ý khen hay và thưởng cho đôi “ngọc long kim nhĩ” 玉龍金鉞 (hoa tai vàng cần ngọc hình rồng nổi) và nhân đó lại đặt biệt hiệu cho bà là “*Phù Dung*” 芙蓉.

Tuy nhiên, theo sách **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư** của Ngô Sĩ Liên, vua Duệ Tông là người “*ương gân, cố chấp, không nghe lời can*” (BK, q. 7, tờ 40a). Sau một thời gian ngắn ở chôn hoàng cung, bà nhận thấy vua tính nóng nảy, lại thiếu bản lĩnh, nên triều chính có nguy cơ rạn nứt suy sụp. Bà bèn chú tâm soạn thảo bản điều trần dâng vua, **Kê Minh Thập Sách** 雞鳴十策, nêu lên 10 kế sách (thập sách) trị nước an dân, đại ý mượn tiếng gà gáy sáng (kê minh) để thức tỉnh nhà vua, với những lời tâm huyết được trải ra từng câu.

Sau đây là nguyên văn bản điều trần **Kê Minh Thập Sách**:

竊謂: 曲突徙薪, 制治須防未亂, 徹桑網戶, 居安常審思危. 蓋人情易溺於宴私而世道難常於平治. 是以: 進無迨無荒之戒, 皋陶先是曰都, 當不血不刃之時; 賈傳預長太息. 是故愛君而防漸, 實違眾以唱奇. 臣妾 碧珠 少出蓬門, 長陪椒室. 賞賜獲蒙於宴幸, 眷憐疊荷於龍知. 補虞后之 袞衣敢擬鬚眉男子; 脫姜后之簪珥, 願先冠帶庭臣. 謹具十條, 謬陳一得:

一曰扶國本, 荷暴去則人心可. 二曰守舊規, 煩擾革則朝綱不紊. 三曰抑 權倖, 以除國蠹. 四曰汰冗吏, 以省民漁. 五曰願振儒風, 使燭火 與日月而 並炤. 六曰願求直諫, 會城門與言路而並開. 七曰揀兵, 當先勇 力而左身 材. 八曰選將, 宜後世家而

先韜略。九日器械，貴其堅銳，必矢花。十日陣法，教以整齊，何須舞蹈。

夫惟數事，甚切時宜。冒陳芹曝之孤忠，伏記芻蕘之廣納。善必行而弊必去，帝其念哉！國以治而民以安，妾之願也！

Thiết vị: khúc đột tử tân, chế trị tu phòng vị loạn, triệt tang trừ hộ, cư an thường thâm tư nguy. Cái nhân tình dị nịch u yển tư nhi thể đạo nan thường u bình trị. Thị dĩ: tiến vô đãi vô hoang chi giới, Cao Dao tiên thị viết đồ, đương bắt huyết bắt nhận chi thời; Giả Phó dự trường thái tức. Thị cố ái quân nhi phòng tiếm, thực vi chúng dĩ xướng kỳ. Thân tiện thiệp Bích Chu, thiếu xuất bông môn, trưởng bồi tiêu thất. Thường tư hoạch mông u yển hạnh, quyền liên điệp hà u long tri. Bồ Ngu Hậu chi cố y, cảm nghĩ tu my nam tử; thoát Khương Hậu chi tâm nhĩ, nguyện tiên quan đái đình thần. Cẩn cụ thập điều, mậu trần nhất đắc:

Nhất viết phù quốc bản, hà bạo khứ tặc nhân tâm khả an. Nhị viết thủ cựu qui, phiên nhiều cách tặc triều cương bát vẫn. Tam viết ức quyền hạnh, dĩ trừ quốc đồ. Tứ viết thái những lại, dĩ tỉnh dân ngu. Ngũ viết nguyện chân Nho phong, sử tước hòa dĩ nhật nguyệt nhi tịnh chiêu. Lục viết nguyện câu trực gián, hội thành môn dĩ ngôn lộ nhi tịnh khai. Thất viết gián binh, đương tiên dùng lực nhi tả thân tài. Bát viết tuyền tướng, nghi hậu thể gia nhi tiên thao lược, Cửu viết khí giới, quý kỳ kiên nhuệ, bắt tất thi hoa. Thập viết trận pháp, giáo dĩ chỉnh tề, hà tu vũ đạo.

Phù duy số sự, thậm thiết thời nghi. Mạo trần cần bộc chi cô trung, phục ký số nghiêu chi quảng nạp. Thiện tất hành nhi tề tất khứ, để kỳ niệm tai! Quốc dĩ trị nhi dân dĩ an, thiệp chi nguyện dã!

Trần Lê Sáng đã dịch sang Việt ngữ như sau:

“Trộm nghĩ:

“Dời củi khỏi bếp lò, phải lo trị trước khi chưa loạn; lấy dầu rang cửa tổ, ô hôi yên phải nghĩ lúc nguy. Vì nhân tình dễ đắm cuộc yên vui, mà thể đạo khó được thường bình trị. Cho nên: Cao Dao trước đã ca ngợi, rồi dâng lời can chớ biếng, chớ hoang; Giả Phó từng đã thờ dài, ấy chính vào lúc thái bình, thịnh trị. Chính bởi yêu vua mà lo ngăn trước, phải đầu khắc chúng để khoe tài.

Thần thiếp Bích Châu này, lúc nhỏ sinh nơi nghèo hèn, lớn lên được vào cung cấm. Cuộc yến tiệc thường được on ban, mắt long nhan bao lần soi tới. Vá áo xiêm vua Ngu, dấm đầu sánh người nam tử; trút trâm như bà Khương Hậu, thiếp xin làm trước đình thần. Kính dâng mười sách, mong được một điều:

“Một là bền gốc nước, bỏ điều tàn bạo thì lòng người được yên. Hai là giữ nếp xưa bỏ phiền nhiễu thì kỷ cương không rối. Ba là đề kẻ lộng quyền để trừ một nước. Bốn là thái bộn những lại để bớt hại dân. Năm là mong chân hưng Nho phong, khiến lửa đuốc sáng soi cùng nhật nguyệt. Sáu là xin cầu lời nói thẳng, để người người được bàn bạc khắp nơi nơi. Bảy là tuyền quân nên tìm sức mạnh hơn là vóc người. Tám là kén tướng nên trọng thao lược hơn là gia thế. Chín là khí giới, cần bền sắc chứ đừng chuông hoa hòe. Mười là trận pháp cốt tể chính chứ không cần đẹp mắt.

“Xét mấy điều ấy, đều rất thiết thời. Dám dâng lên tám lòng trung thực, mong nhận cho lời nói què mùa. Bỏ điều dở mà làm điều hay, xin bệ hạ lượng nghĩ. Nước được trị, dân được yên, thiếp mong lắm vậy!”

Xem xong, vua cảm kích thốt lên:

“Không ngờ ái phi lại thông tuệ đến thế! May cho trong cung của trẫm xuất hiện một bậc Từ Phi.”⁽¹⁾

Tuy nhiên, sau đó, bản điều trần ấy không được vua quan tâm đến nên chẳng thực hiện một điều nào cả.

Mặt khác, từ nhiều thế hệ qua, quân Chiêm Thành thường sang đánh phá cướp bóc nước Đại Việt. Điển hình là vào tháng 3 nhuận năm Tân hợi (1371) đời vua Trần Nghệ Tông (tại vị năm 1370-1372; anh của vua Duệ Tông), quân Chiêm Thành vào đánh cướp cửa biển Đại An (sau đổi là cửa Liêu ở xã Quần Liêu thuộc huyện Đại An; nay ở thôn Quần Liêu, thuộc xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định), rồi tiến đánh tới tận kinh thành Thăng Long, vào thành thiêu đốt cung điện, đồ thư và sổ sách, bắt lấy con trai con gái, cướp bóc ngọc lụa, của cải đem về, khiến vua Trần Nghệ Tông phải chạy sang huyện Đông Ngàn (nay là phường Đông Ngàn thuộc thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) lánh nạn. Từ đây năm nào Chiêm Thành cũng vào xâm lăng quấy nhiễu.

Đến tháng 5 năm Bình thìn (1376), Chiêm Thành lại đến cướp châu Hóa (nay là tỉnh Thừa Thiên Huế), cho nên vua Dục Tông quyết định chính mình cầm quân đi đánh Chiêm Thành. Vua “*khinh thường quân giặc*” (TTBK, q. 7, tờ 40a), không nghe lời can của Ngự sử trung tán Lê Tích cũng như 3 lần Ngự sử đại phu Trương Đỗ dâng sớ khuyên vua không nên thân chinh, chỉ cần sai tướng dẫn quân đi là được rồi. Rồi đến tháng 12 vua xuống chiếu ngự giá thân chinh.

Bà Nguyễn Thị Bích Chu lo lắng dâng biểu khuyên can. Trong biểu có đoạn nhắc nhở vua:

“Việc trị đạo nước trước gốc sau ngọn, xin nghỉ binh cho dân chúng yên hàn. Trị cái rắn nên dùng cái mềm, phục rợ xa cốt lấy đức. Đó là thượng sách, xin hoàng thượng xét đoán cho mình.”

Bài biểu dâng lên cũng không lay chuyển nội nhà vua. Bà buồn lo than thở:

“Nghĩa lớn là vua tôi, tình ái là vợ chồng. Vậy mà không giỏi khuyên can để giữ nền bình trị, không biết khéo lời để ngăn lòng hiếu chiến, như thế ta đã là người vô dụng chăng?”

Biết nhà vua nhất định không chịu nghe, bà xin đi theo hộ giá, để rồi chịu chết trong vụ này.

Theo hai bộ chính sử, **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư** của Ngô Sĩ Liên và **Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục** của Quốc sử quán triều Nguyễn, ngày 23 tháng giêng năm Đinh tị (1377), khi quân Trần đến cửa Thị Nại của Chiêm Thành (nay là cảng Qui Nhơn thuộc tỉnh Qui Nhơn), lên đến Thạch Kiều, đóng lại ở động Ý Mang (vị trí không khảo được), thì thấy vua Chiêm Thành là Chế Bồng Nga (Che Bonguar, tại vị năm 1361-1390) đã dựng lũy bằng tre gỗ ở bên ngoài thành Đồ Bàn (Vijaya, kinh đô của Chiêm Thành; nay còn di tích ở địa phận xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định), sai một viên quan nhỏ là Mục Bà Ma đến trá hàng, nói dối là Chế Bồng Nga đã chạy trốn, chỉ còn lại thành không, nên tiến quân gấp, chớ để lỡ cơ hội.

Ngày hôm sau, không nghe lời can của Đại tướng Đỗ Lễ và lại còn lăng nhục ông, nói rằng ông thực là có kiến thức đàn bà và sai lấy áo đàn bà mặc cho ông, vua truyền lệnh gấp tiến quân vào thành. Quân lính nối gót nhau như xâu cá mà đi, cánh quân đi

trước hoàn toàn cách biệt với cánh quân đi sau. Quân Chiêm Thành thừa thế, thành linh xông ra tập kích, cắt quân Trần ra từng nhóm. Quân Trần tan vỡ nặng nề, vua Duệ Tông bị hãm trong trận mà chết. (TTBK, q. 7, tờ 43b-44a; CMCB, q. 10 tờ 40-41).

Mặt khác, theo một truyền thuyết, vào lúc nửa đêm quân của vua Duệ Tông bị tấn công bất ngờ tan tác, nhà vua bị trọng thương, còn bà Nguyễn Thị Bích Chu cưỡi ngựa tả xung hữu đột, cầm quân xung trận, nhưng không may bị trúng tên độc sau đó tử trần. Chính nhà vua ba ngày sau vì vết thương quá nặng cũng băng hà. Khi quân Trần rút về nước, tới châu Hoan, gặp phải sóng to gió lớn, tàu thuyền phải ghé vào vũng Ô Tôn (tức Vũng Áng, ở tại xã Kỳ Ninh thuộc thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh). Lúc này thái tử Trần Hiện, con trai trưởng của vua Duệ Tông, mới lên ngôi (tháng 5), tức Giản Hoàng (năm 1388 bị thái thượng hoàng Trần Nghệ Tông phế, nên sử sách gọi ông là Phế Đế), nghe tin liền xuống chiếu rước linh cữu nhà vua về bằng đường bộ, còn linh cữu của bà Nguyễn Thị Bích Chu đi bằng đường biển. Sau vì mấy ngày thời tiết không thuận lợi, triều đình xuống chiếu cho an táng bà tại Cửa Khẩu, bên Kỳ La, thuộc huyện Kỳ Hoa (nên còn có tên gọi là cửa bể Kỳ Hoa) thuộc châu Hoan (nay là cửa bể Kỳ Anh ở xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh thuộc tỉnh Hà Tĩnh).

Lại có truyền thuyết khác nói rằng, trên đường đi đánh Chiêm Thành, khi đoàn chiến thuyền của vua Duệ Tông vừa đến cửa bể Kỳ Hoa trời bỗng nổi cơn phong ba bão táp. Mặt biển nổi sóng cao và xoáy lốc, ngay sát bờ đã là dãy vực thẳm đầy đá nhọn, ra càng xa thì vực càng sâu, lòng biển lờm chờm hàng khối đá ngầm. Vì vậy, đoàn thuyền của vua phải tạm neo tại đây. Binh sĩ trên chiến thuyền phải vất vả, thương tổn khá nhiều mới ràng nổi dây neo, thế mà cơn dông bão vẫn cứ dai dẳng càng lúc càng dữ dội hơn, còn đoàn chiến thuyền nhấp nhô đập vào nhau rầm rầm, nhiều cái bị đứt dây, lao đi vùn vụt đâm vào đá vỡ toang. Quân lính lớp chết, lớp kêu la chơi với, số còn sống ai nấy đều kinh hãi nản lòng.

Vua Duệ Tông nhất quyết đợi tan cơn bão sẽ tiến binh tiếp và cho làm lễ cầu thần biển. Đêm đó vua mộng thấy một vị thần

xung là Nam Minh đô đốc, thủ hạ của Quảng Lợi đại vương, đòi vua phải nộp một cung nhân tài sắc vẹn toàn, nếu được như ý nguyện thì sẽ làm cho bể yên, sóng lặng, thuận gió để thuyền vua đi qua. Vua giật mình tỉnh dậy, vội cho đòi các quan tướng đến chỗ ngự tẩm, kể lại giấc mơ cho mọi người nghe.

Các quan sợ hãi, chưa biết ứng đối thế nào, vì một mặt họ biết chắc rằng trong số các cung nhân theo hầu giá vua không ai bằng bà Nguyễn Thị Bích Chu mà họ tin rằng vua không muốn mất đi người ái phi tài sắc vẹn toàn, và mặt khác, binh sĩ đã bắt đầu nản lòng, nhiều người muốn trở về nước với vợ con. Lúc đó, bà đứng ngồi không yên, chợt thoáng nghe có người bàn chuyện thần biển đòi mỹ nữ. Trong lúc cấp bách, bà nghĩ ngay việc liệu mình để giữ quân kỷ và thể diện nhà vua, giúp đất nước. Bà liền tâu vua cho phép được hiến thân cho thần biển, cầu xin thần phù hộ quan quân sớm thắng trận: "*Việc linh ứng của thần nhân như vậy là rõ ràng, chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Tiện thiếp tình nguyện hiến tẩm thân bèo bọt này để châu toàn cho đoàn ngự giá và quan quân*".

Vua Duệ Tông còn đang bàng hoàng, chưa kịp phán bảo cản ngăn thì bà đã nhanh nhẹn quay ra truyền lệnh:

"Các quan mau mau sửa soạn lễ vật cúng thần biển, kính báo thời khắc thiếp tôi được nhà vua cử làm sứ giả đi gặp thần xin sóng lặng biển yên, phù trợ cho vua quan, quân sĩ được chiến thắng dịp này, đem bình an về cho đất nước."

Bà vừa dứt tiếng thì từ vua đến các quan có mặt đều sùng sốt, ghen lời. Mặc hết những lời can ngăn, bà vẫn một mực tha thiết tâu xin cho được vinh hạnh phò vua, giúp quân, đền nợ nước. Không làm sao được, tất cả đều nén lòng nghe theo ý chí cương quyết của bà. Một cung nữ tài sắc, mới kê cận vua được bốn năm, được vua sủng ái rất mực như vậy mà dám lia bỏ tất cả, can đảm hy sinh tính mệnh thì thật là một việc làm quá phi thường.

Trong khi chiếc thuyền rồng tiếp tục chao đảo ngả nghiêng, bà thản nhiên để thị nữ xông trầm hương, trang điểm cho mình. Thoáng chốc, bà đã trâm thoa lấp lánh, xiêm gấm đỏ, hài thêu lông lẫy bước ra. Trước mắt mọi người lúc này, vẻ đẹp của bà đang tỏa ánh hào quang như một vị thiên thần, hùng dũng như một nữ tướng.

Vua Duệ Tông trút bỏ giáp trụ, mặc lên hoàng bào, trình trọng đội mũ triều thiên để kính cẩn đưa tiễn nàng ái phi dừng cảm ra đi. Vua nên thương đau, phong tặng nàng hiệu là Thần Phi.

Mặc cho sóng đánh tới tấp, nước tràn lênh láng, bà tươi tấn tiến lên, quì lạy vua, dâng lời cầu chúc vua bình tĩnh và đại thắng, rồi quay về hướng Bắc lạy cha mẹ, vái chào từ biệt hàng quan quân, trang nghiêm đến ngồi gọn vào trong lòng chiếc thuyền thoi nhỏ có cắm đại hoàng kỳ của nhà vua. Chiếc thuyền được quan quân thông dây thả từ từ xuống biển, giữa những cơn sóng thần liên tiếp quật nước lên cao. Bà bình tĩnh nắm dây, nhắm mắt. Vừa đục nước, chiếc thuyền lập tức quay vòng, ngụp lặn với sóng cả, rồi chìm mất hút.

Hai ngày sau bão mới ngớt, xác bà vẫn còn nguyên vẹn nổi trên mặt biển, vẫn uy nghi trong bộ triều phục, nhấp nhô theo làn sóng bạc trôi dần vào bờ, được dân làng vớt lên rước đi an táng tại xã Kỳ Hoa.

Trước sự hy sinh cao cả của bà, vua Trần Duệ Tông đã làm một bài văn tế như sau:

吁嗟魂兮玉質瓊姿，
格軍心兮楚國樊姬。
善執婦道兮虞汭湘妃，
思君不忘兮身別香圍。
為君而喪兮魂沉水湄，
滄海茫茫兮他生何時？
玉容杏杏兮再合難期，
想其慎淑兮心轉依依。
睹其文翰兮淚洒霏霏，
其所致兮實天之為。
其所然兮是朕之非，
嗚呼痛哉兮魂今何之？
如在天兮天有比翼飛，

如在地兮地有連理枝。
魂如獨孤兮魂何所歸？
魂如有歸兮與朕追隨。
魂如有靈兮保朕邊陲，
哀哉魂兮飲此玄卮。

*Hu ta hôn hề ngọc chất quỳnh ty (tư),
Cách quân tâm hề Sở quốc Phàn Kỳ (cơ).
Thiện chấp phụ đạo hề Ngu nhuế Tương Phi,
Tư quân bát vong hề thân biệt hương vi.
Vị quân nhi táng hề hôn trầm thủy mi,
Thương hải mang mang hề tha sinh hà thì?
Ngọc dung thất thất hề tái hợp nan kỳ,
Tưởng kỳ thận thực hề tâm chuyển y y.
Đổ kỳ vãn hàn hề lệ sái phi phi,
Kỳ sở trí hề thực thiên chi vi.
Kỳ sở nhiên hề thị trầm chi phi,
Ô hô thống tai hề hôn kim hà chi?
Như tại thiên hề thiên hữu thứ dục phi,
Như tại địa hề địa hữu liên lý chi.
Hôn như độc cô hề hôn hà sở qui?
Hôn như hữu quy hề dữ trầm truy tùy.
Hôn như hữu linh hề bảo trầm biên thùy,
Ai tai hôn hề ẩm thử huyền chi.*

Ngô Lập Chi đã dịch sang Việt ngữ như sau:

Văn Tế Nguyễn Bích Châu
*Than ôi hôn chừ! yếu điệu phong ty (tư),
Chính lòng vua chừ! nước Sở Phàn Kỳ (cơ).
Giữ đạo vợ chừ! bển Ngu Tương Phi,
Nhớ vua không quên chừ! vĩnh biệt hương vi.
Vị vua thác oan chừ! hôn tan thủy mi,
Bể khơi mộng mênh chừ! kiếp khác bao thì?
Mặt ngọc xa cách chừ! tái hợp khó kỳ,
Nhớ lại đức tốt chừ! lòng ta y hi,
Xem lại giáy mực chừ! giọt lệ lâm li.*

*Số mệnh đã định chừ! trời kia không vì.
Vì đâu nên nỗi chừ! lỗi trâm khó tỳ (tì),
Than ôi thương thay! hồn bỏ trâm đi.
Nếu ở trên trời chừ! như chim kia dực phi,
Nếu ở dưới đất chừ! như cây liên lý chi.
Hồn hiu quạnh chừ! không chốn y qui,
Hồn có thiêng chừ! cùng trần truy tỳ.
Hồn phảng phát chừ! giữ nơi biên thùy,
Thương thay hồn chừ! hưởng chén quỳnh chi.*

Sau khi bà hiến thân cho hải thần, dông bão tan, biển trở nên phẳng lặng. Đoàn chiến thuyền của vua Duệ Tông đã lướt tiến để rồi mấy ngày sau, như đã dẫn trong một đoạn bên trên, ngày 24 tháng 1 năm Đinh tị (1377), trong trận giao tranh tại kinh đô Đồ Bàn quân Trần đại bại, vua đã bị hãm trong trận mà chết, còn các tướng tá kẻ thì đầu hàng (như Ngự Câu Vương Trần Húc, sau được vua Chiêm Thành gả con gái cho), kẻ không đến cứu viện (như Đỗ Tử Bình), kẻ bỏ trốn về nước (như Lê Quý Ly, tức Hồ Quý Ly, người 23 năm sau đã thoán đoạt ngôi vị của nhà Trần), v.v.

Ngót 100 năm sau, năm Tân mao (1471) vua [Lê Thánh Tông](#) (ở ngôi năm 1460-1497) cũng ngự giá thân chinh đi đánh Chiêm Thành. Khi đoàn quân của nhà vua đi qua chỗ bà Nguyễn Thị Bích Chu trâm mình ở cửa biển Kỳ Hoa, thì thấy một ngôi miếu bé nhỏ ở đằng trước và một ngôi mộ ở đằng sau. Vua bèn hỏi các bô lão địa phương và được dâng xem bản thần tích của đền. Biết được công trạng của bà, nhà vua cho bày đồ tế lễ và đề lên bài vị 4 chữ “*Nữ trung hào kiệt*” 女中豪傑. Đồng thời nhà vua cũng xin hương linh bà phù trợ trong việc đánh Chiêm Thành. Bà hiện lên báo mộng cho vua, kể lẽ sự tình, dâng ngọc minh châu tên là Triệt Hải, soi thấu cả nơi âm u, và xin vua làm lễ giải thoát. Vua bèn cho làm lễ cầu giải thoát cho bà, và còn sai thị thần là Nguyễn Trọng Ý viết một tờ hịch hạch tội Nam Minh đồ độc và trách Quảng Lợi đại vương, rồi kẹp vào đầu tên bắn ra biển. Vẫn theo truyền thuyết, lập tức Nam Minh bị chém chết, xác nổi lên mặt nước.

Sau khi thắng trận trở về, vua Lê Thánh Tông lại cho quân dùng nơi đây và sai người chặt gỗ, gọt đá xây dựng ba toà điện thờ

bà (đền nay ở thôn Hải Khẩu, xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh). Ngoài ra, vua hạ chiếu cấp ruộng tế và người trông coi; sắc phong bà làm "*Chế Thắng Phu nhân*". Hàng năm, vào 12 tháng 2 âm lịch là ngày giỗ bà. Đền có nhiều tên gọi khác nhau như: đền Bà Hải, đền Hải Khẩu, đền Chế Thắng phu nhân.

Vua còn ngự chế một bài thơ Nôm như sau:

*Nàng xưa cung nữ của Hy Lăng,
Vị nước lâm nguy, quyết xả thân.
Một trận gió yêu gây sóng cả,
Hồn nương bến bãi suốt đêm xuân.
Bỗng dưng sông lạnh vùi thân gái,
Biết chốn nào đây viếng nữ thân?
Chán nhĩ, vạn ngàn quân tướng mạnh,
Chẳng bằng tờ lịch gã thư sinh!*

Sáu câu đầu vua ca tụng đức xả thân cứu nước của bà; tuy nhiên, hai câu kết có ngụ ý chê vua Duệ Tông và tự đề cao mình. Vẫn theo truyền thuyết, có lẽ vì vậy hương linh của bà không vui, vì chạm vào tình cảm kính trọng chồng. Do đó, sau khi vua Lê Thánh Tông thắng trận, trở về, bà lại báo mộng, tạ ơn vua đã cứu mình, với lời xin: "*Bài thơ nhà vua đề ở đền lời ý đều hay, duy hai câu kết có ý phẩm bình chuyện cũ, khiến lòng thiếp không được yên!*". Vua bèn sửa ngay hai câu kết thành:

*Vạn cổ cương thường lòng chẳng thẹn,
Thư cựu giỡn sóng dưới chân đền.*

Vua còn ngự chế thêm một bài thơ điệu bà, **Hà Hoa Hải Môn Lữ Thứ** (Nghĩ Chân Tại Cửa Biển Hà Hoa) đề ở tường bên trái của đền thờ bà. Bài này sau được chép trong sách **Minh Lương Cẩm Tú**⁽²⁾.

*Hà Hoa đảo xứ vũ sùng triều,
Hoàn hải mang nhiên tứ vọng diêu.
Xúc thạch du du vân luyến tụ,
Bài nham húng húng lãng tùy triều.
Thủy Tiên đàm thượng yên hà cổ,
Chế Thắng từ trung thảo mộc kiêu.
Túy ý song bông ngâm ý phát,
Thi hoài khách tứ bội vô liêu.*

Đỗ Ngọc Toại đã dịch sang thơ Việt ngữ.
*Mưa mai mù mịt cửa Hà Hoa,
Ngắm biển mênh mang bốn phía xa.
Mây mển đầu non lơ lửng đứng,
Sóng theo con nước rập rờn qua.
Thủy Tiên đầm nọ đầy sương ráng,
Chế Thắng đền kia rực cỏ hoa.
Say tựa mũi thuyền càng nẩy hứng,
Lòng thơ dạ khách khó khuây khoa.*

Bài thơ còn có một lời “*Nguyên Chú*” (có lẽ do người thêm vào sau, chứ không phải là của chính vua Lê Thánh Tông) nói tới huyền thoại truyền tụng trong dân gian về Chế Thắng phu nhân.

“*Bên trái cửa biển có núi Bàn Độ⁽³⁾, dưới chân núi có đầm nước từ các nơi đổ về, dân địa phương thường thấy hai tiên nữ từ trong đầm đi ra, lên núi chơi ở chỗ bàn đá.*

“*Chế Thắng là cung nữ của vua Trần Duệ Tông. Nhà vua Nam chinh, tới Kỳ Hoa gặp gió to, thuyền không qua được, nhà vua bèn trai giới bí mật cầu đảo, đặt người cung nữ ấy lên chiếc mâm vàng, để trôi trên mặt nước dâng cho thủy thần. Do có chuyện báo ơn đó, nên thường linh ứng. Người dân bèn lập đền thờ ở bên trái cửa biển. Nay trong Tự điển là thượng đẳng thần. Vũng dưới gọi là Vũng Nàng (Loan Nương).*”

Rồi trong thời nhà Tây Sơn (1789-1802), khoảng sau năm 1789, Ngô Thì Nhậm (1746-1803) trên đường vào Phú Xuân (nay là thành phố Huế), đã nghỉ lại ở Dinh Cầu (tức dinh trấn Kỳ Hoa, ở phía bắc sông Gianh, nay thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh) và đã có bài thơ *Dinh Cầu Hữu Cảm* 營棣有感, trong đó câu 6-7 miêu tả cảnh cây cối tốt tươi nơi đền thờ Chế Thắng phu nhân mà ông gọi là “*Thắng Phi*”:

自昔河中是極邊,
潭潭師幕控青藩.
征笳吹散天池浪,
戍鼓敲殘火號煙.

細柳綠垂仙聖廟，
長楊翠結勝妃鈿。
誰教雲島開邊霧，
秦晉盈輸底局翻。

*Tự tích Hà Trung thị cực biên,
Đàm đàm sự mạc khổng thanh phiên.
Chinh già xuy tán thiên trì lãng,
Thú cổ xao tàn hỏa hiệu yên.
Tê liễu lục thùỳ Tiên thánh miếu,
Trường dương thúy kết Thắng Phi điền.
Thùỳ giao Vân Đảo khai biên hần,
Tần Tấn doanh thâu để cực phiên.*

Khuong Hữu Dụng đã dịch bài thơ này sang thơ Việt ngữ, nhan đề *Cảm Nghĩ Qua Dinh Cầu*.

*Từ trước Hà Trung cuối đất mình,
Kín ngăn bờ cõi đóng quân doanh.
Sông khơi tan giữa hội kèn trận,
Lửa hiệu tàn trong tiếng trống canh.
Viên tướng, miếu buống tơ liễu biếc,
Bà phi bóng kết đóa dương xanh.
Được thua, Vân Đảo ai gây hần,
Tần Tấn xui nên chéch mách tình?*

Câu thơ 6 còn có nguyên chú: “*Ché Thắng phu nhân là thứ phi của vua Trần Duệ Tông, có miếu thờ ở cửa bể Tích Lỗ.*”

Trong sách **Nghệ An Ký** của Bùi Dương Lịch (1757-1828), phần *Địa Chí*, mục về sông núi, có ghi rõ câu chuyện Ché Thắng phu nhân:

“*Núi Bàn Độ, ở trên bờ biển thuộc xã Kỳ Nam, huyện Kỳ Hoa. Mạch từ núi Vọng Liêu đến đây thì nổi lên. Trên núi có cái đầm. Tục truyền có tiên nữ đến chơi đầm ấy. Khi Trần Duệ Tông đi đánh Chiêm Thành, đi đến đó, thuyền không tiến lên được. Vua phải lấy một cung nhân cho ngồi lên chiếc mâm vàng thả xuống nước hiến cho thủy thần thì thuyền lại đi được. Nay bên núi có đền thờ Ché Thắng phu nhân.*”⁽⁴⁾

Trong mục này ông còn chép bài thơ của Bùi Huy Bích có nhắc đến đền thờ Chế Thắng. Và ở mục *Hải Khẩu*, ông cũng chép bài thơ *Hà Hoa Hải Môn Lữ Thứ* của vua Lê Thánh Tông.

Ngoài ra, sự tích cứu vua của Nguyễn Thị Bích Chu còn được bà Đoàn Thị Điểm (1705-1748) kể lại trong truyện *Hải Khẩu Linh Từ* (Đền Thiêng ở Cửa Biển) sách **Truyền Kỳ Tân Phả** (còn gọi là **Tục Truyền Kỳ**).

Kết Luận

Chế Thắng Phu nhân được người đời tôn kính, chẳng những vì có hành động xả thân cứu vua lúc hoạn nạn, mà còn vì bà có lòng yêu nước thương dân như được biểu đạt trong bài “**Kê Minh Thập Sách**”, một áng văn chương bác học, được viết với lời văn hùng hồn, với những ý tưởng thiết thực và tích cực, soi đường chỉ lối cho công cuộc trị nước an dân có giá trị muôn đời.

Chú Thích

- (1) *Từ Phi*: tức là Từ-Huệ 徐惠 (627-650), người được vua Đường Thái Tông Lý Thế Dân 唐太宗李世民 (tại vị năm 627-650) sủng ái một thời. Bà giỏi văn chương thi từ, trước tác cả nghìn bài thơ, nhưng ngày nay chỉ còn lại 5 bài.
- (2) *Minh Lương Cẩm Tú* là một tập thơ vịnh 13 cửa biển trong nước làm khi vua Lê Thánh Tông đem quân đi đánh Chiêm Thành.
- (3) Sách *Thiên Nam Dư Hạ Tập* (do nhóm Thân Nhân Trung, Quách Đình Bảo, Đỗ Nhuận, Đào Cử và Đàm Văn Lễ biên soạn khoảng năm 1483-1497) chép là núi Bàn Khánh.
- (4) Bùi Dương Lịch, *Nghệ An Ký*, do Nguyễn Thị Hào dịch chú, nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.

MỜI BẠN TÌM ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU NHIỀU NGƯỜI CÙNG ĐỌC & ỦNG HỘ VĂN HOÁ VIỆT NAM - TẠP CHÍ BẢO TỒN, PHÁT HUY VĂN HỌC NGHỆ THUẬT... CỦA CHÚNG TA

**Thư từ, bài vở, chi phiếu ủng hộ gửi về tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM: PO.Box 683276 Houston, Texas 77268 USA.
Email: Tanpham99@hotmail.com. Tel/Fax: (281)8260415**

KIỀU MỘNG HÀ

(Austin - Texas)

[Thi Văn VỀ NGUỒN - Tây Đô]

NHỮNG ĐOẠN KHÚC THIÊN THI

Chân Đế

Riêng cho chị SK

*Pháp thế gian là không có thật
Như như huyễn ảo, mộng, sương rơi
Vô ngôn, Đạo vốn là Chân Đế
Lúc ngộ rồi tự tánh bừng soi*

Sắc Không

*Nắng vừa hong lá úa tàn
Gió phe phẩy đầy lá vàng rơi rơi
Tôi ngồi bên cửa nhìn trời
Thấy gì ? Một áng mây rời rạc bay*

Hãy Như Hoa

*Dòng đời như mộng đêm dài
Cớ sao tham đắm miệt mài bao năm
Dừng đi ! Chỉ một chữ Tâm
Vàng trắng sáng toả ánh rằm muôn phương
Hãy như Hoa ngát ngàn hương*

Vô. Chấp

*Vô thanh. Vô niệm. Vô hình
Ngang qua tâm thức bất sinh Bồ Đề
Chấp niệm. Chấp ngã. Chấp mê
Vô minh bám rễ theo kẻ chúng sinh.*

TÌNH CŨNG VÈO THEO NẮNG CUỐI HÈ

*Như một dòng sông trải mộng mơ
Tôi ngồi tĩnh lặng suốt hàng giờ
Để nghe từng mạch máu di động
Nhằm đếm niềm đau đến bất ngờ.*

*Như một loài chim bỏ núi rừng
Tôi nhìn tôi ánh mắt rưng rưng
Trần ai còn có ai tri kỷ???
Người bỏ đi không chút... ngáp ngừng.*

*Như một bông hoa bông úa tàn
Lặng nhìn tình vỡ tự sương tan
Áng mây luôn nhẹ theo làn gió
Định mệnh dang tay trói-buộc-ràng.*

*Như kẻ ra khơi trở chuyến đò
Ngắm nhìn mây nước mắt buồn xo
Ôi, bao mơ ước vùi chôn kín
Trong cuộc đời - không giống giấc mơ.*

*Như đứa con hư lạc bước về
Nơi nào bến giác! đâu bờ mê ?
Tóc phai thay sợi xanh thành trắng
Tình cũng vèo theo nắng cuối hè.*

*Như một người quên hết tuổi tên
Niềm đau theo cỏ úa hiên thêm
Nắng ối hong ám lòng đang ẩm
Khép kín tình bên ký ức quên.*

*Như một người từ bỏ cuộc chơi
Thong dong lòng thanh thản quên đời
Đêm về có kẻ chiêm bao...mộng
Có một người đang đợi... một người.*

QUÊ HƯƠNG TRONG TRÍ NHỚ



Huy Lực BÙI TIÊN KHÔI

QUÊ NGƯỜI NHÌN LẠI THỜI THƠ ẤU VÀ TUỔI ĐÔI MƯƠI

Tôi sinh ra trong một gia đình trung lưu chỉ được vài chục mẫu ruộng, nhưng từ thời ông nội, tất cả gia sản đã dồn lại đầu tư vào một ngôi nhà ngói tương đối rộng rãi đồ sộ nhìn ra cánh đồng Lạc Điền, trải dài về phía nam tỉnh Bình Định, nơi tôi mở mắt chào đời giữa sự hân hoan tột cùng của mẹ tôi. Bởi vì “bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại”, bất hiếu có ba điều, tội không có con trai nối dòng là lớn nhất, nếu mẹ tôi sinh con gái nữa, ông tôi bắt buộc ba tôi rước nàng hầu. Sau này khi ba tôi đã sáu mươi tuổi, tôi tinh nghịch hỏi cảm tưởng của ông trong thời gian hồi hộp hể hả ấy, ba tôi chỉ mỉm cười mắt nhìn vào dĩ vãng xa xăm nhớ lại cơ hội quý báu của sự hợp thức hóa quyền uy nam tính trong lạc thú đa thê mà vẫn êm ấm gia đình. Còn mẹ tôi, bà hãnh diện bông bé tôi đi lại trong gian nhà đầy ắp đồ cổ bình sứ, đồ đồng rực rỡ sáng lóng lánh, trên tường treo la liệt liễn đối hoành phi, giữa những áng sách cao, những nghiên bút, chỉ có ông tôi và ba tôi lúi húi tra khảo, tìm tòi. Lên năm tuổi tôi bắt đầu gào lên: thiên là trời, địa là đất trong sách Tam Thiên Tự, trước khi cầm bút sắt học Quốc ngữ và Pháp văn. Lên mười tuổi, ban ngày học lớp nhất trường tiểu học với một vị thầy cầm thước bẻ gãy đánh vào mông học trò rướm máu, nếu ai không đọc trôi chảy bài học thuộc lòng Pháp ngữ récitation, đêm về vẫn phải nhồi vào óc những “Tri nhơn, Ai nhơn” học cách biết người và yêu người trong sách Luận Ngữ, một quyển sách quan trọng trong bộ Tứ Thư, mà ba tôi, vị thầy dạy tôi cả Pháp ngữ, lẫn Hán văn, bắt tôi trèo lên kệ sách kính cẩn

lấy xuống để trước mặt người, rồi vòng tay đứng nghe ông giảng, ngoan ngoãn hơn cả Bá Ngự, người con yêu của Đức Không Tử đang hầu sách với cha. Hằng đêm tôi vẫn phải ra rà đọc lâu lâu như vẹt kêu những câu như: “Quân tử câu chư kỷ, tiểu nhân câu chư nhân”, người quân tử câu nơi mình, căn bản do mình, kẻ tiểu nhân câu nơi người chỉ dựa theo người; tiếng gào Nho giáo thống thiết lúc thiếu thời quả thật chỉ giúp tôi có được một cái giọng tốt sang sảng để hùng hồn ăn nói cho quãng đời bắt đầu đi làm việc về sau...

Năm 1956, tôi thi đậu cả ba cuộc thi tuyển vào ba trường chuyên môn: Sư Phạm, Y Tế và Canh Nông. Ba tôi để cho tôi tự do quyết định, bởi vì “Nhậm trọng đạo viễn” trách nhiệm thì nặng, đường thì xa. Sự lựa chọn một nghề nghiệp để đi suốt cuộc đời mình, để lập thân hữu dụng, để gây hứng khởi trên con đường thi ca sáng tạo, quả là một suy tư nhức óc cho cậu học trò mười tám chỉ quen với sách vở và mơ mộng đầy trời nhưng thực tế công gai cuộc sống chưa bao giờ thực sự bước qua. Chị tôi và bày em nhỏ bé nai tơ theo dõi sự lấy quyết định quan trọng của tôi trong bầu không khí thật khẩn trương. Cuối cùng tôi đã chọn lựa nghề nghiệp, sự lựa chọn này không dựa trên những lượng giá quan trọng như ba tôi mong muốn, nếu biết được ông sẽ vô cùng thất vọng cho đứa con hời hợt, nông cạn, đã uổng công rèn luyện đào tạo để bất cứ làm việc gì đều phải cân nhắc với tất cả trí tuệ cùng sự hợp lý khôn ngoan.

Mùa hè 1956, khi bài vở nhà trường cùng triết lý Nho giáo đã ớn lên đến cỡ họng làm điêu đứng cái thân thể còm cõi gầy yếu của tôi, tôi lén ba tôi mượn đọc quyển “Bàn tay máu” của Phi Long, một quyển sách gây cảm giác mạnh hồi hộp kinh dị, tác giả viết cho những người đọc dễ tính mua vui trong lúc trà dư tửu hậu. Câu chuyện nhiều tình tiết éo le bất ngờ sôi động, nhưng nếu tôi gặp được tác giả để thảo luận thêm bớt chi tiết, khiến câu chuyện trở nên hợp lý hơn, hấp dẫn lôi cuốn hơn, và hy vọng quyển “Bàn tay máu” sẽ là sách bán chạy nhất trên thị trường tiêu thuyết trinh thám Việt Nam.

Trong danh sách những thí sinh trúng tuyển vào trường Quốc Gia Nông Lâm Mục khóa hai, tôi đọc trên một tờ báo, có tên Lê Hữu Trung tự Phi Long, ắt hẳn tác giả “Bàn tay máu”. A! Hấn

đây rồi, còn đợi gì nữa, không còn cách nào từ chối nữa cái cơ hội để thảo luận ít nhất trong ba năm, viết lại cho hay hơn quyển "Bàn Tay Máu".

Thế là tôi khăn gói lên đường đi Blao nhập học.

Nhờ cái tên Lê Hữu Trung có ghi thêm chữ tự Phi Long, nhờ cái lý do không hợp lý nông cạn trong việc chọn trường chuyên môn, đã mang đến cho tôi vô số cái may hợp lý làm thỏa mãn những ước mơ sâu xa của một tâm hồn phiêu lưu lãng tử, cuộc sống thèm đi, thèm học hỏi với sao thiên di thuận theo định mệnh ý trời. Chỉ riêng trước năm 1975, nhờ làm việc tại Bộ Canh Nông, tôi đã đặt chân trên 15 quốc gia của quả đất này, mỗi ngày đường như nhỏ bé hơn.

Thiên nhiên và con người đã ảnh hưởng sâu xa đến tâm hồn son trẻ mộng mơ của thời niên thiếu. Tuổi lên mười, ngoài những ngày đi học, những bình minh hồng tươi đẹp, tôi băng qua cánh đồng leo lên đồi cát quê hương nhìn về hướng đông, biển bao la xanh ngát một màu, mặt trời từ từ nhô lên, đồi cát phơn phớt hồng dần trải về xa, rục rĩ lóng lánh. Gió mơn man khích động tâm hồn. Ngàn liễu vi vu mơ hồ thánh thót. Tôi ngồi bất động hàng giờ đắm chìm giữa trời nước bao la, tâm hồn bay lên, bay lên mơ màng lãng đãng. Gió biển nắng hồng quyện ướp thiên nhiên vào thân thể tôi, ru cậu bé lên mười tan loãng vào vũ trụ bao la, hư vô kỳ diệu. Ngày tháng trôi qua, ngoài thời gian cấp sách đến trường, tôi chỉ tìm lại được tôi, tôi chỉ thật sự sung sướng khi một mình đối diện với thiên nhiên, đắm chìm trong trời nước xanh biếc mênh mông, ngàn liễu ngân nga thì thầm réo gọi. Và một ngày trong năm tháng tuổi thơ tuyệt vời đó, trong một phút xuất thân, tôi bỗng khẽ ngâm nga.

*Bình minh cười rục biển
Trăng sao trốn cuộc đời
Hồn bi hồng ai liệng
Nằm trên cát chơi vơi
Bóng đêm chạy trốn cuối trời
Gió lên ngàn liễu tiếng đời vi vu*

A! Tôi làm thơ và đó là bài thơ đầu đời của tôi, của cậu bé lên mười.

Năm mười tám tuổi, tuổi tràn trẻ nhựa sống ngập lụt hoài bão ước mơ; cùng với hơn năm mươi bạn hữu bốn phương tôi về trường Quốc Gia Nông Lâm Mục Blao học tập. Trong ba năm trời, những chuyến đi thật sâu vào núi rừng, đi đến những nơi ngỡ là chưa bao giờ có người đặt chân tới, nằm trên thảm lá mục nhìn lên vòm cây đan kín trên cao, tiếng núi rừng âm ỉ dâng lên, trong cảnh tượng hùng vĩ bát ngát, tôi đã say sưa ngây ngất quên đời. Tình yêu thiên nhiên trong tôi càng thêm sâu sắc phong phú hơn lên, với thời ấu thơ say mê biển cả, tuổi đôi mươi ngây ngất đắm đuối với núi rừng. Tôi thường ngắm biển như một người đẹp trong bộ áo mong manh, tươi hồng thoải mái sau khi tắm mát tẩy sạch bụi đời, và tôi thường thức núi rừng như chiêm ngưỡng một giai nhân trong y phục lộng lẫy màu thiên thanh, rục rờ mời gọi thể nhân về vui dự hội.

Ba năm trời tại trường Quốc Gia Nông Lâm Mục, những buổi chiều lang thang trên đồi trà, nhìn nắng chiều dần dần chìm khuất, đồi trà mênh mông dần trải chạy tít mù xa, lớp lớp hàng hàng cây trà xanh đôi màu xanh sẫm rồi bóng đêm chụp xuống đen đậm, tôi đi giữa thiên nhiên bao la biến đổi huyền diệu kỳ ảo, lòng rung lên muôn điệu, ngân vọng theo đuổi cả đời tôi, chất ngất nỗi niềm

Một buổi chiều trong giảng đường vắng lặng, các bạn đã ra về sau buổi học, riêng một mình tôi ngồi lại thường thức tạp chí Bách Khoa vừa mới nhận còn thơm mùi mực, trong đó có đăng bài thơ “Những nẻo đường đất nước” của tôi. Chiều cao nguyên êm ả, con người như quỵện vào mây gió bay bổng lên cao, nắng mịn màng như một giải lụa quấn quít đôi chân, tiếng guốc gõ nhịp tiến dần đến giảng đường nơi tôi đang ngồi nhìn chiều rơi, rung động ... Áo dài màu trắng tinh khiết, dáng đi uyển chuyển dịu dàng, tiếng guốc gõ đều theo nhịp chân có chủ định, linh cảm báo cho tôi biết giai nhân đang tiến về hướng tôi. Tôi từ tốn đứng lên, đôi tay thừa thãi khoanh trước ngực, mắt trong mắt đứng nhìn. Đôi má hồng bừng đỏ lên, khóe thu ba chợt hạ xuống ngừng trên trang báo Bách Khoa in đậm nhan đề bài thơ “Những nẻo đường đất nước”, trong giây lát tiếng nói theo hơi thở nồng xao xuyến:

- Em đã đọc bài thơ "Những nẻo đường đất nước", một bài thơ hay, một tuyệt tác của nhà thơ lớn. Cảm ơn thiên tài Huy Lục, cảm ơn Anh...

Chỉ có thể thôi. Tiếng guốc xa dần, tà áo trắng mờ ảo chơi vơi trong nắng chiều sắp tắt. Tôi thấy mình lớn dần, vĩ đại bay bổng lên, phiêu bồng mênh mông hạnh phúc. Cảm giác ấy lồng lộng choáng ngợp trong tôi hàng tháng, hàng năm ... Cho đến bây giờ, khi đã vào tuổi sáu mươi, tuổi “lục thập nhi nhĩ thuận”, đã từng nhận giải Văn Chương Nghệ Thuật của Việt Nam Cộng Hòa, trị giá mười lạng vàng, đã từng nhận nhiều giải thưởng tại Hoa Kỳ, có giải thưởng lên đến gần trăm ngàn Mỹ kim, nhưng chưa bao giờ tôi có cái cảm giác sung sướng hạnh phúc bao la choáng ngợp tràn ngập mênh mông trong tâm hồn như buổi chiều đẹp ru mơ ngày xưa ấy ... Sự việc xảy ra thật ngẫu nhiên, nhưng đúng thời đúng lúc, hăng in sâu đậm vào tâm hồn niên thiếu, thúc đẩy, khích lệ tôi bay bổng lên, rạng rỡ tiến vào đời.

Những nẻo đường đất nước

(Đã được đưa vào chương trình

Giảng văn Trung học Việt Nam Cộng Hòa)

Huy Lục Bùi Tiên Khôi

Tôi đã đi

Từ Cà Mau ra Bến Hải

Tôi đã dừng lại

Khắp các nẻo đường

Nước xanh màu bát ngát đại dương

Hay trùng điệp núi rừng cao nguyên đất đỏ

Tôi đã qua

Khắp các đô thành nguy nga to, nhỏ

Bãi bẽ đời thông

Lúa Hậu Giang bát ngát ngập đồng

Dừa Bình Định tô xanh miền cát trắng

Tôi đã gặp

Cô gái sông Hương tóc thè bay trong nắng

Vành nón nghiêng nghiêng che cả bầu trời

Tôi đã về
Miền quê nhỏ xa xôi
Trưa buồn tẻ theo tiếng gà eo óc
Tôi đã theo xe
Qua những quãng đường gian nan khó nhọc
Đà Lạt, Pleiku
Đất đỏ lên hương gió bụi mịt mù
Cảnh xơ xác hay thần tiên quái dị
Tôi đã nghỉ lại
Đêm trăng rằm Quảng Trị
Nằm nghe sông Bến Hải khóc chia đôi
Một chiếc cầu mà hai nhịp xa xôi
Vàng trắng xẻ đôi phân ngăn cách
Tôi đã ghé
Đồng U Minh qua bao bụi bờ sông lạch
Nước phèn chua bụi rậm quán chân giày
Đêm không mừng mặc cho muỗi no say
Sao thỏn thức trên đọt cây rừng cô quạnh
Tôi ở lại
Thủ đô chiều mưa tạnh
Đời dâng lên những làn má căng tròn
Bàn tay gầy xoay mạnh chiếc ly con
Bao mộng tưởng ngát ngây cùng hớp rượu
Tôi đã về
Phan Rang với Tháp Chàm kỳ cựu
Canh trường say trong giấc ngủ ru con
Giọng hời... hời... nã nuốt héo hon
Nghe nức nở tưởng chừng như đứt ruột
Tôi đã lang thang
Giữa đồn điền Ban Mê Thuật
Ly cà phê chôn tiếng gọi lên đường
Trống bập bùng đêm hội trên trường
Hoang sơ quá lỏa lồ cô gái thượng
Tôi đã ngồi
Trên đập đồng Cam khi nắng chiều đỏ xuống
Theo nước về cho đồng ruộng thêm tươi
Đôi vợ chồng tát nước hò ơi!

*Gầu nước đổ theo tiếng lòng hối hả
Những nẻo đường đã qua
Làm sao tôi nhớ cả
Từ quanh co khúc khuỷu ở thôn quê
Hay đại lộ phẳng phiu tấp nập kẻ đi về
Thơm biết mấy những nẻo đường đất nước
Những người tôi gặp được
Dầu lạ hay quen
Dầu kẻ giàu sang hay lam lũ nghèo hèn
Dầu cụ già bảy mươi, cô gái ngây thơ mười tám
Dầu chị sinh viên trắng xanh
Hay bác nông dân đen xạm
Dầu Bắc Nam Trung
Ôi đẹp làm sao duyên thắm vô cùng
Tôi yêu cả những con người đất Việt
Những chuyến đi qua rồi tôi rất tiếc
Làm sao sống lại những con đường
Làm sao về gặp lại kẻ yêu thương
Tôi ao ước chuyến đi dài bất tận....*

X X X

Năm 1954, hiệp định Genève chia đôi đất nước, Việt Nam Cộng Hòa từ Bến Hải đến Mũi Cà Mau là một nước nông nghiệp, 90% dân số làm nghề nông nên Chính phủ ưu tiên mở trường Cao Đẳng đào tạo chuyên viên nông nghiệp và được vị nguyên thủ quốc gia đích thân cắt băng khánh thành vào năm 1955.

Xin được hồi tưởng về ngôi trường chuyên môn của tôi sau 40 năm tốt nghiệp, bốn mươi năm thời gian bề dâu sương khói đã nhòa nhạt xuôi giòng, riêng tôi, sau khi giã từ Blao, đã qua nhiều ngôi trường khác, nhưng xúc cảm và ấn tượng tốt đẹp về ngôi trường xưa vẫn choáng ngập đậm nét hơn bất cứ một ngôi trường nào đã trải qua sau này.

Sau khi ty nạn ở Hoa Kỳ, tôi thường được mời đi thuyết trình cho các sinh viên muốn lấy văn bằng về môn Comparative Literature, tỷ giáo văn chương, nên từ sự so sánh trong văn

chương tôi bị ảnh hưởng hay liên tưởng so sánh ngôi trường mới với ngôi trường cũ rục rờ hình ảnh ba năm nội trú tuyệt vời.

Ngôi trường Quốc Gia Nông Lâm Mục quả thật là ngôi trường số một, chẳng những là ngôi trường vĩ đại đầu đời của tuổi đôi mươi, mà còn là ngôi trường dân sự chuyên môn đầu tiên vĩ đại nhất của Quốc gia thời bấy giờ. Các bạn đừng cho tôi vì quá yêu trường mà lộng ngôn đâu nhé! Tôi sẽ lần lượt chứng minh từng điếm về ngôi trường đã đào tạo ra những môn sinh làm cộng đồng nhân loại gần gũi nhau hơn, hiểu biết nhau hơn, nhân ái tốt đẹp hơn.

Miền Nam Việt Nam trong năm 1955, đâu có một ngôi trường Cao Đẳng chuyên môn nào được cấp học bổng \$1,500 đồng một tháng. Khi tôi vào Tòa Hành Chánh tỉnh Bình Định để lấy sự vụ lệnh và thông hành đi máy bay miễn phí ra Huế, cô thư ký đánh máy công nhật đưa giấy tờ chúc tụng tôi lên đường: “Học bổng hằng tháng của trường Nông Lâm Mục anh học còn lớn hơn tháng lương của em chỉ \$1,200 thôi”. \$1,500 một tháng lúc bấy giờ mua được nửa lượng vàng, hoặc 15 tạ gạo.

Nằm bên tay trái quốc lộ 20, tại cây số 187 từ Sài Gòn đi Đà Lạt, ngôi trường trải dài từ xã Tân Bùi đến chợ Blao, rồi kế tiếp ranh giới sở trà Pitchené. Diện tích ngôi trường kể cả khu ngũ cốc, vườn cỏ (grass collection), thí điếm cây ăn trái, vườn ương, vườn rau, vườn cam và đồng cỏ (pasture) rộng đến 200 ha mẫu Tây tức là 494 acres mẫu Hoa Kỳ, rộng hơn bất cứ một ngôi trường văn hóa chuyên môn nào trên nước Việt Nam và rộng hơn cả đại học Rice ở Houston (300 acres), một trong những đại học tốt nhất Hoa Kỳ.

Du khách đi Đà Lạt, khi xe tiến vào cây số 186 nhìn qua tay trái những dãy biệt thự xinh xắn của giáo sư Nông Lâm Mục, màu tường trắng nổi bật trên khung cảnh xanh biếc của cây cỏ núi rừng. Một số giáo sư của Đại học Sài Gòn và nhiều vị giáo sư đại học khác, khi qua đây đã từng nhìn bầu trời xanh, mơ ước được vào dạy ở nơi đây, mỗi sáng ngồi trong biệt thự tiện nghi, uống trà tươi nghe tiếng cỏ cây trăn trở thì thầm.

Cổng vào trường được xây cất kiên cố, mang tấm bảng hiệu to lớn chữ đỏ chói, đập vào nhãn quan gây một ấn tượng bao quát vĩ đại cho du khách viếng trường. Ba khu giảng đường nằm

kể bên nhau lùi dần về phía sau, nằm dưới những tàng cây xanh biếc, áp ủ khung trời thân yêu của ba năm sách vở trong tay đến lớp học hành. Mỗi giảng đường có ba bốn lớp học và phòng thí nghiệm. Những chiếc ghế có gắn liền mặt bàn đánh vệt ni bóng lộn, hai bên tường kính mỹ thuật, ngòi trong lớp có thể nhìn thấy đàn bướm chập chờn trên những luống hoa sặc sỡ trước biệt thự của các giáo sư hoặc nhìn qua phải, tâm mắt có thể đến tận khu rừng xanh ngát trải dần ra. Tôi bảo đảm với các bạn là không có lớp học nào tiện nghi, thoải mái, thơ mộng thú vị như lớp học của trường Nông Lâm Mục Biao, kể cả so sánh với những đại học danh tiếng nhất Hoa Kỳ.

Tháng sáu năm 1987, tôi được mời dự lễ ra trường tại đại học Harvard, cùng vui chơi với class re-union, ngày họp mặt khóa của một đại học đã thành lập cách nay 350 năm, đại học danh tiếng nhất, lâu đời nhất tại Hoa Kỳ. Những cây cổ thụ tàng lá sum sê, đây những chú sóc chạy nhảy đùa giỡn tung tăng trên thảm cỏ, những tòa nhà cổ xưa kiến trúc kiên cố với những bức tường quần phủ đây những cây trường xuân xanh thắm, đến những công trình kiến trúc của khu Carpenter Center do kiến trúc sư nổi danh người Pháp Le Corbusier vẽ kiểu mẫu mà bất cứ dân Harvard nào đều hãnh diện giới thiệu với du khách. Tôi đã thuyết trình trước bốn trăm sinh viên Harvard, hơn một phần mười là người Việt về đề tài thi ca Việt Nam, tại căn phòng mà thi sĩ Monroe Engel đã đến đây để giảng về văn chương hiện đại. Sau đó tôi đã yêu cầu các sinh viên Việt Nam hướng dẫn tôi đi xem những lớp học từ nhỏ nhất có thể chứa mười người đến đại giảng đường có thể mời hàng ngàn khán giả. Tôi phải hết sức thành thật nhận định rằng không có một lớp học nào ở đại học Harvard mà hội đủ những tiêu chuẩn, tiện nghi, thoải mái, thơ mộng, thú vị như lớp học của trường Nông Lâm Mục Biao.

Rời khu giảng đường Nông Lâm Mục tiến qua cột cờ, ba tòa nhà phòng ngủ của sinh viên, đây tiện nghi, tân kỳ nằm soai soải bên nhau nhìn ra mặt lộ, mặt tiền mỗi tòa nhà được xây cất nhô ra, hai cánh tả hữu hai bên, mỗi bên 6 phòng, mỗi tòa nhà 12 phòng nơi sinh sống của 48 sinh viên. Phòng rửa mặt cầu tiêu nằm chính giữa tầng dưới và trên lầu là phòng tắm, phòng tập thể dục với lan can để nhìn mặt trời dần dần chìm khuất, hoàng hôn lặng lẽ

bao trùm, đêm tối dâng đầy tiếng rì rầm của núi rừng ngàn cây xao xác. Phòng ngủ đó, cựu sinh viên chúng tôi đã có vô vàn kỷ niệm và tôi phải một lần nữa chứng minh không có một dormitory nào, kể cả những đại học tốt nhất tại Hoa Kỳ như MIT (Massachusetts Institute of Technology) có thể sánh được.

Đại học MIT có một thủ tục đặc biệt, không có ở bất cứ đại học nào khác. Trong năm thứ nhất sinh viên chỉ cần học vừa phải để đậu, khỏi phải bị đánh hỏng là đủ, giáo sư không phê điểm A, B, C, D chỉ ghi rõ Pass hoặc Fail mà thôi. Nhất là thời kỳ hoạt động độc lập, The Independant Activities Period (IAP) là thời gian sau khi thi xong các môn trong năm thứ nhất, sinh viên liên hoan, tổ chức party, ăn chơi nhảy nhót thả dãn. Tôi được mời đến thuyết trình tại MIT vào đúng thời kỳ IAP năm 1989 với đề tài “Rượu và đàn bà trong thi ca Việt Nam”, do hội Asian Student Organization trả mọi chi phí, đây là một hội hoạt động nổi tiếng nhất trong 280 hội đoàn tại MIT, một đại học đào tạo ngành kỹ sư tốt nhất trên quả đất này. Tôi còn nhớ rõ chuyến đi bộ hàng giờ kỳ thú trong “hành lang vô tận” “The Infinite Corridor”, một trong những con đường hành lang liên tục dài nhất thế giới, từ dãy dinh thự số 7 đưa đến dãy dinh thự số 3, 10, 4, 8, 16, 56 và cuối cùng vượt qua tòa nhà số 66 đến giảng đường, nơi đó đã có khoảng 300 sinh viên hơn phân nửa là người Á Châu đang chờ đợi tôi trong một căn phòng thật âm cúng, trang trí theo kiểu cách đông phương. Tôi đã đứng trên bục gỗ chào mừng cử tọa và hỏn hển thưa rằng: “Sau chuyến đi bộ qua hành lang vô tận của MIT, tôi đã kiệt sức và bây giờ nếu Eva có xuất hiện tôi cũng đành chịu, tôi chỉ cần một ly rượu thôi...” tức thì 300 sinh viên đồng đứng dậy vỗ tay hò hét vang lừng cả vài phút, sau đó một nữ sinh viên Việt Nam mang đến cho tôi một ly nước suối trong lành. Uống xong tôi quay lại đặt ly nước suối xuống bàn, định khởi sự thuyết trình thì thấy trên bảng ai đã viết sẵn mấy chữ IHFTP, đây là năm chữ đầu viết tắt của khẩu hiệu bán chính thức tại trường MIT mà từ sinh viên đến giáo sư, khoa trưởng mọi người đều biết, đều công nhận, truyền khẩu từ trăm năm trước đến nay, để mô tả cách thức tranh đua học hành gay gắt, học trôi chết thật đáng ghét, thật đáng chửi thề tại đại học danh tiếng này. Tôi cảm viên phẩn trên kệ bảng, viết tiếp cho đầy đủ trọn chữ của câu này: I Hate This Fucking Place (Tao

ghét chỗ đeo kiềp khó học này). Khi tôi quay lại cả 300 sinh viên sững sờ vài giây rồi reo hò âm ỉ la vang “Ông đúng là giảng sư MIT vì đã biết rõ trường chúng tôi”.

Đêm hôm đó, tôi nghĩ lại một trong mười tòa nhà ngủ của MIT. Chỉ có một tòa nhà ngủ gồm toàn nữ sinh viên và số còn lại nam nữ sinh viên sống chung lẫn lộn. Điều lệ nam nữ sinh viên sống chung có thể thay đổi từ tòa nhà này đến tòa nhà khác, có tòa nhà nam nữ sinh viên sống riêng biệt phòng với nhau, có nơi nam nữ sinh viên sống chung, chỉ ngăn cách bằng một lối đi, hoặc bằng một bức tường mong manh, cùng chia sẻ với nhau cầu tiêu, phòng tắm. Tôi ngủ qua đêm vào loại phòng ngủ cuối cùng này. Khi đặt lưng trên chiếc giường nệm, sự thoải mái êm ấm thua xa bộ giường nệm mới toanh tại căn phòng nội trú Blao, tôi thầm nghĩ đây có thể là căn phòng nội trú của người bạn khóa 2 Phí Minh Tâm thời Blao xa xưa của chúng tôi và tôi muốn mời Phí Minh Tâm, cựu sinh viên Nông Lâm Mục và MIT cùng lên tiếng xác nhận rằng không có một tòa nhà ngủ của sinh viên bất cứ đại học nào, dù là những đại học tốt nhất Hoa Kỳ như MIT, mà hội đủ tiêu chuẩn: tiện nghi, thoải mái, thơ mộng, thú vị như phòng ngủ của trường Nông Lâm Mục chúng ta.

Marcel Proust, nhà văn bậc thầy của nước Pháp, đã dành 17 năm chót của đời người để đi tìm thời gian đã mất trong bộ trường thiên tiểu thuyết gồm 16 quyển, 4000 trang giấy, với nhan đề “À la recherche du temps perdu” (Remembrance of things past). Đối với tôi, trên con đường đi tìm lại ngôi trường nông nghiệp của tuổi đôi mươi đã mất, xin ghi lại bài thơ “Chúng Tôi” được cảm xúc nhân ngày tốt nghiệp 1959, vài chữ trong 4 câu cuối được sửa đổi cho hợp với hoàn cảnh bạn học cũ gặp lại ở quê người.

CHÚNG TÔI

*Chúng tôi
những người tâm hướng
siết tay nhau trên con đường lý tưởng
học viện ba năm
chung bước đường mòn
những mái đầu non*

bóng đổ bên nhau chung đèn học tập
những ngày vui rộn dập
những chiều buồn đuổi theo
thu trên lộ hoa vàng
nắng trải lụa gió reo ...

Tôi nhớ
ngày khai trường bờ ngõ
hè cao nguyên
chiều nhẹ vút lên không
những chàng trai say gió núi mây hồng
tay nặng sách đưa mắt tình theo ghé
nhiều chị
giữa đồi núi bao la thu mình nhỏ bé
làn tóc xanh
giòng suối óng ả bình minh
trời xanh cao nắng gió dâng tình...

Những sáng âm u
sương mù lạnh lạnh
dấu hai tay trong túi quần tà áo
đi cạnh bên nhau
hạt bụi đỏ bên đường
thôn thức bước chân mau...

Những chuyến thám du
trùng điệp mênh mông núi rừng bát ngát
nổi vòng tay ôm non cao ca hát
mơ ngày mai nước giàu mạnh an vui
chị đi chăn nuôi
anh: rừng núi
tôi: ruộng đồng
chúng mình cùng phục vụ non sông

Đêm ngồi nghe thác Pongour vĩ đại
tấu khúc thiên nhiên dào dạt xuân đời
tiếng rừng đêm hoang dại

hồn bay lên ngậy ngắt chơi vui...

*Đôi trà mở hội hoa đăng
đêm tốt nghiệp trăng khuya
chia tay đường về run bóng
rượu trong ly cùng nỗi buồn nổi sóng
nhưng không bao giờ ngăn cách chúng tôi
chút nắng thu rùng
vẫn ấm mãi trên môi ...*

*Nhớ về chúng tôi
những hoa nông nghiệp mẫn khai
dâng đời nguyên vẹn
bốn mươi năm sau không hẹn
gặp nhau trên xứ lạ quê người
tìm nhau trong đôi mắt buồn
vùng trời Bảo Lộc nắng vàng tươi ...*

Huy-Lục BÙI TIÊN KHÔI



Mời bạn chia sẻ cùng
TRẦN HOÀI THU
qua **phụ tập đặc biệt** của
THƯ QUÁN BẢN THẢO:

TẢN MẠN VĂN CHƯƠNG.

(tập I)

Liên lạc:

THƯ ÁN QUÁN

719 Coolidge Street

Plainfield, NJ 07062

Email: tranhoaithu16@gmail.com



NGUYỄN NHUNG
(Houston - Texas)

NGỌN NẾN LUNG LINH



1

Tôi không nhớ được mùa Giáng Sinh năm ấy tôi bao nhiêu tuổi, nhưng chắc chỉ độ lên mười. Có lẽ đó là một mùa Giáng Sinh khá buồn và âm đạm vì các anh chị tôi đi làm, đi học xa chưa về kịp, ở nhà quạnh quẽ chỉ còn hai mẹ con. Thời thơ ấu, tôi thêm lắm những bóng đèn xanh đỏ chớp nháy trên cây Giáng Sinh, một hàng đá bằng giấy quét mực đen với những tượng Thánh xinh xinh bằng đất nung. Nhưng mộng ước ấy xa vời lắm đối với một đứa

trẻ mười tuổi quá bé bỏng, trong lúc mẹ tôi xoay sở lo cho các con com ăn áo mặc là một gánh nặng nhọc nhằn, trên đôi vai bé nhỏ của người đàn bà góa bụa.

Là một đứa trẻ con, nhưng dường như ông Trời đã cho tôi một tâm hồn khá nhạy cảm để âm thầm tìm niềm vui cho mình từ những nhỏ nhoi nhất. Bởi vậy, đêm Giáng Sinh năm ấy dù không có đèn sao nhấp nháy, những trái châu xanh đỏ, nhưng tôi đã biết dùng những chiếc kẹo đủ màu để treo lên nhánh cây dương xỉ nhạt được trong khu nhà thờ, khi người ta đến đó trang hoàng hang đá cho mùa Giáng Sinh. Duy nhất một ngọn nến trắng bập bùng, ánh sáng lung linh hắt lên tường bóng một cành cây và một bóng người. Ngọn nến trắng đêm ấy đã làm cho cành cây và cái bóng của đứa trẻ thơ như lớn hơn, in lên tường chập chờn một giấc mơ tuyệt vời ấm áp. Tôi không nhớ được hết cảm giác đó vì thời gian qua đi khá lâu, nhưng cảm nhận về ngọn nến trắng thời thơ ấu đã giúp tôi vượt qua nhiều nỗi buồn, mỗi khi lẻ loi, thất vọng, tôi vẫn cứ nhớ hoài ngọn nến trắng mùa Giáng Sinh năm tôi mười tuổi. Tôi còn nhận được một món quà đặc biệt của bà hàng xóm, bạn của mẹ tôi, cho đến bây giờ dù thời gian qua đi mấy chục năm, tôi vẫn hình dung ra được hình dáng và mùi vị của nó: một củ khoai lang nướng.

Món quà Giáng Sinh nghèo nàn của bà hàng xóm quê mùa thật vừa bụng tôi lắm, dù rằng mẹ tôi có làm vài món ăn đặc biệt cho ngày Lễ. Tôi mơ màng nhìn ngọn nến lung linh soi lên cây Giáng Sinh của tôi, cứ gọi như vậy vì nó là niềm vui có thể làm được của một đứa trẻ con mười tuổi, củ khoai nướng gói trong mảnh lá chuối còn nóng hôi, mùi mật ngọt của khoai bốc lên thơm lừng, mùi rom rạ hình như còn ủ trong lớp vỏ khoai cháy xém. Nụ cười triu mến trên khuôn mặt hiền lành của bà hàng xóm, khi đưa cho tôi món quà Giáng Sinh nghèo nàn ấy. Cho đến bây giờ tôi vẫn nhớ khuôn mặt quê mùa, chân thật của bà, củ khoai lang nướng đêm Giáng Sinh ngày thơ ấu đã theo tôi vào đời. Khi trưởng thành, những lúc bụng đói mắt cay, đời gặp lúc gian nan, buồn tủi, tôi cũng nhớ củ khoai nướng, nhớ mùi khoai lang nướng. Khi sung sướng hạnh phúc ở quê người, đời no đủ những cao lương mỹ vị, tôi cũng nhớ mùi khoai nướng. Phải chăng trong tôi

vẫn vẫn vương thứ TÌNH NGƯỜI nhỏ nhoi ấy, không thể mua được bằng tiền. . .

2

Tôi yêu ngắm lửa ngọn nến trắng từ hồi còn thơ ấu, chắc là ngọn nến sáng mùa Giáng Sinh năm xưa cũng đi theo tôi đến những chặng đường còn lại của đời người. Có một câu chuyện tôi sắp kể ra đây, đó là câu chuyện của ông cụ Rôbécô tôi có dịp gặp ở ngôi nhà nguyện. Mỗi ngày, sau Thánh Lễ buổi sáng, mọi người đã lục tục ra về, ngôi nhà nguyện đóng kín cửa như chìm trong yên lặng và bóng tối, chỉ còn lại duy nhất một ngọn nến trắng trên bàn thờ. Ánh nến hắt lên tường những chấm sáng lung linh, soi lên bức tượng Đức Mẹ bằng con bằng thạch cao trắng toát. Nến trắng và tượng trắng, tất cả chỉ là một màu trắng nhưng nghe trong thính lặng chút bình an tràn ngập tâm hồn.

Tôi ngồi lại một lúc giữa những hàng ghế chông trơ không còn ai, nhìn chăm chăm lên ngọn nến. Tôi ở lại một mình chỉ vì thích ngắm lửa nhỏ nhoi của ngọn nến, say sưa nhìn ngắm lửa lay lắt tỏa ánh sáng hắt hiu xuống chiếc khăn trải bàn cũng màu trắng, trong cái tĩnh lặng của tâm hồn. Tôi không cầu nguyện gì đâu, nhưng cảm giác bình yên khi nhìn ánh sáng của cây nến trắng đã rất đủ. Chắc hẳn trong mỗi đời người ai cũng có lúc thêm sự yên tĩnh của tâm hồn. À không, ở đây ghế bên kia còn một ông già Mễ Tây Cơ, ông vẫn quỳ im lặng nhìn lên ngọn nến như tôi vậy, nhưng khác hơn là miệng ông mấp máy cầu nguyện. Mặt ông héo quắt với chòm râu bạc, đôi mắt đăm đăm nhìn lên ngọn nến, nét mặt thành khẩn như đang cố bám lấy một niềm hy vọng nơi bức tượng Thánh trên bàn thờ.

Buổi sáng nay đi ngang công viên để đến nhà nguyện, tôi đã nhìn thấy mùa Đông trở về, một rừng lá vàng khô xôn xao đuối nhau lăn xuống cuối dốc, trơ lại những nhánh cây khô, treo trên đó là những thân tâm gửi đang đong đưa theo gió sớm. Buổi sáng đầu mùa Đông mang theo chút giá buốt, khu công viên chỉ lác đác đám người đi bộ, và những cây hoa dại có một sức chịu đựng dẻo dai, nở những bông hoa li ti trên bờ cỏ ven đường.

Khi ngọn nến tàn là lúc ấy tôi với ông già Mễ cùng ra khỏi ra nguyện. Ánh sáng leo lét của ngọn nến cháy bập bùng rồi gần như là xuống trong lòng chiếc bình thủy tinh trong suốt, y như cái ngoẹo đầu cuối cùng của một người khi từ già cõi đời. Ông già Mễ mỉm cười chào tôi trước sân nhà nguyện, ở đây có một vườn hoa nhỏ và hai băng ghế dài đặt song song đối diện nhau. Có khi tôi cũng ngồi lại một chút để nhìn vờ lữ chim sẻ đang nhảy nhót trên sân tìm mồi, bỗng đồng loạt bay ào lên khi thấy có bóng người bước tới. Đôi khi tôi và ông Rôbécô hay trao đổi vài câu chuyện nhỏ, cái miệng móm mém của ông phều phào kể cho tôi nghe những nỗi buồn nho nhỏ trong gia đình, ông hay đi nhà thờ để cầu nguyện cho đứa cháu đang đi lính ở phương xa.

Khi biết tôi ở lại một mình cũng chỉ vì thích ánh sáng lung linh của ngọn nến trắng, và câu chuyện mùa Giáng Sinh thời thơ ấu, ông Rôbécô cảm động lắm. Đôi mắt ông hấp háy, nhòa ướt qua giọng nói khàn khàn âm đục. Mùa Giáng Sinh đến, trời bắt đầu lạnh hơn, tôi có ý nghĩ chuẩn bị một món quà cho ông bạn già vong niên trước ngày Lễ Giáng Sinh. Có gì đâu, tôi lại nhớ đến củ khoai lang nướng bà hàng xóm tặng tôi đêm Giáng Sinh, bây giờ nghe ông Rôbécô thích vài món ăn Việt Nam, tôi nghĩ đến chuyện tặng ông một hộp cơm rang và chục cái chả giò tôm thịt. Chẳng có gì hơn bằng một món quà đáp ứng đúng sự ưa thích của người nhận, ông Rôbécô cảm động lắm khi nhận món quà của tôi buổi sáng trước Lễ Giáng Sinh vài hôm, tôi thấy đôi mắt ông nhòa lệ khi nắm lấy tay tôi nói phều phào những lời cảm ơn.

Tôi không nghĩ đến việc cho đi để nhận lại một món quà thật dễ thương của ông Rôbécô vài hôm sau đó. Khi tan buổi lễ, ông gặp tôi trước sân nhà nguyện, với một gói giấy hoa thật đẹp, thì ra ông già đã nhờ cô con gái mua hộ cho tôi một món quà thật xinh: đó là chiếc áo len màu hồng nhạt. Vẫn cái giọng Mễ Tây Cơ lùng lùng những thanh âm nặng nề, ông nói rằng món quà này thật là thích hợp cho tôi, người phụ nữ Á Đông có dáng dấp nhỏ nhắn và nước da trắng trẻo. Quả thật chiếc áo len màu hồng khi mặc vào đã làm tôi như trẻ lại hàng chục tuổi. Món quà của ông Rôbécô đã thấp lại trong tôi ngọn nến sáng mùa Giáng Sinh năm nào, với củ khoai lang nướng khi tôi là cô bé lên mười thuở ấy. . .

Ông Rôbécô đã qua đời vài năm nay, ông chết vì bệnh ung thư phổi. Những năm cuối của cuộc đời, ông không đến được nhà nguyện mỗi ngày, nhưng trước khi chết ông vẫn mong được gặp lần cuối khuôn mặt yêu thương của những người Việt ông quen biết. Rất tiếc là tôi không thường gặp ông sau này, nhưng tôi biết ông ra đi rất êm ả. Người ta kể rằng trong những giây phút cuối cùng của đời người, ông chỉ xin đốt lên cho mình một ngọn nến. . .

3

Những ngày cuối năm với những cơn mưa mùa Đông làm ẩm ướt không gian, đất trời như nặng trĩu một nỗi sầu da diết. Trong căn nhà vắng lặng, bóng chiều hình như đến vội với những giọt mưa rả rích ngoài hiên. Trời rét lắm, gió và rét khiến những chú chim sẻ nhiều chuyện không ríu rít như mọi ngày, chúng rủ nhau vào trốn gió sau bụi mía, lả mình vào hàng rào đang rung rung những chiếc lá úa. Những con chim sẻ mùa Đông trông thật dễ thương, xù lông ra tròn quay như một cụm len màu nâu xám biết nhảy nhót.

Góc vườn nơi cửa sổ nhà bếp rất khuất gió, bụi mía sắp tàn như một mái nhà tranh trống trước hờ sau, che tạm cho một gia đình nghèo khổ. Sau cơn mưa, trời chuyển qua những đợt gió lạnh buốt xương, tôi đứng từ trong nhà nhìn ra khung cửa kính nhà bếp, tò mò nhìn mấy chú chim sẻ núp dưới vòm lá mía. Cũng đỡ buồn lắm khi ngắm nhìn bầy chim sẻ mùa Đông, y như những đũa tré bụi đời trên vỉa hè thành phố một đêm mưa nào đó, rúc vào nhau trong tấm chiếu trải bên lề đường, cuộn tròn lại với nhau dưới tấm chăn bần. Mấy con chim sẻ cũng khôn ngoan rủ nhau tụ vào một chỗ, có con đang co ro ngủ gật, có con mắt láo liên, thỉnh thoảng lại lách chách bay lên tàu lá như vừa tìm được một con mồi đỡ lòng cho ngày Đông buốt giá. Nhu cầu ăn để sống vẫn bắt nó phải tìm mồi dù đôi cánh lão đảo trong gió rét như muốn rơi xuống thảm cỏ, trông thật tội nghiệp.

Đứng trong nhà nhìn qua lớp cửa kính trong suốt, ở góc phòng chớp tắt những chiếc đèn nhấp nháy trên cây Giáng Sinh, tôi thấy con chim bé bỏng đang vỗ vỗ đôi cánh nhỏ, rồi gõ cái mỏ nhỏ xíu lên mặt kính, cũng tò mò nhìn tôi, làm như nó cũng thèm

thường được vào trú ẩn trong căn nhà có ánh đèn ấm áp. Tôi chia xẻ được gì đây? Người và chim là hai thế giới khác hẳn nhau, và có lẽ dù được cho ăn no, chú chim sẽ vẫn không thích thú gì khi bị con người giam chú vào cái lồng chim chật hẹp. Những chú chim sẽ mùa Đông như những búp len xậm màu, xếp hàng xúm xít vào nhau để trốn gió sau rặng mía ven bờ rào, lại dẫn đưa tôi đến một khía cạnh khác của con người, mà ở câu chuyện này tôi vẫn thấy cái đẹp nhỏ nhoi của Tình Người ấm áp biết bao nhiêu. Đó là câu chuyện của hai người vô gia cư, hay là chuyện "**lá rách đùm lá nát**" đã làm thức dậy chút bằng khuâng trong tâm hồn những quả tim chai đá.

4

Một buổi tối mùa Đông trước ngày Lễ Giáng Sinh, trời mưa phùn, rét như cắt ruột. Đường phố vắng xe qua lại, phía xa là những ánh đèn màu rực rỡ chớp tắt quán trên những thân cây ven đường. Suốt một tuần sắp lễ Giáng Sinh, thời tiết bỗng dưng âm ỉ rét, những đợt gió lạnh từ hướng Bắc thổi về, người có việc ra đường co ro trong những chiếc áo ấm dày cộm và khăn phủ la quấn quanh cổ. Hình như người ta ngại đi ra đường vào một tối trời mưa như vậy, chỉ còn một vài cửa hàng bán "fast food" và cà phê là còn mở cửa, có đám người khách ngồi im lặng trầm ngâm trước khay thức ăn ăn uống uể oải. Khách đến tiệm vào giờ này có lẽ là những kẻ xa nhà, thiếu một bếp lửa hồng để sưởi ấm cõi lòng cô quạnh, ngày giáp Lễ thường sau giờ làm việc, ai nấy hối hả về nhà chuẩn bị đón mừng lễ Giáng Sinh.

Người phụ nữ bán hàng đang dọn dẹp mấy thứ lặt vặt, mong đến giờ đóng cửa để đi về, vì chỉ còn mấy tiếng đồng hồ nữa là đến nửa đêm. Bà nghĩ đến hai đứa con đi học xa vừa về nhà với mẹ mấy hôm nay, đã lâu lắm người mẹ chỉ mong được gặp các con trong những dịp Lễ Tạ Ôn hay mùa Giáng Sinh, và bà đã chuẩn bị những món ăn truyền thống mùa Giáng Sinh cho các con từ mấy ngày hôm trước. Gia cảnh đơn chiếc vì năm ngoái người chồng đã qua đời sau một tai nạn, bà vẫn ở một mình trong căn chung cư cũ kỹ, những ngày gió mưa căn nhà nhỏ như càng ẩm ướt, lạnh lẽo.

Ngay khi ấy, cánh cửa tiệm bật mở đem theo một làn gió buốt lạnh vào trong tiệm ăn, hai người đàn ông chòm đụp trong những tấm chăn bản bước vào tiệm. Người phụ nữ nghĩ đó là hai người khách cuối cùng, vì bà cũng nhớ ra đó là hai người đàn ông nghèo khổ, không có một mái nhà, chỗ trú của họ là cái gằm cầu ngoài xa lộ đi về hướng Galveston. Thịnh thoảng họ có dất nhau đến đây, trông họ có vẻ là hai anh em, người đàn ông lớn tuổi trông vẻ mặt rất ngây ngô như một đứa trẻ chậm phát triển.

Trong hai người đàn ông ấy, ông già gương mặt đờ đẫn, ngờ nghệch nhìn thế giới xung quanh ông như nhìn một thế giới khác, thời gian đã cày lên khuôn mặt ông những nếp nhăn chằng chịt, bộ râu hung hung nay đã xám ngoét, bết vào nhau như một cụm rom bản. Người đàn ông kia trẻ hơn, có đôi mắt màu xanh lơ trông hiền lành như màu biển, co ro trong chiếc áo rét bằng dạ xám bản và cũ. Họ rét lắm, chẳng đụp lên người những quần áo và chăn bản, bốc lên một mùi hôi. Ngoài trời, cơn mưa phùn mùa Đông như những chiếc kim khâu luôn từng giọt cắm cắm vào xương tủy, gió nhiều hơn mưa, mưa và gió lại là hai vị Thần nguy hiểm của những người bản cùng, nghèo khổ.

Hai người đứng xếp hàng chờ đợi. Người đàn ông trung niên vét mãi hết túi này đến túi kia được một nắm hào lẻ, chưa đầy một đồng bạc nhưng cũng đủ mua một ly cà phê nóng. Theo quy định của cửa hàng, khách vào tiệm phải mua một món gì mới được phép ngồi lại. Trời rét ngọt ở bên ngoài, nhưng trong tiệm thật ấm vì có máy sưởi, quần áo của hai người đàn ông nghèo khổ toát ra một mùi hôi khiến những người trong tiệm phải nhăn mặt. Mua xong ly cà phê, họ vội vã dẫn nhau vào cái bàn xa nhất, như sợ rằng mùi hôi trên quần áo, cái nheo nhóc, bản thiu của thân phận người nghèo cũng sẽ làm những người xung quanh khó chịu.

Người phụ nữ bán hàng để ý nhìn hai người "homeless" mà chỉ mua có một ly cà phê. Khi nhận ly cà phê trên tay bà, người đàn ông trẻ hơn vội vã đưa cánh tay diu người đàn ông già đi về chiếc bàn trong góc tối. Hình ảnh đó khiến bà xúc động, một người "không có gì" cũng đang cố sức giúp một người "không có gì" gượng đứng trên cõi đời đầy đau khổ, khi họ nhường cho nhau ủa đôi bàn tay lạnh cồng vào ly cà phê nóng còn bốc khói. Người đàn ông trẻ hơn đẩy ly cà phê vào đôi tay ông bạn già đang run rẩy,

rồi một chốc người kia lại đẩy ly cà phê sang phía người đối diện, họ cứ chuyền tay nhau ly cà phê nóng còn bốc khói mà không uống ngụm nào. Họ cần một chút ấm trong đêm nay, mà cơn gió tháng chạp lạnh lẽo đã luồn vào gầm cầu trống trải khiến họ rét run bần bật. Thời tiết và thời gian là đôi bạn đồng hành ác độc đè lên đôi vai họ một cách nghiệt ngã, để họ không còn sức chịu đựng mà chống chọi cơn giá rét mùa Đông như những năm trước.

Người phụ nữ đứng trong quầy hàng, như bút rút trước cái khổ của đồng loại. Dù sao bà cũng có một mái nhà để chui ra chui vào, dù sao bà cũng có hai đứa con, và lát nữa đây khi tiệm đóng cửa, con bà sẽ đến đón mẹ về nhà để đón mừng ngày Lễ Giáng Sinh. So sánh giữa hai cái khổ, bà vẫn thấy mình hạnh phúc hơn hai người đàn ông "homeless" kia. Không biết nghĩ sao, bà móc túi tìm vài đồng bạc lẻ, và thật sung sướng khi đóng vai một người khách, bà có đủ tiền mua tặng cho hai người đàn ông nghèo khổ một khay thức ăn nóng hổi. Bà bung khay thức ăn đến cái bàn của hai người đàn ông, với một nụ cười dịu dàng và câu chúc "**Giáng Sinh Vui Tươi**", bên chiếc khay còn thêm một ngọn nến trắng cắm trong cái ly nhỏ bằng thủy tinh trong suốt, bà vừa mua nó hồi trưa nay tại một tiệm chín mươi chín xu để buổi tối đặt trên bàn ăn, đốt lên ngọn lửa giáng sinh ấm áp mừng ngày xum họp trong gia đình.

Hai người "homeless" ngỡ ngàng nhìn người phụ nữ. Người đàn ông mắt màu xanh lơ có chòm râu bạc nhìn chăm chăm vào khuôn mặt của người phụ nữ tốt bụng, nói lời cảm ơn nghẹn ngào với đôi mắt rung rung. Ông đẩy khay thức ăn qua cho người bạn già ngớ ngẩn của mình, bằng ánh mắt thương yêu triu mến. Ngọn nến mà người đàn bà tốt bụng vừa đốt lên để mừng Giáng Sinh, cho họ một cảm giác tuyệt vời hạnh phúc, vì họ đang tận hưởng được sự trân trọng như những con người bình thường trong xã hội.

Sau khi ăn xong khay thức ăn, người đàn ông trẻ tuổi dọn dẹp rồi lại dìu người bạn già ra khỏi tiệm ăn. Đi qua chỗ người phụ nữ, ông ta ngược đôi mắt xanh và mấp máy một lời chúc tốt lành nhất mùa Giáng Sinh đến người phụ nữ, họ mỉm cười với nhau. Đã tới giờ đóng cửa, hai kẻ cùng khổ không nhà ấy dẫn nhau trở về cái dạ cầu, nơi trú ẩn của họ hằng bao nhiêu năm nay, họ xin người đàn bà cho họ mang theo ngọn nến trắng. Bụng đã no,

lòng đã ám vì tình người như một món quà Giáng Sinh quá bất ngờ, vừa rơi xuống từ Trời để họ biết là vẫn còn những tấm lòng tử tế trên cõi đời này. Người phụ nữ cũng sửa soạn ra về, mang theo trong lòng một niềm vui nhỏ nhoi mà thật là ấm áp. Đôi mắt xanh hiền hậu của người "homeless" nhìn bà lúc này trông quen quá, dường như bà đã nhìn thấy ở đâu? Sau một phút nghĩ ngợi, bà chợt "à" lên một tiếng nhỏ. Phải rồi, đó là đôi mắt tượng Chúa treo trên vách nhà nguyện, ngồi giữa một bầy trẻ thơ đang ríu rít đứng xung quanh.

5

Người ta kể cho tôi nghe một câu chuyện khác, lần này thì tôi nhớ ra ông Tom, người đưa thư da đen quen thuộc vùng ngoại ô SouthEast. Ông Tom gốc gác người Phi Châu, da đen bóng, tổ tiên ông bao đời đã từng sống nơi vùng đầm lầy Louisiana, người du lịch đó đây có thể thấy bên ven đường đi Baton Rouge, đài kỷ niệm những bước chân đầu tiên của người nô lệ da đen trên xứ Mỹ. Ông Tom làm nghề phát thư cho khu vực này khá lâu, từ khi hàng cây sồi ven đường còn bé tí, những căn nhà khang trang thuở ấy nay đã cũ kỹ, và chủ nhân những căn nhà ấy bây giờ có thể là một bà cụ già đi không vững, đám trẻ đã đi đâu mất, chỉ còn những tiếng chim ríu rít trên rặng sồi là còn y nguyên. Ông Tom biết hết những căn nhà trên con đường River, biết cả những căn nhà lần lượt đổi chủ, và những phụ nữ xinh đẹp dễ thương năm nào, nay bước vào tuổi già còn lại một mình trong khu nhà êm ả đầy bóng cây râm mát.

Ông Tom thân với cụ Mary nhất, cũng từ cái hôm ông bị một con chó trong khu vực ra được cồng rào, rượt ông chạy trốn chết rồi vấp chân vào bậc xi măng bên vệ đường, ngã lăn ra trước cổng nhà cụ Mary, đúng vào lúc bà cụ ra mở thùng thư để lấy thư như thường lệ. Bà cụ nhìn người đưa thư da đen ái ngại, rồi bà mời ông vào ngồi nghỉ trên chiếc ghế đá ở sân trước, trong khi ông Tom chưa hoàn hồn vì cái ngã đau làm đầu gối ông bị trầy trụa, rướm máu.

Bà cụ Mary vào nhà, lúc trở ra bà bung cho ông một ly nước cam, với một túi vải đựng dấm thứ thuốc sát trùng và băng cá nhân.

Bà dịu dàng bảo ông Tom vén ống quần lên cho bà xem vết thương, nhẹ nhàng lau vết thương cho ông rồi băng lại cẩn thận. Ông Tom cảm thấy dễ chịu quá, trước kia ông vẫn ngấm ngấm cho rằng đâu đó là sự chia cách của màu da, của con người giữa những tầng lớp xã hội, và những đau buồn của dĩ vãng từ đời tổ tiên khiến ông có ít nhiều mặc cảm với người da trắng. Hai người mỉm cười với nhau, chỉ có thể mà ông Tom nhớ mãi vì hôm ấy là một ngày đẹp nhất của mùa thu . . .

Từ đó họ thành đôi bạn vong niên của nhau. Ông Tom cũng biết thêm bà cụ Mary sống cu ky có một mình, con cháu bà ở một thành phố khác, từ khi cụ ông qua đời thì bà Mary cô quạnh thêm vì vắng người hủ hỉ. Mỗi ngày đem thư đến khu vực này, ông Tom luôn mong thấy khuôn mặt và nụ cười hiền lành của bà bạn vong niên ra lấy thư, hôm nào vắng bà cụ là ông Tom lại cảm thấy không yên bụng.

Năm nay mùa Giáng Sinh lại đến. Mùa Đông rét hơn mọi năm, hay là ông Tom nay đã yếu để thấy rằng cơn gió mùa Đông Bắc bỗng dung lại khắc nghiệt hơn những năm trước. Sau mùa Giáng Sinh ông Tom sẽ có những ngày nghỉ phép, ông về thăm lại anh em của mình ở vùng đầm lầy Louisiana, ông sẽ trở về khu nhà tồi tàn, cũ kỹ nhưng ấm áp tình thương gia đình. Trước khi đi, ông Tom sẽ nói cho bà Mary biết những ngày ông đi vắng, và ông cũng mong rằng con cháu bà sẽ về xum họp với bà trong những ngày nghỉ lễ cuối năm. Những ngày cuối năm bận rộn, ông Tom lái xe đem đầy nhóc những cánh thiệp Giáng Sinh, thùng thư nào cũng có những cánh thiệp mang đầy lời chúc tốt đẹp, nhưng hai ngày qua mà thùng thư của bà Mary vẫn còn nguyên, không thấy bà lấy thư như mọi khi.

Ông Tom lái xe đi rồi lại băn khoăn nghĩ ngợi mãi, không yên lòng chút nào cả. Bà bạn già của ông không biết đi đâu, ra sao? Lúc trước mỗi lần đi vắng đôi ngày, bà có nói cho ông Tom biết, nhưng lần này ông chỉ nghe bà khoe người con trai sẽ về thăm, lũ cháu đi nghỉ Đông với bạn bè ở miền Bắc. Chắc chắn là bà Mary ở trong nhà, nhưng lý do nào mà thùng thư của bà hai hôm rồi vẫn chưa lấy? Đáng lẽ ông Tom lái xe về Bưu Điện khi đã bỏ hết thư trong ngày, nhưng nghĩ sao ông lại quành xe về nhà bà cụ Mary, và ông rón rén mở cánh cổng rào thấp, hồi hộp gõ cửa chờ đợi.

Ông gõ năm, bảy lần, ông bần thần trong dạ, linh tính cho ông biết bà bạn già không đi đâu, nhưng chẳng biết vì sao bà không mở cửa. Tuổi già sống một mình như bà cụ Mary là chấp nhận tất cả nỗi cô đơn, buồn rầu, hiu quạnh, chưa kể những cơn bệnh đến bất ngờ không chống đỡ được. Ông Tom định bỏ đi nhưng lòng không an ổn, ông nhớ lại buổi chiều thu hôm nào bà Mary đã lật đật lấy cho ông một ly nước cam, đã lau chùi băng lại vết thương trầy trụa trên đầu gối ông, đã cho ông một nụ cười hiền dịu nhất của tình nhân loại. Không nghĩ gì nữa, ông Tom quyết định gọi "emergency" để báo cáo về sự vắng mặt của bà bạn già để mền của mình. Khi người ta phá cửa vào nhà, bà Mary chỉ còn thoi thóp thở, nằm bất động trên giường với khuôn mặt xanh lợt. . . .

Câu chuyện của người đưa thư da đen cứu sống một người đàn bà già nua cô độc trong căn nhà ở đường River, người ta có đưa lên chương trình truyền hình địa phương buổi tối áp lễ Giáng Sinh. Chẳng biết có ai nghĩ gì về những nỗi buồn đây áp trong cuộc sống thường ngày, hay chỉ có ông Tom đang cầu nguyện cho bà bạn già mau bình phục.

NGUYỄN NHUNG

TIỆM VÀNG VÀ HỘT XOÀN
THÀNH LỢI
JEWELRY
(trong khu HONG KONG 4)
11209 Bellaire Blvd # C9B
Houston, TX 77072
Tel: (281) 530-9696

Chuyên môn về vàng 24k, 18k, 14k
Cẩm Thạch và Hột Trai Quý
Nhập cảng Hột Xoàn từ Âu Châu có certificate
bảo đảm của hãng GISA, EGL,HRD, IGI

Đã chuyển về địa điểm mới (từ tháng 11/2007) trong khu HONG KONG 4, bãi đậu xe rộng rãi, cửa hàng mặt tiền dễ tìm, rất thuận tiện cho quý vị khi muốn mua nữ trang trong dịp cưới, hỏi, hoặc tặng quà trong dịp Tân Gia, Khai Trương.

* Mở cửa 7 ngày (Open 7 days a week)
Rất mong được sự ủng hộ của quý khách

THÀNH LỢI
kính mời

TRẦN VĂN LỆ

QUÊ HƯƠNG MÌNH ĐAU MẮT HỒI TRĂNG ƠI TRĂNG ƠI

Thời gian đi mau thiệt! Mới mà Rằm tháng Mười...chưa kịp nở nụ cười...thì trăng Rằm đã hiện...chưa kịp được làm biếng...thì phải thức làm thơ!

Em ơi em là mơ, vàng trăng Rằm yêu quý! Biết đây là nước Mỹ, anh vẫn nhớ Việt Nam, anh rất nhớ Đơn Dương...nhớ con dê cô đơn, nó buồn, thật tội nghiệp!

Năm tàn năm lại tiếp năm mới nữa sắp về, anh vẫn người xa quê, hẹn em và cứ hẹn, làm thơ và làm biếng, sống một thời mộng du! ...mai một chết, Thiên Thu...Quê Hương mù nhang khói!

Quê Hương em còn đợi? Hay cũng là Thiên Thu? Hỡi Cách Mạng Mùa Thu, biển dâu và tàn tạ! Anh nhớ sao Ba Mẹ! Anh nhớ sao cây đào...nó còn đứng trong rào hay đã vào hồ thắm? Những mùa Xuân xa lắm, hương phấn Đà Lạt xưa...

Vàng trăng Rằm ngẩn ngơ nghe anh từng tiếng thở - tìm anh còn đập, đó, em có nghe anh không? Hỡi em má hồng hồng, hỡi em lòng từ ái...bao giờ mình trở lại thuở hồn nhiên như nhiên? Thuở mà thác Prenn lá thông vờn trăng tỏ. Thuở mà em nổi nhớ, anh muôn năm không quên...Thuở mà em là Duyên, cái tên thơm thảo nhé, anh muốn nghe em kể...tại sao mình có Duyên!

Tôi sẽ thức trọn đêm để nhìn trăng rục rỡ...Tôi nhớ mình có hứa mà cuối năm chưa về...Kìa ai bên lũy tre? Kìa ai cầm nước mắt? Kìa, Quê Hương đau mắt hồi trăng ơi trăng ơi...

NƯỚC NÀO CŨNG CHẢY XUÔI CẢ NHỮNG DÒNG NƯỚC MẮT

Mùa Đông ở Việt Nam: Sài Gòn trời vẫn nóng, Hà Nội thì lạc lòng với những cơn mưa phùn... Một số tỉnh miền Trung, trời đang vào mùa Hạ...

Cây cuối năm rụng lá. Người cuối đời tàn hơi. Việt Nam đất nước tôi, mùa Đông khó định nghĩa! Đẹp là những đồng mía phát phơ cờ bông lau...

Đời không có đời sau. Đời chỉ là đời trước: Đinh Bộ Lĩnh dựng nước, xưng là Đinh Tiên Hoàng; vậy mà bốn ngàn năm, thật lòng tôi ngỡ ngác!

Đánh giặc bằng giáo mác, đuổi giặc bằng tâm vòng. Tướng úr hự giữa đồng, gái má hồng bụm mặt. Đất nước là Tổ Quốc. Mặt trời mọc bình minh!

Có những chuyện thình lình mà làm nên lịch sử! Đọc những lời ảm ố cũng thành bài diễn văn. Một nước Bắc Trung Nam, hai mùa hoài phân biệt... Miền Bắc có Lăng Bác, miền Trung có Lăng Cô, miền Nam thì ô hô: Lăng Ông mờ nhang khói...

Tôi biết tôi đang nói về mùa Đông Việt Nam. Tôi biết tôi lang thang: ba cái lạng, ai lập? Làm lãnh tụ phải mập, làm nhân dân phải gầy... Đất Nước của tôi đây: đàn bà đi trộm chó!

Bài thơ này – Đồ Bó!
Ai ngồi ngó nước trôi?
Nước nào cũng chảy xuôi... cả những dòng nước mắt!

Trần Văn Lệ



NGỌC ÁNH

(California)

Cảm bút

MƯA TỪ ĐẤT MƯA LÊN

Đứng đầu đó trên thành phố lạ, nhìn mưa giăng bốn bề êm ả. Hạt mưa nhẹ nhàng rơi trong dòng xe hối hả của buổi sáng đầu tuần. Hạt mưa trên đất nước “người dung” thanh thản đến lạ lùng mà sao lòng mình xót xa, rớt lạnh khi biết tới hôm qua mưa đã biến vài thành phố quê mình thành trở thành dòng sông, thành thác lũ với bao nỗi uất ức phần nộ tuôn trào.

Mà đâu phải mới mưa hôm qua, mưa từ mấy mươi năm trước, mưa từ lúc “*Mùa xuân trên thành phố HCM quang vinh*” ra rả trên loa phát thanh phường sau tháng 4/75 đáng ghét kia kìa.

Con mưa xối xả tới qua ở bên kia nửa vòng trái đất đã khiến trái tim tôi thấm lạnh như thể mình cũng đang đắm mình trong bùn hôi cống thúi không biết sẽ té ngã xuống ổ voi ổ gà lúc nào. Cái cảm giác đói, lạnh, lo âu, trông ngóng và cả sự sợ hãi của kẻ đắm mưa trong cơn “hồng thủy” không thể lợi ngược dòng để vào nơi chốn an toàn.

Thương quá Sài Gòn, thương quá Việt Nam của tôi.

Như người khách lạ đi tới đi lui trong những thành phố mênh mông của nước Mỹ, buổi sáng đứng bên này sông Potomac của Maryland nhìn sóng nước bập bênh trong mưa Thu nhẹ nhẹ, bên kia bờ là Virginia sương khói mông lung, cảm nhận sự thanh bình yên tĩnh, dù cách đây mấy ngày có lẽ té vài cuộc tấn công của bọn khủng bố điên cuồng quanh NY, NJ..

Mà có sá gì đâu với nước Mỹ kiên cường này, ví như cây bàng lẳng tróc vỏ không hề hấn chi, những đứa trẻ vẫn chơi đùa

trên bãi cỏ hờn nhiên trong trẻo, những dòng người vẫn trôi trên con phố đông vui... Sự thanh bình có “*báo kê*” và được đóng mộc bằng niềm tin vào một đất nước có Dân Chủ và Tự Do được viết bằng chữ hoa.

Dòng sông nào cũng trôi biền biệt, chợt nhớ sông Vàm Cỏ và mấy chuyến phà ngang của miền Tây năm cũ, nhớ cây cầu bắc qua sông Bến Hải sơn nửa xanh nửa vàng trên vĩ tuyến phân chia Nam Bắc hơn nửa thế kỷ trước mà lòng chợt tiếc nuối đắng cay. Ở, phải chi đừng có chiến tranh xương máu tương tàn, đừng có những cuộc *Nam tiến* xâm lược ngu ngốc thì có đầu đầu bể tang thương như bây giờ. Nam Bắc Triều Tiên, Đông Tây nước Đức... Com ai nấy ăn, nhà ai nấy ở thì cũng thanh bình vậy. Việt Nam nhỏ xíu trên bản đồ thế giới mà lắm chuyện đau lòng, đất nước có mấy ngàn năm văn hiến mà bây giờ không ai dám tự hào mình con Rồng cháu Tiên, bởi lòng tự trọng bị xói mòn, nhân phẩm bị biến chất theo dòng thác cách mạng XHCN xanh đỏ đổi màu của sự giả dối, tham lam và vô cảm của một thiểu số người dốt nát mà cứ tưởng mình là vĩ đại, đủ tài đức nắm vận mệnh quốc gia để rồi độc đảng độc quyền cai trị đất nước ngày càng thụt lùi thảm hại, bởi lòng tham vô đáy mạnh ai nấy quơ quào câu xé để nhét đầy túi danh lợi, bất chấp đạo lý, nghĩa tình, thẳng tay đàn áp bóc lột, hà hiếp dân nghèo khôn khổ đến bước đường cùng. Hơn 40 năm rồi, những đứa trẻ lớn lên có bao nhiêu kẻ trở thành người tử tế, sống lương thiện đàng hoàng bên cạnh rừng biển xác xơ? Không phải ngẫu nhiên mà người ta nuối tiếc Sài Gòn ngày tháng cũ, người ta nhắc về những bài học thuộc lòng trong sách Công Dân Giáo Dục của miền Nam trước 1975, một hệ thống giáo dục đầy nhân bản và lòng bao dung để nuôi dưỡng những hạt mầm vươn lên. Không huyền thoại để trở thành Phù Đổng thì cũng là rừng cây đứng thẳng kiêu hùng, những mầm non thời đó đâu cần “*yêu Bác*”, đâu cần hự cấu hình tượng đối trá “*Lê văn Tám tấm xàng giết giặc*”, đâu cần khát máu kiêu bài toán “*mỗi ngày bộ đội giết bao nhiêu tên giặc Mỹ?*”.

Thế hệ chúng tôi đã lớn lên như thế đó, hờn nhiên, chân thật và lòng tử tế được giáo dục từ lúc còn chập chững đi.

Dĩ nhiên chế độ nào, xã hội nào cũng không hoàn hảo, nhưng chắc chắn một điều trong thời buổi đó không nhiều loại lưu

manh côn đồ nhan nhản đầy đường như bây giờ, nay họ sẵn sàng giết người chỉ vì những va chạm nhỏ nhặt trên đường giao thông. Bọn trẻ thân nhiên quay phim cảnh đánh đấm dã man của bạn bè trai cũng như gái, trước sân trường với nụ cười vô cảm của loại thú nhồi bông.

Vì đâu nên nổi?

Đất nước đã đến hồi cạn kiệt rồi sao mà lũ kên kên hoang dã vẫn mãi tồn tại giữa phố phường, để chờ rĩa xác những con người sống mà như đã chết mấy mươi năm trong mỗi mòn sợ hãi. Loại ác quỷ ăn không từ một thứ gì khiến cho quê hương như thân cây héo hắt, mục ruỗng bên trong, chỉ cần cơn gió nhỏ là đổ nhào bất lực.

Cơn mưa ngày hôm qua như đất trời cuồng nộ, nước len lỏi giữa những con hẻm tối tăm của khu nhà ổ chuột, nước cuộn cuộn băng qua mọi ngõ ngách trong thành phố, sóng nước vỗ bờ trên đại lộ tựa dòng sông phân nhánh chông chênh, như thể mưa chui lên từ mặt nhựa đường loang lổ, từ hố cống tanh nồng, từ những con kênh đen ngòm rác rưởi. Mưa từ lòng đất mưa lên!

Cơn mưa xa xôi ngàn dặm mà sao làm rất mát, lạnh lòng những kẻ tha hương?

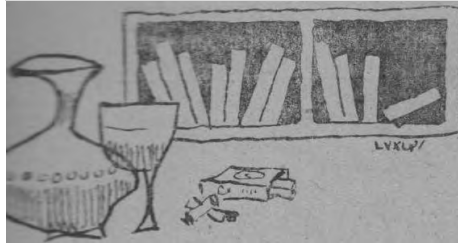
Lại nhớ băng quơ về thời tuổi nhỏ hồn nhiên với "*cơn mưa giăng giăng ngoài cửa lớp*", hay chút mộng mơ "*mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ*". Buổi sáng đầu Thu đứng thanh nhàn bên bờ sông Potomac của thành phố mới vừa quen, bỗng nôn nao chạnh nhớ nhà, lòng chột ao ước ngậy ngô muốn mang một chút mưa bình yên "*từ trên trời rơi xuống*" ở đây, để đem về thả lên những cánh đồng khô hạn, những khu rừng ngập mặn, những dòng sông sắp cạn nguồn của miền Tây, mưa cá mưa tôm tươi ngon đổ đầy trên bờ biển miền Trung điêu tàn, cho dân mình hết khổ.

Và đã ước thì cũng nên ước cho đều, ước cơn mưa acid tưới lên mái nhà lộng lẫy của những tên vô lại, bắt nhân hèn với giặc ác với dân, mưa kèm theo sấm sét giáng xuống mọi lâu đài thành quách xây dựng trên xương máu đồng bào...

Buổi sáng trên xứ người, uống ly cà phê ngon lành hằng ngày chột nghe đắng nghét và nước mắt rung rung!

NGỌC ANH

CHUYỆN VĂN CHƯƠNG



ĐỖ CHIÊU ĐỨC

HOÀNG HẠC LÂU
với Cụ NGUYỄN DU
và Cụ PHAN THANH GIẢN

HOÀNG HẠC LÂU
đối với các thi sĩ Việt Nam ...

Năm Quý Dậu (1813) Khi NGUYỄN DU được thăng Chánh điện Đại Học Sĩ và được cử làm chánh sứ sang nhà Thanh. Năm 1814 ông đi sứ về, được thăng Hữu Tham Tri bộ Lễ (hàm Tam phẩm). Chính thời gian đi sứ sang nhà Thanh này, khi đi ngang qua lầu Hoàng Hạc Nguyễn Du cũng không bỏ lỡ cơ hội ghé qua ngôi lầu nổi tiếng cổ kim này, và cũng chính vì thế mà ta lại được đọc thêm một bài thơ vịnh Hoàng Hạc Lâu bất hủ sau đây :

黃鶴樓
阮攸

Hoàng Hạc lâu
Nguyễn Du

何處神仙經紀時?
猶留仙跡此江湄。
今來古往盧生夢，

Hà xứ thần tiên kinh kỉ thi?
Do lưu tiên tích thử giang mi.
Kim lai cổ vãng Lư sinh mộng,

鶴去樓空崔顥詩.	Hạc khứ lầu không Thôi Hiệu thi.
軒外煙波空渺渺,	Hiên ngoại yên ba không miểu miểu,
眼中草樹尚依依.	Nhãn trung thảo thụ thượng y y.
衷情無限憑誰訴?	Trung tình vô hạn bằng thùy tố?
明月清風也不知!	Minh nguyệt thanh phong dã bất tri!

CHÚ THÍCH:

1. KINH KỸ 經紀 : là Kinh Doanh, tính toán làm ăn, buôn bán. Ví dụ : KINH KỸ NHÂN 經紀人: Người Kinh Doanh. KINH KỸ GIA 經紀家: là Nhà Kinh Doanh. Từ KINH KỸ trong câu thơ chỉ Hoàng Hạc Lâu từng là nơi kinh doanh buôn bán rượu được tiên giúp đỡ theo các truyền thuyết sau đây:

Có ba truyền thuyết về Hoàng Hạc Lâu như sau:

A. Theo "**Nam Tê thư Châu Quận Chí**": Thời cổ đại, có tiên ông Hoàng Tử An thường cỡi hạc vàng bay ngang qua lầu này, nên mới lấy tên là HOÀNG HẠC LẬU.

B. Theo sách "**Đồ Kinh**": Xưa Phí Vĩ lên tiên, thường cỡi hạc vàng nghỉ ngơi ở lầu này, nên có tên là HOÀNG HẠC LẬU. Nhưng...

Theo sách "**Thái Bình Hoàn Vũ Ký**" thì ghi rằng: Người nước Thục là Phí Văn Vĩ tu thành tiên, thường cỡi hạc vàng và nghỉ ngơi ở lầu này, nên mới đặt tên lầu là "HOÀNG HẠC LẬU".

C. Theo "**Báo Ứng Lục**": Dòng họ Tân Thị mở quán bán rượu. Một hôm, có một đạo sĩ tướng mạo khôi ngô, nhưng áo quần lam lũ, đến hỏi một cách thẳng thắn rằng: "Có thể cho bản đạo uống được không?", Tân Thị ưng thuận. Đạo sĩ uống bằng ly lớn và uống rất nhiều. Cứ thế, kéo dài nửa năm, Tân Thị vẫn thần nhiên không lộ vẻ khó chịu. Một hôm, đạo sĩ nói với Tân Thị rằng: "Thiếu nhiều tiền rượu quá, không gì đền đáp!", bèn lấy miếng vò quit trên bàn vẽ hình một con hạc lên vách, vì vẽ bằng vò quit nên con hạc có màu vàng. Điều thần kỳ là hễ Tân Thị vồ tay thì hạc từ trên vách bay xuống múa may chào khách theo đúng âm luật nhịp nhàng, nên khách đến uống rượu rất đông. Ròng rã suốt mười năm trường, Tân Thị đã giàu có ức vạn. Một hôm, đạo sĩ trở lại, Tân Thị

tiếp đón vô cùng niềm nở, tỏ Ý sẽ thỏa mãn mọi yêu cầu của đạo sĩ. Đạo sĩ chỉ cười, lấy trong tay áo ra một ống sáo, thổi lên mấy hồi réo rắc. Bỗng thấy mây trắng từ trên cao bay xuống và hạc vàng cũng từ trong vách bay ra. Đạo sĩ cười hạc cười mây mà bay đi mất dạng. Vì vậy mà Tân Thị mới dùng tiền kiếm được xây quán thành lâu và đặt tên là "HOÀNG HẠC LẬU" từ đó. Nên...

Câu thơ số 1 " Hà xứ thần tiên kinh kỉ thi ?" có nghĩa: Nơi đâu là nơi mà có lúc thần tiên đã (giúp đỡ cho việc) kinh doanh buôn bán?

2. TIÊN TÍCH 仙跡: Vết tích của Thần Tiên. GIANG MY 江湄 : là Cửa Sông, Ngã Ba Sông. Nên câu 2 "Do lưu tiên tích thử giang mi." có nghĩa...

.. Còn lưu lại dấu vết của thần tiên ở cửa sông này!

3. LƯ SINH MỘNG 盧生夢 : Giác mộng của Lư Sinh, còn gọi là Giác mộng Hoàng Lương hay là Giác Kê Vàng. Theo tích: Lư Sinh người đất Hàm Đan, thi rớt, gặp một đạo sĩ họ Lã (Lữ) trong quán rượu, chuyện trò rất tâm đắc. Sinh than thở cho cuộc đời bất đắc chí của mình, đạo sĩ cười, lấy một chiếc gối bằng sành đưa cho Lư Sinh, bảo chàng gối đầu lên đó mà ngủ một giấc sẽ được toại nguyện. Lư Sinh bèn làm theo lời đạo sĩ, lúc đó, chủ quán vừa bắc nồi hoàng lương (hạt kê màu vàng như hạt bắp) lên nấu....

Lư Sinh mộng thấy mình trở về quê, cưới được con gái nhà giàu là Thôi Thị làm vợ, sống cuộc đời giàu có. Năm sau, đi thi lại đỗ ngay Tiên Sĩ Hoàng Giáp, được phong Hiệu Thư Lang, làm Huyện Ủy của Huyện Vị Nam, sau lại được phong làm Giám Sát Ngự Sử. Cách năm lại qua Thiêm Châu phụ trách công trình thủy lợi, giúp dân khai mở trên 80 dặm kinh đào xuyên qua Thiêm Tây, dân chúng lập bia ghi lại công đức. Mấy năm sau, được triệu về kinh làm Kinh Triệu Doãn, vừa gặp lúc Thổ Phồn làm loạn, Thần Võ Hoàng Đế phong cho làm tướng soái đánh tan 7 vạn quân Phiên, mở mang thêm 900 dặm bờ cõi, được dựng bia đá ghi công. Mấy năm sau được chuyển về kinh, quan phong Ngự Sử Đại Phu, Lại Bộ Thị Lang. Nhưng vì có lời xúc phạm đến Tể Tướng đương triều, nên bị biếm làm Ngự Sử Đoan Châu. Ba năm sau được triệu về kinh làm Trung bộ Thị Lang, bị tước hết binh quyền, lại bị những bạn đồng liêu hãm hại, vu cho cấu kết với các tướng ở biên

cương, mưu đồ làm phản, nên cả nhà đều phải lãnh án tru di, Sinh buồn khóc với vợ là Thôi Thị, phải biết trước thì không ra làm quan, định tự vẫn, may nhờ có quới nhân bảo trợ mới khỏi tội chém đầu, cả nhà đều vào đại lao thọ án. Mấy năm sau, Vua biết là bị hàm oan, nên cho phục chức Trung Thự Lệnh, phong Triệu Quốc Công. 5 đứa con trai đều đậu đạt và đăng đàn bái tướng. Con cháu đầy đàn, thông gia đều là những gia đình quyền quý. Ruộng đất vạn khoảnh, gia tộc đầy nhà, vinh hoa phú quý suốt 30 năm trường. Khi già bệnh thì lương Y khắp nơi được mời về điều trị, nhưng sinh lão bệnh tử nào ai tránh khỏi, nên cuối cùng cũng nhắm mắt lia đời...

Đây cũng là lúc Lư Sinh vừa tỉnh mộng, đạo sĩ họ Lữ còn ngồi đó, và nồi kê vàng của chủ quán còn nấu chưa chín để bán cho khách !... Nên, câu 3 "Kim lai cổ vãng Lư sinh mộng," có nghĩa...

Tất cả những việc từ xưa đến nay cũng giống như là giấc mộng của Lư Sinh mà thôi !

Câu 4. "Hạc khứ lâu không Thôi Hiệu thi." có nghĩa: Hạc đã bay đi rồi, lâu đã trống không rồi, chỉ còn lại có bài thơ của Thôi Hiệu mà thôi.

Câu 5. "Hiên ngoại yên ba không miểu miểu", có nghĩa: Ngoài hiên lâu, khói sóng trên sông vẫn mênh mông bát ngát.

Câu 6. "Nhân trung thảo thụ thượng y y", có nghĩa: Trong mát ta, có cây hoa lá như vẫn bịn rịn luyến lưu.

Câu 7. "Trung tình vô hạn bằng thù tốt?", có nghĩa: Nỗi cảm xúc vô vàn ở trong lòng này biết tỏ cùng ai đây?

Câu 8. "Minh nguyệt thanh phong dã bất tri!", có nghĩa: Trăng trong gió mát cũng không biết được nỗi lòng này của ta !.

DIỄN NÔM :

LÀU HOÀNG HẠC

*Nơi nào tiên thánh đã kinh thương,
Lưu dấu cửa sông mấy dặm đường.
Tháng lại ngày qua như giấc mộng,
Hạc bay lâu vắng chỉ thơ vương.
Ngoài hiên bát ngát sông mây khói,*

*Trước mắt mơ hồ hoa cỏ hương.
Muốn tỏ nỗi lòng ai thấu hiểu?
Trăng thanh gió mát cũng xem thường!*

Lục bát :

*Nơi nào tiên đã từng qua,
Còn lưu vết tích chưa nhòa cửa sông.
Lư Sinh giấc mộng như không,
Lời thơ Thôi Hiệu mây lồng hạc xa.
Ngoài hiên sóng nước bao la,
Luyến lưu cây cỏ la đà ven sông.
Biết ai bày tỏ nỗi lòng ?
Trăng thanh gió mát sầu không ai màng !*
Đỗ Chiêu Đức

Bài DIỄN NÔM của thi sĩ Thời Tiên chiến QUÁCH TẤN :

LÂU HOÀNG HẠC

*Nào thuở tiên đi mãi đến giờ ,
Dấu tiên bên bến đứng trơ vơ .
Xưa qua nay lại Lư đôn mộng,
Hạc khuất lâu không Hạc để thơ .
Thăm thẳm nước mây ngoài vạn dặm,
Dờn dờn cây cỏ vẫn nghìn xưa .
Nỗi lòng áp ủ cùng ai tỏ?
Gió mát trăng trong luống hững hờ.
(Quách Tấn diễn nôm)*

Bài thơ **HOÀNG HẠC LÂU**
của cụ **Phan Thanh Giản**

Năm 1834, Minh Mạng thứ 15, Cụ PHAN THANH GIẢN được cử đi sứ Trung Quốc. Khi đi ngang qua ngôi lầu nổi tiếng này, cũng như tất cả những thi nhân từ ngàn xưa đến nay, ông đã không bỏ lỡ dịp may lên thăm và ngắm ngôi lầu với nhiều huyền

thoại này, và cũng vì thế mà ta mới có dịp thưởng thức thêm một bài thơ trác tuyệt của ông : ĐĂNG HOÀNG HẠC LÂU sau đây :

ĐĂNG HOÀNG HẠC LÂU

Phan Thanh Giản

登黃鶴樓

藩清簡

Tích thời hạc dĩ hà niên khứ?	昔時鶴已何年去？
Thiên tải nhân tòng Nam cực lâm.	千載人從南極臨。
Anh vũ châu tiền phương thảo lục,	鸚鵡洲前芳草綠，
Tình Xuyên Các thượng bạch vân thâm.	晴川閣上白雲深。
Bán liêm lạc nhật phù Giang Hán,	半簾落日浮江漢，
Nhất phiến hàn lưu tống cổ kim)	一片寒流送古今。
Mãn mục yên ba chuyển trừ trường,	滿目煙波轉惆悵，
Du du trần mộng thập thu tâm.	悠悠塵夢拾秋心！

Dịch Nghĩa :

Câu 1: Ngày xưa, Hạc đã bay đi mất tự năm nào?

Câu 2: Ngàn năm sau, mới có người từ vùng cực Nam đến đây. (Ngàn năm chỉ là cách nói nhân, để chỉ rất nhiều năm rồi. Đối với Trung Hoa xưa thì nước ta ở về phía cực Nam. Câu này Cụ Phan tự chỉ mình là người đến từ Nước cực Nam, là nước xa tít ở cõi Nam).

Câu 3: Cỏ non vẫn còn xanh tươi trên cù lao Anh Vũ ở giữa ngã ba sông. Liên hệ câu:

Phương thảo thê thê Anh Vũ Châu, trong bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu đời Đường nêu trên).

Câu 4: Mây trắng vẫn còn chập chùng trắng xóa khi ta đứng trên Tình Xuyên Các. (chữ "Thâm" ở đây không có nghĩa là "sâu", mà là "Đậm", dùng để chỉ màu sắc, mây trắng mà "đậm", là mây "trắng xóa chập chùng". Chữ THÂM ở đây còn dùng để đối với chữ LỤC ở câu trên.

Câu 5: (Vi đứng trong lầu nhìn ra, nên thấy...). Mặt trời lặn như nổi trên sông nước lung linh xuyên qua Nửa Bức Rèm (bán liêm) treo trên lầu.

Câu 6: Một dãy nước chảy âm thầm, lạnh lùng xuyên suốt từ ngàn xưa đến nay.

Câu 7: Mãn mục là "đầy mắt", ở đây có nghĩa là khoảng không gian mệnh mộng trước mắt.

Câu này có nghĩa: Khói sóng mệnh mộng khiến cho lòng xúc động bồi hồi (trừ trưởng).

Câu 8: (Nên chi)... Trong (giác mộng trần thế) cuộc đời mộng ảo này cũng chỉ nhặt nhanh (thập) được lòng hoài cảm trong mùa thu mà thôi !. Câu cuối này, có thể Cụ PHAN đã chơi chữ đây, vì chữ THU 秋 ở trên, chữ TÂM 心 ở dưới, nếu ghép lại thì ta sẽ có chữ SẦU 愁. Cũng vừa hợp với chủ ý của bài thơ gốc của Thôi Hiệu :

 Nhật mộ hương quan hà xứ thị 日暮鄉關何處是
 Yên ba giang thượng sử nhân SẦU 煙波江上使人愁

mà nhà thơ Tân Đà đã dịch rất xuất sắc là:

 Quê hương khuất bóng hoàng hôn
 Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai !....

Mặc dù không sử dụng vần "LÂU... SẦU" như Thôi Hiệu, nhưng âm hưởng của bài Đăng Hoàng Hạc Lâu của cụ Phan Thanh Giản vẫn tạo nên một nỗi niềm hoài cổ sâu xa man mác với hạc vàng mây trắng, với Anh Vũ Châu, với Tinh Xuyên Các: Một kiến trúc được xây dựng nên và được đặt tên do câu thơ bất hủ của Thôi Hiệu "Tinh xuyên lịch lịch Hán dương thọ". Bài thơ được kết thúc bằng lối chơi chữ chiết tự tài hoa của cụ Phan để hướng bài thơ về với mối sầu thiên cổ "Du du trần mộng thập thu tâm! "làm ta nhớ đến câu: "Ai đem thu cảnh họa cùng thu tâm!" của Nữ sĩ Tương Phố trong Thi Ca Tiên Chiến...

Bài thơ Đăng Hoàng Hoạc Lâu này của cụ PHAN đã được Thầy Trò Cụ học sinh PHAN THANH GIẢN & ĐOÀN THỊ ĐIỂM chúng tôi cùng " xúm nhau " diễn nôm, xem đây như là một hoài niệm, một chút lòng thành của đám hậu sinh tưởng nhớ về vị Tiên Sĩ đầu tiên của đất Nam Kỳ sinh sau đẻ muộn. Mời tất cả cùng đọc cho vui...

Trước tiên là bài DIỄN NÔM của Thầy PHAN HUY VIÊN với bút hiệu CHÂN DIỆN MỤC (Tây Đô Cuồng Sĩ):

LÊN LÂU HOÀNG HẠC

Hạc đã bay đi tự thưở nào
Một người Nam muộn đến lầu cao
Bãi xa thơm cỏ xanh xanh mát
Sông tạnh lâu mây trắng một màu.
Rèm hắt bóng tà vờn trên sóng
Nước buồn trôi lạnh một chiều sâu
Bồi hồi gửi mắt qua sương khói
Đem mộng ngàn năm ủ nổi sầu.

Thầy CHÂN DIỆM MỤC

LÊN LẦU HOÀNG HẠC

Chim hạc năm nao đã vút bay
Ngàn sau nam cực tới nơi đây
Cỏ non Anh Vũ xanh xanh ngắt
Lầu vắng láng láng trắng những mây
Trời lặn nửa rèm sông Hán rợn
Lạnh trôi một dải tự xưa nay
Bao la khói sóng bồi hồi dạ
Đời mộng lòng thu sầu góp đây.

cô PHẠM THẢO NGUYỄN

ĐĂNG HOÀNG HẠC LẦU

Thuở nào xưa hạc đã cao bay,
Viễn khách trời đưa đẩy đến đây.
Anh Vũ còn xanh ngàn cỏ biếc,
Tình Xuyên gác trắng một màu mây.
Nửa rèm kim cổ chiếu sông lạnh,
Một dải giang hà vạt nắng phai.
Khói sóng mênh mang nao tác dạ,
Mộng đời lãng đãng nổi niềm tây.

Thầy PHẠM KHẮC TRÍ

LÊN LẦU HOÀNG HẠC

Hoàng hạc ngày nao đã vút bay
Cực Nam người đến ghé lầu này
Cỏ non Anh Vũ màu xanh mướt

*Mây trắng Tinh Xuyên gió biếc say
Ác lặn nửa rèm sương lãng đãng
Sông dài một dải nước khoan thai
Ngập trời khói sóng giăng sâu nhớ
Dăng đặc lòng thu nổi cảm hoài.*

lục bát:

*Ngày xưa hoàng hạc cao bay
Cực Nam người đến chốn này ngàn sau
Cỏ non Anh Vũ biếc màu
Tinh Xuyên mây trắng bên lầu phiêu du
Nửa rèm ác lặn sương mờ
Sông dài một dải gió thơ thân luôn
Mênh mông khói sóng sâu buồn
Nhớ quê dâng đặc gieo buồn thu tâm*
Thầy TRÂM VÂN

LÊN LẦU HOÀNG HẠC

*Hoàng Hạc ngày xưa đã vút bay
Người Nam đến viếng ở nơi này
Cỏ non Anh Vũ còn xanh thắm
Mây trắng Tinh Xuyên vẫn chẳng phai
Ác lặn nửa rèm chìm sông vắng
Nước dòng cuộn chảy tự xưa nay
Mênh mông khói sóng hồn giao động
Lối mộng thu tâm cảm kích hoài.*
SONG QUANG

LÊN LẦU HOÀNG HẠC

*Ngàn xưa hoàng hạc đã cao bay,
Người đến ngàn sau, viếng chốn này
Anh Vũ cỏ non màu vẫn biếc
Tinh Xuyên mây trắng sắc chưa phai
Nửa rèm ác lặn chìm như nổi
Một dải sông dài xưa đến nay
Khói sóng ngập trời nghe cảm khái*

Thu tâm dằng dặc mộng trần ai!

Lục Bát:

*Ngàn xưa hoàng hạc cao bay
Ngàn sau người đến bên trời cực Nam
Vũ Châu cỏ vẫn xanh non
Trên Tình Xuyên Các mây còn trắng bông
Nửa rèm ác lặn bên sông
Cổ kim thế sự theo dòng nước trôi
Mênh mông khói sóng toi bờ
Cỏi trần dằng dặc bồi hồi thu tâm!*

ĐỖ CHIÊU ĐỨC

VISION OUTLET

8200 Wilcrest, suite 26 B
Houston Texas 77072
(at Beechnut cạnh Kim Video
và Quê Hương Restaurant)



Nơi phục vụ xứng đáng, chân thật
và uy tín từ 17 năm qua
Tiệm có đủ mọi hiệu kính trên Thế Giới
Contact Lenses đủ loại, đủ mẫu
Bảo đảm giá hạ nhất Houston
Gọng hạ giá từ \$10.00,
1 cặp kính từ \$38.00 (gọng và tròng)
Lấy độ kính cũ làm kính mới
Có giá đặc biệt cho gia đình khó khăn
Nhận làm kính gửi đi xa không tính tiền cước phí

**LẤY ĐỘ KÍNH CŨ LÀM KÍNH MỚI
CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT CHO GIA ĐÌNH KHÓ KHĂN**

*Chúng ta yêu cuộc sống
bằng trái tim
và nhìn rõ
những xuân sắc thân
thương qua đôi kính*

**COUPON
\$10.00
(gọng & tròng)**

Mở cửa: Chủ Nhật: 12 pm-3 pm
Thứ Hai-Thứ Bảy: Từ 10 am-7 pm
Đóng cửa: Thứ Ba

Hãy đến VISION
OUTLET để được săn sóc
xứng đáng.

ĐT/Fax: (281) 495-1403

- Đã được người Mỹ xếp hạng 5 SAO
- Một trong những tiệm BEST của Texas trong sách Underground shopper

VĂN HOÁ VIỆT NAM 75 * 70 * MÙA ĐÔNG 2016



NGUYỄN VĂN SÂM (Victorville - California)



(Credit: Intrenet)

Chuyện năm năm về Sài Gòn: BIỂN TRỜI LAI LÁNG

Cảm thức về Sài Gòn ở trong tôi dù sống nơi đâu.
NVS

Gần nửa đời người lăn lóc đó đây trên nhiều khu khác biệt của đất Sài Gòn vậy mà tôi chỉ thấy được hai mặt, hoặc trái ngược nhau: nga đê bẹp con người dưới gông cùm kim tiền vật chất, hoặc bùn lầy nước đọng chết đuối con người bằng những thú tằm thường nhỏ mọn như miếng ăn chỗ ở. Không có bộ mặt nào khác hơn. Sài Gòn đối với tôi, như vậy trên bản chất giống bất cứ một

thành phố nào trên thế giới, không thể tìm thấy cách thuần túy Việt Nam. Tôi một thời lơ là với Sài Gòn cũng vì lẽ đó. Thế nhưng có ai chơi các cơ hội tính chất Việt của một thành phố là cái gì, nằm trong địa hạt nào của muôn ngàn dáng vẻ biểu hiện từ văn minh đến văn hóa, chắc thế nào tôi cũng âm ừ cho qua bởi không thể nào vẽ lên, tả được những nét tận tường. Ở chuột và những căn nhà chông chênh trên mặt sông bùn lầy đen đúa thì hiện diện ở bất cứ thành phố nào của xã hội nghèo nàn, nhất là vùng Đông Nam Á. Xã hội tân tiến Tây phương ít xóm nghèo, ít hang cùng ngõ hẻm hơn, ít nhưng không phải là không. Nhà lầu cao với những kiến trúc tân kỳ càng ngạo nghễ, đẹp mắt càng không thể tượng trưng cho Việt chất. Chộp nắm được phần nào dễ thương, là lạ trong kiến trúc, trong lối ăn nếp ở, trong cách xử thế tiếp vật, trong một nghề nghiệp đặc biệt, tôi, lòng lúc đó đương lạnh tanh, nôn nao sung sướng như hồi nhỏ được về quê thấy lại cái lò gạch cũ, nghe được mùi thơm từ khu vườn mía Tây của người láng giềng, ngó măn nhãn những miếng ruộng lớn đại nối tiếp nhau chạy tới mút chân trời, hay thấy con sông hiền hòa thỉnh thoảng có vài chiếc ghe lồng trôi chậm chậm...

Điều dễ thương đối với tôi cũng bình thường thôi.

Thường là những căn nhà ở vùng Bà Chiểu, Thủ Đức, ba gian hai chái, vách bỏ kho, mái ngói âm dương, cột danh mộc tròn lên nước bóng lưỡng dựng chững chạc trên từng tảng đá xanh vuông vức, trong nhà đôi liễn vẫn còn treo trên những vị trí trang trọng. Hay một cái bàn 'ông thiên' giữa trời thường thấy ở vùng Giồng Ông Tố với hình ảnh người chủ gia đình, lúc vừa chụp tôi, bận áo bà ba hai tay chấp nắm nhang xá xá bốn phương trời. Hoặc một cái gáo dừa gắn cán dài úp trên lu nước dựng ngoài mái hiên bắt gặp thường xuyên từ khoảng Cầu Hàn đổ ra đến nửa đường đi Nhà Bè hay từ phía Phú Lâm đổ lên Gò Đen. Có những hình ảnh nhỏ hơn và tầm thường hơn như tiếng võng đưa kẻo [SUA TOI DAY] kẹt vào lúc giữa trưa trời đứng gió. Võng phải treo phía trên một cái giường tre khập khểnh mới đúng điệu, hòa hợp với cảnh trí xa xa là một bụi tre mà ngọn và tất cả lá đều đương đứng im lìm trầm ngâm ngó trời như thường thấy ở xóm Cầu Tre trước đây thì càng tốt.

Nhưng tôi chưa đủ thời giờ để nhìn cho thỏa mắt, chưa đủ lớn để chíp vô ký ức cất làm kỷ niệm riêng cho đời mình thì các cảnh trí trên phần nhiều đã bị sóng thời gian tàn nhẫn phủ lấp chìm hay bóp cho biến dạng theo sự đổi thay tất nhiên của xã hội. Chúng mất hút đi mau chóng, tới khi tôi kịp rãnh rồi ngó lại thì còn chẳng thấy được bao nhiêu.

À, hình như là Sài Gòn phát triển theo tốc độ phi mã của thời đại tân tiến nên tiêu diệt mất những vết tích nhà quê nghèo nàn nhưng dễ thương của một sinh hoạt tiền đô thị mà trước đây tôi tưởng lầm là nét chấm phá nào đó của Việt tính. Nhưng không sao, tôi biết được bịnh mình. Mình thêm, mình thiếu trong máu huyết một mảnh trời quê và đương đòi Sài Gòn cung cấp cho một chút quê mùa đó. Đô thị vây hãm tầm mắt bằng nhà cao, hăng xướng và xe bụi, Sài Gòn giới hạn tâm hồn người bằng chuyện thành phố lắm cảm tình-tiền-thù không có gì đặc trưng, tôi cảm thấy thiếu một khung trời khoáng đãng, thêm một chút hoàn cảnh thuận tiện để buông thả tâm hồn, tôi thiếu tình người ở trạng thái sơ tâm...

Trong tâm thái hoài cổ nao nao của nỗi thèm khát đó tôi được nghe chuyện hai vợ chồng chú Hai Một nhưng quan, khóc đăm.

Như bao nhiêu lần trước, Chú Hai Một khi vô tới hàng ba, dọm cẳng bước lên ngạch cửa, thì quay về phía sau rầy dức vợ sao chậm lục còn hơn bà già đi âm phủ rồi xăn xáy bước ào vô nhà như con trót, bỏ mặc kệ thím Hai còn đứng đình đánh-đồng-xa đầu đó mút tí tè ngoài đầu ngõ.

Nhiều người ngưng chuyện trò len lén ngược lên quan sát người khách mới, cách quan sát có chút tò mò đó, nhưng e dè, xa cách. Nhiều người, cứ chỉ bỗng nhiên chậm rãi hơn như đương bận rộn hết giác quan để bí mật theo dõi chuyện gì đó xảy ra chung quanh. Có người còn liếc liếc rồi lại giả bộ cúi xuống hợp lý nước dờ dang nãy giờ để lơ là trước mặt. Không một câu hỏi nào được nói lên thành lời, chỉ có những câu hỏi thầm ngậm chứa trong thái độ và cử chỉ. Chú Hai Một tuy vậy cũng đã biết mình phải nói gì nên lên tiếng trước, chú nói trống không nhưng thật ra là nói với toàn thể những người đương có mặt.

'Được rồi, để đó tôi lo liệu cho. Bà con mình không chớ ai vô đây', chú hỏi tiếp theo sau khi dòm sơ qua một vòng từ những người ngồi ở cái bàn gần cửa tới một số người trai trẻ ngồi bỏ chun thông xuống đất trên bộ ngựa rồi tới những người hơi lạ lạ ngồi tuốt trong gần chỗ cái màn cửa ngăn với nhà trong. 'Mà hồi nào vậy? Hôm kia hôm kia gì đây tôi còn thấy ảnh đi băng-xiên băng-nai, té lên té xuống trước nhà tôi, quần ống cao ống thấp, lè nè, con nít chạy theo coi rùm trời. Gì mà mau vậy?'

Ba bốn tiếng giọng thanh niên, mau mắn tranh nhau nói với khách. 'Chị Sáu thấy xác ảnh nằm vắt vẻo nửa trên nửa dưới ở cái mương cá đằng nhà thằng cha Ba Khia hồi tung bùng sáng....'

'Chắc đâu hồi khuya....'

'Trúng gió, té nước...'

Tiếng xì xào bàn góp thêm chi tiết như một thứ bịnh truyền nhiễm chuyên từ nhóm này sang nhóm kia, phá tan bầu không khí lạnh nhạt e dè từ khi chú Hai Một bước vô. Một tay tổ nào đó, ý chừng là bạn nhậu thân tình với nạn nhân, chêm vô một câu điều vô duyên ớn. 'Chắc đâu cũng đốn hết mấy lít rồi nên nóng nảy trong mình, về khuya gặp nước, tắm mát rồi khoái chí tử nằm ì ra đó không chịu lên.'

Những cặp mắt bây giờ đổ dồn về phía tay anh chị ăn nói bặt mạng đó. Trách móc, khinh thị, bất bình. Biết mình nói hớ, anh ta cười câu tài, sửa. 'Ậy.... mà sinh ký tử quy. Chết trẻ khoẻ ma, chết già lụm khụm. Anh Sáu thọ như vậy là được rồi, năm mốt bước qua năm ba bước lợi đâu có bao nhiêu người qua khỏi cái cầu này. Ậy... mà đời bây giờ còn sống là còn khổ. Chính tôi đây nè, nhiều khi khổ quá mạng, cầu trời chết cho rảnh nợ mà không được.'

'Con vợ thằng Sáu nóng ruột chồng đi cả đêm không về nên trời vừa hừng hừng sáng là lo xách đèn đi kiếm, ai dè sự thể như vậy...!' một tiếng đàn bà nhỏ nhẹ, nói với mọi người mà như nói với mình. 'Í hì!' Tiếng thở dài thương hại thay cho cái châm câu.

Chú Hai Một quay qua cúi đầu chào người đàn bà, bà vừa nói tiếp vừa gật đầu chào lại, giọng nho nhỏ pha một chút mỉm lòng.

'Tội nghiệp, cái thằng say sưa vậy mà cũng biết lo tưởng tới vợ con, trên bờ mương còn hai xâu thịt heo quay với một mớ

bánh bò trắng nằm lăn lóc. Tao tiếc quá lượm đem về bỏ trong gat-măng-giê... Cái số con vợ nó không được ăn heo quay, chồng đem về chưa tới ngõ đã lăn đùng ra theo ông theo bà.'

'Tuần rồi ảnh với tôi còn leo lên nóc nhà lợp lại cái mái lá dột phía trước hết một buổi trời,' người đàn ông hồi nãy cũng cái mừng cũ vừa nói vừa khoe. 'Thiệt anh Sáu khỏe còn hơn tiên, hồi nào tới giờ ở nhà quê mà sống theo kiểu dân cậu, đầu cần động tới móng tay.....' Anh ta đổi giọng vui vui. 'Chắc biết mình sắp đi nên bữa đó mới chịu khó trả nghĩa vợ lần chót.'

Nhiều tiếng cười tán thưởng ở phía đám thanh niên hòa chung với vài cái hứ bắt bình từ đám đàn bà.

Chú Hai Một bây giờ mới quay về phía người đàn ông nọ. Chú biết là ai nhưng cũng không thêm để ý tới chuyện chào hỏi, cũng không thêm cười góp mà chỉ hát hàm một cách trống không về phía buồng.

'Ồ, ở trong đó đó,' Bà già vừa nói hồi nãy hiểu ý trả lời hót mọi người. 'Tội nghiệp, sớm tới giờ hai mẹ con nó xà quần trong đó. Bây giờ chắc là đang lo thay quần áo cho 'thăng'. Bùn đất không... Hồi mới đem về... ướt mềm ướt mẹp nên tụi nó xót ruột. Nhà không có đàn ông con trai để lo mấy chuyện đó nên tụi nó phải làm. Đầu thăng Hai mầy vô coi coi, liệu giúp đỡ gì được mẹ con nó thì giúp.'

Thím Hai Một tới bây giờ mới vô tới hàng ba. Khác với chồng, thím thùng thảng bước nhích nhích từng bước một, đầu cúi xuống, hai đầu khăn rằn hết đầu này đưa lên chùi nước mắt tới đầu kia đưa lên chùi nước miếng nước mũi. Người trong nhà chưa ai thấy mặt mày thím nhưng tiếng khóc sục sùi hòa với tiếng hít khịt mũi đã nghe rõ ràng, nức nở dứt ruột dứt gan, lâm li như tiếng khóc dễ mũi lòng của bà con ruột thịt khi mất người thân thương.

Không mấy ai ngạc nhiên trước cảnh này. Chuyện thím khéo dư nước mắt khóc người 'thân sơ' dân làng Bình An đầu ai lạ lòng gì. Nghề nghiệp. Nghề nghiệp ít người theo như vợ chồng thím. Hai ông bà đã từ bao lâu nay trở thành một cặp bài trùng không thể thiếu trong mấy đám ma chẳng những quanh quần trong mấy cái cù lao giữa kinh Ruột Ngựa và kinh Tàu Hủ mà nhiều khi còn có người rước lên tới Chợ Đệm, Bình Điền, Gò Đen nữa. Một vài người khách ngạc nhiên quan sát, sao trên đời lại có người lạ lòng

như vậy, mau nước mắt đã đành lại còn không biết mắc cỡ khi làm chuyện trên đời chỉ có một mình mình. Thím Hai Một khóc ngọt ngào, bất tận. Nước mắt như mưa tuông trào đầy mặt. Nào can tràng hơn tiếng than của đào thương trong gánh hát. Khóc đã đời thím cất giọng kể lể. 'Sáu ơi là Sáu, chú bỏ vợ yêu con thơ chú vội vàng đi đâu. Bao nhiêu người thương chú trên đời sao không ở lại. Âm phủ dương gian hai đảng cách trở, từ nay vợ con chú biết trông cậy vô ai? Sáu ơi là Sáu ơi. Ngày trước chú giúp người cô quả, chú thân thiện xóm làng, đầu trên chợ dưới, người dung họ hàng, ai có chuyện gì chú không nề hà giúp đỡ. Sao người như chú mà trời bắt đi cho nữa, còn những kẻ lười đạo vô nghĩa lại sống chật trời chật đất, tôn gao tôn com... Sáu ơi là Sáu ơi.'

Chú Hai Một quay mặt ra cửa, ngó mau về phía vợ, nhãn mày tỏ ý không bằng lòng -- quá lố rồi đó, quá trong nước mắt thì còn chấp nhận được, quá trong lời than thì chạm tới biết bao nhiêu người, ăn của chủ nhà bao nhiêu mà đưa lưng mang tiếng oán. Tuy nghĩ bụng như vậy nhưng chú không nói gì, chỉ vén màn bước thẳng vô phòng trong.

Bóng tối âm u của ngọn đèn dầu phụng tim se bằng một miếng vải trắng bỏ trong cái đĩa dầu để dưới gầm giường và cây đèn nhỏ đặt phía dưới chum người chết chập chờn leo lét, không giúp cho đôi mắt quen với ánh sáng của chú Hai thấy gì hơn là một cụm tối dày đặc, không lồ. Chú đứng định thần một hồi hèn lâu mới quen mắt lần. Con nhỏ Huệ đương quay lưng về phía chú, mặt quay vô vách, đương giơ cao lên xăm xoi một cách dè dặt bộ đồ bà ba hàng màu hột gà của ba nó đầu như là mới vừa được lấy từ trong tủ ra, còn đầy những lần xếp. Chị Sáu đương rờ rờ nắn nắn hai cánh tay co rút của người chết mà mấy ngón tay cong lại như đương thủ thế để cào cấu ai. Guơng mặt chị thều nào pha lẫn nét chán chường. Chị biết bổn phận mình phải làm gì nhưng không biết bắt đầu từ đâu và bằng cách nào. Trong lòng chị đương có một sự tương tranh dữ dội giữa hai mặt sợ-thương. Thấy ánh sáng và đã đoán được ai bước vô, chị ngược mắt lên chờ đợi một mệnh lệnh, mệnh lệnh dưới hình thức đề nghị thiết bình thường nhưng giúp chị ra khỏi cảnh bối rối hiện tại không biết mình phải làm gì mới đúng cách và trọn đạo.

'Chị Sáu với con Huê 'quá bộ' ra ngoài nhà tiếp khách đi,' chú Hai Một nói như ra lệnh, nói lựa chữ văn hoa một cách ăn tét. 'Bà con lối xóm nghe tin hồi nào không biết mà đã kéo tới chia buồn coi bộ hơi bộn rồi đó. Đây nhà! Mà tôi thấy có ai ở ngoài đó lo trâu cau nước nôi gì cho khách đâu,' Chú ngừng một chút ngó vô con Huê bây giờ mới day mặt lại phía ánh sáng. 'Vớ lại ba cái chuyện này nên để tôi. Nghề nghiệp ai người này làm. Chuyện này đâu phải ai cũng mó tay mó chum vô được.' Một lần nữa chú ngó về phía con Huê. 'Đàn bà con gái gần hơi người mới đi không nên đâu. Độc lắm. Về sau bị bệnh hậu khó lòng.' Mặt con Huê, này giờ nước mắt đã lặn rơi, buồn lâm ly, đôi sắc liền, mừng thấy rõ, nó bỏ bộ quần áo xuống rồi đi vòng về phía đầu giường của ba nó, sẵn sàng bước ra. Chị Sáu trái lại chỉ hơi khựng lại một chút khi nghe nhắc tới mấy tiếng không nên nhưng rồi cũng tiếp tục cố gắng tuột tay áo của chồng ra. Cái áo đã được mở nút cẩn thận, phơi màu da ngực xám ngắt của xác chết dưới ánh đèn. Cánh tay cứng đờ, cà huỳnh cà hoang, tay áo dính một lớp bùn mỏng thêm phần trở ngại. Chị bậm môi hè hụi giựt mạnh nhưng cũng không ích lợi gì, chỉ làm rớt lộp độp lớp bùn khô xuống giường như bánh tráng nướng bể. Bộ mặt người chết nhần nhần với cặp môi đã bắt đầu rút, lòi răng ra cười ngạo cảnh tượng. Cánh tay thầy ma cứng cong, trì lại phản đối không cho thay bộ quần áo cuối cùng trong đời mình. Chú đánh thêm một đòn tâm lý trong khi thông thả cho tay vô túi trong lục kiếm gói thuốc *Job* đổ lặn theo từ đằng nhà.

'Chết bất đắc kỳ tử linh lắm. Ngày giờ trùng thì chuyện gì cũng có thể xảy ra. Tránh trước thì hơn. Trùng tang liên táng xui mấy đời chớ không ít đâu. Chị với con Huê làm ơn dang ra cho tôi.'

Chú ngừng nói, đứng yên, điều thuốc đã an vị trên môi, tay mặt cầm sẵn diêm quẹt nhưng chưa quẹt lửa, cổ ý đợi hai người phụ nữ bước ra. Thân nhân nào cũng sẽ khó chịu khi thấy xác của người thân bị kéo nắn mạnh tay, mười người như một, ai cũng nắn ni này nọ, xin xỏ vậy khác. Khó lòng. Chú thấy công việc mình làm phải mang tính cách thiêng liêng, bí mật, càng ít người biết mình làm gì với cái xác chết càng tốt. Chú đưa tay rờ rờ cái mặt lạnh tanh của thầy ma, rồi bằng một cử chỉ thiết nghề nghiệp chú đưa hai ngón tay cái-trở ra kéo kéo hai môi người chết lại

cho khít khao hơn như ngâm nói tôi đã sẵn sàng rồi, mời bà con nhường chỗ cho tôi. Tay chú đung vô chỗ lạnh hơn mình tưởng, chú chỉ thẳm trong bụng cái thằng nhậu nhẹt chết bờ chết bụi, ngâm nước cả đêm để cho cái mặt lạnh còn hơn đá cầm thạch ướp nước đá. Chú đưa mắt ngó con Huê rồi đảo qua má nó. Thường thường mời thân nhân của người quá cố ra khỏi buồng chú chỉ cần xài tới mấy tiếng không nên đã là quá đủ, họa hoằn lắm mới phải xài tới mấy điều dọa dẫm về chuyện bệnh hậu, trùng tang liên táng mà chú học lóm, khi đi đám đó đây, từ mấy bô lão biết chút ít bói toán thuốc men.

Người đàn bà bỏ cánh tay chồng xuống với một tiếng thờ thiết dài như là bà nín hơi từ lâu lắm bây giờ mới được phép thờ. Cách bỏ xuống cũng nhẹ nhàng, ần chứa trong đó cả một trời thương yêu. Nhẹ nhẹ, chậm chậm bước lên về phía cửa. Khoảng cách chỉ vài bước mà như xa thăm thẳm, vừa bước đi vừa ngó ngoái lại như không muốn mất những phút giây chót với chồng. Ra khỏi đây rồi, lúc trở vô người chồng đầu áp tay gối -- người mới hôm qua còn gậy gổ với chị -- một sự gậy gổ nhẹ nhàng cảm râm, quen thuộc trong bao nhiêu năm trời, khiến chị cảm thấy mình hiện diện và là một thứ gì khác với những đồ vật vô tri trong nhà -- bây giờ sẽ thật sự trở thành một cái xác chết đúng nghĩa, hoàn toàn là một cái thầy ma lạnh lẽo chờ tới giờ để được bỏ vô hòm đem chôn. Hư vô, mát tuyết từ đây. Xa cách đời đời, thật sự, tuyệt đối từ đây. Một xa cách mặc dầu không hình dung được, mới chỉ lấp ló trước mặt đã cắt đứt ruột gan, khiến chị chưa gì đã thấy mình bơ vơ, nhỏ nhoi lạc lõng hơn. Chị bật khóc thành tiếng, nấc nghẹn, mặc dầu đã cố dần xuống ngay từ hồi thấy xác chồng nằm úp mặt nửa trên nửa dưới ở bờ mương -- sợ nước mắt nhều xuống mặt ồng ồng khó đi đầu thai. Chị bỗng nhiên thấy tức mình tại sao bữa hôm ồng đòi uống thêm xị nữa chị tiếc tiền và sợ ồng bệnh không cho con đi mua lại còn biểu nó dấu cái chai đi. Phải dè sớm như vậy ồng muốn uống mấy ghe tàu cũng bán nhà mua cho ồng không tiếc tiền. Chị cũng tức mình là tại sao mấy năm trước nghe phong thanh ồng mè mỡ chị đã làm quá mạng, cắn nắn cười nhưỡi, cắn xé. Phải dè... Phải dè... Chị kêu tên chồng, cách thân mến rất ít khi sử dụng từ ngày có đứa con đầu tiên. Con Huê áy náy nắm cánh tay mẹ, chỗ con chuột, mà nó có cảm giác là đây

xương, dẫn ra cửa. Mắt ngập nước, nó cũng ngó ngoái lại lần chót ba nó, vẫn còn nằm trong một vị thế lạ lùng, một căng co vô bụng, một căng thẳng ra luôn cả bàn chum, như người đương kiếm cách leo lên khỏi mương nước, hai bàn tay quắp cứng ngắc hai nắm bùn bây giờ đã khô, mấy chỗ tứ chi lộ ra khỏi quần áo bao trùm một màu xanh xám đen đen lạnh lẽo khiến nó bắt rùng mình. Chị vợ ngó lại lần nữa thì thể người chồng, gật đầu chào chú Hai Một, rồi như len lén giở màn bước ra. Những giọt nước mắt được kềm giữ quá lâu thong thả bò trên gương mặt chị, nhều xuống ngực áo khi chị bắt gặp những ánh mắt thân tình chia sẻ niềm đau xót của bà con lối xóm bây giờ tới đã tới ngồi đứng chật nhà.

Chú Hai Một nao nao theo dõi hai mẹ con lúp xúp đi trong tiếng thút thít, ánh mắt chú đậu lại trên cái lưng đầy sức sống và bộ hậu lảng o của đứa con gái -- được ôm bằng cái áo bà ba bó sát và cái quần vải đen dày ủ thẳng thớm. Chú nheo mắt với mình và cười cười...

Ngoài kia chú nghe rõ tiếng chào của chị Sáu với bà vợ mình. Tiếng khóc của bà ta nín bật ngang xương. Chú nghe loáng thoáng câu trả lời của vợ: '... Ừ... Kể từ trưa mai cho tới giờ hạ huyết tôi sẽ ở đây... Ừ.. tiền bạc gì. Đừng có lo chạy cho mất công. Bà con mình không, ai cũng nghèo chứ đâu có dư dả gì.. Nói nào ngay, tôi cũng đâu giàu có gì hơn với mớ đó'. Tiếng khóc lại nổi lên, bi thương thập bội hơn giọng ti tê nhè nhè của vợ người quá cố. Dòm qua chỗ hở do tấm màn bị vướng, chú Hai Một thấy vợ mình đầu bù tóc rối dụi dụi mắt khóc kể như chết cha chết mẹ. Bà ta nhảy từ nhân vật này qua nhân vật kia. Ban đầu là bà mẹ vợ!... Sáu ơi là Sáu ơi, nhà này một mình mày lo từ trong ra ngoài. Vợ con mày giờ đây làm sao đủ sức chống chọi với đời. Đi đâu thấy món ngon vật lạ mày cũng mua về cho tao, bây giờ mỗi khi thấy quán thấy hàng làm sao tao không khóc được, Sáu ơi là Sáu ơi.' Rồi tới vợ, tới con gái, mỗi người thím đều sáng tác giùm một bài văn tế bình dân nôm na như vậy, kể công đức người chết, vài phần thiệt, vài phần phóng đại những hành trạng mà nếu nghe được chắc người chết cũng phải hổ ngươi. Chỉ có một điều là giọng kể lẽ của thím lâm ly quá, nước mắt của thím sụt sùi quá khiến người nghe không còn đủ bình tĩnh tâm trí để phân biệt đâu thiệt đâu ngoa. Một cảm giác xấu hổ mà chú thường có khi vợ

khóc đám người quen như kiêu thẳng cha Sáu Say này len lỏi vô tim chú. Chú ngờ-ngợ như vợ mình làm điều gì sai quấy, quá đáng, hơn sự phải có của điều bình thường, hơn sự bắt buộc của nghề nghiệp. Vừa lúc đó con Huê quay lại, đưa tay kéo cái chéo tấm vải màn xuống cho kín cửa buồng. Chú dòm lom lom bàn tay tròn trịa của con nhỏ cho tới khi ánh sáng trong phòng trở thành lù mù. Chú đốt điều thuốc, dựa vách ngó xác chết, thông thả hít từng ngụm khói say sưa. Mỗi khi trong người có chuyện buồn vui lẫn lộn, những hơi đầu tiên của điều thuốc vẫn là một thứ thần dược giúp chú tỉnh táo trở về thực tại với một tinh thần sáng suốt vô biên. Chú vạch màn dòm ra ngoài nhà trên như là tìm kiếm ai, ánh mắt chú đậu lại phía có con Huê đương đứng. Nghĩ sao không biết chú bước hẳn ra ngoài tới một bàn, cầm lấy chai rượu để rót đầy một ly lớn, mỉm cười chào mấy người ngồi ở bàn đó rồi quảy quả bước vô. Chú cẩn thận bỏ màn xuống, kéo mí lại như ngại ánh sáng bên ngoài có thể chui vô phòng. Tới bên xác chết, chú thiết sự bắt tay vô công việc: phun phun, bóp bóp sửa nắn lại cho vào vị thế bình thường bộ tứ chi trước đây đã cứng đờ cứng còng. Chú cắt rách tay áo và ống quần của xác chết bằng cái kéo nhỏ, vật liệu độc nhứt chú mang theo mình như một thứ dụng cụ nghề nghiệp. Chẳng bao lâu cái công việc mà người vợ nạn nhân loay quay hàng giờ không thực hiện được đã được chú hoàn thành mỹ mãn. Anh Sáu Say bây giờ đã thiết sự ngủ say trong một tư thế thoải mái, thanh thản. Chú Hai Một bước lùi một bước, ngắm nghía công trình mình, chú mỉm cười hài lòng và tự thưởng bằng chút cặn rượu còn sót lại trong ly...

Tôi náo nức thiết tình! Tôi sẽ gặp được cặp vợ chồng truyền nhân chánh của một nghề đang sắp biến mất trong một xã hội trên đà chuyên mình Âu hóa như cái thành phố Sài-gòn này. Đường có xa, có lạ cũng chỉ là dịp để mở rộng nhãn quan thôi... Chúng tôi đi qua cầu chữ U ở bến Thuyền Buồm (Quai des Jonques), một cái cầu tuy lót cây nhưng cao chưa từng thấy. Chiếc mô-bi-lét già chạy tới đâu đã cây lót cầu rung rinh nhúc nhích la hét ầm ầm tới đó, những chiếc bù lon sắt khổng lồ đưa lên như

hàm răng con quái vật cầu sắn sàng cắn vô vỏ bánh xe. Cây ván tron chao đảo tay lái, tôi phải kèm thật vững.

Đã hết đầu. Lại còn qua một cái cầu chữ U khác y hệt như vậy ở ngay trước chợ Bình Đông. Sao vùng này lạ lùng vậy, cầu cao không tráng xi-măng hay trải nhựa, chỉ lót bằng cây mà lại lót xuôi theo đường xe cộ chạy?

Người dẫn đường như đoán được ý tôi, giải thích ba hoa. 'Vùng này không có thể để làm dốc nên cầu phải xây hình chữ U, cũng không thể xây bằng vật liệu nặng vì bờ kinh hẹp, đất hai bên lại mềm, không có chỗ đúc móng chụm cầu. Phải xây cao cho ghe chài qua lại bỏ lúa vô chành hay lấy lúa từ trong chành ra chở đi Lục tỉnh, lên Nam Vang... Ngày trước ghe chài ra vô khúc kinh này liền liền, bây giờ có thêm kho chứa ở Bến Tàu nên ít đi đó chớ.'

Tuy không biết rõ ràng danh từ chành là gì nhưng tôi cũng mừng tượng đoán được đó là một thứ kho chứa trữ nên mãn thịnh không hỏi như mọi khi. Cảnh tượng quê nhiều hơn tỉnh của vùng này trở thành một thứ loại ven biên đô thị mới ngó qua đã bắt mắt nên tôi cũng làm biếng nghe thêm. Cái thằng cha này có khả năng nói chuyện này qua chuyện kia lòng vòng ba bốn ngày không hết, đừng nên khươi cho nó nói không nhằm lúc.

'Gần tới chưa?' Tôi hỏi cũng là cách dẫn anh ta vô chuyện chánh. 'Sao chưa thấy cái đình anh nói?'

'Đi dò qua bên bờ kia. Đó là làng Bình An, đình Bình An cách bên dò chừng một cây số ngàn,' hẳn trả lời rành rọt. 'qua đó rồi lội một đôi nữa thì tới nhà họ. Không xa đâu.'

Lại còn thêm chuyện dò! Ánh mặt trời chói chang trên đỉnh đầu. Coi bộ hơi trưa. Sài Gòn lắm rằm mà rộng thênh thang, đi nửa ngày từ trung tâm chưa ra tới ven biển.

Con dò ngang đưa khách qua bên đình do một cô gái trắng trẻo độ mười sáu mười bảy tuổi thông thả đẩy đưa mái chèo. Những nhịp đẩy-kéo căng lên căng xuống bộ ngực tròn mạnh thiếu nữ. Nàng thành thạo, không tỏ vẻ gì tổn sức tổn công. Tôi chợt nhớ tới chuyện thơ nàng Tiên Bửu xinh đẹp, thông minh chèo đò. Chỉ tiếc mình không có bộ râu dài phất phơ và tài đối đáp như ông Trương.

Cảnh vật hai bên bờ kinh hiền hòa. Nhà cửa khang trang của một vùng quê trù phú. Mạ non xanh mơn. Sóng lúa rung rinh trên đầu lúa. Gió mát thơm mùi hạt lúa còn đương ngâm sữa. Vài căn nhà lá ẩn hiện sau những tàn cây mít, vú sữa xum xuê. Nét thanh bình có thể cảm thấy vương vương lãng đãng cùng khắp không khí. Trong khung cảnh như vậy mà gặp được một cái đám ma để quan sát luôn tài nghệ của vợ chồng Hai Một 'ra đám', 'khóc đám' thì còn gì thích thú bằng. Một công hai ba việc. Khởi phải đi về chờ đợi lồi thoi.

Tôi mừng rỡ khi nghe tiếng kèn đám ma vắng vắng từ xa xa khuất đầu trong xóm. Trúng môi rồi. Mấy thuở trời chịu lòng người, cầu được ước thấy.

Vậy mà tôi không được chứng kiến gì hết những điều cần chứng kiến, mặc dầu kèn đám ma đương ò-e ngay tại nhà ông Hai Một. Tôi không gặp một ông 'nhưng quan' tài nghệ đặc biệt, điều khiến mọi chuyện liên quan đến động quan, di quan bằng nhạc của hai khúc tre. Tôi không gặp một người đàn bà bán nước mắt, khóc mướn trong mấy đám ma, ré lên từng hồi cắt dạ rồi xuống giọng ti tê bi thảm đau thương, kéo dài ngày này qua ngày khác từ lúc tận liệm cho tới khi hạ huyệt. Những hình ảnh lạ lùng tôi có trong trí vẽ ra do người dẫn đường khi giới thiệu về cặp kỳ nhân này không thấy đâu nữa. Còn lại chẳng là một cặp vợ chồng già héo úa từ sâu thẳm trong lòng héo ra, một thứ cây chết rũ, một loại người bị chấn thương do Tây tà tra tấn bằng bàn tay sắt bọc vải, bầm nát ngũ phủ lục tạng tuy bên ngoài vẫn còn chút nào đó đáng vẻ bình thường.

Người đàn ông ngồi đó, mặt co rúm nhăn nheo của một thứ trái chín héo vì quá nắng, mắt ơ hồ ngó ra con đường đất đỏ bụi mù trước mặt, bất động tới cả từng thớ thịt mặt. Tôi biết chắc chắn cái hàng rào bông búp đầy bông nở đỏ thắm ngoài kia, cái hàng rào đặc biệt được đóng cột bằng mấy cây so đũa trái lòng thông và sợi dây kẽm giăng kẻ đó, nơi con gái ông phơi quần áo hằng ngày, không lọt vào trong giác trường của ông. Kể cả những người học trò đạo tỳ mặc quần áo đen viền trắng lẳng xăng lít xít vì chuyện của thầy cũng vậy thôi, không có. Thời gian và hoạt cảnh trên cõi đời này hình như đối với ông không còn nữa. Dàn đờn trời ò-e ngưng trôi không biết bao nhiêu chập, tôi để ý nhưng

không thấy vợ chồng ông Hai Một nhúc nhích cục kịt gì, ngay cả khi một người đệ tử tới trước mặt ông cung kính xin phép cho mình được thay ông điều khiển cuộc 'di quan', ông cũng không trả lời hay hạ cái mản vô hồn trước ánh mắt mình xuống, mặc cho đám đệ tử và ông Hòa Thượng già điều khiển việc khiêng cái hàng ra khỏi khung cửa chật hẹp của căn nhà. Hai chung rượu để trên nắp hàng sóng sánh rồi tràn ra vài giọt do sự điều khiển không thành thạo của người đệ tử trẻ ông cũng không thấy, không biết. Hồn ông đương ở trong một cảnh giới ta-bà nào đó xa xăm, chỉ cái thân xác ngủ uẩn hiện diện mà thôi.

Đám ma ra tới đầu ngõ, ông Hai Một mới choàng tỉnh khỏi cơn mộng du, đứng dậy bước chậm rãi theo vài ba người đi chót sau khi đã ngó bà vợ và lắc đầu trong tiếng thở dài. Người đàn bà ngồi trên cái ghế dựa, mắt vô hồn ngó tôi khi tôi tới kể bên nói mấy lời chia buồn cho phải phép. Không có một giọt nước mắt nào trên khóe mắt của người đàn bà tuổi lệ dễ tuông này. Không có cả một hít, khịt mũi nhỏ nhoi. Không có cả chuyện đỏ hoe hai mắt hay tiếng kể lẽ phân bua. Vậy đó. Một sự im lặng tuyệt đối của môi trường chân không. Vô lý tới khó tin.

Tôi ngó lại lần nữa tấm hình người quá cố. Cô gái có nụ cười thật buồn nhưng vẻ trẻ trung làm nao nao lòng người. Đôi mắt sâu thăm thẳm của cô khiến ai nấy dòm qua một lần cũng phải ngó lại một lần nữa. Cái đẹp man dại và lôi cuốn. Cái đẹp của một cánh đồng đầy hoa thắm bên triền núi rộng cao. Có thể hình ảnh cô gái trẻ mới chết có sức mạnh tạo xúc động cho người sống -- và một chút bằng lòng vì sự bất hạnh giáng xuống người khác chớ không phải mình -- khiến phải ngó thêm. Tôi thấy trí mình coi bộ cái lương khi bỗng nhớ tới câu thơ có mấy chữ 'hồng nhan bạc mệnh.'

'Vợ chồng họ làm nghề thất đức nên bây giờ như vậy đó,' người dẫn đường kéo tôi về thực tế khi anh nắm tay tôi nói nhỏ. 'Cha tần liệm, di quan người khác lồi thối, nên Trời khiến tới phiên con mình thì sùng sờ muốn tự tay săn sóc cũng không làm được. Tội học trò đạo tỳ nó làm đâu có đúng lễ. Hồn ma trước đây họ về trả thù đó. Biết bao nhiêu lần ông bẻ tay bẻ chun thiên hạ mạnh tay hay làm ầu xị cho qua. Biết bao nhiêu lần ông thay áo thay quần hay tần liệm dụi chạc, nhưt là người nghèo... Để rồi coi, hồn

cô ta còn lẩn quất nhiều ngày trên trần thế chưa xuống dưới đó liền được đâu. Thiếu lễ đi đâu có xuôi chèo mát mái. Nhiều khi nó về nó phá nữa là khác.'

Không đồng ý với nhận xét này, nhưng tôi không cãi. Con người ta sinh ra vốn là mục tiêu cho những tấn kích cách nầy cách nọ của tất cả ai khác trên đời, huống gì chú Hai Một làm một nghề thiên hạ chỉ thấy sợ hãi và xa cách.

Không muốn khơi mào một cuộc đấu khẩu vô ích, tôi chỉ qua thím Hai Một, chưa kịp nói gì thì người dẫn đường đã lên tiếng, lần này pha một chút giọng thầy đời.

'Thói thường thương vay khóc mượn tới khi cần khóc cho mình thì hết nước mắt.'

Phải, điều gì xài quá thì mau hết, cái lý đó cũng đâu có gì là khó hiểu. Nói một cách trừu tượng, cái tình thương bà ta xài cho thiên hạ trong bao nhiêu năm trường 'khóc đám' khiến cho bà ta cạn tuyệt tình thương đối với con gái mình. Suối lệ cạn nguồn người ta thường nói vậy hoài.

Vâng, lý luận này có vẻ hữu lý nếu -- và nếu, và nếu -- tình thương là một dạng của vật chất cụ thể. Con người ta thường tỏ ra mình thông thái, mình phải, mình hay như cái anh chàng nói nhiều này. Mấy ai biết được và thông cảm được với vợ chồng ông nhưng quan Hai Một. Tình thương con biển trời lai láng của họ khiến tất cả những biểu lộ bình thường khác đã trở thành vô nghĩa, không phù hợp. Với người sơ tôi đã khóc, và đã khóc mùi mẫn, với con gái cưng của tôi, tôi cũng khóc như vậy hay thôi sao? Tại sao tôi phải giống thiên hạ biểu lộ tình thương bằng nước mắt kia chứ? Có sự khác biệt giữa con gái tôi và người thiên hạ chứ? Nếu khóc đám làm xôm đám chớ không biểu lộ tình yêu thương chân thật thì cái gì mới diễn tả được lòng thương con của tôi đây. Con ơi, con nỡ bỏ cha mẹ già một mình ra đi sao con...

Tôi dòm lại dáng thất thế của chú Hai Một sau đuôi đoàn người. Bước thấp bước cao, hệt hẵng như một hình nộm được điều khiển vụng về. Tôi ngó lại thím Hai Một, cũng dáng ngồi đó không biết bao lâu rồi, hai tay buông xuôi trên vế, bất động của một pho tượng đất sét, thêu não của một thứ người tuyệt đương tan rã từ từ. Thím sẽ ngã xuống. Chắc chắn như vậy.

Tôi bỏ ra về, không dám ngoái lại một tấm hình khác ở trên bàn thờ. Cuộc đời người con gái đó bình thường, cái chết cũng có thể rất bình thường nhưng một nhân duyên đặc biệt đã hé mở cho tôi một cánh cửa để nhận thấy rõ ràng về tấm lòng nhỏ nhen, ganh ghét của người đời nói chung và nỗi đau đớn khôn cùng của cặp vợ chồng già mất con trẻ nói riêng.

Trên đường về không khí bỗng nhiên nặng nề u ám ngang. Tôi ngậm cầm cho tới lúc chia tay.

Tại sao?

Tôi xúc động vì lòng thương con trời biển bao la đến nỗi mắt hồn của cặp vợ chồng nhưng quan - khóc đấm Hai Một. Mà cũng có lẽ là do tình cảm trân trọng đối với một cánh rừng đang chứa chấp một loài trân cầm dị điều kỳ hoa hiếm hoi đang trên đà tuyệt chủng.

Sau này lắm lúc ngồi ôm súng ở một vùng đồi núi cao nguyên, đêm về bốn bề tĩnh mịch, giữa cảnh trùng trùng của bóng tối bao la, trí nhớ bình bỗng trôi về quá khứ, tôi ngạc nhiên thấy kỷ niệm của mình về Sài Gòn không chỉ nằm trong chỗ những sinh hoạt ồn ào tấp tểnh ở các khu ổ bùn lầy nước đọng từng sống một thời gian dài lúc trẻ, và những nơi có kiến trúc nguy nga tráng lệ có dịp đặt chơn tới sau này khi đã thành non, mà còn nằm ở cảnh trí đơn giản của một buổi sáng ven đô nơi ít người biết tới là làng Bình An bên kinh Ruột Ngựa, chỗ căn nhà có hàng rào bông búp, xen kẽ bằng hàng cây so đũa lòng thông trái...

Không ai chịu mất thì giờ đào sâu vào chốn tận cùng tâm hồn mình để tìm hiểu những yếu tố cụ thể nào khiến mình yêu đậm đà quê hương xứ sở, thân mến tuyệt cùng với nơi mình lớn lên trong buổi đầu đời.

Mà cần gì tìm hiểu nguyên nhân?

Sài Gòn cũng vậy, đối với tôi thân thiết, đáng nhớ, xa trong thực thức nhưng tiềm thức không bao giờ xa. Bao nhiêu đó đã là quá đủ. Một vài chi tiết cụ thể về nơi này nơi nọ, người này người kia, nói cho cùng, cũng chỉ như một nhúm sao nhỏ nhoi trong vũ trụ bao la của triệu triệu dãy Ngân Hà.

NGUYỄN VĂN SÂM

(Port Arthur, Texas, 3- 1992, những ngày dạy học trầm buồn ở quê người).

NGHIÊN CỨU



TÌM-HIỂU CÁC DI-BẢN NGÀY NAY CỦA ANH-NGỮ TIÊU-CHUẨN

Tiến Sĩ ĐÀM TRUNG PHÁP

Professor of Linguistics Emeritus

Texas Woman's University

LINGUA FRANCA HOÀN-VŨ

Thực khó mà coi nhẹ vai trò tiếng Anh ngày nay trên thế giới. Tiếng Anh hiện được coi là một lingua franca tức là thứ tiếng dùng chung của những người không nói cùng một thứ tiếng mẹ đẻ. David Crystal (1996) ước lượng số người sử dụng tiếng Anh trong 3 khối nhân loại tương trưng bằng 3 vòng tròn đồng tâm lan rộng ra như sau:

* Vòng tròn trong cùng gồm những xứ mà đại đa số dân chúng nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ, như Hoa Kỳ, Anh Cát Lợi, Úc Đại Lợi, vãn vãn, có khoảng từ 320 đến 380 triệu người;

* Vòng tròn giữa gồm những xứ mà dân chúng sử dụng tiếng Anh từ lâu như Ấn Độ, Tân Gia Ba, Ghana, vãn vãn, có khoảng từ 150 đến 300 triệu người; và

* Vòng tròn ngoài cùng gồm những xứ như Trung Hoa, Nga, Việt Nam, vãn vãn, có khoảng từ 100 triệu đến 1 tỷ người.

Như vậy, con số người nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ nhỏ hơn con số người dùng nó như một thứ ngôn ngữ thứ hai rất nhiều. Tổng cộng, tôi đa có cả thấy 1 tỷ 680 triệu người dùng tiếng Anh trên thế giới. Hiện là ngôn ngữ phổ cập nhất hoàn cầu, tiếng Anh sẽ dễ dàng duy trì được uy thế này trong những thế kỷ kế tiếp.

HIỆN-TƯỢNG BẢN-XỨ-HÓA

Hiển nhiên khi tiếng Anh lan tràn đến một nơi xa lạ, nó sẽ không thoát khỏi ảnh hưởng tiếng nói của người địa phương, trong tiến trình bản xứ hóa. Hiện tượng trăm hoa đua nở này đã mang lại nhiều dị bản khác nhau cho tiếng Anh, đến nỗi ngày nay các nhà nghiên cứu đã phải dùng số nhiều cho danh từ English khi nói đến “the Englishes of the world today”!

Hai yếu tố thường được chú ý nhiều nhất trong hiện tượng bản xứ hóa là phát âm và từ vựng. Bằng phương cách đối chiếu, các nhà nghiên cứu có thể phát hiện và hệ thống hóa những khác biệt đặc thù giữa tiếng Anh tiêu chuẩn và tiếng Anh bản xứ hóa. Nhưng thế chưa đủ, vì tiến trình này còn phản ánh vài yếu tố sáng tạo khác, như sự giản dị hóa cú pháp hoặc sự sử dụng những phương thức tu từ cá biệt của các ngôn ngữ địa phương liên hệ.

DI-BẢN ÁN-ĐỘ

Xin mở đầu bằng một câu chuyện có vẻ huyền hoặc nhưng lại không vô lý chút nào, dựa vào những khám phá chính xác đã phối kiểm của môn phát-âm-học so sánh.

Giả dụ chúng ta đang dự một buổi tiếp tân tại một khách sạn bên Ấn Độ, quê hương của biết bao thứ măng xà. Khi nghe vị MC bản xứ đồng dục nói qua máy vi âm điều gì nghe rõ ràng là “Snakes are now in the hole, please serve yourself!” thì chắc chắn chúng ta sẽ hết vía. Khiếp quá, ban tổ chức cho quan khách thưởng thức món đặc biệt gì đây? Hồ mang hoa hay rắn đeo kính chẳng?

Thưa không phải như vậy đâu!

Sự hiểu lầm này xảy ra chỉ vì cách phát âm độc đáo của Anh ngữ Ấn Độ mà thôi. Trong phương ngữ này, người ta giảm bớt đi một số mẫu âm bằng cách “giết hai con chim bằng một hòn đá,” và vì vậy hai chữ snack và snake chứa đựng hai mẫu âm khác nhau một trời một vực đều được phát âm là snake. Hai mẫu âm khác nhau trong chữ hall và chữ hole cũng cùng chịu chung một số phận ấy, và cùng được phát âm là hole! Vậy thì, trong ngữ cảnh tiệc tùng này, ông MC bản xứ hẳn muốn nói lời mời “Snacks are now in the hall, please serve yourself!”

Dị bản Ấn Độ cũng có một số từ vựng độc đáo, như co-brother và co-sister chẳng hạn, ý nghĩa tương đương với “anh em

cột chèo” và “chị em dâu” trong ngôn ngữ chúng ta. Quý bạn nào tôn trọng ngữ pháp tiêu chuẩn trong tiếng Anh, tiếng Mỹ sẽ không khỏi chau mày khi thấy người nói Anh ngữ Ấn Độ sử dụng các “tenses” của động từ theo quy luật riêng của nó, như trong hai thí dụ điển hình dưới đây:

We are here since yesterday (< We have been here since yesterday).

We have been here 20 years ago (< We were here 20 years ago).

Chớ quên rằng những người này là dân có học và hàng ngày sử dụng Anh ngữ Ấn Độ là dị bản có đông người sử dụng nhất thế giới ngày nay.

MỘT SỐ ÂM-VỊ BIẾN MẤT

Các loại Anh ngữ địa phương hóa (và nay đã qui củ hóa) tại Đông và Tây Phi Châu, Ấn Độ, Tân Gia Ba, Phi Luật Tân, vãn vãn, đều cho giảm đi con số âm vị (phonemes) của tiếng Anh tiêu chuẩn, bằng cách “sáp nhập” các âm vị tương đối giống nhau (vì chúng ở trong hai vị thế phát âm kế cận trong khoang miệng) vào làm một.

Đáng kể nhất trong đặc trưng phát âm phổ cập này là sự kiện cho sáp nhập các mẫu âm trong các cặp chữ [eat / it], [pool / pull], [hole / hall]; và các từ âm trong các cặp chữ [see / she], [den / then], [tick / thick]. Các cặp chữ này với phát âm khác biệt trong tiếng Anh tiêu chuẩn nay trở thành đồng âm.

Tiếng Anh nói tại Đông Phi Châu (trong các quốc gia Kenya, Tanzania, và Uganda) đã cho sáp nhập hoặc đồng hóa nhiều âm vị Anh ngữ tiêu chuẩn nhất. Tại đây nhiều người còn không phân biệt được cách phát âm hai từ âm trong cặp [lice / rice] và cũng cho đồng hóa các từ âm trong ba chữ [sue / shoe / chew], tức là biến cả ba chữ ấy thành đồng âm, với phát âm chung là sue.

VỊ-TRÍ ÂM-TIẾT NHẤN MẠNH THAY ĐỔI

Vị trí của âm tiết nhấn mạnh (stressed syllable) trong một số chữ cũng thay đổi. Chẳng hạn, tại Tây Phi Châu, người ta nhấn mạnh âm tiết sau cùng của các chữ congratulate (> congratuláte)

và investigate (> investigáte) cũng như âm tiết đầu của chữ success (> súccess).

Anh ngữ Ấn Độ hóa biểu hiện một ngữ điệu (intonation) khá lạ tại do ảnh hưởng của tiếng Hindi, khiến cho nhiều người không quen với ngữ điệu này rất khó hiểu dị bản Ấn Độ. David Crystal (1995) có nhắc đến chuyện bà Thủ Tướng Indira Gandhi (một sản phẩm giáo dục của Đại Học Oxford bên Anh Quốc) đã than phiền với Bộ Giáo Dục trong nội các của bà về những “tiêu chuẩn đi xuống” của tiếng Anh tại Ấn Độ, sau khi bà không hiểu nổi lời phát biểu bằng tiếng Anh của người đại diện Ấn Độ tại một hội nghị quốc tế!

TỪ-VÙNG ĐỊA-PHƯƠNG-HÓA

Từ vựng đương nhiên là một đặc thù của các Anh ngữ địa phương hóa. Nhiều từ ngữ được lấy thẳng từ ngôn ngữ địa phương, như:

chai (trà), kibanda (chợ đen) trong Anh ngữ Đông Phi Châu; crore (mười triệu), durzi (thợ may), sahib (chủ nhân) trong Anh ngữ Ấn Độ; koon (ngủ), tolong (giúp), chope (dành trước) trong Anh ngữ Tân Gia Ba; và boondock (núi), carabao (trâu nước) trong Anh ngữ Phi Luật Tân.

Những từ vựng địa phương này có được thế giới để ý đến hay không là tùy thuộc vào tầm quan trọng ý nghĩa của chúng. Vì vậy, trong tiếng Anh Nam Phi Châu, apartheid (chính sách phân chia chủng tộc tại Cộng Hòa Nam Phi) và impala (một loại linh dương chạy rất nhanh) đã từ lâu gia nhập từ vựng trong đại gia đình Anh ngữ, trong khi dorp (làng nhỏ) thì ít người biết đến.

Một số từ vựng Anh ngữ tiêu chuẩn khi địa phương hóa đã thay đổi ý nghĩa, hoặc có thêm ý nghĩa nói rộng, hoặc được canh tân hình thức với ý nghĩa mới, như trong các thí dụ sau đây:

Trong Anh ngữ Ấn Độ, colony = residential area, hotel = restaurant, police firing = shooting by police, cousin-sister = female cousin, co-brother = wife's sister's husband, Himalayan blunder = grave mistake;

Trong Anh ngữ Tây Phi Châu, hot drink = liquor, hear = understand, take in = become pregnant.

CÚ-PHÁP ANH-NGỮ BIẾN-THIÊN

Những biến thiên của cú pháp Anh ngữ tiêu chuẩn cũng đáng kể trong các Anh ngữ địa phương hóa. Sau đây là một vài kỳ hoa dị thảo:

Trong dị bản Tân Gia Ba, người ta dùng thành ngữ tân lập use to (thời hiện tại) để diễn tả một thói quen: I use to go shopping on Mondays (< I usually go shopping on Mondays). Nhóm chữ can or not? được dùng ở cuối một câu nói để người nghe phải xác nhận hoặc phủ nhận sự chính xác của câu nói đó: She wants to go, can or not? Điều này xảy ra có lẽ là do ảnh hưởng trực tiếp của tiếng Hán, trong đó năng bất năng? [能不能?], phát âm ghi lỗi pinyin [néng bù néng?], là nhóm chữ tương đương về ý nghĩa và vị trí với can or not? được sử dụng phổ thông. Và người ta cũng dùng chữ la (có thể là do chữ liều [了], phát âm ghi lỗi pinyin [liǎo], trong tiếng Hán mà ra) như một tiểu từ trong câu nói để diễn đạt sự xuề xòa, thân thuộc: Please la come to the party!

Dị bản Ấn Độ sử dụng isn't it? (với nghĩa “phải không?”) cho tất cả mọi câu nói để biến chúng thành các câu hỏi, chẳng hạn:

She is going home soon, isn't it? (< She is going home, isn't she?) và

You did not pass the test, isn't it? (< You did not pass the test, did you?)

Và không kém phần sáng tạo, cú pháp dị bản Tây Phi Châu cho phép một túc từ (them trong thí dụ sau đây) được sử dụng trong một mệnh đề phụ bắt đầu bằng một đại từ quan hệ (whom trong thí dụ sau đây), mặc dù túc từ đó không cần thiết:

The guests whom I invited them have arrived (< The guests whom I invited have arrived).

Phương ngữ Tây Phi Châu này cũng không phân biệt ý nghĩa giữa đại từ phản thân themselves và đại từ hỗ tương each other, và do đó câu They like themselves đồng nghĩa với câu They like each other.

DỊ-BẢN NGƯỜI VIỆT TỶ NẠN Ở MỸ

Dị bản Anh ngữ của người Việt tỵ nạn ở Mỹ biểu lộ khuynh hướng giản dị hóa hoặc tránh né các cấu trúc phức tạp

trong Anh ngữ tiêu chuẩn (thí dụ cách dùng các verb tenses như *past continuous*, *past perfect*, vân vân; các relative pronouns như *who*, *whom*, *whose*, vân vân) như trong hai thí dụ dưới đây:

“It rained [< was raining] heavily when we left the house.” (Động từ thời *past continuous* was raining đã bị giản dị hóa thành động từ thời *simple past* rained).

“The professor teaches English. His daughter is my best friend.” [< “The professor whose daughter is my best friend teaches English.”] (Relative pronoun whose khó dùng đã bị tránh né).

Trong lãnh vực phát âm, người Việt rất khó lòng nhận ra được sự khác biệt về tế giữa các mẫu âm Anh ngữ trong các cặp chữ [leave / live], [bet / bat], [pool / pull]. Vì thế, họ nghĩ các cặp chữ ấy là đồng âm và phát âm [leave / live cùng là leave], [bet / bat cùng là bet], [pool / pull cùng là pool]. Hậu quả dẫn đến những câu ngộ nghĩnh như:

“I am so happy to leave [< live] in California.”

“What do you mean by you just wanted to pool [< pull] my leg?”

Dị bản này cũng thường không phát âm các tử âm cuối của chữ, thí dụ [task > tas], [doors > door], [finished > finish], vì tiếng Việt không cho phép hai tử âm đứng liền nhau ở cuối chữ; không phân biệt danh từ số ít, số nhiều; và không chia động từ.

Câu nói “This morning they review [< reviewed] all the note [< notes] for their test [< test] this evening” phản ánh các đặc tính vừa kể trong dị bản của người Việt tỵ nạn.

Trong lãnh vực cú pháp thì cấu trúc đề / thuyết (topic / comment) phổ cập trong tiếng Việt được chuyển sang dị bản tiếng Anh của người Việt tỵ nạn. Cấu trúc này bắt đầu câu với một “chủ đề” và ngay sau đó là một “thuyết trình” về chủ đề ấy, thí dụ:

“Thầy dạy Anh văn chúng tôi năm nay [đề] / thì tôi thấy ông vừa thông minh vừa dễ thương [thuyết].”

Thói quen cú pháp nêu trên được thấy trong câu “Our ESL teacher this year [topic] / I think he is both smart and sweet [comment]” của dị bản người Việt tỵ nạn.

Các tính từ trái ngược tâm lý (psychologically-reverse adjectives) boring, interesting, wonderful thường bị dùng “trái khoáy” như sau:

“We are so boring [< bored] with Dr. Smith’s lecture.”

“Are you interesting [< interested] in my project?”

“I am [< It is] wonderful to see you today!”

Trong khi đó, động từ “to be” thường bị vắng mặt, như trong câu “Our parents not [< are not] very happy in Saigon these days.”

TRĂM HOA ĐUA NỮ SẼ ĐI VỀ ĐÂU?

Trong lịch sử ngôn ngữ loài người chưa có thứ tiếng nào được sử dụng rộng rãi như tiếng Anh ngày nay trên khắp thế giới. Khó đoán chuyện gì sẽ xảy ra sau này. Hiện giờ có hai vấn đề mâu thuẫn nhau, đó là (1) sứ mệnh truyền thông quốc tế của tiếng Anh và (2) bản sắc riêng biệt của các loại tiếng Anh nhuộm màu địa phương.

Sứ mệnh truyền thông quốc tế đòi hỏi yếu tố minh bạch để mọi người cùng hiểu, tức là một tiêu chuẩn chung mà mọi nơi cùng thỏa thuận về cú pháp, từ vựng, chính tả, phát âm, và quy ước sử dụng. Một phương ngữ quốc gia của một ngôn ngữ quốc tế đương nhiên phải có bản sắc đặc thù, cũng trong các lãnh vực cú pháp, từ vựng, chính tả, phát âm, và quy ước sử dụng. Tương lai của tiếng Anh trong cương vị một quốc tế ngữ tùy thuộc vào mức hòa giải giữa hai vấn đề mâu thuẫn vừa kể.

Một hòa giải đại đồng có thể sẽ dẫn tới sự hình thành của một thứ Anh ngữ tiêu chuẩn thế giới mà David Crystal (1995) mệnh danh là World Standard English. Theo ngữ học gia danh tiếng này thì một trong ba điều sau đây có thể sẽ xảy ra:

* Một phương ngữ quốc gia năng kỳ có thể được các tổ chức quốc tế hàng đầu dần dần chấp nhận và trở thành Anh ngữ tiêu chuẩn thế giới. Tiếng Mỹ đã và đang đi những bước dài về hướng này.

* Các phương ngữ có thể kết hợp dần dần để trở thành một hình dạng mới, không giống bất cứ một phương ngữ hiện tại nào. Một thí dụ là loại tiếng Anh nghe thấy trong các hành lang quyền lực của Âu Châu, mệnh danh Euro-English.

* Một loại Anh ngữ mới tinh có thể được chế tạo, chỉ nhắm vào những yếu tố quan trọng và hữu ích nhất trong truyền thông quốc tế. Một thí dụ là lời đề nghị hồi đầu thập niên 1980 cho phát triển một loại tiếng Anh hạt nhân chỉ chứa đựng những yếu tố truyền thông tối cần thiết trong văn phạm và từ vựng mà thôi.

Tài liệu tham khảo

Crystal, D. (1995). *The Cambridge encyclopedia of the English language*. Cambridge, England: Cambridge University Press.


Crystal, D. (1996). *English: The global language*. Washington, D.C.: U.S. English Foundation.

Dam, P. (2011). Linguistic considerations for English language Learners. In *Linguistic and cultural considerations for English language learners* (pp. 39-79). Denton, TX: Federation of North Texas Universities.


Kachru, B. (1982). *The other tongue: English across cultures*. Oxford, England: Pergamon Press.

McArthur, T. (2002). *The Oxford guide to world English*. Oxford, England: Oxford University Press.

Trudgill, P., & Hannah, J., (1994). *International English*. London: Edward Arnold.



NHA SĨ
NGUYỄN VĂN NĂM
Nha Khoa Gia Đình & Thẩm Mỹ



*** Địa chỉ mới:**
2808 MILAM ST. Suite B
(trong khu Mekong Center)
HOUSTON, TEXAS 77006
*** Điện thoại (không thay đổi)**
713 – 520 – 7950

Ngày giờ làm việc:
*** Thứ Hai đến Thứ Sáu: 09:00 AM – 5:00 PM**
*** Thứ Bảy – Chúa Nhật: 09:00 AM – 02:00 PM**
*** Thứ Năm: NGHỈ**

Vui lòng gọi trước để lấy hẹn
ĐẶC BIỆT GIẢM 25% trong 6 tháng
cho Khay làm trắng răng (Custom made Bleaching Tray)

QUANH CUỘC SỐNG CHÚNG TA



TRẦN BANG THẠCH

MÓN QUÀ GIÁNG SINH



Không thể như thế được. Anh Armin nói thầm với mình nhiều lần như vậy. Không thể có chuyện này. Nhưng cuối cùng Armin phải nhận đó là sự thật. Chữ nghĩa lờ mờ, nhưng Armin có thể đọc và hiểu được. Trước mắt anh là bản tin nhỏ nằm khiêm nhường dưới góc mặt của trang báo Tin Địa Phương : Tin về cái chết của bà Jean DeLong. Đúng hai tuần lễ sau khi đưa bà Jean lên xe cứu thương, Armin mới biết được tin tức của bà. Một tin rất buồn đối với anh. Tên của bà Jean nằm giữa 12 tên khác. Đây là tên của những người mới chết, tử thi đã được giao nghiệm nhưng

vẫn còn để trong nhà xác của quận hạt Harris vì không có thân nhân nhận xác. Bài báo cũng có nói là chuyện này xảy ra rất thường. Tháng nào cũng có vài trường hợp như vậy. Sau một thời gian thông báo, tử thi nào vẫn không có người nhận thì vẫn phòng chung sự quận hạt sẽ lo việc chôn cất, dĩ nhiên là tại một nghĩa trang công cộng nghèo nàn và thiếu hẳn những nghi thức an táng trọng thể trước khi hạ huyệt. Sẽ không có một thân nhân nào khóc thương hay nói lời giả biệt cuối cùng với người chết. Sẽ không có một cành hoa từ bàn tay thân nhân thả rơi xuống nắp quan tài. Nghĩ đến điều này Armin thấy đau lòng thêm. Con mèo, con chó khi chết còn có người chủ mình khóc lóc tiễn đưa và trang trọng chôn cất nơi nghĩa trang đặc biệt dành cho những con vật thương yêu. Có con chó chết đi còn để lại món tiền ketchup do cái "will" của người chủ đã chết. Có con mèo chết đi khiến người chủ khóc lóc suốt tuần, mất ăn, biếng ngủ. Armin không phải là thân nhân bà Jean, cũng không có khả năng tài chánh để làm người hảo tâm tình nguyện đứng ra lo việc chi tiêu mai táng người đàn bà mà nhiều năm nay Armin đã coi như người thân ruột của mình. Armin nghèo quá, lại một thân một mình nơi xứ lạ này.

Armin không quên được giờ phút cuối cùng anh thấy bà Jean. Hôm đó, hai tuần lễ trước, bà Jean quỳ ngã sau cánh cửa bà vừa mở để Armin bước vào nhà. Armin buông vội túi giấy đựng thực phẩm và mấy món gia dụng trên tay để kịp thời đỡ bà Jean không va đầu xuống nền nhà. Ngồi dựa vào anh, bà Jean ngoẹo đầu sang một bên, hơi thở nặng nề, đứt quãng. Bà cố nói, tiếng được tiếng không, Armin không hiểu gì nên càng lúng túng, nhưng anh cũng biết điều cần thiết phải làm ngay. Armin bồng bà Jean để nằm trên sofa rồi bấm số 911.



Khi nhân viên xe cứu thương đến làm vài động tác cấp cứu, bà Jean tỉnh hơn một chút, bà cầm tay Armin thì thào hai tiếng "cám ơn". Armin cũng muốn nói tiếng "cám ơn" với bà nhưng mọi chuyện bây giờ khẩn cấp quá. Armin phải đứng dang xa để nhân viên cấp cứu làm phận sự. Armin nắm vội mấy ngón tay xương xẩu của bà Jean trước khi người ta

đưa bà lên xe. Armin khóa cửa nhà rồi trao chìa khóa cho nhân viên cứu cấp. Armin biết từ đây sẽ không có ai vào ra căn nhà nhỏ này ngoại trừ bà Jean khi bà mạnh khỏe trở về. Từ đó Armin mỗi ngày trông ngóng bà Jean trở về. Điện thoại nhà bà không có người trả lời. Cửa nhà vẫn khóa, bên trong không một ánh đèn. Vốn tiếng Anh tiếng Mỹ nghèo nàn, lại mang thân phận người di dân thiếu giấy tờ hợp pháp, Armin không biết đi tới bệnh viện nào để thăm viếng bà Jean. Cũng không có ai là thân nhân của bà Jean để hỏi. Ngày ngày trôi qua. Trong lòng Armin như có lửa đốt. Bản tin ngắn gọn hôm nay đã làm thành ngọn lửa đốt cháy niềm mong đợi của Armin.

Như vậy là vĩnh viễn người đàn bà già nua, nghèo khó, cô đơn ấy sẽ không trở lại căn nhà này nữa rồi. Armin cũng không còn mỗi tuần một lần mang đến cho bà Jean túi thực phẩm đủ để bà dùng suốt tuần lễ. Công việc này Armin đã làm từ gần hai năm nay. Lúc đó Armin vừa chân ướt chân ráo đến thành phố nhỏ Waller này từ một làng nhỏ thuộc tỉnh Lerado nằm bên kia biên giới Mỹ và Mễ Tây Cơ. Armin may mắn được nhận chân bán hàng tại một tiệm bách hóa nằm ngoài rìa thành phố với đồng lương thật thấp, chỉ vừa đủ trả phòng trọ và hai bữa ăn. Nhà bà Jean cũng ở gần tiệm, cách chừng hai dặm đường. Mỗi tuần một lần bà Jean đi bộ đến tiệm mua thức ăn và vài món cần dùng cho nhà cửa. Khi biết được sức khỏe bà Jean không tốt và bà đi đứng rất khó khăn với cái tuổi trên bảy mươi, Armin tình nguyện làm người mang thực phẩm cho bà hàng tuần. Vốn là đứa bé thiếu mẹ từ lúc mới chào đời, mười tám năm nay Armin lúc nào cũng thấy mình bất hạnh, không có mẹ để được thương yêu. Chỉ cần vài lần tới lui với bà Jean, dù hai người rất khó khăn khi nói chuyện với nhau vì vấn đề ngôn ngữ, nhưng tình người hình như lúc nào cũng đi trước nên bà Jean và Armin càng ngày càng thấy gần gũi. Armin như tìm được điều mình đã mất là tình mẫu tử. Armin cũng thấy bà Jean đối với mình như người mẹ. Giáng Sinh năm ngoái là lần đầu tiên Armin biết thế nào là bữa Tiệc



Nửa Đêm. Bữa ăn rất đơn sơ với mấy miếng thịt gà chiên và chai rượu chát đỏ nhưng thật đậm đà tình nghĩa. Hai người nghèo khó chung một niềm vui Giáng Sinh trong căn nhà nhỏ. Đêm đó trong ánh nền lung linh huyền ảo của Đêm Thánh Vô Cùng, lần đầu tiên Armin đã khóc trên cánh tay của người đàn bà mà Armin thấy trước mặt là dáng hình Đức Mẹ Maria nhân ái. Đêm đó, không nói một lời, bà Jean đã tháo sợi dây chuyền trên cổ, bà thân ái đeo vào cổ Armin. Đó cũng là quà Giáng Sinh đầu tiên của đứa con cô út trong suốt gần hai mươi năm có mặt trên đời. Sợi dây chuyền bằng bạc đơn sơ với tượng thánh giá nhỏ bằng ngón tay út. Có lẽ đó là món đồ quý giá nhất của bà Jean. Bà Jean nghèo lắm, nhiều lần bà Jean nhờ chủ tiệm cho bà mua thiếu. Chủ tiệm cũng là người tốt bụng. Ông nói ông biết bà Jean từ vài năm nay. Đó là người đàn bà hoàn toàn cô đơn, sống một thân một mình trong căn nhà biệt lập với các nhà hàng xóm. Nói là nhà chớ thật sự nơi bà cư ngụ là túp lều nhỏ nằm phía sau một nền nhà còn dấu vết của một cơn hỏa hoạn nhiều năm trước; cây cỏ xung quanh mọc tự do. Con lộ lót sỏi dẫn vào nhà, cách xa đường xe cộ lưu thông, thiếu bước chân đi lại nên cỏ mọc lan ra tới gần giữa đường. Khi có những cơn mưa lớn, con lộ ngập đầy nước. Căn nhà của bà cũng ngập nước. Tỉnh thoảng vào những ngày nghỉ việc, Armin chỉ đủ sức dọn dẹp cỏ rác quanh nhà cho phong quang một chút. Hai năm qua tới lui với bà, Armin chưa một lần nghe bà Jean nói tới một thân nhân nào; dễ chừng bà Jean đã sống cô đơn như thế này từ nhiều năm rồi.

Như vậy những năm tháng cô đơn trên thế gian của bà Jean đã hết. Nhưng sự cô đơn cố bám theo cái tử thi tàn lạnh của bà thì đau đớn quá, bi thảm quá. Một tử thi vô thừa nhận nằm mười mấy ngày trong nhà xác để từ mấy hôm nay người ta phải rêu rao trên báo tìm thân nhân. Hàng trăm, hàng ngàn bằng dân thiên hạ biết rằng trên thế gian này có những người vô cùng bất hạnh. Đánh mất một món đồ người ta còn tìm kiếm. Còn bà Jean, cho tới chết vẫn biết tìm thân nhân để lo bề an táng. Hay thân nhân có biết nhưng vẫn làm ngơ? Chồng con bà đâu? Cháu chắt bà đâu? Rồi đây người đàn bà xấu số của mấy mươi năm trên đời sẽ từ giả cõi đời trong lặng lẽ, âm thầm, không tang lễ. Thân xác bà sẽ vùi chôn trong một nghĩa trang công cộng, không người viếng thăm.

Không được. Không thể nào như vậy được. Người đàn bà đã có lần là hiện thân của Đức Mẹ trước mặt Armin trong đêm Giáng Sinh năm ngoái không thể ra đi cô đơn như vậy được. Món quà Giáng Sinh của bà Jean, Armin đang đeo trên cổ, phải chăng đêm ấy bà Jean muốn nói với Armin rằng "con là người thân nhất của ta bây giờ"? Trong trí nhớ của Armin là một bà Jean ít nói, sống khép kín với lối xóm chung quanh, nhưng không buồn bã. Mỗi lần gặp bà Jean là Armin thấy nụ cười trên gương mặt già nua nhăn nheo của bà, mười lần như một. Armin nghĩ bà Jean vừa lòng với số phận và hoàn cảnh của mình, không một tiếng oán than, không trách mình cũng không trách người. Nhiều khi Armin có cảm tưởng bà Jean chỉ thích nói chuyện với mình, nhứt là mỗi khi hai người dọn dẹp cỏ rác, cây cối quanh nhà. Giữa thiên nhiên trong bà Jean thật vui và thật năng động. Bà vừa vun bón mấy chậu hoa, vừa hát khế một bài hát có âm điệu vui mà Armin đã nghe nhiều lần. Gặp con sâu, con dế hay cả con răn nhỏ bà Jean chỉ xua chúng đi chỗ khác. Có khi bà nói về dãy mây lang thang trên nền trời, mây bay vô định, không cửa không nhà, vô thân tứ cố, nhưng mây có cuộc sống vô tư, có ai nói là mây có tâm sự buồn đâu. Con sóc, con chim trên cây sau nhà cứ chạy nhảy, ca hát, nào có nghĩ tới nhà cao cửa rộng, mồ yên mã đẹp gì đâu. Phải rồi. Lúc sống bà Jean sống an bản, lạc đạo trong căn nhà nhỏ bằng cái hộp, thiếu những tới lui, thăm hỏi của thân nhân ruột thịt...thì khi chết chắc bà cũng không nghĩ gì tới những lễ nghi, lắm khi hời hợt, theo lệ theo thói. Có nghĩa gì mấy lời thương tiếc của những người thân đã quên mất bà từ lâu. Ý nghĩ này đưa đến cho Armin một quyết định dứt khoát. Armin phải làm một cái gì trước khi quá trễ. Thêm một Giáng Sinh sắp tới rồi. Giáng Sinh năm ngoái, Armin không có một món quà nào cho bà Jean thân thương của mình. Năm nay phải có. Armin tuy nghèo nàn, không một đồng xu dính túi nhưng phải có một món quà Giáng Sinh cho bà Jean. Bà Jean cũng nghèo nàn, nhưng bà đã cho Armin cây thánh giá, vật gắn gũi của bà. Trong giây phút nhiệm mầu của một đêm Thánh, Bà Jean nghèo tiền, nghèo bạc nhưng giàu tình thương, qua món quà là vật thiết thân của mình, đã cho Armin niềm tin và tình mẫu tử, cái mà mười mấy năm làm người Armin còn thiếu.

Nghĩ là làm. Armin đem chuyện an táng bà Jean bàn với ông chủ của mình. Ông chủ cũng đồng ý với Armin là có lẽ bà Jean cũng không mong có thân nhân đọc tin báo rồi tìm đến nhận xác bà rồi đem chôn cất nơi đang hoang tử tế. Giá mà có ai thương tình mà tình nguyện làm việc đó thì chắc bà Jean cũng không hài lòng. Sống thế nào thì thác thế ấy. Sống đơn giản, chết đơn giản.

- Nhưng tui muốn được đưa tiễn bà Jean.

- Đưa tiễn thì được, nhưng lãnh bà về chôn cất thì chắc mình không làm nổi. Tốn kém lắm.

- Nhờ ông chủ liên lạc với nhà xác để cho tui biết ngày giờ họ đưa bà ra nghĩa trang.

- Việc ấy thì không khó.

Chiều nay thời tiết trở nên lạnh hơn những ngày trước. Gió tháng chạp lạnh như dao cắt. Trời rắc những hạt mưa nhỏ, vừa đủ ướt áo. Ngày mai là Giáng Sinh rồi. Armin mặc phong phanh chiếc áo gió nên run lập cập. Armin đã tới nghĩa trang từ trưa. Nghĩa trang nằm cạnh cánh rừng, trong vuông đất trũng có thật nhiều cây cao xung quanh, xa phố xá và nhà cửa. Đường đi trơn trượt, nhiều đất hơn đá. Mộ là những phần đất nhỏ, bằng mặt. Không có lấy một núm mồ. Mộ bia là những trụ xi măng nhỏ, thấp, nhiều cái nghiêng ngã. Không một cây hoa kiểng. Có nơi cỏ mọc cao che hết phần mộ. Lúc chập tối đoàn đưa xác mới đến. Người ta để bốn cái quan tài chung trong một chiếc xe mui đen. Không có xe mô-tô cảnh sát hộ tống. Bốn cái lỗ huyệt đã được đào sẵn, nằm gần nhau. Như vậy là những tử thi khác theo thông báo đã có người nhận. Khi bốn quan tài đưa xuống từ chiếc xe thì thủ tục an táng làm thật nhanh, cũng có vị mục sư đọc kinh tập thể rất ngắn cho bốn quan tài. Ai cũng muốn làm xong cho nhanh để về. Chỉ có mấy nhân viên nhà xác và Armin. Không có một thân nhân nào của bốn người chết. Khi các quan tài hạ xuống huyệt, Armin đọc thầm mấy lời kinh rồi ném một bó hoa huệ trên mỗi nắp áo quan, tiễn đưa người chết. Riêng phần huyệt của bà Jean thì Armin cúi đầu thật lâu, miệng thì thầm mấy lời vĩnh biệt. Ngoài bó hoa



huệ, Armin bỏ xuống lòng huyết vòng nguyệt quế với dây lụa trắng viết chữ đen : « Thành kính tặng Mẹ món quà Giáng Sinh năm nay ».

Đoàn người và xe đã về từ lâu. Armin vẫn còn muốn ở lại đây cho tới khuya để trông thấy một thiên thần bay lên vùng trời cao rộng với vòng nguyệt quế còn ấm tay mình.

TRẦN BANG THẠCH



CHÚC MỪNG BUỔI GIỚI
THIỆU CD THƠ NHẠC

MAI NÀY TÔI TRỞ LẠI

của
XUÂN DIỆP
và
VĨNH TUẤN

tổ chức lúc 1:00pm
đến

6:00pm

ngày 22 tháng 5
năm 2016

**THÀNH CÔNG
TỐT ĐẸP**

tại

NEW DIAMOND CLUB

6292 Wilcrest Dr.
Houston TX 77072

Bạn ủng hộ CD này xin liên lạc qua điện thoại:
VĨNH TUẤN (713) 448-9186

VĂN HOÁ VIỆT NAM 75 * 100 * MÙA ĐÔNG 2016

THY LAN THẢO

(Houston - Texas)

THÂM TÌNH VẾT ĐẬM

Mười mấy năm rồi con mắt mẹ
Niềm đau ray rứt mãi khôn nguôi
Đất ly hương vẫn hoài cô lẻ
Lòng nặng buồn thương nhớ xa xôi ...

Bên này vật chất tuy đầy đủ
Mà thiếu tình thương mẹ biết không?
Nhiều đêm trăn trở con thương nhớ
Thèm gọi " Mẹ Oi !" Xót cả lòng...

Mỗi lần vô bếp là con nhớ
Bàn tay huyền diệu của mẹ hiền
Rau cá tầm thường qua tay mẹ
Cũng thành háp dẫn vị ngon riêng ...

Có tiền đâu phải là mua có
Những món ăn mẹ nấu ngày thơ
Con ghêu chung, vị ngon còn nhớ
Ăn một lần nhớ tới bây giờ...

Ruột ghêu mẹ vắt cho ráo nước
Trứng vịt đánh đều, tiêu mẹ xay
Nám mè đen, bún tàu, hành, tỏi
Cho vô tô mẹ đánh đều tay

Đặt tô vô xùng chung cách thủy
Lòng đỏ trứng mẹ đánh chén riêng
Mẹ canh vừa chín cho lên mặt
Buồn nhắc con thương nhớ mẹ hiền...!

Mâm cơm chiều tô chung nóng hổi
Trương nở căng phồng trông thật ngon
Dĩa mắm ớt, dĩa dưa leo, khế
Nhà hàng chưa chắc đã ngon hơn ...

*Thịt ghê dai ngọt, hạt tiêu cay
Con nhớ làm sao những tháng ngày
Được mẹ cưng chiều thương lo lắng
Tình mẹ khó đo được ngắn dài ...*

*Trong mơ con vẫn thương gặp mẹ
Nhân dáng ảo huyền như khói sương
Chưa thỏa lòng mơ đã tỉnh giấc
Thắm mặn môi, tràn lệ nhớ thương ...*

Viết bên máy tiện 3-10-11

Mailoc

TIẾNG THU

*Rèm ngoài xào xạc tiếng thu bay
Giường lạnh trắng loan gió thổi dài .
Phòng vắng lắng lòng trong chánh niệm,
Ô hay! tiếng để khuấy ta hoài.*

*Song đêm ri ri mãi còn trùng,
Vườn cũ quê nhà bỗng nhớ nhung.
Tiếng chó sủa trắng đầu xóm vắng.
Âm xưa khơi lại nhớ điên khùng!*

*Ngang trời tiếng vạc xé màn đêm,
Cây cỏ rùng mình thấm lạnh thêm.
Rào rạt gió hờn trong khóm trúc
Sương khuya rí rả giọt ngoài thềm.*

*Réo rắt một hồi bỗng lặng câm,
Gió thu, để tới lại hoà âm.
Nhạc buồn muôn thuở thu tràn thế,
Thăm thẳm bay về một chữ tâm.*

*Đồng hồ tích tắc suốt đêm trường
Thu đến bao lần dạ vấn vương.
Ít ngủ lại thêm sầu viễn xứ
Mái đầu mai sớm ắt thêm sương....!*

QUANH CUỘC SỐNG CHÚNG TA



NGUYỄN HỮU CHI

(Ottawa - Canada)

CHUẨN BỊ HẬU SỰ CHO CÁC LÃO NHƠN

BBT: "Bài viết này đã được phổ biến nhiều lần trên mạng, nhưng đọc lại vẫn thấy hay và thấm thía. Nếu không nhiều thời giờ cũng ráng nên đọc các đoạn cuối". Tôi đã nhận được nhiều lần bài viết này, của nhiều địa chỉ và người gửi khác nhau qua địa chỉ của tôi, nhưng không phải của chính tác giả, cựu Đại Tá NGUYỄN HỮU CHI gửi. Lần này, cả hai người bạn thân ở Melbourne - VIC - Úc châu và San Jose CA - USA lại gửi qua với dòng chữ mà tôi trích bên trên (**in đậm**), nên tôi "xin phép tác giả" (bởi không có địa chỉ ở Canada) được phổ biến bài viết này trên chuyên mục QUANH CUỘC SỐNG CHÚNG TA. [do vậy, trong tạp chí có 2 bài viết chuyên mục này]. Đây là một biệt lệ, mong tác giả vui lòng cho phổ biến, quý bạn đọc cùng chia sẻ, và cảm ơn hai người bạn mà tôi vừa nhắc trên đây lúc nào cũng nghĩ đến tôi với tạp chí Văn Hoá Việt Nam mà tôi làm chủ bút.

Rất cảm ơn.

LÊ CẦN THƠ

Đời này ai đại, ai khôn?
Sống mặc áo rách, chết chôn áo lành.
(Ca dao)

Được tin ông bạn già bất thành linh "ra đi", tôi vội mang vòng hoa đến chào từ biệt. Ông bạn tôi mặc bộ đồ rất đẹp, bình thần nằm đó. Tôi mừng thầm cho ông bạn đã "ra đi" một cách nhẹ

nhàng trong lúc đang ngủ ngon lành. Sau đó, trên đường lái xe về nhà, tôi suy tư về khoảng thời gian còn lại trong đời tôi. Dù sao năm nay tôi đã trên bảy chục tuổi đầu rồi. Theo thống kê ở Canada, người đàn ông trung bình có thể sống tới năm 76 tuổi mới được phép “ngao du vùng tiên cảnh”. Có nghĩa là tôi còn có thể sống được chừng 5 năm nữa. Vì thế, tôi nghĩ rằng đã đến lúc tôi phải phác họa ngay một “chương trình ngũ niên” cho tôi, kéo lúc “ra đi” lại tiếc rẻ khôn nguôi.

Cũng may hiện nay tôi vẫn còn khỏe mạnh, tiền hưu trí cũng đủ để “phè phỡn với đời”. Vấn đề quan trọng bây giờ là phải “phè phỡn” làm sao cho “phải đạo”? Chuyện “ong bướm” ư? Mục này tôi không còn khả năng để “đụng” tới. Những người đến tuổi sắp “ra đi” như tôi không nên quá tham lam. Chúng ta hãy để đám con cháu có dịp “thi thố tài năng”, không nên tranh giành với thế hệ trẻ. Biết nhường nhịn như vậy mới được người đời kính nể.

Đối với tôi, ăn uống cũng không còn là một mục khoái lạc đáng để ý tới. Có mấy cái răng hàm thì rụng gần hết, huyết quản thì bị mỡ bám đầy, máu thì ngọt như mật ong. Theo tôi nghĩ, ông Trời cho mỗi người một số lượng đồ ăn nhất định để sinh sống trong suốt cả cuộc đời của mình. Người nào dùng hết “khẩu phần” của mình là phải “ra đi”. Ông Trời đâu có cho phép chúng ta kéo dài cuộc sống để “ăn ké” vào khẩu phần của người khác. Nói tóm lại, “ăn nhiều, ăn nhanh, ăn mạnh, vét cho sạch nồi cơm”, không phải là bí quyết trường sinh. Các bác sĩ ở các nước Âu Mỹ cũng đã nhận ra điều này, nên đã luôn luôn khuyên già trẻ cũng như nhón bé phải ăn uống chừng mực. Hơn nữa, chúng ta cũng đã từng được nghe các cụ nhắc nhở nhiều lần: “Ăn để mà sống chứ không phải sống để mà ăn”, hoặc “tham thì cực thân, Phật đã bảo tham thì chớ có tham [ăn]”.

Thế là tôi đã mất hai trong bốn mục khoái lạc mà người đời gọi là “tứ khoái”. Sau cùng, tôi chỉ còn thấy có hai thú vui hợp với túi tiền và sức lực của tôi: đó là đọc sách, và đi du lịch. Tôi thấy, đi ngao du những nơi danh lam thắng cảnh là thuận tiện nhất: ban ngày thì đi tham quan đó đây, tối về khách sạn ngồi đọc sách. Đối với người có tuổi như tôi, thời giờ rất là cấp bách, làm “công đôi ba việc” như vậy mới “tranh thủ được thời gian”. Thế là hai vợ chồng tôi bàn nhau đi ngao du vùng nắng ấm để trốn mùa lạnh ở

Canada. Ôi, mùa đông ở xứ “tinh nồng” này, sao mà lạnh thế! Càng về già, tôi càng cảm thấy lạnh, lạnh từ ngoài vào tới tận đáy lòng con người.

Tôi hôm đó, tôi chui vào mền nằm nghĩ đến ngày mai tới Miami sưởi nắng... Đang say sưa mơ màng thì vợ tôi đánh thức:

– Dậy đi anh. Đến giờ ra phi trường rồi, máy bay không đợi anh đâu. Em đã chọn cho anh một bộ quần áo rất đẹp để mặc đi đường.

Bỗng nhiên tôi nhớ đến ông bạn già của tôi đã được Nhà Đòn mặc cho một bộ quần áo rất đẹp trước khi lên xe “ra đi”. Tôi nhìn vợ tôi xếp quần áo của tôi vào va-li, tôi vội hỏi:

– Ủa, em không đi cùng với anh hay sao?

– Em còn bận công việc nên đành phải ở lại. Anh đã đến tuổi có quyền được đi ngao du, nay đây mai đó. Anh cứ đi chơi thanh thản là em mừng rồi.

Cuối cùng tôi đành phải lên xe taxi ra phi trường một mình. Tôi quay đầu nhìn lại mái nhà thân yêu của tôi cho đến khi nó mờ dần sau màn tuyết trắng, màu trắng tang tóc làm tôi khẽ rùng mình. Phải chăng kẻ “ra đi” thường nghĩ tới kẻ “ở lại”?

Quả thật máy bay không đợi tôi. Tôi vừa ngồi xuống ghế thì máy bay bắt đầu cất cánh. Lòng tôi buồn rời rợi vì tôi đang bay về vùng nắng ấm trong khi họ hàng thân yêu tôi còn phải ở lại vật lộn với băng tuyết từ Bắc Cực ù ù thổi về. Khi máy bay hạ cách xuống phi trường Miami, xe của hãng du lịch đã chờ sẵn để đưa tôi về khách sạn R.I.P (“Resort of International Peace”, mà tôi tạm dịch là “Lưu Xá Hòa Bình Thế Giới”). Mới nhìn thoáng qua tôi đã nhận thấy phong cảnh thành phố này quả có đẹp, đúng như những bích chương quảng cáo du lịch đã trình bày. Hai bên đường là những cây cao vời vợi, cành lá um tùm. Xung quanh khách sạn của tôi là những biệt thự xinh xắn nằm sau những hàng rào hoa đủ màu đủ loại.

Ngồi uống trà trong vườn của khách sạn, tôi thoải mái nghe chim hót líu lô và nhìn mấy con bướm bay tung tăng trong nắng ấm. Một lát sau, người hướng dẫn du lịch mời tôi lên xe đi xem phong cảnh thành phố. Đó là một chiếc xe buýt chở chừng 50 du khách đủ loại người. Đa số là người có tuổi như tôi, nhưng cũng có vài người rất trẻ. Ngoài một số người Mỹ ra, tôi còn nhận

thấy vài người ngoại quốc mặc quần áo cổ truyền của nước họ. Ông tài xế cho biết là xe sẽ dừng nhiều nơi nổi tiếng trong thành phố, du khách có thể xuống bất cứ chỗ nào để tham quan, một giờ sau đó xe sẽ trở lại đón để đưa đi thăm viếng nơi khác, hoặc chở về khách sạn R.I.P.

Xe đi vòng vòng trong thành phố và vùng ngoại. Xe ngừng nhiều nơi nổi tiếng của vùng này: có những khu biệt thự sang trọng lộng lẫy, có những bãi cát vàng óng ả chạy dài xuống biển xanh màu ngọc thạch, có những trung tâm thương mại sầm uất, v.v... Mỗi khi xe ngừng lại, thì có vài du khách tíu tít xuống xe. Khi xe tới Tropical Garden (Vườn Bách Thảo Nhiệt Đới), tôi bèn xuống xe vì muốn sống lại trong khung cảnh xanh tươi của đất nước tôi khi xưa. Tôi sung sướng khi thấy lại những cây đa cổ thụ cao ngất từng mây, những cảnh hoa phượng vĩ rực rỡ dưới nắng chan hòa, những con chuồn chuồn vui đùa giữa những cụm bông sen trên mặt hồ phẳng lặng...

Tôi đang thần thơ hưởng khung cảnh tĩnh mịch gần như thoát tục, thì bỗng nhiên nghe có tiếng người gọi tên tôi. Quay lại thì thấy anh Tùng, người bạn chí thân của tôi từ ngày học đệ thất. Đã hơn bốn chục năm rồi bây giờ mới lại gặp nhau. Chúng tôi bắt tay nhau thiết lâu, mừng mừng tủi tủi. Chúng tôi dạo chơi dưới bóng mấy cây liễu già bên hồ, kể lại cho nhau nghe những kỷ niệm vui buồn khi xưa. Sau khi học hết bậc trung học, anh Tùng đi động viên, nay đây mai đó, theo tiếng súng của thời cuộc ở nơi tiền tuyến. Còn tôi được may mắn được đi ngoại quốc du học. Tuy vậy, chúng tôi vẫn liên lạc mật thiết với nhau bằng thư từ. Lá thư cuối cùng của anh tôi nhận được hồi cuối năm 1967. Trong thư anh cho tôi biết là anh đang hành quân ở Quảng Trị, và trong vài tuần nữa anh được nghỉ phép để về Cần Thơ ăn tết và nhân tiện cưới vợ luôn một thể. Thế rồi trận Mậu Thân bất thành linh xảy ra. Từ đó tôi không nhận được tin tức gì về anh. Tôi cho rằng anh đã bị tử trận. Bây giờ lại gặp được anh, tôi mừng muốn khóc. Trong khi đi bách bộ trong vườn, chúng tôi nói chuyện huyền thuyên, không để ý đến thời gian. Đến lúc xe buýt tới, chúng tôi đành phải chia tay nhau. Tôi lên xe ra đi. Anh ở lại vì anh muốn tiếp tục cuộc du ngoạn trong vườn mà anh ví “như vườn Tao Đàn ngày xưa ngày xưa, nơi mà chúng mình thường tới chơi trong những giờ

trốn học”. Bắt tay anh, tôi hẹn với anh ngày tái ngộ. Anh cười vui vẻ, rồi thốt ra một câu triết lý bằng quơ:

– Vũ trụ này thực ra bé nhỏ lắm, chúng mình đi loanh quanh, luẩn quẩn, mãi rồi sẽ có ngày cũng lại gặp nhau.

Đến lúc lên xe chạy ra ngoài phố, tôi mới sực nhớ là đã quên hỏi địa chỉ của anh. Tuổi già lắm cảm, hay quên. Thiệt là vô tích sự!

Xe chạy vào khu ăn chơi buôn bán nổi tiếng trong vùng. Tôi tò mò xuống xe đi xem cảnh “ngựa xe như nước, áo quần như nêm.” Đường phố đông nghịt những người. Họ đi ngấm nhau, hoặc ngấm những hàng hóa đắt tiền bày trong tủ kính. Tôi mỉm cười nhìn một bà Mỹ to béo đang chăm chú nhìn một bộ áo dạ hội mỏng dính với băng giá “Special Sale: 299.95 dollars.” Tôi cảm thấy tội nghiệp cho cái “cái cối xay” đang bị thổi miên bởi cái áo “hớ hênh,” vừa hờ lưng đằng sau, vừa hờ rún đằng trước. Đã thích ăn cho mập xù, lại còn thích mặc quần áo khiêu gợi! Đang ngẫm nghĩ về cái ham muốn quá đáng của con người, thì tôi đã bước tới trước cửa một tiệm kim hoàn. Tôi đứng ngắm những vòng ngọc đủ màu, những dây chuyền vàng chạm chỗ tinh vi, những chuỗi hạt trai sáng rực dưới ánh đèn trong tủ kính. Bỗng nhiên có tiếng ồn ào trong tiệm, rồi có bóng một thanh niên chạy vọt ra ngoài, đằng sau là những tiếng hô hoán âm ỉ. Hai tiếng súng nổ liên tiếp làm tôi giật mình quay lại. Tôi thấy một cô cảnh sát cầm súng thần nhiên đứng nhìn người thanh niên đang nằm quần quai trên vũng máu, tay còn nắm chiếc đồng hồ vàng nạm kim cương. Khách bộ hành tò mò nhìn cảnh chết chóc như đang xem chương trình Miami Vice trên ti-vi. May sao vừa lúc đó thì xe buýt của hotel tới, tôi vội chạy lên xe, để trốn cảnh si mê và tàn bạo.

Xe ngừng bánh nhiều nơi cho du khách xuống du ngoạn. Nhưng tôi vẫn ngồi yên trên xe vì tôi thấy mất hết cảm hứng đi ngắm cảnh phồn hoa giả tạo. Cuối cùng xe cũng về tới khách sạn R.I.P khi thành phố bắt đầu lên đèn. Tôi mệt mỏi xuống xe và rất ngạc nhiên khi thấy bố mẹ tôi mừng rỡ chạy ra đón tôi, và ôm tôi vào trong lòng. Mẹ tôi vỗ về tôi, rồi nhẹ nhàng trách tôi:

– Con mãi đi chơi ở đâu mà mãi bây giờ mới về, làm bố mẹ mong chờ.

Tôi cảm thấy hối hận vô cùng, tôi gục đầu vào vai mẹ tôi khóc nức nở như ngày tôi còn bé...

Bỗng nhiên tôi nghe vắng vẳng có tiếng gọi tôi:

– Dậy đi anh. Anh nằm mơ cái gì mà khóc lóc thảm thế vậy?

Tôi chợt bừng tỉnh, nước mắt hãy còn rõ xuống gối. Sau đó, tôi nghĩ nhiều lắm. Tôi nghĩ đến ông bạn già của tôi mặc bộ quần áo rất đẹp đang nằm trong nhà quan. Tôi nghĩ đến chuyến du ngoạn mà tôi đã thực hiện được trong giấc mơ. Tôi nghĩ đến giờ phút kỳ lạ cho phép tôi gặp lại những thân nhân của tôi đã bỏ tôi “ra đi” lâu lắm rồi. Tôi nghĩ đến cái sống và cái chết. Sau khi tôi “ra đi,” tôi sẽ đi về đâu? Là “người trần mắt thịt,” làm sao tôi biết được. Chỉ những “chuyên gia” nghiên cứu về linh hồn hay duyên kiếp mới “biết rõ ràng” những chuyện gì “chắc chắn” sẽ xảy ra khi chúng ta sang “bên kia thế giới.” Những vị này thường cho chúng ta biết rằng: sau khi chết đi, con người sẽ khổ lắm nếu không biết thành kính thờ phụng Chúa hoặc ra chùa tụng kinh giải oan. Có người lại nghĩ rằng sau khi chết đi, con người sẽ trở thành cát bụi, chứ không đi đâu hết. Trái lại, giấc mơ kỳ lạ mà tôi đã trình bày ở trên làm cho tôi nghĩ rằng cuộc sống cũng như sự chết không khác gì một cuộc ngao du. Linh hồn chúng ta có thể là một hành khách trên một chuyến xe buýt du ngoạn. Xe buýt tới thì ta phải lên xe “ra đi.” Làm sao mà biết được xe sẽ ngừng ở nơi nào. Khi xe tới trạm, ta phải xuống. Trạm xe bus có thể là một khu “Vườn Nhiệt Đới,” có thể là một trung tâm thương mại phồn thịnh giả tạo đầy si mê và tội lỗi, có thể là một khu tối tăm, nghèo nàn, có thể là một ổ trộm cướp đầy xì ke, ma túy...

Nếu cho sự chết là một du ngoạn, tại sao chúng ta không sửa soạn cuộc “ra đi” của chúng ta cho chu đáo. Khi chúng ta vượt biên, chúng ta sửa soạn rất kỹ càng. Nhưng khi chúng ta đến tuổi phải “ra đi,” chúng ta lại không tính toán như người vượt biên, dù rằng chúng ta vẫn còn đủ tinh táo để sửa soạn cuộc “ngao du” của chúng ta. Chúng ta không chịu sửa soạn trước khi “ra đi” vì chúng ta sợ chết, nên chúng ta không dám nghĩ đến cái chết cho đến khi chúng ta thở hơi cuối cùng. Thế là chúng ta “thây” trách nhiệm đó cho những người thân thiết có nhiệm vụ cáng đáng thân xác của chúng ta. Trong lúc “tang gia bối rối,” người nào càng thân thiết

với chúng ta bao nhiêu, thì lại càng bối rối bấy nhiêu. Khi bối rối như vậy, làm sao họ có thể tính toán một cách hợp lý được. Kết quả là người thương yêu của chúng ta sẽ bị các Nhà Đòn lợi dụng triệt để. Chuyện này rất dễ hiểu: vì thương tiếc “người ra đi,” nên những người thân thích tưởng rằng càng tiêu nhiều tiền cho chuyện ma chay bao nhiêu, thì “người ra đi” càng sung sướng bấy nhiêu. Thiệt là nhầm to. Những bài kinh giải thoát, những sớ cầu siêu không hóa giải được những tội lỗi của con người. Một cuộc mai táng huy hoàng không làm cho “người ra đi” được “mát mặt” thêm một chút nào. Tuy vậy, những người thân thích luôn luôn muốn có một đám tang thiệt là linh đình và tốn kém để tỏ lòng thương tiếc của mình đối với “người ra đi.” Trong trường hợp này, “người ra đi” chỉ còn biết thờ dài (sau khi thờ hất ra). Rồi người đến viếng cũng muốn mua một vòng hoa thiệt to, thiệt đắt tiền để tỏ tình bạn hữu với “người ra đi” và nhất là để chứng minh cho bà con lối xóm biết rằng mình là “người đàn hoàng, có thủy, có chung.” Thấy cảnh này, “người ra đi” cũng lại thờ dài, chỉ muốn thốt ra câu từ biệt: “Này bạn ơi, đã quá trễ rồi. Sẽ có ngày tái ngộ,” và “tức cảnh” làm bài thơ như sau:

*Khi một thằng nằm xuống
Lại có thằng luống cuống đứng lên
Vái lạy thằng nằm xuống
Hy vọng khi mình nằm xuống
Lại có thằng khác luống cuống đứng lên.*

Điều mà chúng ta biết chắc là đa số những người sắp “ra đi” đều lo lắng thiết tha cho “người ở lại”, và nghĩ rằng mình còn có thì giờ thu xếp mọi việc trước khi “ra đi”. Tiếc thay, khi xe buýt bất thình lình tới đón đi “ngao du”, chúng ta vội vàng lên xe nên không giúp gì cho những “người ở lại”. Trong khi đó, “người ở lại” đau đớn muôn phần. Khi bố mẹ tôi lần lượt qua đời, một mình tôi “ở lại”, tôi lịm người đi vì thương tiếc. Rồi khi tôi loáng thoáng được tin anh bạn chí thân của tôi bị tử thương, tôi buồn ngẩn ngơ, tội nghiệp cho số phận long đong của người trai thời loạn. Tôi bối rối vì tôi cảm thấy hối hận vì tôi cho rằng mình đã cư xử không đầy đủ tình nghĩa đối với “người ra đi”, không có dịp tổ chức một đám tang trọng thể đưa người quá cố sang “Bên Kia Thế Giới”. Ngoài ra, trong thâm tâm, tôi cảm thấy lo sợ vì không biết

những thân nhân của tôi sẽ đi về đâu: có được “về với Chúa không”? có thoát khỏi “vòng nghiệp chướng” hay không? Đó là những phản ứng tự nhiên của những “người ở lại.” Vì thế, chúng ta thường thấy những vụ ma chay linh đình để “người ở lại” có dịp “trả nghĩa” đối với “người ra đi” (thà “trả nghĩa” trễ hạn, còn hơn là bị mang tiếng “bạc tình, bạc nghĩa”). Chúng ta lại còn thấy trong những cuộc cúng lễ nguy nga, mọi người thiết tha cầu xin Trời hay Phật giúp “người ra đi” được lên Thiên Đàng hay vào Cõi Niết Bàn. Mọi tín đồ đều “biết chắc chắn” rằng một linh hồn đầy tội lỗi khó có thể siêu thoát được nếu thân nhân không thành khẩn cầu xin Đấng Tối Cao nhủ lòng khoan hồng đại lượng với “người ra đi”! Phải chăng vì chúng ta nghĩ rằng cái quá khứ của “người ra đi” thiếu đạo đức, nên chúng ta mới phải làm lễ cầu siêu cho “người ra đi” như vậy? Thiệt là tội nghiệp cho người “ra đi”: Đã “nằm xuống” rồi mà còn bị người đời gán cho cái tội “thiếu đạo đức.”

Nói cho cùng, “người ở lại” đáng thương hơn “người ra đi.” Trong khi “người ra đi” thân nhiên nằm đó, thì “người ở lại” không những bị xúc động tinh thần mà còn phải xả thân cáng đáng công việc tiễn đưa “người ra đi.” Vì thế, tôi không thắc mắc về việc tôi sẽ “ra đi,” nhưng tôi nghĩ rất nhiều, và lo lắng rất nhiều cho “người ở lại.” Tôi muốn “người ở lại” khỏi phải quàng lên vai một gánh quá nặng nề về tinh thần cũng như vật chất khi tôi “nằm xuống.” Có lẽ ít người nghĩ như tôi và làm như tôi, vì đến lúc gần ngày tận số, mỗi người nghĩ một kiểu, và người nào cũng cố gắng làm những việc mà mình cho rằng thỏa đáng nhất. Do đó, tôi không dám khuyên ai. Những điều tôi trình bày sau đây chỉ là một thí dụ không điển hình, một lối nhìn đời “không giống ai.” [font="arial; color: black; font-size: 13.5pt"]. Trước hết, tôi không muốn những bạn bè thân thuộc tôi quá u sầu về chuyến “ngao du” của tôi. Do đó, tôi đã trình bày cho mọi người biết rằng khi “chuyến xe buýt” tới, tôi sẽ thân nhiên “ra đi” như tất cả mọi người khác đã từng “ra đi.” Tôi sẽ “đi” về đâu? Có lẽ tôi sẽ về với bố mẹ tôi. Có lẽ tôi sẽ ngao du vùng tiên cảnh cùng với bạn bè tôi. Dù sao đi chăng nữa, tôi không cần biết tôi sẽ “đi” đâu, vì có biết hay không biết thì tôi và những người thân thuộc của tôi cũng chẳng làm được gì cả.

Sau đó, việc tôi phải làm trước khi “ra đi” là sửa sang lát vật trong nhà, vì vợ tôi không phải là một người khéo tay biết sửa chữa nhà cửa. Ngoài ra, những gì của tôi mà tôi thấy không cần dùng cho bản thân tôi hoặc cho “người ở lại,” tôi mang đi cho người khác, hoặc đổ vào thùng rác. Khi tôi quảng đi gần hai ngàn quyển sách của tôi, tôi cảm thấy nhẹ nhõm trong người. Trái lại, vợ tôi rất xúc động, và hỏi tôi:

– Những cuốn sách này là kỷ niệm gần 40 năm dạy học, tại sao anh vất đi?

– Anh không cần nữa.

– Thì cứ để đấy, đôi khi anh muốn đọc lại thì sao?

– Đọc đi, đọc lại làm gì? Người ta lại tưởng rằng anh dốt, học mãi mà chưa thuộc bài.

Sau khi dọn dẹp nhà cửa, tôi bắt đầu nghĩ đến phí tổn chôn cất. Tôi thấy ở Ottawa mấy gia đình mà tôi quen biết đã chi phí trên 15 ngàn dollars cho mỗi vụ ma chay. Tôi tính nhằm trong đầu thì thấy rằng chỉ trong vài chục năm nữa, cộng đồng người Việt ở Ottawa (hơn bốn ngàn nhân mạng) sẽ phải chi cho Nhà Đòn và nghĩa địa một tổng số vào khoảng 60 triệu dollars (không kể tiền chi cho các vị tu sĩ cúng lễ, cùng tiền bạn bè bỏ ra mua hoa phúng viếng). Như vậy, phí tổn ma chay cho nửa triệu người Việt đang sinh sống ở Bắc Mỹ sẽ lên tới gần 8 tỷ dollars. Thiệt là oai hùng! Thiệt là vĩ đại!

Để biết rõ chi tiết của vấn đề, tôi bèn mời một đại diện Nhà Đòn quen biết ở Ottawa tới bàn chuyện ma chay cho tôi. Ông “tiếp thị” (salesman), quần áo chỉnh tề, mặt trang nghiêm và đầy kính cẩn, ăn nói nhẹ nhàng và tử tốn trong khi trình bày giá cả cho tôi nghe. Tập tài liệu về giá biểu in rất đẹp như tờ thực đơn của một tiệm ăn sang trọng ở Paris (năm sao). Điều quan trọng mà mọi người nên biết là “người mua” không được kỳ kèo về giá cả, vì Nhà Đòn làm ăn đàng hoàng “trước sau như một.”

Tôi đọc kỹ tờ giá biểu, rồi tham khảo với các bạn bè, tôi thấy rõ phí tổn nặng nề mà “người ở lại” phải chi cho Nhà Đòn ở Canada (có lẽ cũng tương tự như ở bên Mỹ). Để có một thí dụ cụ thể, tôi xin liệt kê sau đây các “món hàng” căn bản mà Nhà Đòn Tubman đã trình cho tôi:

(1) Dịch Vụ Chuyên Môn (Professional Services)

- 900\$ – dịch vụ do các chuyên viên Nhà Đồn cung cấp (professional and support staff services);
- 250\$ – giấy tờ lên quan đến vấn đề khai tử (documentation);
- 125\$ – dịch vụ ở nghĩa địa hoặc công việc trao lọ đựng tro cho thân nhân (gravesides service or delivery of urn as arranged).

(2) Dịch Vụ Chăm Lo “Người Ra đi” (Professional Care of Deceased)

- 200\$ – tắm rửa và làm vệ sinh cho “người ra đi” (sanitary care of deceased);
- 570\$ – ướp xác và trang điểm “người ra đi” (embalming and cosmetology of deceased).

(3) Phòng Ốc Và Dụng Cụ

- 400\$ – sử dụng Nhà Đồn (basic use of funeral home);
- 990\$ – sử dụng phòng thăm viếng, phòng làm lễ và những dụng cụ (visitation room, chapel, and/or service equipment);
- 225\$ – sử dụng phòng sửa soạn và gìn giữ xác “người ra đi” (use of facilities for preparation of deceased and/or shelter of remains).

(4) Xe Cộ Và Vận Chuyển (Automotiles and Transportation)

- 295\$ – chuyển xác về Nhà Đồn (transfer from place of death ở radius 40 km);
- 200\$ – xe cộ cần dùng cho các nhân viên Nhà Đồn (vehicles required for administrative tasks, clergy, funeral director);
- 270\$ – xe chở quan tài ra nghĩa địa (funeral coach);
- 125\$ – xe limousine chở thân nhân.

Chi phí căn bản cho Nhà Đồn là \$5,604.03 (gồm cả thuế)

(5) Chi Phí Cho Thành Phố

- 75\$ – khám nghiệm tử thi.
- 52\$ – thuế vệ sinh cho thành phố.

(6) Phí Tồn Mai Táng

• 3,700\$ (trung bình) – Tiền mua quan tài tùy theo loại sang hay hèn, đúng theo giai cấp: từ thứ rẻ nhất là vải quần xác (890\$) cho tới quan tài rẻ tiền bằng gỗ ván ép (1,695\$), tới loại quan tài vừa đẹp vừa bền dành cho các nhà giàu thích xài sang (11,000\$);

• 5,500\$ – Tiền mua chỗ “An Nghỉ Ngàn Thu” (R.I.P - Rest In Peace) tại nghĩa địa: miếng đất to hơn cái giường đáng giá khoảng chừng 5,500\$;

• 1,000\$ – Tiền dựng mộ bia tùy theo túi tiền của mỗi người (từ 1,000\$ cho tới 5,000\$, hoặc nhiều hơn nữa).

Chi phí mai táng trung bình khoảng chừng \$13,000

Tôi đọc tờ giá biểu thấy nhân dân ta bị Nhà Đòn và Nhà Nước làm tiền một cách rất là quy củ. Không những thế, ông “tiếp thị” lại còn khuyến khích tôi “mua” nhiều món “hàng” khác vừa đắt tiền, vừa... vô dụng. Tôi bèn chặn lại với một câu hỏi rất ư là “rẻ tiền”:

– Mai táng kiểu nào rẻ tiền nhất?

Hắn ngỡ ngàng vì đang “rao hàng” thì bị cụt hứng. Nhưng ngay sau đó, hắn mỉm cười, rồi nhìn tôi một cách rất ư là đại lượng:

– Ông thích chơi trò rẻ tiền thì ông nên chọn con đường hỏa táng, vì ông sẽ không mất tiền chi phí chôn cất và mua đất ở nghĩa địa.

– Ngoài tiền hỏa táng ra, còn có mục chi phí nào khác nữa không.

– Có chứ. Thân xác của ông sẽ được tắm rửa, thoa son đánh phấn, và được đặt trong một cỗ quan tài thật đẹp. Chúng tôi sẽ tổ chức linh đình cho ông. Ai trông thấy nằm đó cũng phải thềm cái địa vị của ông.

– Nếu tôi thích đi con đường hỏa táng, thì tôi đâu có cần mua quan tài làm gì cho tốn tiền?

Lần này hắn nhìn tôi một cách khinh thường ra mặt, và nói với một giọng mỉa mai:

– Ông cũng cần phải được trang điểm và nằm trong một cỗ quan tài đàng hoàng khi bạn bè thân thuộc đến thăm viếng ông lần cuối cùng. Trưng bày thân xác ra như vậy mới là người đàng hoàng chứ! Tuy nhiên, nếu ông thích bủn xỉn, thì cũng không sao.

Chúng tôi cũng có thể chiều ông được. Đáng lẽ ông mua một cỗ quan tài rẻ tiền, ông có thể thuê một cỗ quan tài sang nhất hạng. Cỗ này đáng giá 11,000\$. Những người giàu sang mua loại này, rồi mang đi chôn hay đốt cùng với cái xác của họ. Nhưng nếu ông mượn cỗ quan tài này, để năm vài ba bữa, lấy le với bà con lối xóm, thì ông chỉ phải trả tiền thuê là 2,850\$. Thiệt là rẻ thật! Làm sao mà người đời biết được rằng ông là người hà tiện, đến lúc “nằm xuống” mà còn không dám bỏ tiền ra mua một cỗ quan tài để nằm cho thoải mái.

– Nhưng tôi không muốn “trình làng nước” cái thân thể xám ngắt của tôi cho mọi người chiêm ngưỡng thì sao?

Hắn thở dài đến sượt một cái như một thầy giáo làng nhìn thẳng học trò bướng bỉnh lại còn có tật cù nhầy:

– Làm như vậy cũng bớt được vài ngàn: tiền son phấn, tiền thuê quan tài, tiền thuê Nhà Đòn v.v.. Mà ông cũng không cần phải chi cho các vị tu sĩ đến tụng kinh gõ mõ tùm lum trong Nhà Đòn của chúng tôi làm gì. Thế là ông đỡ thêm được vài ba trăm nữa. Đối với hạng người “rẻ tiền” như ông, đỡ được trăm nào hay trăm đó, có phải không?

Thằng cha “tiếp thị” cho tôi là người bủn xỉn nên có vẻ bực mình lắm. Hắn chỉ muốn thu được nhiều tiền cho chủ Nhà Đòn để được ăn nhiều tiền hoa hồng do gia đình “người ra đi” cung phụng. Vì thế, mỗi lần tôi bớt được món chi phí nào là hắn có vẻ đau đớn như đang bị bà nha sĩ nhổ một cái răng hàm bự trong mồm. Cuối cùng, tôi chọn một chương trình hỏa táng hợp với ý tôi. Tổng số tiền tôi phải chi ra là 2,709.24\$ cho những mục như sau:

- tiền giấy tờ (khám nghiệm xác chết, giấy khai tử, v.v.);
- tiền xe đưa xác tôi từ nhà xác đến Nhà Đòn;
- tiền hòm bằng giấy cứng (50\$) đựng xác chết để mang đi hỏa táng;
- tiền đưa hòm xác tới lò đốt (không có vụ bày biện thân xác ra cho mọi người “dòm ngó”);
- tiền đốt xác;
- tiền hộp đựng tro để trao cho vợ tôi mang đi thả xuống biển (tôi mua loại rẻ tiền nhất nên chỉ tốn có 20\$; còn loại sang và đẹp thì lên tới 500\$);

- tiền thuế trả cho thành phố, tiểu bang, và liên bang.

Người “tiếp thị” đại diện Nhà Đòn Tubman và tôi cùng ký vào tờ khế ước (bôn bản). Sau đó, tôi hân hoan trao cho hắn tấm ngân phiếu 2,709.24\$. Tôi phải trả tiền trước. Đối với tôi, điều này rất thuận tiện, vì sau này giá cả có gia tăng thì Nhà Đòn ráng mà chịu, chứ những “người ở lại” không còn phải lo lắng điều gì cho “người ra đi.”

Khi vợ tôi đi làm về, tôi hý hứng đưa cho cô nàng xem tờ khế ước. Thế là cô nàng khóc bù lu bù loa, rồi hỏi tôi một câu mà tôi cho là lãng nhách:

– Trong cả cuộc đời của anh, anh chỉ thích chơi sang. Tại sao đến cuối cuộc đời, anh lại định chết một cách rẻ tiền như vậy?

– Em hỏi một câu thiệt là lãng nhách! Thế nào là chết rẻ tiền? Chết sang thì đi đến đâu? Mang tiền ra cúng Nhà Đòn và Nhà Nước làm gì? Chúng nó làm gì có quyền cấp visa cho anh vào Thiên Đàng, hay vào Vùng Cực Lạc. Việc gì mình phải “đút lót” chúng nó? Dù sao anh cũng “save” hơn 12,000\$, chứ đâu có phải là ít.

– Em không cần món tiền đó đâu!

– Nếu em không cần số tiền đó, thì em mang nó đi giúp người nghèo, có sao đâu? Đa số dân ta hiện đang sống trong cảnh nghèo túng. Em có biết rằng nếu em mang 12,000\$ về Việt Nam, em có thể nuôi hơn 60 em mồ côi trong một năm. Như vậy, anh là người “chết sang” hay là người “chết rẻ tiền”?

Thấy tôi lý luận như vậy, cô nàng vừa lau nước mắt vừa cười đùa:

– Thôi, anh muốn chết kiểu nào cũng được. Cái đó tùy anh. Nếu anh “ra đi” trước em, em sẽ chúc anh theo kiểu Tàu: “Thượng Lộ Bình An,” và xin anh “Bảo Trọng.”

– Vậy, trước khi “ra đi,” anh sẽ chào em theo kiểu Mỹ: “Hẹn Ngày Tái Ngộ” – “See You Later.”

NGUYỄN HỮU CHI

(Cựu Đại Tá Tùy Viên Quân Lực VNCH tại Vương Quốc Lào)



DƯƠNG ẬU OANH MÀU TÍM THỜI GIAN

Không biết tự bao giờ tôi đã rất yêu màu tím.

Khi cuộc chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ tại Hà Nội vào năm 1946, tôi theo gia đình tản cư lên mạn ngược. Nơi gia đình tôi tạm dừng chân là một làng quê thuộc tỉnh Thái Nguyên, đời sống ở đây còn nhuốm vẻ thanh bình. Sinh ra và lớn lên tại Hà Nội cho đến ngày chạy loạn, đây là lần đầu tiên tôi biết đến một cái ao làng. Cái ao khá rộng là nơi ngày ngày người dân ra đây để vo gạo, giặt giũ và cả tắm gội. Tôi tha thẩn chơi bên bờ ao và trông thấy những đám lục bình trôi dạt dờ theo giòng nước. Nổi lên giữa đám bèo xanh ngan ngát đó là những bông hoa màu tím nhạt, những cánh hoa mỏng manh nhẹ rung theo từng cơn gió. Với tâm hồn non nớt của tuổi thơ, tôi không hiểu nhưng cảm nhận được vẻ đẹp dịu dàng, áp ủ của những bông hoa tím tím man mác buồn đó.

Vì sợ tôi ngã xuống ao nên mẹ cấm tôi không được ra đó chơi nữa. Từ đó tôi hay đón mấy chị thường ra vớt bèo về băm cho heo ăn vào mỗi chiều. Lẩn trong đám bèo lục bình, tôi nhặt ra những bông hoa cánh mỏng về để nâng niu, cất vào một góc. Sau này khi đã lớn khôn tôi mới ngờ rằng đó là dấu hiệu đầu tiên của một tâm hồn tôi yếu đuối, mỏng manh và dễ vỡ...

Thời gian sau, gia đình tôi di chuyển về một nơi khác, nếu tôi nhớ không lầm thì đó cũng là một vùng quê thuộc tỉnh Vĩnh Phúc (hay Tuyên Quang?). Ở đây có vô vàn là sim. Và tâm hồn cô bé 6 tuổi lại ngập tràn trong một màu tím mênh mông của những đồi sim. Những cánh hoa sim be bé, mịn như nhung, những trái sim mọng nước, vỏ ngoài như có lông tơ, ngọt lịm và toàn thể đắm trong một màu tím chập chùng.

Chiều nào tôi cũng theo anh tôi cùng bày trẻ trong làng leo lên đồi sim vừa chơi đuôi bắt vừa hái trái sim ăn no nê, lúc về môi đứa nào cũng tím ngấn ngát. Cứ thế, từ những đứa đầy tình cò,

tâm hồn tôi luôn luôn ngập tràn cảm xúc với màu tím ẩn chứa vẻ dịu dàng, băng khuâng mà sâu lắng đó.

Trong đám trẻ con năm ấy, tôi còn nhớ Đạt, cậu bé con hơn tôi 2 tuổi, là con ông chủ nhà cho gia đình tôi tạm trú thuê ban đầu bơ vơ nơi xứ lạ. Tuy sinh trưởng ở làng quê nhưng vì là con nhà khá giả nên trông Đạt cũng sáng sủa và tươm tất hơn các cậu bé khác trong làng. Chiều nào, khi anh tôi tụ tập đám trẻ lên đồi hái sim thì Đạt cũng đi theo. Có một lần Đạt mang theo một sợi dây lát, khi bọn trẻ chúng tôi đang chơi trốn tìm thì Đạt lui cui đi hái hoa sim xâu vào sợi lát thành một vòng hoa xinh xắn. Buổi chiều trên đường về, Đạt choàng lên đầu tôi vòng hoa sim đó khiến lũ trẻ ồ lên chế nhạo. Tôi xấu hổ, quăng luôn vòng hoa xuống đất còn Đạt thì... khóc.

Bao nhiêu năm sau, khi đã có gia đình, có con, tình cờ một buổi bật radio, tiếng hát Thái Thanh trong như tiếng suối rót vào tai tôi "*Những đôi hoa sim, ôi những đôi hoa sim tím chiều hoang biền biệt...*" lòng tôi lặng đi trong những cảm xúc bất ngờ. Những kỷ niệm tuổi thơ ẩn khuất trong tiềm thức bỗng dưng ào ạt hiện về. Những đôi sim chập chùng, những khuôn mặt trẻ thơ hồn nhiên, nghịch ngợm và Đạt, người bạn nhỏ với tràng hoa bị quăng xuống đất và những giọt nước mắt lăn dài trên má. Tất cả ẩn hiện lung linh, nhòa nhạt...

Năm tôi 10 tuổi thì gia đình tôi mới trở về Hà nội và vào những dịp lễ tết tôi về quê ngoại ở Gia Lâm, Gia Thụy chỉ cách Hà nội một cây cầu Long Biên. Vườn sau nhà ông ngoại tôi có trồng đủ các loại cây ăn trái cũng như nhiều loại hoa. Hoa hồng rực rỡ, tường vi đỏ thắm, hoa bưởi thơm tho thanh khiết và hoa xoan phơn phớt tím. Vào cuối xuân, khi trời chớm hạ là hoa xoan bắt đầu rụng. Những cánh hoa xinh xinh mang sắc tím nhàn nhạt rụng liên tiếp như những bông tuyết bay trong mùa giáng sinh tại nơi đây. Mà hoa xoan rất là kỳ lạ, những cánh hoa rụng xuống không chịu bay xa mà nó tụ lại phủ kín gốc cây như một tấm thảm nhỏ. Người ta bảo sở dĩ hoa rụng phủ kín gốc cây là để những cây khác kề cận đó không thể mọc lan vào được. Nó bảo vệ phần đất của thân cây hay nó chính là dấu hiệu của một thứ cây đơn độc, cũng lẻ loi như cái màu hoa tím ẩn chứa nỗi cô đơn?

Vào dịp gần Tết năm tôi 12 tuổi, mẹ nói với dì Ái "*Năm nay cháu lớn rồi, cô dẫn cháu đi may áo dài Tết nhé*". Dì Ái tôi là con dâu một nhà hàng vàng ở phố Hàng Bạc Hà Nội. Dì nổi tiếng là người phụ nữ thanh lịch. Dáng dì thon thả, khuôn mặt trái xoan với đôi mắt phượng tuyệt đẹp. Mùa hè, dì thường mặc áo dài may bằng tơ nồn màu ngà hay bằng hàng silk mỏng manh với màu sắc thanh nhã. Mùa đông luôn luôn là áo dài nhung màu đậm với khăn san trắng. Dì là hình ảnh người phụ nữ Hà Thành thường được ca tụng trong sách vở, còn tôi thì mang theo hình ảnh dì trong trang phục suốt cả quãng đời dài.

Tết năm đó dì đã chọn cho tôi một xấp hàng màu vàng hoàng anh có điểm những cành đào đỏ rực, đúng là mẫu hàng dê may áo dài Tết cho một cô bé mới lớn. Nhưng con bé tôi lại sáng mắt lên khi thấy ngay một xấp vải hồng khác với những dây hoa phơn phớt tím. Con bé phụng phịu đòi cho bằng được loại vải mình chọn. Cuối cùng dì cũng chiều lòng cô cháu gái. Thế là chiếc áo dài đầu tiên trong cuộc đời thiếu nữ của tôi là một chiếc áo có vương vất chút màu tím hoa bèo, hoa xoan của tuổi ấu thơ.

Trong kho tàng âm nhạc phong phú của miền Nam chúng ta không thiếu những bài ca mang sắc tím: **Chiều tím, Chân trời tím, Màu tím hoa sim, Hoa trắng thoi cài trên áo tím, Tôi vẫn yêu hoa màu tím, Giàn hoa tím năm xưa** v.v... nhưng với tôi bài hát để lại ấn tượng sâu sa nhất là bài **Ngàn thu áo tím** của Hoàng Trọng. Với nhịp 3/4 chậm, buồn, da diết, lời ca âm vang những u uẩn, bản nhạc đi vào lòng người, làm rung lên những giây tơ cảm xúc:

*Ngày xưa xa xôi em rất yêu màu tím
Ngày xưa vô tư em sống trong trời mến
Chiều xuống, áo tím thường thướt tha
Bước trên đường thắm hoa
Ngắm mây chiều lướt xa...*

*Từ khi yêu anh, anh bắt xa màu tím
Buồn thương cho em mơ ước chưa kịp đến
Trời đã rét mướt cùng gió mưa
Khóc anh chiều tiễn đưa
Thế thôi tàn giấc mơ...*

Thế thôi tàn giấc mơ ...

Có phải ta nghe như đâu đây có tiếng thở dài, có niềm tiếc nuối và lòng ta bỗng chùng xuống theo âm điệu tha thiết của bài luân vũ.

Cũng bởi giấc mơ tàn nên tâm hồn vương nét sầu thương:

Anh xa xôi, bóng mưa giăng mờ lối

Anh xa xôi áo bay trong chiều rơi

Anh xa xôi, áo ôm tim lẻ loi

Tím lên khung trời nhớ nhung đầy vui...

Lời ca trong bản nhạc là tiếng thầm thì trong nỗi buồn day dứt, nỗi buồn của những giọt mưa đêm, mưa của tháng bảy Chức nữ nhớ Ngưu lang, mưa của tháng ba nàng Bân may áo cho chồng...

Sau này, tôi có dịp đọc một bài viết của chị Tuyết Mai trong cuốn kỷ yếu TV năm 1991 mới hay rằng người viết lời ca cho bài **Ngàn thu áo tím** của Hoàng Trọng là Vĩnh Phúc, cùng là một cựu nữ sinh TV và đây cũng chính là tâm sự thầm kín của chị. Cảm thương thay, mối tình đầu của người thiếu nữ thánh thiện yêu màu tím đã trở thành mối tình sâu tàn phai theo năm tháng, theo bóng người đi, đi mãi không về ...

Lê Đỗ Thị Ninh, người thiếu nữ đất Thanh yêu hoa sim tím cũng yêu thầm người thầy giáo Hữu Loan của mình. Trở thành vợ của ông Thầy ở tuổi 17, nàng ôm hạnh phúc trong tay:

Ngày hợp hôn

Nàng không đòi may áo cưới

Tôi mặc đồ hành quân

Nàng cười xinh xinh

Bên anh chồng độc đáo.

Tôi ở đơn vị về

Cưới nhau xong là đi...

Nhưng nụ cười chưa tắt trên đôi môi xinh thì bóng hạnh phúc đã vụt tắt: nàng ra đi ngay sau khi chàng trở lại đơn vị. Tuổi của nàng mới chỉ 17 ...

Bài thơ **Màu tím hoa sim** khóc người vợ trẻ của Hữu Loan đã nhanh chóng đưa tên tuổi ông trở thành nhà thơ cự phách trong làng thơ VN. Chúng ta hãy nghe tiếng gọi bi ai của thi sĩ bên mộ người yêu:

*Em ơi giây phút cuối,
Không được nghe nhau nói,
Không được thấy nhau một lần...*

Và từ đó, mỗi cuộc hành quân qua những đôi sim hình ảnh người vợ trẻ lại như ẩn như hiện trong ánh tím hoàng hôn, gợi nhớ người chồng nổi đau không dứt:

*Chiều hành quân
Qua những đôi sim
Những đôi sim dài trong chiều không hết
Màu tím hoa sim
Tím chiều hoang biển biệt...*

Phải chăng những người yêu màu tím đã mang sẵn trong mình một định mệnh lẻ loi hay chính cái định mệnh lẻ loi đã đưa đây cái màu tím cô đơn vào tâm tư những người yêu nó?

Nhưng màu tím có thật sự mang một trách nhiệm nặng nề như thế không? Ất hẳn là không rồi.

Elizabeth Taylor, người nữ tài tử điện ảnh đẹp nức nở một thời, người là biểu tượng của nhan sắc, có một đôi mắt tím nghiêng nước nghiêng thành, làm chết bao con tim. Bà đã có một cuộc sống nhung lụa, đi trên tiền bạc, danh vọng và tình yêu. Bà trải qua 8 cuộc hôn nhân nhưng điều đó không có nghĩa là bà bất hạnh. Tất cả là do bà tự chọn, tự chọn cho mình con đường gai góc để đi, để hưởng cho đủ thú vương giả lẫn đau thương của một kiếp người.

Các họa sĩ, người của sắc màu, người đã pha trộn giữa trắng, đỏ, vàng, xanh... để tạo nên những bức tranh tuyệt tác còn ghi dấu hàng thế kỷ thì màu tím cũng chỉ là một gam màu cần thiết như những gam màu khác... Nào có gì đâu!

Một lần sang Úc vào giữa mùa hè, đi giữa lòng thành phố Sydney trên con đường Cabramatta tôi chiêm ngưỡng biết bao cây jacaranda với những chùm hoa tím nhạt. Những chùm hoa chỉ chĩa trên cao, rợp bóng mát cho cả con đường. Tôi cảm nhận một mùi hương dịu dàng, một cảm giác thanh thản như đi trong không khí tinh mịn của một ngôi chùa cổ trên lối vào thiên đường...

Cảm ơn những kỷ niệm tuổi thơ, những xôn xao tuổi trẻ, những êm ả tuổi già với bao nhiêu sắc màu hoa tím...

Houston, tháng cuối năm 2014.

Dương Ấu Oanh



TRẦN HỒNG VĂN

(Houston - Texas)

phóng tác truyện ngắn Hoa Kỳ

CHUYỆN NÀNG VASHTI

(tiếp theo VHAVN số 74 mùa Thu 2016 và hết)

Vào đêm thứ năm, trong căn lều, Vashti thức giấc vì tiếng la hoảng của Jada:

- Mẹ ơi, có con rắn trong chăn của con.

- Đừng động đậy, Jada. – Nói xong, nàng đốt bó đuốc lên nhìn rõ nét mặt Jada tái mét, tia mắt hoảng loạn và chuyển động quanh co của con rắn phía dưới chiếc chăn. Vashti cầm một đầu chiếc chăn rồi tung mạnh ra xa, một con rắn màu vàng cuộn tròn bên chân đứa con, chiếc đầu ngửng lên như chuẩn bị tấn công. Vashti cầm chiếc đuốc bên tay trái, quơ qua quơ lại cho con rắn lưu ý rồi với tay phải, nàng tóm chặt lấy cổ nó.

- Lấy con dao găm cho mẹ, nhanh lên con. -Vashti nói với đứa con còn đang run lẩy bẩy. Khi chiếc đầu con rắn đã bị cắt đứt, thân hình nó vẫn vùng vẫy cho tới một lúc sau mới chịu hẳn yên. Vashti mỉm cười, ôm lấy đứa con gái còn run rẩy:

- Con nhớ lấy bài học này nhé. Mình phải đập kỹ khoảng đất trước khi cắm lều. Dù sao mình cũng có món thịt nướng cho ngày mai. Nọc độc của rắn rất có ích.

Đẩy con ra xa, nàng dùng con dao găm lấy hai túi nọc độc ra khỏi chân răng nanh con rắn. Một chiếc răng nanh bị cạy ra, nàng bảo Jada:

- Đưa chiếc túi đựng bùa của con cho mẹ.

Jada tháo chiếc túi da ra khỏi cổ rồi đưa cho mẹ. Chiếc túi này đựng những loại bùa phép mà dân Wodaabe thường đeo, trong đó có cả đoạn nhau khô của mỗi người. Vashti bỏ chiếc răng nanh

con rắn vào trong chiếc túi: *“Chiếc răng này sẽ làm cho những con rắn khác tránh xa khỏi Jada”*. Khẩn xong, nàng đeo chiếc túi lại vào cổ con gái.

Sáng hôm sau Vashti xăm cho Jada một hình tam giác nhỏ cạnh góc mắt trái, biểu tượng uy lực của chiếc răng của con rắn và bên góc mắt phải là một chấm nhỏ biểu tượng cho con mắt con chim điều hâu mà dân trong bộ tộc cha nàng thường mang. Jada hãnh diện với sự khéo léo của mẹ, tuy thấy hơi đau nhưng cũng mừng với cái giá phải trả cho nét đẹp như vậy. Vào buổi sáng ngày thứ bảy khi xoa nắn vết sẹo trên khuôn mặt Jada. Vashti mừng khi thấy vết xăm không bị nhiễm trùng. Nàng nói với con gái:

- Khi về tới lều của gia đình mình, những vết xăm này sẽ hoàn toàn lành, lúc đó thanh niên trong bộ tộc sẽ thấy con đẹp và mong được cưới làm vợ. - Nhớ lại kinh nghiệm của mình, nàng nói thêm: - Mẹ chỉ cho phép con lấy chồng sau khi con có kinh nguyệt được tròn ba vòng thời gian

Jada nhìn trừng trừng vào mắt mẹ. Bây giờ cô ta muốn lớn nhanh để có chiếc lều và của cải riêng, nhưng cũng biết là khi mẹ đã quyết định thì nài ni thế nào cũng không làm bà đổi ý. *Tuy vậy, cô ta nghĩ, nếu mình tìm được một đứa bé trong bụi rậm thì gia đình thế nào cũng cho phép làm đám cưới.*

Vào buổi bình minh thứ chín Vashti nhìn thấy những chiếc lều của bộ tộc mình ở phía xa. Suốt hai ngày nay cô đi theo con đường mòn quen thuộc và cuối cùng cũng tới nơi. Đây là bộ tộc lớn, có vài trăm người cư ngụ. Vì làm ăn thịnh vượng, Koadaka đã cưới cô vợ thứ ba và thứ tư. Thủ tục của bộ lạc cho phép người đàn ông có thể lấy tới bốn người vợ nếu tình trạng kinh tế gia đình cho phép. Cô bé đang giặt giũ bên dòng suối là người vợ thứ tư của Kaodaka, dù cho cô ta chỉ lớn hơn Jada vài tuổi. Khi nhìn thấy Vashti thì cô ta nhảy lên vui mừng, để nguyên cả mớ quần áo bên bờ suối, Nieala, tên cô gái, tíu tít dẫn Vashti và Jada về lều của Seneli.

Căn lều của Seneli với danh nghĩa lều của người vợ cả vẫn giữ vị trí quan trọng nhất của bộ lạc, nằm ở hướng bắc. Koadaka khôn ngoan vẫn giữ Seneli, bà vợ có nhiều khôn khéo cũng như Aaiiah, cô vợ hai có với ông hai đứa con nối dõi. Nghe tiếng gọi

của Nieala, Seleni vén cửa lều lên, vừa nhìn thấy cô, bà vui mừng bật khóc, chạy nhanh ra ôm lấy cô:

- Cảm ơn Đấng Cao Cả đã đưa con và cháu về. Mau vào thăm bà Mamu của con đi, bà sẽ vui mừng mang theo nét mặt của con về thiên đường. Con có biết không, lúc nào bà cũng nhắc tới con đó.

Vashti khó nhận ra đây là bà nội của mình. Cơ thể bà gầy ốm, bạc nhược nằm thờ thoi thóp trong góc nhà.

Là người đàn bà nhiều quyền hành nhất trong bộ lạc từ nhiều năm do được kế thừa từ Mamu, Seneli tuyên bố là tối nay có một lễ liên hoan chào mừng Vashti trở về, một con bê và ba con dê sẽ được giết và nướng bên đồng lửa. Trong đám đàn ông, không ai chuẩn bị kỹ lưỡng hơn Kiinapii, cậu này là một thanh niên độc thân mới mười bảy vòng thời gian nhảy múa giỏi khiến nhiều thiếu nữ mong được gặp cậu trong bụi rậm. Kiinapii đang chuẩn bị cho hai ngày lễ hội và vui mừng được dịp trở tài trong dịp này. Màu đỏ xậm cộng với màu vàng tươi thêm một sọc đất sét trắng chạy dọc từ trán xuống cằm làm nổi bật nét đẹp của Kiinapii. Thêm vào đó là lớp phấn đen viền quanh mắt làm đôi mắt to hơn và hàm răng trắng hơn. Đêm nay, nhảy múa quanh đồng lửa, cậu ta muốn chứng tỏ cho Vashti, người chị em họ, là giờ đây mình không còn nhỏ nữa.

Vashti mừng là được gia đình chấp nhận cho việc trở về nhưng buồn là bà nội đau nặng. Khi thấy sự thịnh vượng của bộ lạc, một ý nghĩ bi quan thoáng qua trong đầu: *Nếu mình vẫn ở với Toma và mẹ ở với cha thì gia đình sẽ là một nhóm lớn và mạnh biết chừng nào.* Sang lều của mẹ để thăm bà nội, Vashti nói cho hai người biết vì Toma lấy vợ khác để kiếm người nối dõi tông đường, đó là lý do phải quay trở về đây. Nàng hỏi ý kiến của bà và mẹ.

Mamu ho khan ba tiếng rồi giơ cánh tay khẳng khiu lên tỏ ý muốn nói. Vashti và Seneli phải cúi xuống sát mặt bà để nghe cho rõ. Giọng nói của bà tựa như tiếng xào xạc của ngọn cỏ khi có làn gió nhẹ thổi qua.

- Con à, đó chẳng phải là lỗi của con vì không sinh nở mà là do chồng con ... Đừng ... đừng có lắc đầu mà nghe bà nói hết đã ... Con có nhớ là đôi khi có những hạt giống hư, có hạt có vỏ

nhưng không có mầm ở bên trong. Trên đời này có những người đàn ông như vậy, trở nên vô sinh. Tại sao? Bà cũng không hiểu nữa. - Cánh tay yếu ớt của Mamu vẫy vẫy, Vashti và Seneli phải cúi sát mặt bà hơn. - Bà cũng vậy, sau khi cưới cả ba vòng thời gian mà vẫn không mang thai. Ông của con giận dữ với bà. Vào một buổi lễ hội kia trong khi ông ấy ôm một người đàn bà khác thì một thanh niên trẻ lên vào lều của bà. Thế rồi khi đứa con đầu được sáu tuổi, bà lại muốn có một đứa con nữa. Bà gặp lại người đó, rồi một đứa nữa ra đời cho đến khi có bốn đứa cả thảy, nhưng bà không nói với ông nội biết chuyện này. Bây giờ ông ấy đã chết, nhưng nếu còn sống thì bà cũng không cho ông ấy biết.

Sau khi nói ra câu chuyện giữ kín trong lòng từ bao năm nay, Mamu ho rũ rượi, sau đó bà lại thều thào:

- Vashti con à, con hãy trở lại với chồng con và theo lời khuyên của bà để có một đứa con nhé.

Nói xong, đầu bà nghẹo sang một bên, hít thở thật khó khăn.

Vashti và Seneli kinh ngạc nhìn nhau. Với họ, Mamu là một người đàn bà toàn hảo và tinh khiết, không bao giờ phản bội lời hứa đã khắc bằng những nét xăm trên khuôn mặt. Sau khi lấy hết sức lực kể cho cô cháu gái yêu mến nhất câu chuyện giấu kín trong suốt quãng đời dài hàng mấy chục vòng thời gian, mắt nhìn về phía cửa lều, tay bà với về phía những tia nắng xuyên qua, người rung lên như thể linh hồn đang cố gắng thoát ra khỏi cơ thể bạc nhược nằm ở đây. Rồi cánh tay bà buông thõng, ánh sáng của cuộc đời đã rời khỏi đôi mắt mệt mỏi kia.

Veneli nhào xuống ôm lấy bà mẹ chồng gào lên những tiếng đau đớn. Nàng coi bà như chính là mẹ ruột, đã chấp nhận, bao dung, che chở và hướng dẫn ngay từ ngày đầu tiên mới bước chân về bộ lạc mới của chồng. Vashti cố nén nỗi buồn, khuyên giải mẹ và chuẩn bị tang lễ cho bà, tuy bận rộn nhưng những lời khuyên cuối của bà vẫn văng vẳng bên tai.

Lễ hội trước đây dự tính là để mừng ngày trở về của Vashti nhưng bây giờ được kéo dài thêm ba ngày tang lễ và hỏa thiêu cho bà Mamu, đó là cơ hội để cho các chàng trai trẻ có nhiều thời gian chuẩn bị. Trong buổi lễ dành riêng cho phụ nữ, Saneli tặng cho Vashti và mỗi đứa cháu của Mamu một đốt ngón tay của

Mamu để làm bùa. Với một giọng nghiêm trang và buồn, Seneli khẩn khứa: “*Với một chút dư vật này, xin bà sẽ luôn luôn ở bên con, sẽ phù hộ cho con suốt đời, sẽ giúp con sinh nở dễ dàng như bà đã từng sinh nở đàn con cháu này vậy*”. Khẩn xong, Seneli bỏ đốt ngón tay khô vào chiếc túi nhỏ rồi đeo vào cổ cho mỗi đứa.

Rồi bây buổi bình minh qua mau, Vashti bây giờ đã quen với nếp sống trong bộ lạc. Cô vui khi thấy Jada hoà mình cùng với các anh chị em họ. Đối với Jada, mọi việc như lạ lùng và mới lạ. Sau bữa ăn sáng ngày thứ tám, đàn ông đã đi làm việc, Seneli nói với Vashti:

- Đi ra ngoài với mẹ nào.

Vashti hăm hở đồng tình. Đây là dịp nàng có thể nói chuyện riêng tư với mẹ sau đám tang của bà nội. Hai người vừa đi vừa nói với nhau những chuyện từ bộ lạc của Toma sang chuyện bộ lạc này, rồi chuyện bà Mamu. Thình lình Seneli hỏi:

- Con có nghĩ là thằng Kiinapii nhảy hay nhất trong buổi lễ hội vừa rồi không?

Vashti đỏ mặt trả lời mẹ:

- Vâng, nó là người nhảy giỏi nhất, mà lại đẹp nhất trong đám đàn ông.

- Nó lại liếc nhìn con nhiều lần nữa. Con à, con đã bỏ chồng về đây với mẹ như vậy con được tự do chọn lựa lấy người con thích.

- Con thấy nó không để ý tới con. Mẹ à, con muốn làm theo như lời bà nội nói lần cuối thôi, đó là lý do và phương cách bà không làm theo lời hứa trên vết xăm. Con vẫn nghĩ tính không sinh sản của con là do di truyền từ mẹ sang. Ông bà nói là con là cái mũi của mẹ, vì thế khi có một đứa con gái là con đã hưởng cái di truyền của mẹ rồi, tính đó là do mẹ truyền sang cho con.

Seneli ngạc nhiên:

- Bộ con nghĩ là mẹ có tính vô sinh à? Từ khi Koadaka lấy Aaiiah làm vợ hai, mẹ cấm ông ấy không được vào lều của mẹ nữa. Không có người đàn ông nào đụng vào người mẹ kể từ khi sinh ra con, khi mẹ có bầu con được bảy tháng thì cha con lấy vợ hai đó. Là người vợ cả, mẹ không được quyền lang chạ với ai, nếu mẹ có bầu với ai thì sẽ bị tống cổ ra khỏi bộ lạc ngay.

Vashti nắm lấy tay mẹ:

- Thật vậy sao mẹ? Mẹ không muốn có thêm con sau khi sinh ra con à?

- Đừng tội nghiệp cho mẹ, Vashti. Mẹ có cuộc sống yên ổn ở bộ lạc này. Đúng là nếu còn ít tuổi thì mẹ sẽ trở về với bộ lạc của mình rồi, nhưng mà đường đi quá xa, hơn nữa ông bà ngoại của con hứa gả mẹ cho một người khác, một ông già mà mẹ không ưa. Ở đây mẹ có bà Mamu, lũ con của Koadaka và họ hàng thân thuộc nữa, tất cả đều quý mến mẹ và nhất là có con là con ruột của mẹ là mẹ vui rồi.- Seneli cười, hàm răng của nàng cứng và trắng tuy có một chiếc bị nhỏ chứng tỏ là nàng không còn trẻ nữa. Bước chân của Seneli dài, chắc và vững chãi như đàn ông .- Con à, ông trời cho mẹ nhiều phúc đức lắm, thấy không, mẹ đã bốn lần mười vòng thời gian rồi mà cơ thể mẹ khỏe mạnh mà các bà ba lần mười vòng thời gian cũng không bằng.

Vashti cân nhắc lời khuyên của mẹ. Buổi tối nọ trong khi giúp việc cung cấp thức ăn cho nhóm đàn ông, nàng đặc biệt lưu ý tới Kiinapii. Khi ánh mắt của anh ta hướng về phía nàng thì nàng hơi cúi đầu xuống trước khi nhìn thấy điệu nháy mắt. Vashti nghĩ thầm: *Anh ta còn trẻ nhưng thật là đẹp trai.*

- Này chị Vashti ơi, cho xin một ly nước trà của chị nữa đi.
- Giọng nói của chàng trai ngọt ngào bên tai.

- Không phải là nước trà của tôi đâu. – Nói xong nàng mang ấm trà rót đầy cho chàng ta.

- Nhưng mà tay chị rót nước làm cho trà này thơm ngon hơn cả mật ong đấy. - Rồi hắn nói nhỏ bên tai nàng. – Tối nay tôi tới lều của chị được không?

Vashti im lặng như không nghe thấy hắn nói gì rồi đi châm trà cho mọi người khác. Khi đi ngang qua chỗ ngồi của Seneli, nàng nói với mẹ:

- Tối nay Jada ngủ với mẹ được không? Có nhiều điều mẹ cần dạy nó đó mẹ.

Seneli nhìn con gái với đôi mắt thông cảm:

- Con nhớ dặn nó mang chăn sang nhé.

Vashti trở về bên đồng lửa, đứng im lặng mắt nhìn ngọn lửa đang cháy bùng, suy nghĩ mung lung. Cảm thấy Kiinapii đang chăm chú nhìn mình, nàng ngừng đầu lên và gập tia mắt của hắn

và khẽ gặt đầu. Nụ cười của Kiinapii tươi sáng hơn cả ánh sáng ngọn lửa đang cháy.

Chẳng bao lâu Vashti thấy kính nguyệt bị tắt và hiểu là mình đã mang thai. Bây giờ cả bộ lạc phải nhờ lều di chuyển để gặp chi nhánh khác cùng dòng chim hạc. Chỉ mất hai buổi sáng là họ đã đến nơi đã định từ trước. Tại nơi này, Vashti gặp lại Toma. Trong tháng mang thai đầu tiên này, nàng trở nên đẹp hơn lúc nào hết. Toma thấy tim mình quặn đau, tất cả mọi việc trở nên chẳng ra gì từ khi nàng bỏ đi. Cô vợ mới Niku còn là trẻ con, không biết gì về công việc phải làm của người đàn bà trong bộ lạc cả. Khi than thở, cô ta lại khóc lóc và kể lể với các cô dì. Vài người anh em họ đã bỏ đi vì không ăn nổi những bữa cơm do cô ta nấu. Toma nghĩ: *“Minh cần có họ vì công việc quan trọng hơn là đứa bé hay khóc này”*.

Vashti nhìn đám đàn ông đang xếp hàng chờ tới lượt nhảy múa, nàng nghĩ Toma sẽ là người nhảy giỏi nhất, ngay cả Kiinapii cũng chỉ xếp vào hạng học trò của chàng thôi. *“Giá mà đứa con trong bụng mình là con của Toma thì ... - Nàng rùng mình. - Việc gì xảy ra thì đã xảy ra rồi, đâu phải lỗi tại mình đâu. Mình đang tìm một người đàn ông đứng tuổi thông cảm với mình.*

Để chứng tỏ việc khuyến khích và nâng đỡ, Seneli bắt chợt chạy đến bên cạnh Kiinapii, lấy tay xoa ngực hấn. *“Ồ, không phải rồi, hấn không phải là người giỏi nhất, có thể là vòng thời gian tới. Bây giờ rõ ràng hai người nhảy giỏi nhất là Toma và Bolutu mà. – Vashti thầm nghĩ khi mắt vẫn chăm chú nhìn Toma. Về phần Toma, tâm trí chàng còn suy nghĩ đầu đầu, một lát sau chàng bỏ đám vũ rồi ra ngồi với đám đông, miệng chàng uống liên tục. Khi thấy Vashti tới bên, Toma nhìn nàng nói:*

- Vashti, anh nhớ em nhiều lắm.
- Bộ cô vợ trẻ không làm anh vui sao?
- Nói làm gì về đứa con nít hay khóc đó, nó lạnh lùng như con rắn. Về với anh đi, anh sẽ trả nó về với bố mẹ nó.
- Anh đang cần một đứa con nối dõi tông đường mà.
- Nó là đứa con nít không cho anh một đứa con được. Anh sẽ trả nó về và nói là sẽ đợi nó lớn khôn hơn nữa. Lúc đó hy vọng là có người nào đó rước nó đi. Vashti, từ ngày em bỏ đi, anh rất đau khổ.

- Còn con lạc đà nhỏ mà anh đưa cho Niku thì sao?
- Để họ giữ, ngoài ra anh cũng sẽ cho họ một con bê nữa nếu họ nhận lại Niku. Vashti, trên đời này chỉ có em mới là người vợ của anh được thôi.

Vashti trêu lại:

- Ở đây cũng có nhiều người, anh có thể chọn một người làm vợ đi. – Tuy nói vậy nhưng mùi da thịt của người chồng cũ làm nàng ngậy ngất.

Hơi thở dồn dập của Vashti cho Toma biết nàng cũng mong đợi ở chàng.

- Đùng đũa dõn nữa, Vashti. Đi ra ngoài kia với anh đi.

Toma bước qua khỏi đám đông trong khi Vashti vòng qua những căn lều rồi gặp Toma ở một khoảng đất trống. Vashti thì thào:

- Theo em tới lều của em đi.

Đêm đó hai người sống với nhau như một cặp tình nhân trẻ.

Sáng hôm sau, Vashti tới lều của mẹ, nàng nói:

- Con trở về với Toma mẹ à.

- Mẹ không ngạc nhiên đâu con, Mẹ cũng thấy hai đứa thuộc về nhau đó.

Vashti thú nhận với mẹ:

- Mẹ ơi, con đang mang thai với Kiinapii, giờ đã qua ngày kinh nguyệt được mười cộng ba buổi bình minh rồi.

- Đó là một tin mừng con ạ. Thường thì đứa bé sinh ra khi trăng sớm hoặc là trăng muộn. Con nhớ lời khuyên của bà Mamu lần cuối không? Con đã làm đúng, mẹ hạnh diện vì con. Mẹ sẽ gặp lại con vào một vòng thời gian nữa khi bộ lạc lại di chuyển để họp với nhau, lúc đó con có một thằng bé bên con.

Vashti nài nỉ:

- Tới con vào ngày con sinh mẹ nhé.

- Không, mẹ có nhiều việc phải làm lắm. Nếu mẹ bỏ đi thì mọi việc ở đây sẽ rối lên hết cả.

- Vậy thì con sẽ về với mẹ nhé.

- Không con ạ. Nơi con ở là nơi của chồng con. – Seneli cười. - Mẹ khỏe như con lừa. Mẹ sẽ sống lâu cho đến ngày con gái

của Jada lấy chồng, lúc đó mẹ sẽ kể cho con của chúng câu chuyện cổ mà Mamu đã kể cho con nghe.

- Vậy mẹ giữ gìn nhé. – Vashti trở về lều thu xếp đồ đạc. Nàng gọi Jada:

- Con, vào đây giúp mẹ nào.

- Mình đi đâu vậy mẹ. Về lại bố hai à?

- Phải rồi, đây chỉ là một chuyến về thăm lại ông bà thôi, giờ thì trở về nơi mình ở cũ. – Vừa nói Vashti vừa buộc chiếc dây cột mớ đồ đạc trên lưng con bò. – Con ra ngoài kia mang đàn dê của mình về nhé.

Với người Wodaabe, họ nhận biết rành rõi từng con gia súc, mỗi con đều có tên riêng. Nhưng khi Jada dẫn con dê nhỏ màu xám về thì Jenaju, em gái của Kiinapii đuổi theo, quay về phía đám đông miệng la lớn:

- Ăn cắp ... kia đồ ăn cắp ... nó bắt con dê của tôi. Con dê của tôi có hai chấm đen bên tai trái. Đó là dấu tôi làm dấu đó.

Vashti vệt đám đông chạy về phía Jenaju. Bên tai trái con dê đúng là có hai chấm sặc và mới lành da chứ chưa đen hẳn.

- Tôi nghĩ là chính cô em mới chấm hai nốt đen vào, phải không? - Rồi nàng lật tai phải con vật lên để cho mọi người nhìn rõ vết xăm chiếc cầu vòng tuy đã mờ nhưng còn rõ nhìn. - Nhớ là muốn đánh dấu con vật của mình thì phải xăm khi nó còn nhỏ nhé.

Mọi người cười âm lên khi cô ta bị bắt quả tang là nói dối trước mặt mọi người. Vashti lại thầm nghĩ: *“Chính mình mới là kẻ ăn cắp, mình đã lấy giống của Kiinapii rồi bỏ đi. Có lẽ nên có một cuộc trao đổi một con dê con với một đứa bé thì hay hơn.*

Rồi nàng nói to:

- Đây cô em Jenaju, em của Kiinapii, bởi vì tính hiếu khách của cô em với con gái tôi và chính tôi, giờ đây tôi muốn tặng cho cô em con dê này.

- Hoan hô! - Tiếng đám đông ồn ào cả lên.

Nét mặt của Jenaju thật khó coi. Lấy chồng được hai vòng thời gian rồi mà mới chỉ làm chủ được ba con nai cái nhỏ, con dê này là một giá trị lớn đối với cô ta. Vì vậy cô ta nghĩ nếu lấy cắp được con này thì với số gia súc nhiều Vashti cũng không nhớ tới nó.

- Cảm ơn chị Vashti. Xin chị nhận những lời chúc phúc thành thật nhất của em. - Rồi cô ta tháo chiếc vòng đeo cổ có những mảnh đá xanh đưa cho nàng. - “Đeo chiếc vòng này chị sẽ sinh con trai. Đó là phép màu nhiệm, vì đeo nó mà em có hai thằng con trai khi sinh một lần đó”.

- Một cuộc trao đổi sòng phẳng, cô em ạ. - Vừa nói Vashti vừa cầm chiếc vòng. - Vào mùa họp mặt tới, cô em sẽ thấy chiếc vòng màu nhiệm như thế nào.

Vashti và Jada dẫn đoàn gia súc lừa, bò, dê đi về hướng Toma và gia đình dựng lều. Jada dẫn đầu với ba con bò, tiếp theo là bầy dê, sau đó là đoàn lừa trên chất đầy vật dụng và Vashti đi sau cùng. Cậu thanh niên đẹp trai Kiinapii từ trong lều thò đầu ra rồi vẫy tay chào từ biệt. Những chiếc vòng bằng bạc đeo bên tai Vashti kêu lên những tiếng vui tươi khi nàng quay qua quay lại đáp trả những lời từ biệt của bạn bè và họ hàng. Đôi mắt nàng sáng ngời đầy tự tin và nụ cười vui sướng hiện ra như đóa hoa hồng vì nàng đang mang một món quà, một món quà tình yêu trong bụng.

Trần Hồng Văn

Đôi nét về Tác giả: Marcia Mercer là một điêu khắc gia thành danh, nhưng căn bệnh tê thấp làm cản trở công việc của bà. Tuy bỏ nghề điêu khắc, bà lại thành công trong việc viết văn, nhiều truyện ngắn của bà được các tạp chí văn học đăng tải. Bà đã bỏ rất nhiều công nghiên cứu để viết câu chuyện này để tặng riêng cho cô con gái nuôi mà cha là người Mỹ da đen lai với người da đỏ Seminole còn người mẹ là lai giữa 3 dòng Scotch, Irish và Welsh. Tác giả và chồng bà rất hoạt động trong một cộng đồng thôn dã nhỏ bé.

GÓP LỜI CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI THẾ GIỚI LẦN THỨ XXI GIA ĐÌNH CỰU HỌC SINH TRUNG HỌC PHAN THANH GIẢN & ĐOÀN THỊ ĐIỂM CÀN THƠ TỔ CHỨC TẠI HOUSTON TEXAS HOA KỲ NGÀY 5 (tại nhà hàng Kim Sơn) và 6 (tại nhà hàng Ocean Palace) THÁNG 5-2017 VỚI CHUYẾN DU NGOẠI VÙNG BIỂN CARIBBEAN SAU ĐẠI HỘI TỪ 7 ĐẾN 14 THÁNG 5-2017... ĐỒNG - VUI THÀNH CÔNG TỐT ĐẸP.

* BBT Tạp chí **VĂN HOÁ VIỆT NAM**

HUYỀN VÂN THANH

(Thi Văn Về Nguồn – Tây Đô)

ĐÈN MÙ U

* Kính dâng hương hồn NỘI trong cõi đời miền viễn.

Trong thời buổi giá nhiên liệu gia tăng, dầu lửa thấp đèn đã từ vài ba đồng một lít, rồi hăng mấy trăm đồng... Cẩm chai đi mua dầu, tôi bất chợt nhớ về thời đói khổ ngày xưa – thời chiến tranh chống Pháp. Ở miền quê thiếu kém mọi bề. Những gia đình nghèo như gia đình tôi, không biết làm sao hơn, phải thấp đèn bằng rọi mù u.

Ngày ngày, tôi theo NỘI đi lượm từng trái mù u về đập vỏ lấy ruột phơi khô, rồi xắt ra đem rang cháy đen, quét nát trộn với bao chỉ mục (bao bố tời) vắn vào cọng lá dừa để đốt thay đèn dầu lửa...

Tôi viết bài thơ này để thương về NỘI, một hình ảnh thương yêu nhất của tôi trong thời chiến tranh thống khổ.

Nhớ ngày 23 tháng 7 âm lịch hằng năm
ngày cúng giỗ NỘI tôi.

*Đã cuốn trôi rồi thời thơ dại
Nghiep đời chồng chất tuổi hoa niên
Bước vào danh vọng như mây khói
Như kiếp phù du chóng lãng quên.*

*Nội mất từ khi ngừng chiến trận
Chưa vinh dự hưởng phút yên vui
Hoá thân trong cõi đời miền viễn
Nhìn cháu con thương tiếc ngậm ngùi.*

*Ngày xưa – từ buổi dày chinh chiến
Nội tuổi già nua vẫn nhọc nhằn
Ba Mẹ con nghèo, không đủ sống
Phải lo tằn tảo, nhịn phần ăn.*

*Nuôi con, Ba Mẹ nuôi tâm huyết
Nội dân tinh thần cháu trắng trong
Chống giặc ngoại xâm bền chí cả
Không đao, không súng cũng tâm vòng.*

Để cho đất nước luôn tròn vẹn

*Đẹp giống nòi ta, đẹp sử xanh
Cương quyết không lòn xin ngoại chúng
Mong nhờ ân sủng với uy danh.*

*Con sống trong tình thương huyết nhục
Hào quang chói rạng thuở nằm nôi
Nên từ tấm bé vương, nghèo khổ
Như Nội, như Ba suốt cuộc đời.*

*Chiến tranh ngày cũ đau thương lắm
Mình sống trong vùng quê cách ngăn
Không có tiền xanh không biết chợ
Chỉ lo tàn tảo suốt quanh năm.*

*Ngày ngày Nội dẫn con đi lượm
Tùng trái mù u để thấp đèn
Thay thế đèn dầu không sắm được
Vì thời chinh chiến khó đưa chen.*

*Nội bảo, rọi mù u thấp sáng
Như tình dân tộc sáng muôn đời
Công lao khổ nhọc do mình tạo
Cao quý còn hơn ánh điện người.*

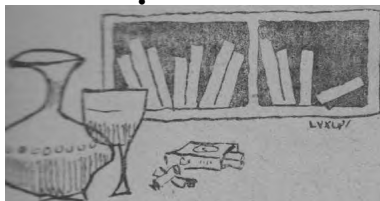
*Từ đó con noi gương Nội dạy
Tập cho mình có chí tự tôn
Bước vào cuộc sống muôn hào nhoáng
Tranh đấu theo từng tuổi tri khôn.*

*Bây giờ con sống trong lòng phố
Sáng điện chan hoà khắp ngõ ra
Con vẫn thương hoài hình ảnh cũ
Ánh đèn của Nội nở trăm hoa.*

*Soi lối con đi suốt cuộc đời
Không sờn chí cả, Nội hiền ơi...
Đèn mù u sáng – đèn dân tộc
Như sử ngàn năm chói rạng ngời.*

Cần Thơ 15-10-1970.

VĂN HỌC CHỮ NÔM



NGUYỄN VĂN SÂM

phiên âm và giới thiệu

NHÂN QUẢ BÁO ỨNG

(Tiểu thuyết Nôm viết bằng văn xuôi 1926)

(kỳ 2)

Tiết 7 (15b)

Ngươi Lưu Kinh lia hồn, Đức Thành hoàng phán giải.

Lưu Kinh bệnh đã hư tổn, thần hồn lia thoát ra ngoài, hôn mê chẳng biết đường về, chết giả mà ra chết thiệt. Ngươi ấy hồn đi bơ vơ, chẳng ai dẫn lối dẫn đường, vì chưng số thọ hãy còn, Địa phủ chưa sai quỹ bắt, nên chẳng có thần áp giải, một hồn lủi thui mà thôi. Trong đường bỗng thấy điện đài, xem rõ xăm xăm vào cửa, đến cửa hỏi ra mới biết, rằng là miếu Đức Thành hoàng, xin vào quỳ lạy dưới sân, kể quán kể tên kể họ, kể nỗi nguồn cơn sâu bệnh, chẳng may hồn tới cõi âm, xin ngài giáng phúc thi ân, cho dẫn được về dương thế. (16a hình) Nhị điện: Sở giang vương (16b) *Đức Thành hoàng hỏi rằng*: ‘Lưu Kinh, mày ở dương thế, làm điều thiện ác đường nào?’

Thưa rằng: ‘Từ bé đến nay, chỉ việc thương người thương vật, nhờ của tổ tiên để lại, chỉ đem bố thí bần cùng, ăn chay tụng niệm đêm ngày, chẳng có điều chi là ác.’

Khi ấy ngài sai bộ hạ, tra xem sổ sách từng ngày, tra ra sổ ác trần gian, thấy tội Lưu Kinh vô số, phạm những lời Trương thị nói, cũng còn (1) ghi lấy từng câu, phạm những việc Lưu Kinh làm, ác

(1). Bản Nôm 祥 tường, nghĩ là tác giả muốn dùng chữ 群 còn.

khẩu ác tâm biên đủ, tra số Thiên đình tổng xuống, Lưu Kinh thọ bảy mươi ba, nhân vì tích ác nhiều điều, giảm thọ bớt đi một kỷ, nay nó mới năm mươi mốt, nhẽ ra còn được mười năm.

Bấy giờ Ngài mới lôi đình, thét quờ Lưu Kinh đối trả: ‘Mày đã quen làm ác nghiệt, vợ mày can cũng không nghe, chẳng qua mày ở ác nhiều, hồn phách tinh thần tán loạn, đến đây mày mà biết tội, cũng thương cho dẫn đem về, sao mày dám mạn (2) phép Trời, dối người dối cả Thần thánh?’

Liên khiến các quan bộ (17a) hạ, làm tờ bẩm báo phân minh, giải lên Mười điện hỏi tra, chính trực chẳng dung loại ác. Khi ấy Sai quan vâng mệnh, truyền quân áp (?) giải Lưu Kinh, chùy đồng roi sắt theo sau, một mạch chẳng cho đứng nghỉ, đi đến đầu thôn Dã Cầu, từng đàn chó nói tiếng người, gọi nhau kia kia Lưu Kinh. Xúm lại vô vàn là chó, con thời nghiêng răng, gườm mắt, con thời há miệng nhả nanh, con thời mắng trách Lưu Kinh, rằng nó (3) kiếp xưa cùng khô, trốn nợ có mười đấu gạo, cho nên phải chịu kiếp này, nó ở trả nợ bảy năm, nhiều ngày chịu đói chịu khổ, thấy con gà được cơm tấm, tranh ăn lỡ đại cắn gà, sao chủ nhẫn tâm cho đành, sai đưa gia nô đánh chết.

Lại có một đoàn đua mắng, rằng vì nó đại kiếp xưa, luân hồi vào nghiệp súc sanh, cũng muốn chịu cho hết nợ, nạo ngờ Lưu Kinh này (4) ác, mua nuôi ăn thịt nhiều hồn, bây giờ bắt được đũa thù, cắn nuốt hết xương cho bỏ.

Khi ấy từng đàn xúm lại, Sai quan (17b) sợ bỏ mất tù, vội vàng bước tới tay ngăn, Rằng: ‘Có phép công tra hỏi, hãy để nạp vào các điện, rồi ra báo oán mặc lòng.’ Đàn chó từ ấy chạy tán. Lưu Kinh vừa đi vừa khiếp, đi lại đến thôn Ngưu Mã, ngựa trâu cũng nói tiếng người, trâu bò kéo lũ đón đường, trông mặt Lưu Kinh mà chửi, rằng nó kiếp xưa có nợ, cho nên phải ở đền bồi, kéo cày cổ giá cho xong, hết sức còn chi chẳng yếu. Mày (5) đem bán cho hàng thịt, thiệt là thâm hại thiết tha, thâm thù chẳng lúc nào quên, hỏi chủ còn bán được nữa?

(2). Mạn: Khinh mạn, khinh khi, coi thường.

(3). Chữ nó ở đây không rõ nghĩa, ta hiểu nó là con chó. Ở trang 17b nó là con trâu...

(4). Chữ *mày* này làm cho câu văn tối, không đúng là văn mô tả, cũng không đúng là câu đối thoại!

(5). Cũng như chữ *mày* ở trên đáng lẽ là chữ *nó*!

Sai viên lại phải can gián, nói rằng tội nó đã đành, để đem tra hỏi phân minh, rồi sẽ báo thù mới phải. Khi ấy trâu bò nghe biết, dẹp ra hai dãy bên đường.

Bồng đầu đàn ngựa xông vào, thét chưởi Lưu Kinh tề tặc. Kiếp trước nó vì ở ác, phải đày làm giống súc sinh, cỡi nó đánh nó chẳng thương, dong ruổi làm què chết nó, bây giờ cam tâm báo lại, chẳng cho đi nữa mà đi.

Sai viên sợ chậm việc quan, giận quở (18a): ‘Chúng mày vô phép, việc quan có chừng có hạn, chậm đi tội vạ chẳng chơi, quở rồi lại dỗ (6) hăn hoi, đàn ngựa mới lui về hết. (18b)

Lưu Kinh vừa đi vừa khóc: ‘Sao mà gặp những oán thù, có hay nông nổi thế này, thà nhịn miếng ăn hớp uống, **quá khẩu thành tàn mậy chốc (7)**, việc chi mà chịu tội này, trách mình chẳng nghe hiền thê, hỏi lại bây giờ sao được, xin quan Sai viên cứu với, tạ người muôn lượng hoàng kim.’

Sai viên cả giận thét rằng: ‘Thằng này quen như trần thế, động đến chạy tiền chạy bạc, mong kịp thoát tội dương gian, Âm ty giăng bủa lưới trời, mày ác đồ mậy chạy thoát, vàng bạc đây xem như đất, chi lòng kính trọng thiện nhân, mi sao ở ác chẳng chừa, hãy nói vàng mua được mang?’

Liền khiến quân cầm roi sắt, đánh chân giục giã đi mau. Đường đi đến đài Vọng hương, đài ấy vừa cao vừa sáng, trông được hương quê trần thế, đặt tên là đài Vọng hương, xưa nay những người thác đi, quỷ tốt dẫn hồn lên đó, cho thấy rõ làng rõ nước, mới hay (8) đã thác về Âm. (19b) Lưu Kinh đến đây leo lên, trông thấy cửa nhà làng nước, than thở vừa trông vừa khóc, trách thân còn dám trách ai, chẳng tu lên cửa Thiên đường, vì ác phải vào Địa phủ. Càng thấy quê hương càng tiếc, trông lâu chưa chịu dời chân, Sai viên nổi giận đùng đùng, roi sắt đánh cho vô số, Lưu Kinh vội vàng dời bước. Dần dần qua núi Thiết Vi, núi làm những sắt vây ngoài, có cửa mở ra ngăn lại, trong ấy những là ngục thất, tội nhân giam chấp nhiều người, tù ấy những tù đợi tra, nên chưa giải qua các điện, Sai viên giục Lưu Kinh chạy, lại qua một cửa

(6). Dỗ: Năn nỉ, giải thích.

(7). Thức ăn qua khỏi miệng thì mau thành thứ ô uế.

(8). Trang 19a hình Thành hoàng bộ hạ dẫn Lưu Kinh đến Vọng hương đài. Trên đài Vọng hương không có người tốt

quỷ môn, tên gọi là Quỷ Môn quan, nơi ấy âm dương giáp giới, có đặt cửa ra phân biệt, cũng như cửa ải trần gian, Sai viên vào trước trình tờ, Quỷ tướng thêm quân hộ giải, qua cửa dẫn vào Địa phủ, có tòa Nhứt điện đại vương.

Tiết thứ 8: (21a)
Sai viên dẫn nhập Nhứt điện,
Đại vương tra hỏi Lưu Kinh (9).

Sai viên đến chực cửa điện, môn quan nhận tờ vào nạp, một chốc thấy quan võ tướng, đem mười quỷ sứ chạy ra, nhận tù áp điệu Lưu Kinh, dẫn vào trước sân phủ phục, liếc thấy đứng châu nhiều lớp, đầu trâu mặt ngựa uy nghiêm, bỗng nghe tiếng thét sấm vang, thấy Đức Đại vương ra ngự, truyền xuống Phán quan tra hỏi: ‘Lưu Kinh ở đời làm gì, đến đây thiện ác phân minh, chớ có nói gian thêm tội!’

Lưu Kinh tâu rằng: ‘Từ bé nhờ cha nhờ mẹ, tư cơ (10) cũng có ít nhiều, chỉ niệm ở đức ở nhân, tô tượng sửa chùa bố thí, cùng với vợ là Trương thị, tu hành trai giới đã lâu, thiết tình chẳng dám đơn sai, xin đức Đại vương thẩm thứ, tha cho lại về dương thế, thực là cảm đức cao sâu.’

Bấy giờ: Phán quan đem sổ tra ra, Lưu Kinh tội nào cũng có. Hãy kể sát sanh một tội, lục súc với loại cá chim, chín ngàn tám trăm bốn mươi, oan mạng biên đây trong sổ. Lại tra đến sổ thọ yểu, Lưu Kinh nhẽ bảy mươi ba, vì chung sát nghiệp đã nhiều, đánh bót còn mười năm nữa, lại tra (21b) đến hào tử tức, Lưu Kinh nhẽ được một con, vì chung oan uổng loài sanh, sát khí lấp đường sanh khí, vãi lại khoảnh độc hà khắc, cho nên bắt tội cô hồn (11).

Lại tra điều thiện Lưu Kinh, việc thiện mà tâm thời ác, cũng có cúng dường bố thí, cũng có cầu quán điện chùa, [thiện] mà lấy của bất nhân, diên đảo lừa thặng tráo đầu, Thần Phật Ngài không sá chúng, cũng không kể thiện được nào, ăn chay mới được một năm, chẳng qua miễn cưỡng nhịn miệng, bụng dạ vốn không thành thực, sau lại phá giới khai trai.

(9). Trang 20a hình Nhứt Điện tra hỏi Lưu Kinh. Trang 20b hình các hình phạt ở địa ngục: xẻo thịt, cưa thân...

(10). Tư cơ: cơ nghiệp.

(11). *Bắt tội cô hồn:* Bắt phải làm thân cô độc, khi chết chẳng được đơm quai.

Lại tra sổ chép năm xưa, Trương thị có lời mật khẩu, Mươi điện có sai hai tướng, vào nhà người ấy bảo cho, chẳng hay (12) người ấy quật cường, thấy mộng rằng không bằng cơ.

Lại tra sổ Phong Đô chép, Lưu Kinh từ ngày dâng hương, hiển cho báo ứng rõ ràng, người ấy dường đã biết sợ, nhưng cũng nể lời Trương thị, thiết không có chút thiện căn, khi sau Trương thị lên Tiên, người ấy lại quên nét cũ.

Bây giờ Ngài mới lời đình (13), phán (N.sai) quở Lưu Kinh: ‘Sao dám (22a) làm vậy, đã không biết đạo làm người, đã chẳng nghe lời Trương thị, thần thánh còn thương mới báo, có sao mà chẳng sợ lo, ác tâm ác sự ác ngôn, biên chép đã đầy trong sổ, đến đây mà còn dám dối, đưa về lại quấy trần gian.’

Lệnh truyền đánh bốn mươi côn, bỏ ngục Vô Biên làm tội, bắt nó ba năm chịu khổ, để cho biết tội gian khi, bao giờ hạn mãn cho ra, phát vãng sang tòa Nhị Điện.

Khi ấy lệnh truyền hòa tóc, các quan võ sĩ áp vào, tức thời lôi tóc Lưu Kinh, búa sắt dùi đồng theo đánh. Áp giải bỏ vào trong ngục, gọi tên là ngục Vô Biên, khảo tra chẳng biết ngần nào, người ấy xương tan thịt nát, hồn đã chết đi phiêu bạt, nghiệt phong gió thổi lại hoàn, hoàn hồn lại đủ thịt xương, khảo đánh lại làm cho chết, muốn chết cũng không chết được, sống thời chịu khảo chịu đau, đau cùng (14) hồn lại chết đi, gió lại thổi cho sống lại, sống lại chết đi mãi mãi.

Ghê thay hình pháp dữ dằng (15)!

Lưu Kinh chịu tội ba năm, mới được (22b) tha ra khỏi ngục, vừa mới nghỉ ngơi một chốc, lại nghe có lệnh phán truyền, quỳ bình lại trói Lưu Kinh, áp giải sang tòa Nhị Điện (16). (Hết Tiết 8)

(12). *Chẳng hay*: Chẳng may, điều xấu là...

(13). *Lời đình* 雷霆: Quá giận, từ thành ngữ *lời đình chi nộ*. Ta nói nổi giận/nổi trận lời đình.

(14). *Đau cùng* 痲痛: Đau đến tuyệt cùng, đau quá sức chịu đựng.

(15). *Dữ dằng* 與扛: HTC viết dữ **dằng**, chữ Nôm ở đây cho thấy điều đó. Các tự điển khác đều viết dữ dằn. Hay là trường hợp này ta đọc *dữ dằng*?

(16). Trang 22b hình trừng phạt ở Địa ngục.

Trang 23a hình các hồn trình diện tòa Nhị điện để được xét xử.

Tiết thứ 9: (23b)

Quý tốt giải vào Nhị điện, Đại vương phán hỏi Lưu Kinh.

Quý tốt đến tòa Nhị điện, Đại vương đương buổi ngự triều, môn quan nhận nộp công văn, vâng mệnh giải tù vào trước, ngài khiến Phán quan tra hỏi, bảo rằng thú thật khoan cho.

Lưu Kinh tâu rằng: ‘Tiểu dân thật phải oan tình, xin Đức Đại vương xét lại. Từ bé có tiền có gạo, chỉ đem làm đức làm nhân, có đâu những chuyện vi phi, mà chép mà biên vào giấy, chẳng qua Thành hoàng bản xứ, tiểu dân chưa cung cấp chi (17), cố đem giải nạp của Ngài. Yêu nên tốt ghét nên xấu.’

Đức Đại vương thoát nghe lời ấy, lời đình tay vỗ án thư, rằng: ‘Mày là giống yêu ma, sao dám nói càn đến thế, mày nghĩ điều ác trong bụng, Tam thi (18) đã chép cho mày, mày làm mày nói điều chi, Trạch thần cũng chép biên cả, Tư mệnh Táo quân cũng biết, Bách thần vãng quá cũng biên, trên thời Nhật nguyệt sáng soi, dưới thời Thổ địa chứng kiến, chẳng những Thành hoàng (24a) một sớ, sao mày dám nói làm vu (19), tội mày bằng núi bằng non. Hãy kể mười điều đại ác, liền khiến Phán quan cầm sớ, kê mười điều ấy nó nghe.

Một điều là: say rượu đánh (chết) gia nô, nó chết oan hồn còn đó, hiện ở trong thành Ủng tử, chờ cho báo oán mới đi.

Hai điều là: có đũa vỡ nợ gạo mày, phải làm muông chó giả nợ, mày sai gia nô đánh chết, hiện ở thôn Dã Cầu kia.

Ba điều là: Có đũa nợ tiền của mày, phải kiếp làm trâu giả nợ, bán cho hàng thịt giết nó, hiện còn chực ở Ngưu Thôn.

Bốn điều là: Có đũa vay bạc của mày, chẳng giả phải làm kiếp ngựa, dong ruổi đánh vào bụng nó, sa chân nó phải chết đi.

(17). Chưa cung cấp nghĩa là chẳng có cúng kiếng gì.

(18). Tam thi 三尸: Nguyên chủ tam thi là ba thần ở tam tiêu con người: Bành kiêu, Bành cư, Bành chất.

(19). Lâm vu 誣: Cáo gian.

Năm điều là: Sát sanh cho thích khẩu mày, đãi khách đẽ (?) làm thể diện, chưa hẳn khách kẻ ân huệ, loài sanh luống chịu oan hồn, chín ngàn tám trăm bốn mươi, chực mày ở thành Uông tử.

Sáu điều là: Tham lợi quên nghĩa, cân nặng đầu nhẹ đảo điên (20).

Bảy điều là: Bụng những dao gươm, khéo nói (24b) ngọt như đường mật.

Tám điều là: Quả mây mắng gió, Chưởi người đến tổ tiên người.

Chín điều là: Kiêu ngạo hung dữ, bạc hạnh tư tà nhà [?, chữ đọc chưa ra].

Mười điều là: Khai trai phá giới, chẳng có một chút thực tâm.

Kẻ xong đại ác mười điều, Lưu Kinh trợ trợ chẳng nhận.

Đức Đại vương phán rằng: ‘Nó là thằng quỷ vạ ác, quen thân dối miệng dối lòng.’ Truyền đánh bốn mươi thiết côn, bỏ hai cửa ngục làm tội. Bảy giờ thần tướng tức thờ áp giải, bỏ ngục Bạt Thiệt góm thay, nung kèm lôi lữi ra ngoài.

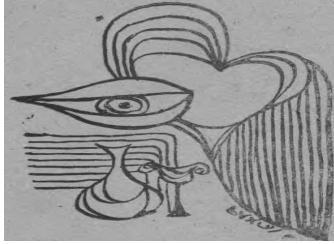
Vừa cắt vừa gọi vừa hỏi, Lưu Kinh: ‘Mày chẳng dối nữa, mày chẳng ngoa miệng chưởi càn, mày chẳng rượu thịt say sưa, mày chẳng nói khôn khéo nữa.’

Lưu Kinh chịu đau chẳng được, linh hồn lại chết bật đi. Nghiệt (21) phong thổi lại hoàn hồn, miệng lưỡi hình thù lại hiện, ấy ngục Bạt Thiệt đã thăm, lại còn sang ngục Hàn Băng, hàn băng giá lạnh hơn đồng, thấu đến [N. quá mờ, không đọc được] gân tủy, Lưu Kinh thấy mà run khiếp, đứng lâu chẳng dám (25a) bước vào, quỷ binh nổi giận ùng ùng, trói cả tay chân quăng bỏ, Lưu Kinh phải vào ngục ấy, xót xa khổ sở muôn phần. Khi thời giá ngập quá đầu, khi thời giá cao ngang mắt, trong giá vô vàn sâu bọ, vào tai vào mũi cắn no. Lưu Kinh miệng lại trách mình, ngục này là tội hà khắc, rít ráo với người chẳng bỏ, thăm thê lại mắc vào mình, ngục đầu làm khổ dường này, ngừa mặt lên trời mà khóc, khóc chán lại giận lại oán, nào ngờ xung động lên mây. (Hết tiết 9)

[mời xem tiếp kỳ 3 trên VHVN số 76- mùa xuân 2017]

20). Buôn bán gian lận thì có tội, buôn bán bằng những thứ hóa chất tạp phẩm càng tội hơn, buôn dân bán nước thì tội thế nào?

(21). Bản Nôm viết chữ 業 *ngiệp*, trong khi ở tất cả các chỗ khác đều viết 孽 *ngiệt* (phong).



TÙNG NGUYỄN

ÂM HƯỞNG MÙA THU

*Mỗi năm lại một mùa thu
Heo may hòa với lời ru lá vàng
Bỗng nhiên lòng thấy bàng hoàng
Nửa say với mộng nửa mang mang buồn...*
(xb.)

Vàng, những ngày như mới đầu đây, nói thế chứ thực ra cũng đã trên 40 năm qua, tại quê hương miền Nam hai mùa mưa nắng, không hẳn là không song ít khi ta có được mùa thu đúng với cái thu so với quê hương miền Bắc.

Cái đẹp của mùa thu dường như chỉ thoáng hiện qua cái nhìn tâm cảm của người đối cảnh. Trong thu có hồn thu hay tình thu vương vãi trong heo may gợi nhớ, và lòng se se buồn, cái buồn như không tên, nét buồn lãng mạn của cảnh sắc thiên nhiên và sóng lá vàng rơi trong không gian tĩnh lặng, sắc lá hồng tía như đang tô màu không gian và hình ảnh lá lìa cành như cũng rơi vào hồn người những phiến buồn chia ly, sầu nhớ. Cảnh trời buồn nhưng là cái buồn tình tự yêu thương, nhung nhớ và còn là của mộng mơ, đắm chiều, trầm tưởng...

Nhà thơ Hồ Dzếnh lấy thơ làm hành trang đi vào mùa lá:

Suốt trời hôm ấy thê lương quá

Tóc liễu bờm xồm sóng vỗ hồ

Mây rối trên trời cây rối lá

Giường cô thôn nữ gối chăn xô.

hoặc như những dòng thơ khác của một ai đó:

Nơi tôi còn ít lá lòng

Chiều nay rơi nốt vào trong lá rừng.

Và nhà thơ Đinh Hùng cũng với những dòng tình thu trong chiều vàng:

Từ già hoàng hôn trong mắt em

Tôi đi tìm những phố không đèn

Gió mùa thu sớm bao dư vị

Của chút hương thầm khi mới quen.

Mùa thu không chỉ có lá vàng và gió mùa mà còn ở tiết thu và tình thu; nhờ đó mà thu đã từng mang đến những cảm hứng bất tận cho nghệ sỹ nói chung và các thi, văn gia cũng như nhạc sỹ nói riêng. Những tác phẩm văn chương, nghệ thuật của họ đã chứa đựng những ý nghĩa siêu nhiên và giá trị nhân văn tinh tế mà cuộc sống đã kinh qua những khổ đau, buồn vui, cay đắng, ngọt bùi trên quãng đường đời.

Thu, mùa của sự biến đổi, mùa để ta suy nghĩ về ánh sáng và bóng tối, đó là điều mà Đinh Hùng gửi gắm trong thơ, và về sự mong manh của kiếp người, đồng thời cũng là mùa khởi đầu niên học mới, cũng còn là mùa tạ ơn hàng năm (Lễ Tạ Ơn/ Thanksgiving Day.)

Mùa thu cho ta những chủ đề tuyệt vời của tâm hồn; lạc vào khung trời huyền ảo của mùa thu, người thường có khi cũng còn rung cảm, băng khuâng hướng chỉ là các nghệ sỹ, các nhà văn, nhà thơ. Chẳng thế mà đã biết bao thi, nhạc sỹ thả hồn thơ, hồn nhạc và bao thi phẩm, nhạc phẩm chứa chan tình thu và hương thu quyện trong tình người. Điển hình như ta thấy nhạc sỹ Đoàn Chuẩn-Từ Linh như đã bị mê hoặc bởi mùa thu trong dòng nhạc “Thu Quyến Rũ”.

Thu đến để rồi thu lại đi, luôn để lại nơi lòng người những luyến lưu, tiếc nuối, sầu thương man mác.

Khi yêu nhau thường người ta cho nhau, trao nhau những gì quý giá nhất, thậm thiết nhất, có khi còn là cả cuộc đời. Lãng mạn thay, tình tứ thay, và cũng độc đáo thay, ngày nào đây Hàn Mặc Tử rao bán ‘trăng’ thì lại có người cũng lấy của thiên nhiên trao cho người yêu như nhà thơ Kim Tuấn:

Anh cho em mùa xuân

Mùa xuân này mới nở

Lộc non vừa trảy lá....

Còn nhạc sỹ Ngô Thụy Miên từ nửa thế kỷ trước đây đem cả mùa thu tặng người yêu qua nhạc khúc “Mùa thu cho em” với những lời tình ta nghe tác giả trao yêu nào là:

Mưa giăng lá đổ...

Nai vàng hát khúc yêu thương...

Và rồi khi mùa thu tới:

Mang ái ân mang tình yêu tới...

và:

Em có nghe hồn thu nói...

Mình yêu nhau nhé....

Những khung cảnh tình trên quê hương những ngày trước kia, dịp tựu trường vào mùa thu, trên những con đường như Duy Tân, Hiền Vương, Nguyễn Bình Khiêm v.v., nơi cổng trường Gia Long, Trưng Vương, Nguyễn Bá Tông, Hưng Đạo chẳng hạn thường thấp thoáng bóng dáng những ‘cây si’ đến đón đưa bạn tình, có khi cũng chỉ là để ngắm nhìn cho thỏa mắt nghệ thuật tình yêu, yêu vẻ đẹp...., chẳng thế mà nhà thơ Nguyễn Thị Lệ Thanh đã viết những dòng tình thơ “Trưng Vương khung cửa mùa thu” và nhạc sỹ Nam Lộc đã phổ thành bản tình ca diễm tuyệt.

Mùa thu là mùa tình cũng lại là mùa chia ly, già từ có khi ngọt ngào xen lẫn buồn ngủi để rồi khúc nhạc nghe nghẹn ngào trầm lắng, xa xăm... chỉ còn:

Nắng vắn vương nhẹ gót chân

Trưng Vương vắng xa anh rồi

Mùa thu đã qua một lần

Chợt nghe bâng khuâng...lá rơi đầy sân.

Thu đi rồi, đi như trong giấc mơ, người yêu thu còn ngán ngơ trong giấc mơ gọi thầm, “Gọi mùa thu mơ”. Chỉ là gọi trong mơ theo chiếc lá cuối cùng nghiêng mình trong không gian chiều như vẫy chào...

Nhạc sỹ Phạm Anh Dũng trong những dòng tình ca cho thu:

Anh gọi mùa thu mơ

Một sớm thu sương mờ

Nai vàng đập trên lá

Bước từng bước xa xa...

Đó là lời gọi trong mơ, còn với những tiếng rì rào của gió thu như những khúc hát ru nhẹ nhàng như hơi thu ru tình vào thu như lời ca trong tình khúc của Từ Công Phụng:

Ru tóc em xuôi nguồn

.....

Cầm tay em nhìn sao không nói...

Rồi nữa, cũng từ phương trời Gia Nã Đại, nhạc sỹ Mai Đức Vinh cũng đã dạo cho nghe khúc tâm tình vẫn vương của người con gái trong giấc mơ thu qua những dòng thơ Phạm Anh Dũng :

*Này em nhé mắt nâu qua rừng thu
Trong bóng thời gian nhá tiếng sương mù
Chiều rơi lá chín thương em hương lụa
Anh nhặt thu về xây tím áng thơ
Chiều sao hoang nắng vàng phai sắc lá...*

Và một chiều vàng nào đó, từ quê hương tình yêu, Đà Lạt, hương tình quyện trong gió mùa của những ngày bên nhau, giờ chỉ còn là kỷ niệm đong đầy những ‘nhớ rơi’ ...

*Lâu rồi em có nhớ tôi
Lâm Viên gió quyện ngọn đồi tơ duyên
Trời thu hôm ấy còn nguyên
Trong mơ ước cũ mộng huyền hôm nay
Mùi hương từ tóc em bay
Hồn thơ anh nhiễm từ ngày em xa
Mùa thu xứ lạnh trắng tà
Biết em còn nhớ gió Đà Sơn xưa?!*

(xb.)

Để rồi một Phan Bá Chúc, hồn nhạc thối thúc, cũng đã viết thành tình ca cho những dòng thơ:

*Tôi có em chiều thu
Chiều phai mây trắng trôi
Trôi qua dòng đời muôn phiên
Chiều nay tôi thấy em gọi nắng lên...*

Những mùa thu xưa biết bao êm đềm, biết bao tình tự, đã qua rồi những mùa thu yêu thương. Ngày nay nơi hải ngoại, sau 1975, nói đến thu, chỉ còn là tiếc nuối, ngậm ngùi cho thu quê hương. Trước cảnh quê mẹ lầm than, điêu đứng như có người thơ đau nhức những dòng tâm tư:

*Trời buồn thấp ngọn mù đêm
Oan khiến khoảng tối lại thêm mưa hờn
Bao nhiêu giọt đặng nguồn cơn
Rơi theo hiu hắt về đóm khoang đời
Gió thu ngơ ngác không lời
Trâm gậy thao thức canh đời thế nhân
Đêm đêm ngòai đếm phong trần
Đùi hiu khép lạnh se tàn dáng thu!*

Nhạc sỹ Ngô Thụy Miên như cũng đã chia sẻ nỗi buồn thời đại ấy qua nhạc khúc “Thu Sài Gòn”:

*Em hỏi anh mùa thu Sài Gòn
Nắng còn vương vương trên hàng phố vắng
Em hỏi anh mùa thu Sài Gòn
Nước mắt bây giờ còn như mưa tuôn...!*

Rồi từ đó những mùa thu xa xưa, năm cũ còn đây kỷ niệm vui trong ký ức, những tưởng nhớ không chỉ dành cho bè bạn, cho người tình v.v., mà sâu xa nhất còn là quê cha đất tổ với những cảnh tình thâm sâu từ bao thế hệ nên đã có người thốt lên tâm tình:

*Gọi tên nhau khi chiều đến
Mây thu vấn vương đan ngập lối đi...*

Tâm trạng người ly hương mỗi độ thu về như ta nghe qua nhà thơ Cung Trầm Tưởng trong bài “Mùa thu Paris”:

Mùa thu Paris, trời buốt ra đi

.....
*Ngồi quen ghé đá
Không em buốt giá từ tâm
Mùa thu nơi đâu
Người em mắt nâu
Tóc vàng sợi nhỏ*

Chờ mong em chín đỏ trái sầu....!

Nếu như nhạc sỹ Phạm Trọng Cầu cảm nhận mùa thu với niềm sâu thương thì ngược lại ta nghe Phạm Anh Dũng những lời tích cực, lạc quan hơn qua bài “Mùa thu về chưa em nhi”:

*Này yêu dấu mùa thu về chưa nhi
Gọi mây trôi em thả tóc bay đi
Hạt long lanh rơi nhạt lá thay màu
Tình xanh biếc xanh màu đôi mắt nâu...*

Từ bên đây bờ Thái Bình Dương có người ngồi trong quán cà phê Starbucks tại một nơi nào đó trên đất Mỹ tránh sao khỏi nhớ về một Givral hay La Pagode ở Sài Gòn xưa. Dù ở đâu, phương trời nào, người ly hương với nỗi buồn lưu vong vẫn thấy rung cảm với lời ca trong nhạc khúc “Thu Vàng” của Cung Tiến.

Có lẽ trữ tình với nàng thu hơn lúc nào hết có thể nói trong lời ca nhạc bản “Thu hát cho người” của Vũ Đức Sao Biển:

*Giòng thu nào đưa người tình đi biển biệt
Mùa thu nào đưa người về thăm bến xưa
Ta vẫn chờ em dưới gốc sim già đó
Để hái dâng người một đóa dâm tương tư.*

Thu buồn trong “Giọt mưa thu” của Đặng Thế Phong, một tình ca bất hủ mà ta đã từng nghe mỗi độ thu về và bây giờ xin cùng nhau nghe nhạc sỹ Lê Quang trong tình ca “Mùa thu dưới mưa” để nhớ những nụ hôn đầu và bóng dáng người yêu trong bóng chiều thu:

*Một mùa thu anh đứng trong mưa
Chờ em lá rơi vàng đầy sân....*

Nỗi niềm bơ vơ là những gì thường gắn liền với mùa lá rơi, cỏ cây vàng úa dâng sầu lòng người:

*Mùa thu không em anh buồn một mình
Cỏ hoa xanh xao chết từ ngày nào...*

Thế rồi qua dòng thơ trữ tình của Phạm Ngọc, nữ nhạc sỹ Nguyễn Linh Chi đã phổ thành tình ca nói lên tâm cảm của nhà thơ với tình thu:

*Vật nắn cuối chạy quanh dây phở
Tiếng thở dài chiều nghiêng mình*

.....

*Chốn hư vô ai ngồi xóa tóc
Đêm loài nai lạc cả lối về...*

Nếu trong rừng thu có những con nai lạc lối trong niềm nhớ thì trên trời cũng có những vì sao lạc, và chim trời ngơ ngác ngừng bay và những dòng tình thơ của người mang tâm trạng lạc lõng bơ vơ trong chiều:

*Một người hôm ấy lang thang
Tìm trong Hà Nội áo vàng tay lơ
Lạc mình trong những chơi vơi*

*Lạc người ngay giữa những nơi hẹn hò
Sương thu vời vợi giăng mờ
Chiều lên ngơ ngác bên bờ sông đêm
Lá rơi thao thức khoang thềm
Tiếng chim gai gỏi vào đêm quên về...!*

Nhạc sỹ Anh Việt Thu trong ca khúc trữ tình với những lời ca vương vấn tình thu:

*Người về một mùa thu gió heo may
Về đâu có nhớ chẳng những vì sao long lanh
Đưa tiễn người đêm không trăng
Nói sao nên lời
Lòng buồn như chiều rơi...!*

Mùa thu có heo may gợi buồn và giọt mưa rả rích canh khuya, ta còn có sương mù giăng kín không gian, tỏa xuống hồn người, hồn thơ, hồn nhạc những ý tình huyền ảo pha màu tình tự dân gian.

*Hôm nay trời mù sương
Cơn gió lạnh vô thường
Bay ngang vùng cửa số
Đạt vô hồn viễn phương.
Cái lạnh như không lời
Mang theo sóng vọng đời
Trôi trên vùng ảo giác
Pha sương bóng một người...*

(xb. – Sương thu)

Nhạc sỹ Văn Phụng cũng đã hơn một lần cho ta nghe những tâm tình từ trong hồn người:

*Sương thu xuống rồi
Trên núi đồi dưới biển khơi
Sương thu trắng ngần
Đang xuống dân
Khấp trần gian mơ hồ
Sương xuống rồi
Trên mắt người ướt làn môi
Mơ màng trên áo chàng
Vương tóc nàng sương thấm tràn....*

Sương thu là thế, những chiều mờ sương có khi và có những người trong chúng ta đôi lần nhớ về miền quê hay một thành phố núi như Đà Lạt, Pleiku, hay Ban Mê Thuột chắc thấy lòng bùi ngùi nhớ nhung những gì một thời đã qua, một thời để nhớ như có người thơ đã trải lòng mình trên những dòng tình tự:

*Chiều lên trong khói sương mờ
Gió thu len lén hôn vờ má em
Ơ hờ mái tóc buông rèm
Ủ cho hơi ấm thành men mong chờ
Gió quê gọi trúc ven bờ
Em tôi thao thức trong giờ nhớ khuya.*

Mây mùa thu như biêng trôi, như ngập ngừng nỗi nhớ về xa, màu mây xám xám nét trầm tư nên người thơ đâu đó có những dòng tâm tư sâu lắng:

*Tháng Chín mùa thu
Có mây mù giăng
Màu mây loang phủ
Những đêm mờ trắng
Một người không ngủ
Làm thơ thiếu vắn
Gõ vào ngón nghĩ
Còn mỗi phân vân...*

Còn với nhạc sỹ Trường Sa, không sương mù thì thay vào đó lại là những mây mù.

*Trời mùa thu nhiều mây
Còn bước em đi quên về
Vòng tay ôm lẻ loi
Cho mình còn mãi thương nhau...*

Nếu như Cung Trầm Tưởng đưa ta về với thu trời Âu thì trong những dòng nhạc của Hoàng Thi Thơ, nhạc sỹ lại đưa ta về khung trời thu Á Đông với tình khúc “Mùa thu Đông Kinh”:

*Lạc trong Đông Kinh
Vừa khi mùa thu gieo thương nhớ*

.....
*Trong ánh nắng ngõ ngang
Xao xuyên lá thu vàng.....*

Với Hà Nội xa xưa, thu đã gọi cho ta biết bao tình tự quê hương tưởng như bất tận. Một Hà Nội của Mai Thảo, của họa sỹ Bùi Xuân Phái v.v., có thể nói Hà Nội là mùa thu và mùa thu là Hà Nội, Hà Nội mùa thu:

*Cây cơm nguội vàng
Cây bàng lá đỏ
Năm kẻ bên nhau
Phố xưa nhà cổ
Mái ngói thâm sâu*

.....
*Mùa hoa sữa về thơm từng ngọn gió
Mùa cỏm xanh về thơm bàn tay nhỏ...*

Phố cổ ngày cuối thu những chiều sương phủ, ngày xưa ấy cô gái Hà thành áo nhung choàng khăn tím đếm bước chân chiều trên phố cổ, quanh bờ hồ, gọi lên bao tình tự khó phai mờ. Thơ của Phạm Chung vương theo cánh nhạc Phạm Anh Dũng đã nói lên những niềm thu cảm buồn thương:

*Có phải mùa thu đã qua
Em lang thang qua phố phường Hà Nội
Mặt Hồ Gươm em soi đời u tối
Mùa cỏm hồng không đợi
Em nhớ ai mà mưa bụi bay...!*

Và rồi với nhạc sỹ Trần Quang Hải, một sự so sánh rất ư tình ý khi tác giả cho rằng tình yêu cũng theo thời gian như chiếc lá – thuở ban đầu xanh tươi mơn mớn rồi dần dần ngả sang vàng úa theo những duyên cờ bẽ bàng và rồi lờ làng như chiếc lá rơi...

Trong kiếp đời phù du, thu có đẹp, thu có buồn, và thu có tình v.v., nhưng rồi thu cũng qua đi như nhạc sỹ Văn Cao đã viết trong “Buồn tàn thu” và rồi tình cũng hư không như lời ca trong tình khúc “Mùa thu trong tình ca Việt Nam”

*Chiều thu mưa vẫn rơi
Nhạc thu rung nắng phai
Nhật nhòa cuối trời
Rồi em theo gió bay
Tình em như bóng mây
.....
Ngàn thu mây vẫn bay*

*Dù mộng không đầy
Mùa thu cơn gió không lay
Hồn thu đưa lá bay
Tình ta như sắc không
Tình là hư không.....!*

Những buổi chiều thu da trời pha màu tím gợi buồn trong lòng người xa xứ. Những phút cô đơn ấy, sau khi đếm bước lang thang, một mình trong quán cà phê thả hồn trên sóng tình gợn gợn âm ba vừa như mơ hồ vừa như ray rứt trong tiếng thơ của người thơ Hư Vô thiết tha trong dòng nhạc Phạm Quang Ngọc:

*Anh giọt cà phê đắng
Em hạt đường chưa tan
Muồm khua vòng đáy tách
Khuấy tình ta trăm năm.*

*Anh lang thang cuối phố
Đếm hạt mưa bay qua
Đếm nỗi buồn ở lại
Em mấy lần xót xa.*

*Giọt cà phê đắng chát
Hạt đường chưa tan hết
Mình đã vội mắt nhau
Bên kia bờ biển lớn
Em ngọt lịm thênh thang
Anh trưa chiều ngồi quán
Uống từng giọt rung rung...!*

tùng nguyên

Nguyễn Văn Sâm *phiên âm và giới thiệu.*

samnguyen20002002@yahoo.com

Toàn quyền **NHÂN QUẢ BÁO ỨNG**

đã in và sẽ kính chuyển đến những vị nào có nhu cầu.

Xin gởi chút ít chi phí bưu điện về:

Ngoc Anh Tran:

12960 High Vista, Victorville, CA 92395

NGHỆ THUẬT



THƯƠNG NGUYÊN

CẢM NHẬN VỀ BỨC TRANH
"ĐI VÀO CUỘC CHIẾN"
CỦA HỌA SĨ JULIA HÀ TRẦN
[THE PAINTING "ENTERING THE WAR"]



VĂN HOÁ VIỆT NAM 75 * 150 * MÙA ĐÔNG 2016

The painting “ENTERING THE WAR” shows:

- The darkness below when the war begins. It progresses upward to victory or conquest as you enter the more lighted area.
- The shadows represent those who are watching and waiting or those who have survived.
- The longer shadows are those who have endured the most.
- The helmets represent the powerful forces that existed and seemingly had a permanent control in the land.
- The brighter area are hope that existed in the land, but had not yet come. It was a ways off. I am not very perceptive about colors and what they may represent other than the brighter vs duller colors.

We enjoyed seeing all your paintings and hope the very best for your future. We will see you again soon. Until then, God bless your day.

Love, **Carol Kelly**.
Wilmington, NC

The painting “ENTERING THE WAR”

* The work reads in a progression from the bottom towards the top.

* It is set in a background of yellow that emphasizes optimism: new beginnings can happen, and do, as the painting describes, and can happen again.

* The painting is both a celebration of winning and a warning that evil can return again!

* The narrative starts at the bottom, with dark heavy black oppression. Turmoil swells and grows, spreading across the bottom. But a massive shape of blue overwhelms upwards into the clouds with hope and peace.

* One of the edges of the blue shape is a swirl of conflicting forces of red, black and blue. Placed center, left-explaining the winning is not simple and easy and complete.

* We have to be continually vigilant against uprising forces that will try and again entry again. The elongated “figures” are poignant and isolated, some have shadows. This is not clear in

meaning to me. Maybe lost souls. Not everyone wins? Some lose, so others may win?

* At the top right is a large flash of joyful red, symbolizing triumph but the warnings is there again in the form of beautiful black lines that link the two separate colors. Just like the swirl of conflicting force in the center of painting. So here at the top are fragments of black.

* Streaking over the blue and red...reminding us that there is always the possibility that evil can return...even if it seems insignificant, be high and tolerable to begin with!

I hope I am not way off in how I see it! Great painting. Very emotional...

With kind regard and wishes for your future success.

Roslyn Hancock,

Where the ART is <http://RoslynHancock.com>

The painting “ENTERING THE WAR”

Autumn is here. The freezing winds, the interlocking rain drops on the window, and babbling brooks flowing alongside the leafy hills around me. It's almost ironic how romantic a rainy autumn day is when you think about how close the season is to the end of the year.

As I sit in the stillness of my house while listening to the pitter-patter of the rain, my eyes suddenly directed to an art painting by the Artist Julia Ha Tran, Entering the War. This piece of art reminds me of older times when I was a younger woman. It's deep and complex abstract style captivates me, and my heart and mind are filled with splendor and sadness. When I looked at the work of art, I think of war, of how war is associated with sorrow, terror, separation, and death, and of the catastrophic consequences of war.

In the painting, a woman looks on expectantly for someone or something.

Maybe she is waiting for her father, her brother, or her husband from the battlefield? Is she a victim of war – a widow in her twenties? Perhaps, the time she spent with her loved one was too short to enjoy the happiness together? With pity, I empathized with the woman in the painting. I felt the heart-wrenching pain of

lost loved ones. I felt the burden on the shoulders of the victim. I felt the despair of a young widow. The woman twisted my heart as I imagined my life as hers. It felt melancholic and empty inside, like a part of me was missing. I looked on, waiting on bated breath for a reunion to happen.

Tears rolling down my face, I looked across the painting and see the silhouette of a soldier with a backpack over his shoulder and helmet beside it. In any battlefield, a lost helmet is a symbol for a wounded soldier. I imagined him as a young boy who may have just finished high school – a newly enlisted private with a face and uniform soaked with blood. Maybe, he had a specialized mission and, though wounded, attempts to complete the mission and his responsibilities even in a near-death situation. I imagined the gunshots noises around him, and the young soldier running to the rescue of his fellow squad members. Maybe, in his mind at that moment, a sense of protecting teammates was too strong for him to forget about his survival?

His patriotism and love for his squad gave him the strength to be a strong, brave soldier in the heat of battle.

Entering the War by Julia Ha Tran draws up a lot of deep emotions concerning the war. Born and raised in southern Vietnam, the artist could have collected the experiences and conflicts of war and painted them onto the canvas, evoking the tragedies separation, of lost loved ones, of patriotism, of bravery, and of strength. I imagine that everyone who gazes upon the painting can see themselves in the picture.

The trickle of rain wakes me from my daydream, bringing me back to the quietness of the house and the realities of the world. I am grateful for the life I've had.

Thuong Nguyen, *Charlotte, NC*

The painting “ENTERING THE WAR”

I see a person with conflict in his mind. The light blue is peaceful but the dark blue and black not peaceful. The red is war. The person is concerned about where he is going and also thinking about his peaceful home. The person is not sure what to expect but knows it is likely dangerous where he is going. I think it is a man,

but it could also be a woman. Also, his peaceful thoughts are being destroyed by the cracks and the red of war.

Jason Allen, Wilmington, NC

CẢM NHẬN VỀ BỨC TRANH “ĐI VÀO CUỘC CHIẾN” CỦA HỌA SĨ JULIA HÀ TRẦN

Mùa Thu đang đi qua. Đông lạnh của gió se sương như báo hiệu cuối năm đã cận kề. Bên ngoài mưa lất phất. Những hạt mưa ngắn dài đan vào nhau làm nhòa cả một vùng trời. Bong bóng nước bông bênh trôi theo con nước chảy quanh triền dốc. Một ngày mưa mùa Thu thật thơ mộng. Tôi chợt xao xuyến khi nhìn bức tranh của nữ họa sĩ Julia Hà Trần trước mặt. Đây là một tác phẩm mang phong cách của trường phái trừu tượng. Tôi rất ái mộ nghệ thuật của hội họa trừu tượng vì nó có tính chất thuần túy thẩm mỹ. Tùy theo cảm nhận nghệ thuật, mỗi người thường lãm tranh có thể phát hiện cái đẹp của bức tranh và của người họa sĩ một cách riêng biệt. Cái đẹp của tác phẩm **Đi Vào Cuộc Chiến** đã chinh phục tôi. Chiến tranh, ngôn từ của đau thương, của kinh hoàng, chia lìa và chết chóc. Dường như người phụ nữ trong tranh đang mong chờ một ai đó. Có thể nàng đang mong ngóng tin tức của người cha, người anh, em trai hay chồng của mình từ chiến trường chăng? Có phải nàng là một nạn nhân của cuộc chiến, một cô phụ đang lứa tuổi đôi mươi? Một chút ngậm ngùi như dâng trào. Tâm hồn tôi chợt giao động khi hình dung những hậu quả thảm khốc của cuộc chiến. Tôi cảm nhận được nỗi đau quằn quại của người cô phụ trong lứa tuổi đôi mươi. Có lẽ quãng thời gian vui hưởng hạnh phúc bên người mình yêu quá ngắn ngủi để giờ này trong nàng chỉ còn một nỗi trống vắng da diết, nỗi mong chờ được đoàn tụ, niềm luyến tiếc và trân quý những ngày giờ bên nhau. Tôi như bị rung động khi cảm xúc được kết quả của niềm mong chờ là sự tuyệt vọng sâu thẳm trước những hung tin từ chiến trận và tương lai là sự bơ vơ không nơi nương tựa của người vợ lính. Giọt nước mắt nóng rơi trên má kéo tôi về thực tại. Tôi nghĩ bức tranh

có sức hút mãnh liệt như nói lên tâm trạng chung về số phận của những người phụ nữ sống trong cuộc chiến.

Bức tranh cũng mang hình ảnh của một người lính với chiếc ba lô mang trên vai và cạnh đó có cái nón sắt. Ngoài trận địa, mất cái nón sắt là hình ảnh của một thương binh. Nhìn anh thương binh này tôi tưởng chừng như gương mặt và quân phục anh đang mặc đầm ướt máu. Lòng tôi quặn đau khi hình dung khuôn mặt người lính trẻ này còn đầy nét thư sinh. Có lẽ anh mới nhập quân ngũ, còn độc thân hoặc mới lập gia đình. Có lẽ anh đang mang trên mình một sứ mạng đặc biệt nên dù thân thể bị thương tích anh vẫn tôn trọng trách nhiệm và cố gắng thực thi trong vòng cảm tử.

Tôi tưởng chừng mình nghe được tiếng sung nổ xung quanh anh và thậm chí đoán được anh là người lính xung phong đi hàng đầu để tiếp cứu đồng đội. Có lẽ trong tâm tư anh, vào thời điểm đó, ý thức bảo vệ đồng đội đã quá mạnh mẽ để anh quên đi sự sống còn của mình. Tình yêu đồng đội, tình yêu quê hương đã khiến anh nên cang trường, vào sanh ra tử.

Tác phẩm **ĐI VÀO CUỘC CHIẾN** của nữ họa sĩ Julia Hà Trần đã vẽ lên thật sống động những mẫu chuyện thật về chiến tranh. Sinh ra và lớn lên trong miền Nam Việt Nam, có lẽ nữ họa sĩ đã trải nghiệm những bi thương quặn thắt của cuộc chiến nên tác phẩm đã gợi lên những nét đặc thù của những thảm cảnh chung trong chiến tranh. Đó là sự chia lìa, con mất cha, em mất anh, vợ mất chồng. Đó cũng là tình yêu quê hương, tình cảm đồng đội, trách nhiệm và ý chí cang cường của người lính. Người thương thức tranh có thể nhìn thấy chính mình trong tranh. Đây là cái đẹp của ngành hội họa trừu tượng.

Con mưa đã dứt. Tôi trở về với thực tại hồn còn ướt mềm như nhánh lá trước sân nhà.

Thương Nguyên

Charlotte, NC

Bức tranh **“ĐI VÀO CUỘC CHIẾN”** của họa sĩ Julia Hà Trần là bức tranh nói lên được rất nhiều điều mà người thường lắm có thể cảm nhận được. Dưới góc nhìn của một người chưa từng chứng kiến chiến tranh xảy ra mà chỉ được nghe kể lại nhưng tôi cũng có thể mừng tượng ra được sự tàn khốc của nó. Trong bức tranh này tôi nhìn thấy những điều sau:

- Hình nền màu vàng đất nhạt là sự thể hiện màu da của quê hương đất Việt. Bức tranh bắt đầu được nhìn từ dưới dần lên trên đỉnh. Khối đen trĩu nặng tình đồng loại. Là sắc màu của đau thương, tang tóc. Là những chuyên quân hành thâm lặng hay những nhiệm vụ bí mật. Là bóng đêm. Là sự thử thách...

- Màu xanh dương đậm nói lên cuộc chiến diễn ra cả ngày lẫn đêm. Là màu của hy vọng, của lòng mong đợi hòa bình. Màu xanh dương nhạt dần dần lên trên thành bầu trời với rất nhiều mây trắng biểu hiện lòng khát khao hòa bình và có thể đã có bình yên khi ngừng bắn trong những trường hợp nào đó...

- Màu trắng là màu của tang tóc, già nua, minh bạch, màu của sáng tỏ... Và màu xám là màu của sự buồn bã...

- Hai chiếc nón sắt, một ở gần và một ở xa chỉ ra rằng cuộc chiến khi ở gần khi ở xa. Chiếc nón sắt úp trên mặt đất như muốn nói lên rằng người chiến sĩ chiến đấu cho đất mẹ.

- Hai người lính, một người ở gần một người ở xa nói lên thế hệ con em tiếp bước thế hệ cha anh cùng lên đường phục vụ cho quê hương.

- Bóng người phụ nữ đứng ngóng chờ tin vui, chờ đợi người chiến sĩ trở về. Người chiến binh có thể là cha, là chồng, là anh, là em trai hoặc là người yêu. Người hậu phương đang mong chờ người ngoài mặt trận.

- Màu đỏ là màu của chiến tranh, màu của lòng can đảm, màu của sự chiến thắng và cũng là màu may mắn nhưng nó cũng là màu của máu đổ vì sự ác liệt của cuộc chiến.

- Năm lần màu đen khúc khuỷu giăng ngang bức tranh như biểu hiện sự sắp gãy đổ hoặc sập xuống bất cứ lúc nào. Chúng nói lên khi chiến tranh xảy ra thì không chừa một ai.

Ngắm nhìn bức tranh, tôi đã suy nghĩ rất nhiều điều. Tôi thấu hiểu được thế hệ đi trước đã phải trải qua những tháng năm kinh hoàng như thế nào. Hòa bình và có được cuộc sống bình thường là vô cùng hạnh phúc. Hy vọng sự thưởng thức và cảm nhận của tôi gắn với ý tưởng của tác giả.

Don Nguyen
Wilmington, NC



NGUYỄN THỊ GẤM

(Boston - Massachusetts)

THUẬN THỐI, CON ĐƯỜNG KỶ NIỆM

Nắng chang chang, mặt trời như đổ lửa xuống con đường trải đá xanh chưa cán lờm chờm, không một chiếc xe, không một bóng người ngoài mẹ con tôi. Con đường đất đắp quanh co uốn khúc dài từ đường cái chạy giữa những đám ruộng vào tận những căn nhà lá lụp xụp núp dưới những đám dừa bất động thật tí tít mù xa. Ruộng lúa đã gặt hết rồi nên chỉ còn những cánh đồng trống trải hai bên bờ lộ, cảnh vật trông buồn bã vô cùng.

Tí hỏi: – Má à , mình đi đâu vậy má?

– Má con mình đi tìm nhà của Bà Tư Lê, bà ở Thuận Thối.

– Sao mình không đi xe cho mau hả má?

– Má không biết là bây giờ chỉ có một chuyến xe đi và về vào buổi sáng mà thôi vì vậy má con mình phải đi bộ, mình phải tìm cho ra bà Tư Lê để bà giúp cho ba con được thả về với má con mình.

Tí yên lặng, nhắc tới ba nó được thả về là nó vui lắm.

Tôi nặng nề bước đi, tay dắt con, tay xách một giỏ đầy ắp quà, mồ hôi tươm ra đầy trán song tôi nghĩ chắc chắn thế nào Bà Tư cũng giúp cứu Tân ra khỏi cái trại tù (người ta gọi là trại cải tạo) nên tôi không còn cảm thấy mệt mỏi nữa.

Mấy năm trước đây Tân được biết bà Tư Lê và được bà coi Tân như một vị ân nhân đã cứu sống bà trong một chuyến đi chợ ở Thanh Mỹ Hưng, chuyến đi chờ khảm lại bị một cơn gió lớn nên chìm ở ngay đầu vàm, Tân đã kéo được bà Tư vào bờ trước khi con đò chìm vào đáy sông.

Từ ngày đó ông bà Tư Lê kết thân, thường đến thăm hỏi hay quà cáp khi Tết đến.

Khi biết được cháu của bà Tư là người có quyền thế, coi trại tù của Tân nên tôi dắt con đi tìm bà.

Nhờ nhiều người đi đường chỉ dẫn, má con tôi đã tìm được nhà bà Tư Lê vào lúc xế chiều. Nhà bà ở tận trong ruộng sâu, trước nhà bà là một con rạch nhỏ chừng ba thước bề ngang, cây cối um tùm, dừa nước hai bên bờ che gần hết con rạch. Ông bà Tư mừng rỡ vì không ngờ tới giờ này mà còn gặp lại tôi.

Sau khi thăm hỏi tôi nhờ bà Tư cố gắng giúp cho Tân thoát nạn.

Bà Tư cười nói vui vẻ:

– Tôi phải trả ơn cậu Tân đã cứu mạng tôi, mợ đừng lo. Thăng Mười Một nó nghe lời tôi lắm, đi, đi, mợ đi theo tôi. Bà Tư vội vã dẫn má con tôi xuống xuống đi đến nhà bà Mười Một.

Con rạch nhỏ xíu, lá dừa nước cản muốn hết mặt rạch vậy mà bà Tư chèo ghe thật nhanh, dòng nước uốn éo như con rắn đang bò, khoảng nửa giờ sau là đến nhà bà Mười Một. Căn nhà lụp xụp, chung quanh đất khô cằn, không một đám cây hay một bụi cỏ nào cả.

Bà Tư kêu: – Mười Một! Có khách ở tỉnh xuống thăm đây!

Trước mặt tôi là một người đàn bà độ trên 30 tuổi lam lũ, quần áo lên tới đầu gối đang dùng gáo múc nước đổ vào cái lu cạnh bờ mương, chắc giờ này nước ròng nên nước lẫn với sinh đục ngầu, mấy đứa con bà chạy lảng xãng cười giỡn.

Được mời vào nhà bà Tư kể lễ ơn của Tân cứu mạng bà và bà muốn thăng Mười Một giúp bà trả ơn Tân. Bà Mười Một thấy hiền lành, có vẻ ngượng ngùng vì khách lạ, bà nói chuyện rất ít.

Tôi tặng bà mấy gói tôm khô, lạp xưởng, trà, bánh mứt, kẹo. Mấy đứa bé mừng rỡ đứng quanh chờ mẹ phát kẹo bánh. Tôi được biết ông bà Mười Một sắp cưới vợ cho con, đây là một cơ hội tốt mà tôi có thể tặng quà quý.

Trở về nhà bà Tư, hai má con tôi ngủ lại một đêm. Đến khuya thì tôi bắt đầu đau bụng, những cơn ruột quặn thắt làm tôi có cảm tưởng như bị đứt ruột. Đêm hôm tối đen không một ngọn đèn, tôi phải ra ngoài bờ rạch trước nhà nhiều lần, tôi không còn biết sợ bóng ma quỷ nữa mặc dù bà Tư nói với tôi hồi chiều là hồi trước cái rạch này chông chổng nổi lênh bệnh đặc cả mặt rạch.

Ông bà Tư thức dậy đốt đèn lên và pha trà gừng cho tôi uống. Con đau bụng bót dần. Bà Tư nói tôi bị chói nước; còn tôi thì nghĩ khi tới nhà bà, tôi vừa mệt vừa khát nước nên đã uống mấy gáo nước trong cái lu bà để trước nhà. Tí lo lắng quanh tôi, hỏi má có sao không? để con bóp đầu cho má. Nhìn con mà tôi ứa nước mắt. Tôi nghiệp nó còn quá bé nhỏ mà phải sống cơ cực, không biết tương lai của nó sẽ đi về đâu.

Sáng hôm sau má con tôi dậy sớm, già từ ông bà Tư để đón xe trở về nhà, tôi vẫn còn đau bụng và người rất yếu vì bị mất nước. Chuyến xe dò từ Hựu Thành nặng nề, chậm chạp ngừng lại, hành khách đầy xe, trên mũi thì chất đầy hành lý. Các bánh bắp cải, các buồng dưa tươi, gà vịt, heo kê eng éc. Anh lơ xe cho biết chỉ chờ được một người. Tôi không biết phải tính sao, lòng bấn loạn vì ở lại thì không có thuốc uống. Vả lại ngày mai chưa chắc xe có chỗ; mà đi bộ thì làm sao đi nổi. Sau cùng anh lơ xe đề nghị cho thằng bé lên mũi xe ngồi! Anh trấn an:

– Không sao đâu chị, có mấy người lớn ngồi trên mũi sẽ giúp cho cháu.

Cái hình ảnh thằng Tí ngồi trên mũi xe cao ngất hàng hóa đã ám ảnh suốt cuộc đời tôi, nếu Tí té xuống? ...

Chuyến xe ị ạch rồi cũng chạy tới Trà Ôn. Hai má con tôi mừng quá dắt nhau đi mua thuốc uống để cầm đau bụng, may mắn là bà bán nước ngọt, cà phê cho tôi nằm tạm trên cái ghé bố của bà vài tiếng cho đỡ mệt. Sau đó hai má con tôi mướn xe lôi chạy về Cần Thơ.

Ba tháng sau tôi trở lại nhà bà Mười Một để dự đám cưới. Đám cưới ở trong ruộng thật là đơn giản, sau khi làm lễ đón dâu, mọi người ăn uống rộn ràng. Phần chánh là uống rượu đế, rượu này cất bằng nếp than, các ông uống rượu cả tin, cả hũ chớ không phải tính bằng chai, uống đến say mướt rồi quần áo ồng vụn nhảy lên bàn ca múa nghêu ngao. Mãi đến hai giờ sáng rồi lại xúm nhau đốt đuốc đi dọc theo bờ đê người đánh trống, kẻ gõ thùng thiếc vang động cả một vùng.

Đàn bà thì sau khi dọn dẹp, mọi người lên nằm sắp lớp trên bộ ván gỗ như cá mèi trong hộp. Tôi nằm cạnh bên Tí, lòng hồi hộp lo ngại không biết mình có bị phạm tội không vì hồi chiều này tôi đã đưa gói quà tặng chú rể, gói quà mà tôi đã cẩn thận gói kín

và để nó vào một cái hộp thật lớn để không ai đoán được là gì. Một chút sau đó thì chị công an (cũng đi dự đám cưới) hỏi tôi:

– Chị cho cái gì? - Phải cho vàng không? .

Tôi nói: – Tiền không có thì làm sao có vàng mà cho?

– Vậy thì chị cho cái gì?

– Tôi có một cây viết máy cắm trong một cái bình, tôi không xài nên gói đem cho.

Chị công an làm thình đôi mắt cú vọ vẫn còn ngờ vực.

Thoát nạn chị công an này thì tôi lại sợ, nếu bà Mười Một không nhận quà mà nói mình hối lộ thì sao? phen này chắc má con tôi bị tội nặng vì tôi vẫn nghe máy phóng loa nói Cộng sản không bao giờ lấy cây kim, sợi chỉ của nhân dân. Tôi tự bào chữa: "nhưng đây là quà cưới mà".

Khoảng mười giờ đêm bà Mười Một vén mùng bỏ vô nằm kể bên tôi, tim tôi ngừng đập! Tôi chờ bà kết tội thì bà Mười Một nhẹ nhàng nói:

– Ngày mai thiêm về đem vài lít nếp về cho mấy cháu ăn.

Tôi nói: – Dạ

Bà Mười Một đã nhận quà! lòng mừng khắp khởi, tôi trông cho trời mau sáng.

Sáng sớm, mọi người đã thức dậy để chuẩn bị đi về tỉnh.

Ông Mười Một nói với tôi :

- Thiêm đi theo xe tôi để rước chú về.

"Ôi trời Phật đã thương con!". Tôi tưởng chừng tôi đang ở giữa lưng trời, bập bênh trôi theo đám mây xanh.

Ngày hôm ấy tôi đón Tân ở cổng trại suốt ngày mà chẳng thấy tăm hơi bóng dáng của chồng mình. Thất vọng nào nê, từ lời hứa này đến lời hứa khác đều là giả dối.

Nhưng ba tháng sau thì Tân được thả về, gia đình chúng tôi đã đoàn tụ. Chúng tôi đã vượt biển để tìm tự do và sống hạnh phúc trong cái quê hương thứ hai này.

Con đường lộ đá đi Thuận Thới không bao giờ mờ phai trong tâm trí tôi, đường đi có gian nan song tình thương yêu đã giúp cho tôi vượt qua các nỗi khó khăn để tìm lại cái hạnh phúc tuyệt vời mà Trời Phật và Ông Trên đã ban phước cho chúng tôi.

GẤM NGUYỄN

Mùa Thu Boston - Nov. 12/2016



DIỄM PHƯỢNG

(Thi Văn VỀ NGUỒN - Tây Đô)

CHÚA NHẬT NÀY TRĂM NHỚ ÁI KHANH KHÔNG ?

Vợ chồng Lãng vừa bước vào phòng tiếp tân của tiệc cưới chưa kịp định hướng để tìm một lối vào thì đột nhiên có tiếng reo mừng phía sau làm anh giật mình:

– A, Lãng... tử, vào đây, bọn mình đang chờ vợ chồng bạn đó.

Quay lại Lãng cũng thốt lên kinh ngạc:

– Quang... cận và...

Người đàn ông trung niên với thân hình phốp pháp tươi cười chính là Quang - bạn học một thời với nhau.

– Đây là bà xã mình. Chắc cậu còn nhớ cô nàng Hương Quỳnh tóc thề với chiếc nón bài thơ chứ?

Lãng nheo mắt tinh nghịch:

– Hương Quỳnh của cậu thì cậu nhớ chứ mắc gì mình phải nhớ? Phải không chị?

Người phụ nữ sang trọng trong chiếc áo dài kim tuyến đính những đóa hoa li ti sắc sảo, cười rạng rỡ:

– Anh Lãng vẫn còn "têu" như xưa.

Rồi nhìn sang người đàn bà đứng cạnh Lãng, Hương Quỳnh hỏi:

– Có phải "phu nhân" của anh không? Sao còn chưa chịu giới thiệu cho tụi này biết? Định "bí mật" hả?

Lãng choàng tay ôm bờ vai vợ đẩy nhẹ ra phía trước một chút, anh liến thoắng:

– Đã 2 cháu rồi còn gì để mà bí mật nữa, chắc chị không biết Bảo Châu đâu?

Quang đẩy chiếc kính cận trên sống mũi chột thốt:

– Bảo Châu... con gái tiệm vàng Châu Ngọc ở cạnh rạp hát mà bọn mình thường đóng đồ đó hả?

Lãng cười cười:

– Đùng, anh vẫn còn trí nhớ không tệ!

– Thì đã bảo... Quang điện tử mà lị!

Đứng cạnh chồng từ nãy giờ Bảo Châu cũng cảm thấy vui lây với Lãng trong cuộc gặp gỡ bất ngờ của những người bạn cũ chung trường chung lớp ngày xưa.

Vợ chồng Quân - chủ hôn dang gái - đi đến vui vẻ bắt tay từng người:

– Máy anh mấy chị chịu khó đến dự đông đủ làm cho vợ chồng mình cảm động. Thôi... mời vào bàn này, tất cả đều không xa lạ... toàn là bạn cũ tình xưa.

Cánh đàn ông thì đứng lên bắt tay nhau nói cười rôm rả, còn phía phụ nữ xã giao bằng những cái gật đầu và nụ cười dịu dàng thân thiện. Lúc Lãng kéo ghế cho Bảo Châu ngồi, anh chột chú ý đến đôi mắt nhìn có vẻ quen thuộc của người đàn bà đối diện. Một thoáng kỷ niệm xa xăm như quay cuồng trong đầu, Lãng muốn kêu lên thật lớn nhưng anh đã kịp ghim lại, kín đáo buông nhẹ một tiếng thờ dài. Hương Quỳnh đột ngột hỏi Lãng:

– Nhận ra người quen chưa anh Lãng?

Ánh mắt đưa thẳng về người phụ nữ ngồi đối diện của vợ Quang làm Lãng bối rối, anh cười lẩm cẩm:

– Không ngờ ông bà Quân sắp xếp cuộc hội ngộ cho chúng ta thật khéo léo như vậy.

Quang cận thúc nhẹ vợ:

– Em kỳ quá, ở đây thì toàn là bạn cũ, ai lại chẳng quen phải không Lãng tử?

Hương Quỳnh không chịu thua, đá giò lái qua Bảo Châu:

– Để tình cũ nghĩa xưa không sút mẻ, xin chị Châu già đó làm ngơ cho bọn tôi đấu hót thoải mái nghe?

Bảo Châu cười hiền lành:

– Điều đó xin các anh chị tự nhiên.

Từ nãy giờ im tiếng, một cặp ngòai cạnh Lãng phía tay mặt – Hùng – hồi xưa có biệt danh là Thầy đồ bật cười góp ý:

– Theo tôi chúng ta đâu còn ở lứa tuổi e ấp nữa mà "lòng trong như đã mặt ngoài còn e..." phải không? Người nào cũng xấp xỉ 50 đến 60 rồi, xuống hố gần kề tội gì không nói tuốt tuột...

Thiên Hương – vợ Hùng – nguýt chồng một cái thật dài:

– Nghĩ như anh là sai. Chính ở cái tuổi gần kề xuống lỗ chúng ta mới phải giữ mồm giữ miệng sao cho đám con cháu không chê cười đó chứ, phải không anh Lãng?

Lãng chưa kịp nói gì thì Quang đã hốt trước:

– Chị Hương với anh Hùng khắc khẩu từ hồi đó đến bây giờ tôi thấy không có gì thay đổi, nhưng nhìn bề ngoài thì hai ông bà thật đậm ấm hạnh phúc không ai bằng.

Hùng nhún vai:

– Một câu nhin chín câu lành đó ông bạn.

Mọi người bật cười trước thái độ làm ra vẻ "đau khổ" vì bị vợ lấn lướt của Hùng. Quân xin phép rời bàn để bước lên sân khấu ra mắt hai họ khi người điều khiển chương trình gọi mời. Cô dâu chú rể xúng xính trong bộ lễ phục trước những ống kính của mấy tay phóng nháy lúc nào cũng chia vào họ, những bóng flash loé sáng lia lịa, vầng hào quang toả sáng một vùng thật rực rỡ làm tôn vinh thêm cho ngày hạnh phúc trọng đại của một đời người. Lãng thần thờ hướng nhẹ ánh mắt qua người phụ nữ đối diện, anh đã cảm thấy ngỡ ngờ từ lúc đầu, chính là em đó, phải không Phượng Vũ? Thời gian qua hơn 30 năm rồi, xa tít tắp một thời đầy những mộng mơ mà giờ đây kỷ niệm chỉ còn lại trong anh một hình ảnh khó phai mờ?!

--- Một nhóm bạn trẻ chơi thân với nhau thường tổ chức những buổi sinh hoạt lớp để làm báo chí trường, hoặc tập dượt văn nghệ để tham gia trình diễn trong những dịp Lễ Tết. Lãng có dáng dấp của nghệ sĩ, tính tình vui vẻ là lướt nên được các bạn trong lớp gọi đùa là: chàng lãng tử. Kêu riết trở thành một biệt danh và chính anh cũng đã chấp nhận không một chút phản kháng. Một lần lớp Lãng tập vở kịch thơ HUYỀN TRẦN CÔNG CHÚA để ra mắt thầy cô trong dịp phát thưởng kết thúc niên học của đệ nhị cấp, tìm hoài không có ai chịu đóng vai công chúa bị

công hồ nên bắt buộc lớp Lãng phải cầu viện lớp bạn. Phượng Vũ là trưởng ban văn nghệ lớp láng giềng đành hy sinh nhận vai Huyền Trân. Hai lớp bắt tay liên danh làm một màn kịch thật nổi tiếng, toàn trường ai cũng hoan nghinh vì vở diễn quá xuất sắc. Lãng đóng vai Chế Mân - ông vua nước Chiêm thật đa tình lãng mạn bên một Huyền Trân sắc nước hương trời. Trong vở kịch thì công chúa có tình ý với Thượng tướng Trần Khắc Chung, nhưng khi cánh màn sân khấu khép lại, Huyền Trân không ngó ngang gì đến Thượng tướng hết, chỉ khắng khít bên ông vua họ Chế mới chết nổi. Thật ra hai người từ Lãng đến Phượng Vũ, chẳng ai thổ lộ với nhau điều gì hết, nhưng có lẽ các bạn trong nhóm tình ý đoán ngầm vậy thôi. Một lần sau phần tập duyệt văn nghệ, nhóm ngồi lại bàn chuyện thơ thần với nhau, Quang cận đề nghị ai thích câu thơ nào thì đọc lên cho các bạn nghe chơi. Lúc đó Thiên Hương xung phong đọc trước:

– *Hôm nay trời nhẹ lên cao*

Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn.

Quang cận đá giò cho Hùng thúc Thầy đồ lên tiếng, ngày đó Hùng rất ít nói, thái độ thâm trầm lặng lẽ của anh làm cho các bạn trong nhóm gọi đùa Hùng là Thầy đồ nhỏ, bởi vì anh quá hiền lành và đôi lúc tấn mần tí mỉ trông giống như một ông đồ.

Hùng đưa tay gãi đầu một lúc lâu mới chọn được câu thơ ưng ý:

– *Em cứ hẹn... nhưng em đừng đến nhé...*

Mọi người cười ré lên, Hùng đỏ mặt chống chế:

– Minh không nhớ nhiều thơ đâu.

Phượng Vũ lơ đãng nhìn ra ngoài khung cửa sổ, chòm phượng hồng đang đua trước gió gọi nổi buồn trong mùa hè ly biệt. Không hiểu lúc đó đầu óc nàng đang nghĩ chuyện đâu đâu, hay là chỉ nhớ mãi đến ông vua họ Chế trong vở kịch đang tập duyệt mà tự dung Phượng Vũ thốt lên một câu thơ của Nhất Tuấn:

– *Chúa nhật này trăm nhớ ái khanh không ?*

Đọc xong Phượng Vũ cúi đầu bên lên, mọi người đưa mắt nhìn Lãng chúm chím cười. Quang thúc giục:

– Đến cậu đi Lãng...từ!

Không suy nghĩ lâu, Lãng cất giọng ngâm hai câu thơ trong bài Chung Nhau của Vũ Thành:

– ... *Một mai em chết anh xin chết*

Hai đứa chung nằm một áo quan.

Hương Quỳnh kêu lên thảng thốt:

– Ông Lãng... tử này ghê quá, khi không đưa cái chết vô đây làm người ta cụt hứng.

Mặc cho sự phản đối của các bạn, Lãng say sưa ngâm tiếp một đoạn thơ tình của Xuân Diệu:

– *Làm sao định nghĩa được tình yêu*

Có nghĩa gì đâu một buổi chiều

Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt

Bằng mây nhẹ nhẹ gió hiu hiu...

Chương trình đọc những câu thơ hay được ưa thích đã bị Lãng phá ngang, anh ngồi đó mà ngâm nga những dòng thơ tình chọt nhớ một cách tự nhiên như không còn biết có ai hiện diện và cũng không cần ai biết đến mình. Lãng là thế đấy, anh thường có những lúc bốc đồng và máu nghệ sĩ bất chợt không dừng được ở anh.

– Anh Lãng đang muốn đóng trở lại vai ông vua nước Chiêm hay sao mà ngồi chết sững trước một Huyền Trân vậy?

Hương Quỳnh lên tiếng kéo Lãng trở về hiện tại. Anh chọt thấy nụ cười thật buồn của người phụ nữ ngồi đối diện.

– Huyền Trân đã bị đưa lên giàn hoả về với cát bụi rồi Bệ hạ ơi!

Giọng nói của nàng cũng không khác xưa mấy, lúc Phụng Vũ trong vai Huyền Trân đã gọi Chế Mân: *Bệ hạ ơi!* thật là thương yêu kỳ lạ làm cho Lãng nhớ hoài không thôi.

– Phụng Vũ ! Không ngờ... gặp lại Vũ ở đây, thời gian qua mau thật.

– Hơn 30 năm rồi còn gì...

Lãng lầm bầm: - Phải, hơn 30 năm rồi...

– Ngày đó tin Lãng mất tích làm cho tất cả bạn bè đều lo. Sự may mắn nào đã đưa anh trở về?

– Chúng tôi bị lạc trong rừng và chúng nó bao vây truy lùng nên đã mất liên lạc với bộ chỉ huy. Sau 10 ngày đêm lẫn quân chưa tìm được lối ra thì bị lọt vào ổ phục kích, chúng bắt làm tù binh mãi đến khi ký Hiệp định Paris 28 tháng Giêng 73, có

chương trình trao đổi tù binh tôi mới được trở về. Tất cả đều thay đổi...

Ngừng một chút như ngẫm ngợi điều gì, Lãng buông nhẹ tiếng thở dài:

– Và hiện tại chúng ta cũng khác xưa nhiều quá!

Quang băng gắt:

– Cứ nói huỵch toẹt ra là chúng ta đã già, sợ sao không dám nói?

Thiên Hương "độp chát" thẳng thừng:

- Anh Quang đừng đem "chúng ta" vô chung, tui tui là đàn bà "kị" nghe tiếng "già" lắm à nghen!

Hương Quỳnh chúm chím cười:

– Coi bộ vợ chồng chị hạnh phúc quá nên sợ ngày "chia tay".

Thiên Hương cũng không vừa:

– Chúng tôi còn "hẹn" nhau ở kiếp sau gặp lại nữa mà lo gì, phải không anh?

Quang bật cười châm chọc:

– Có dám kiếp sau nữa không anh Hùng?

Hùng phớt tỉnh:

– Thì đã bảo: *Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé*, mà lị!

Tiếng cười của mọi người bật lên rộn rã. Lãng không ngờ đã hơn 30 năm rồi mà Hùng vẫn còn nhớ như thuộc lòng câu thơ đó? Phượng Vũ ơi câu thơ của Nhất Tuấn em có còn muốn hỏi nữa không? Một câu hỏi chẳng có lời đáp bởi vì giọng đời nghiệt ngã đã chia lới hai người, mãi mãi chỉ còn là kỷ niệm của một thời tuổi trẻ mộng mơ.

Mùa hè năm đó trừ Quân thi vào đại học Sư phạm, còn tất cả Quang, Hùng và Lãng thì xếp áo thư sinh bước vào đời quân ngũ. Thời gian đầu Phượng Vũ vẫn liên lạc thư từ thăm hỏi anh, sau chiến cuộc lan tràn tạo thêm khoảng cách ngày một xa hơn, cho đến hôm tin từ chiến trận báo về Lãng và đoàn quân của anh đã mất tích. Tình yêu chưa một lần trao gởi, nỗi đau âm thầm càng cay đắng xót xa hơn. Phượng Vũ héo hon chờ đợi mang chút hy vọng người về từ cõi chết, nhưng có lẽ định mệnh đã an bài số phận hai người vĩnh viễn phải mất nhau, cho nên sau 5 năm tin vẫn bật tin, nàng đành gạt lệ vâng lệnh song thân thành hôn với

Phong, cũng là một chiến sĩ ngoài tuyến đầu. Cuộc sống lứa đôi không có tình yêu mà chỉ là trách nhiệm, Phượng Vũ khép kín mọi vui buồn của đời con gái sống với chồng thật lặng lẽ cô đơn. Phong có lẽ cũng hiểu được trong tình cảm của Phượng Vũ, anh chỉ là người đến sau. Nhưng bản tính ít nói cộng với lòng cao thượng hiếm có ở người đàn ông, Phong vẫn âm thầm vun đắp cuộc sống lứa đôi làm sao để cho nàng không cảm thấy mặc cảm tủi buồn. Đâu phải gỗ đá vô tri mà Phượng Vũ lại không thấy được sự chịu đựng đến tột nghiệp của Phong, nàng cũng đã cố gắng không để lộ cho chồng biết được nỗi lòng vọng tưởng cố nhân của mình, sợ gây tổn thương tự ái người đàn ông điều không thể tha thứ.

Trận chiến càng ngày càng ác liệt, Phong luôn đôi đầu với cái chết. Sự đoàn của anh bị đặt vào một tình thế rất cam go giữa hai gọng kềm của địch, mà đơn vị của anh lại chốt giữ ở tuyến đầu. Lo sợ cho tính mạng của Phượng Vũ nếu quân địch tấn công cùng một lúc. Phong cầu viện về bộ chỉ huy xin trực thăng chuyên thương bệnh binh cùng một số tài liệu mật, dịp này sẽ gởi nàng trở về thành phố trong chuyến bay đó. Trước một tuần Phượng Vũ đoán biết được sự sắp xếp của Phong, nàng đã cương quyết nói với anh:

– Em không về thành phố đâu, sống chết gì chúng ta có nhau.

Phong lạnh lùng:

– Anh đã tính cho em rồi, càng lúc trận chiến càng ác liệt, không thể để em ở lại đây được.

Phượng Vũ ôm chầm lấy Phong, nghẹn ngào:

– Về thành phố em cũng chỉ có một mình thôi, thà ở đây còn có anh.

Phong buồn bã nhìn vào đôi mắt nàng:

– Em còn trẻ đẹp, còn cả một quãng đời rất dài, anh nhất định rồi, em phải về thành phố trong chuyến bay đó!

Phượng Vũ bật khóc quy xuống dưới chân của Phong:

– Tha thứ cho em, anh Phong ơi! Em quả thật không xứng đáng với tình yêu của anh... Em có tội vì em không thể làm chủ được trái tim mình.

Phong cúi xuống đỡ Phượng Vũ đứng lên, anh ôm nàng trong vòng tay với tất cả nỗi say đắm của một người chồng:

– Không, anh không trách gì em hết... Có lẽ vợ chồng mình chỉ có duyên với nhau chứ không có tình, phải không em?

Nỗi xót xa dày vò trong lòng thật vô cùng đau đớn, Phượng Vũ kêu lên:

– Ôi ! Anh Phong...

Trong một giây phút lòng ngưỡng mộ tằm tình cao đẹp của Phong dành trọn cho nàng, Phượng Vũ là người trong vòng tay âu yếm của chồng, tất cả đam mê say đắm đưa hai người vào cuộc ái ân bất tận, mặc đất trời nghiêng ngả, mặc súng đạn vô tình... không có gì ngăn cản nỗi sự tuyệt đỉnh của yêu đương. Phong sung sướng ôm ghì lấy thân thể Phượng Vũ, bao năm tháng vợ chồng chỉ có giây phút này nàng mới thật sự cho anh tất cả. Nhưng sao ngắn ngủi quá... hạnh phúc ơi! Giữa lúc chuyển bay về thành phố của Phượng Vũ chưa kịp đáp xuống phi đạo an toàn thì cũng là lúc bộ chỉ huy trung tâm hành quân tiếp nhận được bản tin khẩn cấp: Phong đã ngã gục một cách kiên cường trong đợt tấn công bất ngờ của địch quân, rồi gọi chuyển tiếp cho phi hành đoàn để báo cho nàng biết. Bước xuống máy bay với một thể xác không hồn, Phượng Vũ không biết mình sẽ đi về đâu? Đứng bơ vơ giữa lòng phi đạo, trong sự hỗn loạn của mọi người xung quanh và xen lẫn có cả tiếng gầm rú, ì ầm của súng lớn, súng nhỏ... nàng chợt ao ước phải chi được biến thành cát bụi ngay trong lúc này có lẽ sẽ sung sướng hơn. Nhưng trong vô tình như có bàn tay sắp đặt của định mệnh, Phượng Vũ mơ hồ không biết ai đã xô đẩy nàng bước lên cầu thang của một chiếc máy bay, và thân thể nàng bị nhấc bổng lên ném vào một xó xỉnh giữa những hàng ghế ngồi chật ních người là người. Chuyển bay lại cất cánh... trong sự hỗn loạn đến thật kinh khiếp, Phượng Vũ hốt hoảng hoa mắt như nhìn thấy Phong đang đưa tay ra đón nàng, thân thể anh toàn đầy máu... Sự hãi nàng chợt kêu thét lên rồi ngất lịm đi.

Đến được nước Mỹ cũng nhờ trên chuyến bay đó, nhiều lúc chính Phượng Vũ nghĩ không hiểu có phải do điều linh hiển của Phong đã giúp đem nàng đi hay không? Lẽ nào cả cuộc đời của anh đến lúc chết rồi vẫn phải lo cho nàng đến vậy? *Anh Phong ơi, em sẽ trả ơn cho anh trong kiếp nào đây? Thế gian này có gì đáng*

để lưu luyến mà hẹn hò kiếp sau phải không anh? Nếu một mai chết đi em xin mình sẽ mãi mãi trở thành cát bụi.

Tràng pháo tay nổi lên khi lời giới thiệu của người điều khiển chương trình đưa chú rể và cô dâu ra trình diện trước hai họ cùng quan khách, bạn bè... Vô tình ánh mắt của Lăng và Phượng Vũ trong một thoáng nhìn nhau bối rối, ngậm ngùi...

*Houston, trời mùa Đông thật buồn
12 tháng 01-1997*

DIỄM PHƯỢNG

(Trích giai phẩm PHAN THANH GIẢN & ĐOÀN THỊ ĐIỄM Cần Thơ hè 1997 kỷ niệm 80 năm thành lập trường 1917-1997)

(Trong tập truyện GIỮ LẠI CHO ĐỜI MỘT CHÚT HƯƠNG do NXB ĐẠI HỌC ĐÔNG NAM Hoa Kỳ ấn hành lần thứ I năm 1998)

CHÚC MỪNG



Nhận được TIN VUI

Ông Bà PHẠM VĂN Y (Houston TX) định lễ VU QUY cho Trưởng Nữ

PHẠM THỊ THÙY DUNG

Sánh duyên cùng

LÊ HUY HOÀNG

Thứ Nam của Ông Bà LÊ VĂN NGỒ (Houston - TX)

Hôn lễ cử hành tại Tư gia vào lúc 10 giờ sáng thứ bảy,
ngày 10 tháng 12 năm 2016.

Buổi tiệc chung vui cùng hai gia đình tại Quê Hương restaurant
lúc 6 giờ chiều cùng ngày.

* Thành thật chúc mừng hai họ PHẠM - LÊ
từ nay đã kết mối Thông Gia và có được Rể Thảo - Dâu Hiền.

* Chúc hai cháu THÙY DUNG - HUY HOÀNG suốt cuộc sống bên nhau
mãi mãi gắn bó, yêu thương trong Hạnh Phúc.

Gia đình LÊ TRÍ TÍN

Gia đình LÊ HOÀNG VIỆN

ĐỒNG CHỨC MỪNG - CHÚC MỪNG

VĂN HOÁ VIỆT NAM 75 * 169 * MÙA ĐÔNG 2016

GS LÊ VĂN ĐẶNG

PHẬT NÓI KINH DI ĐÀ

(TAM TẠNG CƯU MA LA THẬP dịch)

佛訥經彌陀

姚秦龜茲三藏鳩摩羅什譯

Phật Nói Kinh Di Đà

Tam-tạng Cưu-Ma-La-Thập dịch

Thứ mục:

- | | | |
|---|-------|--------------------------|
| 0 | 銘經阿彌陀 | Tên Kinh A Di Đà |
| 1 | 源由貼法會 | Nguyên Do của Pháp Hội |
| 2 | 固世界極樂 | Có Thế Giới Cực Lạc |
| 3 | 德佛阿彌陀 | Đức Phật A Di Đà |
| 4 | 念符名號得 | Niệm giữ Danh Hiệu Ngài |
| 5 | 諸佛埒劫方 | Chư Phật Khấp Sáu Phương |
| 6 | 諸佛拱護念 | Chư Phật Cùng Hộ Niệm |
| 7 | 法門實禪信 | Pháp Môn Thật Khó Tin |

0 銘經阿彌陀 Tên Kinh A Di Đà

- | | |
|-------|---------------------------|
| 佛訥經彌陀 | Phật nói Kinh Di Đà |
| 得三藏羅什 | Ngài Tam-tạng La-Thập |
| 馱裕處龜茲 | Người gốc xứ Quy-từ |
| 譯訖菴姚秦 | Dịch vào đời Diêu-Tần |
| 輔罕曩零仨 | Năm bốn trăm lẻ hai (402) |

1 源由貼法會 Nguyên Do của Pháp Hội

- | | |
|-------------------------|-------|
| Như vậy, tôi có nghe | 如丕碎固聃 |
| Một thuở nợ Đức Phật | 沒課奴德佛 |
| Trú nơi vườn Kỳ-Thọ | 住尼園祇樹 |
| Cấp-Cô-Độc Xá-Vệ | 給孤獨舍衛 |
| Cùng với đại Tỳ-kheo | 拱貝大比丘 |
| Ngàn hai trăm năm mươi | 貳仟曩龔邈 |
| Đều là A-La-Hán | 調羅阿羅漢 |
| Chúng chúng hay biết cả | 眾眾能別奇 |
| Trưởng lão Xá-Lợi-Phất | 長老舍利弗 |
| Ma-ha Muc-Kiền-Liên | 摩訶目犍連 |

Ngài Ma-ha Ca-Diếp	得摩訶迦葉
Ma-ha Ca-Chiên-Diên	摩訶迦旃延
Ma-ha Câu-Hy-La	摩訶拘絺羅
Tỳ-kheo Ly-Bà-Đa	比丘離婆多
Châu-Lợi-Bàn-Đà-Già	周利槃陀伽
Nan-Đà, A-Nan-Đà	難陀阿難陀
La-Hán La-Hầu-La,	羅漢羅睺羅
Ngài Kiều-Phạm-Ba-Đề	得憍梵波提
Đầu-Lư-Phả-La-Đọa ²	頭盧頗羅墮
Ngài Ca-Lưu-Đà-Di	得迦留陀夷
Ma-ha Kiếp-Tân-Na	摩訶劫賓那
La-Hán Bạc-Câu-La	羅漢薄俱羅
Ngài A-Nậu-Lâu-Đà	得阿耨樓駄
Những đại đệ tử khác	仍大弟子恪
Chư Bồ-tát Ma-ha	諸菩薩摩訶
Gồm Văn-Thù-Sư-Lợi	謙文殊師利
Tôn xưng Pháp-Vương-Tử	尊稱法王子
A-Dật-Đa Bồ-tát	阿逸多菩薩
Đà-Ha-Đề Bồ-tát ³	陀訶提菩薩
Thường-Tinh-Tiến Bồ-tát	常精進菩薩
Các Đại Bồ-tát khác	各大菩薩恪
Có vô lượng chư Thiên	固無量諸天
Như Thích-Đề-Hườn-Nhân	如釋提桓因
Cùng đại chúng dự hội	拱大眾豫會

c. 2 賓頭盧頗羅墮 Tân-Đầu-Lư-Phả-La-Đọa

c. 3 乾陀訶提菩薩 Càn-Đà-Ha-Đề Bồ-tát

2 固世界極樂 Có Thế Giới Cực Lạc

Bấy giờ Đức Phật bảo	閉曇德佛喼
Trường lão Xá-Lợi-Phất	長老舍利弗
Từ đây qua phương Tây	自底戈方西

Mười muôn ức cõi Phật
 Có thể giới Cực Lạc
 Đức Phật A Di Đà
 Đang giảng pháp cõi đó
 Trưởng lão Xá-Lợi-Phất
 Vì sao gọi Cực lạc
 Bởi chúng sanh nơi đó
 Không có sự khổ não
 Chỉ hưởng toàn vui thú
 Nên gọi cõi Cực Lạc
 Lại nữa Xá-Lợi-Phất
 Nơi cõi Cực Lạc ấy
 Có bảy lớp bao lơn
 Bảy lớp màn lưới báu
 Bảy lớp hàng cây báu
 Đều có bốn món báu
 Bao bọc hết chung quanh
 Nên gọi tên Cực Lạc
 Lại nữa Xá-Lợi-Phất
 Nơi cõi Cực Lạc ấy
 Lại có ao bảy báu
 Đầy nước tám công đức
 Cát vàng trải khắp đáy
 Bực thêm quanh bốn phía
 Do vàng bạc lưu ly
 Cùng pha lê hiệp thành
 Lầu gác ở bên trên
 Đều trang sức nghiêm cẩn
 Bằng vàng bạc lưu ly

遡 閼 億 垓 佛
 固 世 界 極 樂
 德 佛 阿 彌 陀
 當 講 法 界 刹
 長 老 舍 利 弗
 為 牢 嚕 極 樂
 螺 眾 生 尼 刹
 空 固 事 苦 惱
 只 享 全 恆 趣
 祇 嚕 垓 極 樂
 吏 女 舍 利 弗
 尼 垓 極 樂 意
 固 甃 粒 包 欄
 甃 粒 幢 經 寶
 甃 粒 桁 核 寶
 調 固 罽 網 寶
 包 糝 歇 終 垓
 祇 嚕 絡 極 樂
 吏 女 舍 利 弗
 尼 垓 極 樂 意
 吏 固 洵 甃 寶
 甃 諾 甃 功 德
 培 鑽 扯 坩 底
 堀 塉 垓 罽 瀆
 由 鑽 鉑 琉 璃
 拱 玻 瓊 合 成
 樓 格 於 邊 連
 調 裝 飭 嚴 謹
 朋 鑽 鉑 琉 璃

Cùng pha lê xa cừ	拱 頗 梨 車 磔
Xích châu và mã não	赤 珠 吧 馬 瑙
Trong ao có hoa sen	納 洶 固 花 蓮
To lớn bằng bánh xe	轟 轟 朋 輶 車
Màu xanh ánh sáng xanh	牟 青 曄 鬲 青
Màu vàng ánh sáng vàng	牟 黃 曄 鬲 黃
Màu đỏ ánh sáng đỏ	牟 赭 曄 鬲 赭
Màu trắng ánh sáng trắng	牟 臬 曄 鬲 臬
Màu nhiệm thơm trong lành	牟 任 養 龔 鑾
Trưởng lão Xá-Lợi-Phất	長 老 舍 利 弗
Cõi Cực Lạc thành tựu	堦 極 樂 成 就
Công đức trang nghiêm ấy	功 德 莊 嚴 意
Lại nữa Xá-Lợi-Phất	吏 女 舍 利 弗
Nơi cõi Phật Di Đà	尼 堦 佛 彌 陀
Thường thường trở nhạc trời	常 常 嘖 樂 歪
Vàng ròng trải phủ đất	鑛 泐 扯 拊 坦
Ngày đêm trợn sáu buổi	哱 哱 鋤 欬 暎
Mưa hoa mạn-đà-la	霏 華 曼 陀 羅
Vào lúc hừng sáng sớm	飢 昞 烘 焜 爨
Chúng sanh cõi Cực Lạc	眾 生 堦 極 樂
Dùng vật áo sấp hoa	拥 蓑 襖 插 華
Mạn-đà-la huyền diệu	曼 陀 羅 玄 妙
Đem dâng cúng chư Phật	执 壺 拱 諸 佛
Mười muôn ức các phương	遡 閱 億 各 方
Đến giờ ăn kịp về	玃 睺 啞 及 術
Ăn cơm xong kinh hành	啞 鉗 衝 經 行
Trưởng lão Xá-Lợi-Phất	長 老 舍 利 弗
Cõi Cực Lạc thành tựu	堦 極 樂 成 就
Công đức trang nghiêm ấy	功 德 莊 嚴 意

Lại nữa Xá-Lợi-Phất
 Cõi Cực Lạc thường có
 Chim màu sắc lẫn lộn
 Như bạch hạc khổng-tước
 Anh-võ và xá-lợi
 Với ca-lăng-tần-già
 Cùng giống chim cọng-mạng
 Ngày đêm trợn sáu buổi
 Chim kêu tiếng hòa nhã
 Tiếng chim diễn nói pháp
 Như Ngũ căn Ngũ lực
 Cùng Thất bồ đề phần
 Hay Bát thánh đạo phần
 Và các pháp như vậy
 Chúng sanh cõi Cực Lạc
 Nghe xong tiếng chim hát
 Thấy thấy đều niệm Phật
 Niệm Pháp và niệm Tăng
 Trưởng lão Xá-Lợi-Phất
 Ông chớ nên nghĩ rằng
 Những giống chim nói đó
 Do tội báo sanh ra
 Sao lại nói như vậy
 Bởi cõi Phật Di Đà
 Đâu có ba đường dữ
 Trưởng lão Xá-Lợi-Phất
 Nơi cõi Cực Lạc ấy
 Ác đạo không nghe nói
 Huống chi là có thiệt
 Nhũna qiǒna chim la đó

吏女舍利弗
 墜極樂常固
 點牟色吝倫
 如白鶴孔雀
 鸚鵡吧舍利
 貝迦陵頻伽
 拱種點共命
 睇睇鋤擘
 點叫喙和雅
 喙點演吶法
 如五根五力
 拱七菩提分
 能八聖道分
 吧各法如丕
 眾生墜極樂
 暄衝喙點唵
 汰汰調念佛
 念法吧念僧
 長老舍利弗
 翁湧鍼擬浪
 仍種點吶妬
 由罪報生畚
 牢吏吶如丕
 黜墜佛彌陀
 兜固阨塘與
 長老舍利弗
 尼墜極樂意
 惡道空暄吶
 況之羅固實
 仍種點邏妬

Do Đức Phật Di Đà
 Biến hoá để thuyên lưu
 Các diệu pháp ấy thôi
 Trưởng lão Xá-Lợi-Phất
 Nơi cõi Phật Di Đà
 Gió nhẹ long lay động
 Các hàng cây mảnh lưới
 Phát âm thanh vi diệu
 Như trăm ngàn nhạc khí
 Đang hòa hợp diễn tấu
 Ai nghe âm thanh đó
 Đều sanh lòng niệm Phật
 Niệm Pháp và niệm Tăng
 Trưởng lão Xá-Lợi-Phất
 Cõi Cực Lạc⁴ thành tựu
 Công đức trang nghiêm ấy

由德佛彌陀
 變化底宣流
 各妙法意催
 長老舍利弗
 尼埃佛彌陀
 臆輒捺揀動
 各桁核幘經
 發音聲微妙
 如羃蔚樂器
 當和合演湊
 埃聒音聲妬
 調生悉念佛
 念法吧念僧
 長老舍利弗
 埃極樂成就
 功德莊嚴意

c.4 埃極樂, 汚塞極 cõi Cực Lạc Miền Rất Vui (大彌陀經演音 Đại Di Đà Kinh diễn Âm, tr. 2a)

3 德佛阿彌陀 Đức Phật A Di Đà

Trưởng lão Xá-Lợi-Phất
 Ý của ông thế nào
 Vì sao Đức Phật đó
 Có hiệu A Di Đà
 Trưởng lão Xá-Lợi-Phất
 Hào quang của Đức Phật
 Chiếu sáng chói vô lượng
 Soi thấu cõi mười phương
 Mà không bị chướng ngại
 Nên gọi A Di Đà
 Trưởng lão Xá-Lợi-Phất

長老舍利弗
 意貼翁世市
 為牢德佛妬
 固號阿彌陀
 長老舍利弗
 號光貼德佛
 照燭炆無量
 燭透埃邁方
 麻空備障礙
 輒噲阿彌陀
 長老舍利弗

Đức Phật và nhơn dân
 Sống vô lượng vô biên
 Tới a-tăng-kỳ kiếp
 Nên gọi A Di Đà
 Trưởng lão Xá-Lợi-Phất
 Đức Phật A Di Đà
 Từ thành Phật đến nay
 Tính đã được mười kiếp
 Lại nữa Xá-Lợi-Phất
 Đức Phật A Di Đà
 Có vô lượng vô biên
 Các Thanh Văn đệ tử
 Đều là A-La-Hán
 Không thể tính đếm được
 Số Bồ-tát cũng vậy
 Trưởng lão Xá-Lợi-Phất
 Cõi Cực Lạc thành tựu
 Công đức trang nghiêm ấy

德佛吧人民
 甦無量無邊
 細阿僧祇劫
 輒嚕阿彌陀
 長老舍利弗
 德佛阿彌陀
 自成佛細曆
 并包特邇刮
 吏女舍利弗
 德佛阿彌陀
 固無量無邊
 各聲聞弟子
 調羅阿羅漢
 空体并點特
 数菩薩拱丕
 長老舍利弗
 堦極樂成就
 功德莊嚴意

4 念符名號得 Niệm giữ Danh Hiệu Ngài

Lại nữa Xá-Lợi-Phất
 Vãng sanh về Cực Lạc
 Đều A-bệ-bạt-trí
 Trong đó có nhiều vị
 Được Nhứt sanh bổ xứ
 Các vị đó rất nhiều
 Không thể tính đếm được
 Chỉ có thể phỏng đoán
 Là vô lượng vô biên
 A-tăng-kỳ mà thôi
 Trưởng lão Xá-Lợi-Phất

吏女舍利弗
 往生術極樂
 調阿鞞跋致
 勲妬固剋位
 特一生補處
 各位妬璉剋
 空体并點特
 只固体仿斷
 羅無量無邊
 阿僧祇麻催
 長老舍利弗

Chúng sanh nào nghe được
Nhưng điều kể trên đây
Nên phát nguyện cầu sanh
Về cõi Phật Di Đà
Sao lại nói như vậy
Vi sẽ được tុ hộ
Cùng các bực Thượng thiện
Nơi chỗ Cực Lạc ấy
Trưởng lão Xá-Lợi-Phát
Không thể vì chút ít
Thiện căn và phước đức
Nhân duyên mà được sanh
Về cõi Phật đó đâu
Trưởng lão Xá-Lợi-Phát
Nếu có thiện nam tử
Hoặc thiện nữ nhơn nào
Nghe nói đến Đức Phật
Rồi niệm giữ danh hiệu
A Di Đà của Ngài
Một ngày hoặc hai ngày
Ba ngày hoặc bốn ngày
Năm ngày hoặc sáu ngày
Hoặc giữ tới bảy ngày
Một lòng không tán loạn
Người ấy lúc lâm chung
Được đức Phật Di Đà
Cùng với chư Thánh Chúng
Hiện thân ngay trước mặt
Người đó trước khi chết

眾生市賄特
仍調計連底
械發願求生
術墀佛彌陀
牢吏訥如丕
為仕特聚會
拱各偈上善
坭埵極樂意
長老舍利弗
空體為𪛗𪛗
善根吧福德
因緣麻特生
術墀佛妬兜
長老舍利弗
裊固善男子
或善女人市
賄訥𪛗德佛
未念符名號
阿彌陀貼得
没𪛗或𪛗𪛗
𪛗𪛗或眾𪛗
𪛗𪛗或𪛗𪛗
或符細𪛗𪛗
没悉空散亂
𪛗意𪛗臨終
特德佛彌陀
拱貝諸聖眾
現身証略𪛗
𪛗妬略欺𪛗

Tâm thần chẳng ngã nghiêng
 Ất được vãng sanh về
 Cõi Phật A Di Đà
 Trưởng lão Xá-Lợi-Phất
 Ta thấy sự lợi ích
 Nên nói những lời này
 Nếu chúng sanh nghe giảng
 Nên phải phát nguyện ngay
 Sanh về cõi Cực Lạc

心神極我迎
 乙特往生術
 堉佛阿彌陀
 長老舍利弗
 些体事利益
 鍼呐仍喏尼
 裊眾生聵講
 鍼沛發願証
 生術堉極樂

5 諸佛垝方 Chư Phật Khấp Sáu Phương

Trưởng Lão Xá-Lợi-Phất
 Hôm nay ta ngợi khen
 Lợi ích và công đức
 Không thể nghĩ bàn được
 Của đức Phật Di Đà
 Nơi thế giới phương Đông
 Có A Súc Bệ Phật
 Đức Tu Di Tướng Phật
 Đức Đại Tu Di Phật
 Đức Tu Di Quang Phật
 Cùng với Diệu Âm Phật
 Hằng hà sa chư Phật
 Đều ở tại cõi mình
 Hiện tướng lưối dài rộng
 Bao trùm cõi Tam thiên
 Nói lời thành thật này
 Chúng sanh nên tin tưởng
 Cùng là nên xưng tán

長老舍利弗
 曷矚些曠喏
 利益吧功德
 空体議嚙特
 貼德佛彌陀
 坭世界方東
 固阿閔鞞佛
 德須彌相佛
 德大須彌佛
 德須彌光佛
 拱貝妙音佛
 恒河沙諸佛
 調於在堉命
 現相亂躄麤
 包全堉三天
 呐喏誠實尼
 眾生鍼信想
 拱羅鍼稱讚

(mời xem tiếp phần cuối trên VHVN số 76 - mùa Xuân 2017)

GS LÊ VĂN ĐẶNG

PHÂN ƯU



Được tin thân mẫu của bạn Trương Vũ Tuấn là

Cụ Quả Phụ **TRƯƠNG NGỌC VINH**
Khuê danh **VŨ MINH TỰỆ**

sinh ngày 8 tháng 8 năm 1919 tại Hà Nội, Việt Nam.

Đã tạ thế ngày 2 tháng 12 năm 2016,
nhằm ngày 14 tháng 11 năm Bính Thân,

hưởng Đại Thọ 98 tuổi.

Trước sự mất mát lớn lao này, gia đình chúng tôi:

** Thành kính chia buồn cùng Tuấn và tang quyến.*

** Nguyện cầu hương linh Cụ Quả Phụ Trương Ngọc Vinh
sớm tiêu diêu miền cực Lạc.*

Gia đình Đặng Chí Hiếu
Gia đình Phạm Quang Tân

ĐỒNG THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

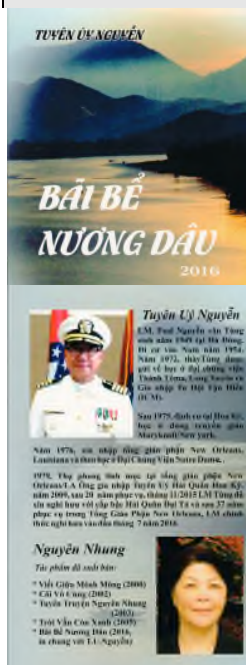
ỦNG HỘ TẠP CHÍ TẠP CHÍ VĂN HOÁ VIỆT NAM số 75 o mùa đông 2016

1180 - Bà Nguyễn Thị Gấm	Watertown MA	\$100.00
1181 - Bà Phan Minh Quang	Oregon OR	\$50.00
1182- Họa Sĩ Trần Thị Hà	Wilmington NA	\$60.00
1183- Ông.Bà Nguyễn Tiến & Trần Tú	Lexis ville TX	\$60.00
1184 - Bà Nguyễn Kim Yến	Houston TX	\$40.00
1185 - Ông Trần Việt	Houston TX	\$20.00
1186 - Ông Võ Văn Hạnh	Largo FL	\$20.00
1187 - GS Phạm Thị Kim Chi	Houston TX	\$20.00

(còn tiếp)

Danh sách quý vị Mạnh Thường Quân ủng hộ tạp chí chúng tôi lần lượt thông báo trên trang này vào số tới. Kính chúc tất cả quý vị cùng gia đình luôn luôn dồi dào sức khỏe, với lòng biết ơn của nhóm thực hiện và BBT.

Trân trọng.



ĐÃ PHÁT HÀNH NGÀY 30-4-2016

BÃI BỂ NƯƠNG DÂU

của hai tác giả
TUYÊN ÚY NGUYỄN
và **NGUYỄN NHUNG**

"Chúng tôi, hai tác giả Tuyên Úy Nguyễn và Nguyễn Nhung đã có cùng một ý định, cuốn sách chỉ là một phương tiện để làm việc bác ái, nên sự đóng góp của quý vị cho tác phẩm, hoàn toàn chỉ dành cho việc từ thiện. Mỗi cuốn sách đến tay quý vị, giúp chúng tôi có nguồn yểm trợ cho những Thương Phế Binh bất hạnh ở quê nhà, những em bé mồ côi bị khuyết tật, và một chút học bổng an ủi những học sinh nghèo đang cần tiền mua sách vở để tiếp tục sự học".

Ấn phí: **20 Mỹ kim**

Email liên lạc:

Tuyên Úy Nguyễn: **Vnguyennhung586@aol.com**
Nguyễn Nhung: **Nguyennhung49@hotmail.com**

**XIN ĐỂ TÔI GIÚP QUÍ VỊ
VỀ CÁC NHU CẦU BẢO HIỂM CỦA QUÍ VỊ**

- * XE CỘ**
- * NHÀ CỬA**
- * NHÂN THỌ**
- * KINH DOANH**

**Các sản phẩm và dịch vụ có phẩm chất...
của một công ty quý vị quen thuộc**

Xin mời quý vị ghé lại văn phòng
hoặc gọi điện thoại cho tôi



Leon VŨ TIÊN LẬP

Agent

**Allstate Insurance
Company**

13120 Veterans Memorial Dr
Houston, TX 77014

Bus: 281-866-0343

Fax: 281-866-0373



Allstate
You're in good hands.

www.allstate.com

Allstate Property and Casualty Company. Allstate Life Insurance Company, Northbrook, Illinois. Allstate County Mutual Insurance Company. Allstate Texas Lloyds Insurance Company, Irving, Texas. ©2000 Allstate Insurance Company.

Tùy thuộc vào mức cung ứng và hội đủ điều kiện mua bảo hiểm.

TRUNG TÂM NHA KHOA
VAN THO DENTAL CENTER



Bác Sĩ Nha Khoa



PETER NGUYỄN VÂN THỌ, D.D.S.

Với sự cộng tác của các Bác Sĩ Nha Khoa

Timothy Nguyễn Văn Thiện, D.D.S.

Lily Chen, D.D.S.

Phòng Nha Khoa được trang bị dụng cụ tối tân với hệ thống bảo vệ nhiễm trùng cho bệnh nhân và nhân viên đúng tiêu chuẩn OSHA và Bộ Y Tế.

NorthWest

12002-B3 Veterans Memorial Dr.
 Houston, Texas 77067

(281) 580-7446

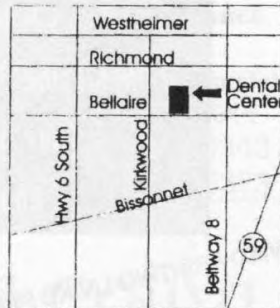
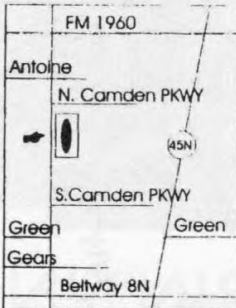
Fax **281-580-7520**
 (Trong khu siêu thị Lê Lai)

SouthWest

11574 Bellaire Blvd
 Houston, TX 77072

(281) 561-7800

Fax **281-561-9978**
 Góc Belle Park & Bellaire



Giờ Làm Việc:

Hai-Sáu: 10AM-6PM
 Thứ Bảy: 10AM-4PM
 Chủ Nhật: Đóng cửa

Nhận: **Bảo Hiểm - Medicaid**
 Để khỏi mất thì giờ xin
 vui lòng lấy hẹn trước

TRUNG TÂM Y KHOA NỘI THƯƠNG

MEMORIAL

PHYSICIANS ASSOCIATES

INTERNAL MEDICINE - INDUSTRIAL MEDICINE - MINOR EMERGENCIES

Southwest

11772 BELLAIRE
HOUSTON, TX 77072
(Trong khu Chợ H.E.B. Pantry)

Tel: 281-530-4900

Northwest

13119 VETERANS MEMORIAL
HOUSTON, TX 77014
(Trong khu Chợ Kroger)

Tel: 281-537-5300

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA CÁC BÁC SĨ CHUYÊN KHOA INTERNAL MEDICINE

PHẠM SỸ TRUNG, M.D., P.A.
PHI NGỌC HOÀNG, M.D., P.A.

Tốt nghiệp Bác Sĩ Y Khoa

Và Nội khoa tại UT Health Science Center - Houston.

CHUYÊN TRỊ CÁC KHOA NỘI THƯƠNG

TIM	GAN
AP HUYET CAO	MAT
TIEU ĐƯƠNG	THAN
PHOI	BAO TỤ
CHOLESTEROL CAO	(ALLERGY) DI ỨNG

Phòng mạch trang bị đầy đủ máy móc tối tân:

Máy điện tâm kế (ECG) - Máy chạy bộ đo tim (Stress Test)

Máy đo nhịp tim (Holter) - Máy chụp quang tuyến (X-ray)

Giờ làm việc: MON - FRI: 8AM - 6PM

SAT: 8AM - 3PM

Nhà: BẢO HIỂM

MEDICARE & MEDICAID



ĐỜI SỐNG THAY ĐỔI.

Tôi có thể giúp bảo hiểm của bạn theo kịp sự thay đổi đó.

Hãy gọi tôi ngày hôm nay để được xem xét miễn phí những chương trình bảo hiểm Allstate có thể bảo vệ bạn.
Bạn mới có một cháu bé? Bạn đã mua một chiếc xe mới?
Bạn đang có một đứa con ở tuổi vị thành niên lái xe trên đường?
Có rất nhiều lý do để bạn cần phải hiện đại hóa chương trình bảo hiểm của bạn. Tôi có thể giúp bạn có được một chương trình bảo hiểm đúng cho bạn.



Cecile Nguyen
(713) 462-1447

9585 Clay Rd., Ste #8
Houston

CecileNguyen@allstate.com



Allstate
You're in good hands.

Auto
House
Life
Retirement

Chương trình bảo hiểm tùy thuộc vào sự sẵn có và tiêu chuẩn của bạn. Công ty Bảo Hiểm Allstate và Công ty Bảo Hiểm Tài Sản và Tai Nạn. Allstate: Northbrook, IL @ 2007 Allstate Insurance Company